VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN, THƯ VIỆN VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TUYỂN TẬP
HIẾN PHÁP MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI
(Tập 2)

HÀ NỘI, 2012

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm mục đích cung cấp tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động của Quốc hội, vào năm 2009, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu Khoa học đã tiến hành biên dịch và xuất bản cuốn sách "***Tuyển tập Hiến pháp của một số nước trên thế giới" – (Tập 1),*** qua đó đã giới thiệu Hiến pháp một số nước trên thế giới gồm Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Cộng hòa Pháp và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Những nỗ lực đó đã nhận được sự đánh giá cao của các đại biểu Quốc hội, các chuyên gia nghiên cứu cũng như nhiều độc giả.

Trong năm 2011, nhu cầu tìm hiểu về hiến pháp các nước càng trở nên cấp thiết hơn nhất là sau khi Đảng và Nhà nước ta đã thông qua chủ trương tiến hành nghiên cứu, sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu Khoa học, Văn phòng Quốc hội đã tiếp tục biên dịch và giới thiệu đến các thành viên của Ban biên tập sửa đổi Hiến pháp năm 1992 một số hiến pháp của các nước.

Để giới thiệu các bản hiến pháp này một cách rộng rãi hơn đến các đại biểu Quốc hội, các nhà nghiên cứu và các độc giả khác, chúng tôi tiếp hành tập hợp những bản Hiến pháp này và in ấn trong cuốn sách: ***"Tuyển tập Hiến pháp của một số nước trên thế giới ".*** Trong tập 2 của tuyển tập này, chúng tôi trận trọng giới thiệu đến các độc giả Hiến pháp của các nước: Ba Lan, Hàn Quốc, Italia và Tây Ban Nha. Đây là những bản hiến pháp của những nước có hệ thống pháp luật phát triển trên thế giới và có nhiều kinh nghiệm hữu ích có thể tham khảo được trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Hiến pháp của nước ta.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách này sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho các độc giả, nhất là đối với các đại biểu Quốc hội. Quá trình biên dịch và biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của các vị đại biểu Quốc hội và các độc giả. Những góp ý quý báu đó sẽ là cơ sở để những tuyển tập tiếp theo hoàn thiện hơn, phục vụ hữu hiệu hơn nhu cầu của các vị đại biểu Quốc hội và các độc giả

TRUNG TÂM THÔNG TIN,
THƯ VIỆN VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chỉ đạo biên soạn:

- **TS. Nguyễn Sĩ Dũng**, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
- **Phan Thị Toàn**, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu Khoa học

Những người tham gia dịch và giới thiệu:

- Hoàng Minh Hiếu (hiệu đính);
- Vũ Đài Phương;
- Nguyễn Duy Tiến;
- Trần Thị Trinh;
- Trần Thị Ninh;
- Nguyễn Thị Hải Hà;
- Nguyễn Minh Hiền;

-

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....I

HIẾN PHÁP

CỘNG HÒA BA LAN.....1

KHÁI QUÁT VỀ CỘNG HÒA BA LAN.....3
HIẾN PHÁP CỘNG HÒA BA LAN.....7

HIẾN PHÁP

CỘNG HÒA HÀN QUỐC.....63

KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC HÀN QUỐC.....65
HIẾN PHÁP CỘNG HÒA HÀN QUỐC.....69

HIẾN PHÁP

CỘNG HÒA ITALY.....97

KHÁI QUÁT VỀ NƯỚC CỘNG HÒA ITALIA.....99
HIẾN PHÁP CỘNG HÒA ITALIA.....105

HIẾN PHÁP

VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA.....143

0.1. KHÁI QUÁT VỀ VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA.....145
HIẾN PHÁP TÂY BAN NHA.....149

HIẾN PHÁP
CỘNG HÒA BA LAN

KHÁI QUÁT VỀ CỘNG HÒA BA[1] LAN

***1. Tên nước*:**

Cộng hòa Ba Lan.

2. Thủ đô:

Vác-sa-va (Tiếng Ba Lan: Warszawa, Tiếng Anh: Warsaw).

3. Ngày quốc khánh:

Ngày 11 tháng 11 (ngày 11 tháng 11 năm 1918 là ngày Ba Lan giành được độc lập).

***4. Quốc kỳ*:**

Có nửa trên màu trắng, nửa dưới màu đỏ. Màu trắng tượng trưng cho chim ưng, còn màu đỏ tượng trưng cho dân tộc[2].

5. Diện tích:

312,685 km^2.

***6. Dân số**:*

38,441,588 triệu người (ước tính tháng 7/2011), trong đó 96,7% là dân tộc Ba Lan, các nhóm dân tộc thiểu số được công nhận chính thức gồm: Đức, Ukraine, Látvi, Do Thái và Belarus.

7. Ngôn ngữ:

Tiếng Ba Lan

8. Tôn giáo:

Công giáo 95%; Cơ đốc giáo 1,5%; Tin lành 0,3%; các tôn giáo khác hoặc không tôn giáo 3,2%

***9. Chính thể**:*

Cộng hòa dân chủ đại nghị.

10. Kiểu nhà nước:

Nhà nước đơn nhất

11. Các đơn vị hành chính:

Cộng hòa Ba Lan có Thủ đô Vác-sa-va và 16 tỉnh: Dolnoslaskie, Kujawsko-Pomorskiw, Lodzkie, Lubelskie, Lubuskie, Malopolskie, Mazowieckie, Pomorskie, Slaskie, Swietokrzyskie, Opolskie Warmisko-Mazurskie, Zachodniopomorskie, Wielkopolskie, Podkarpackie.

***12. Đảng chính trị**:*

Vào thời điểm năm 2011, Cộng hòa Ba Lan có các đảng phái chính sau đây:

---

[1]. Tổng hợp từ Wikipedia, CIA Fact Book và Gerhard Robbers, *Encyclopedia of World Constitutions,* (Infobase Publishing), 2006.

[2]. Theo truyền thuyết Ba Lan, vào thế kỷ thứ 6, một tù trưởng bộ lạc ở Ba Lan đã tìm thấy một tổ chim ưng màu trắng tuyệt đẹp, ông bèn lấy đó làm dấu hiệu xây dựng ở đó một thành lũy. Từ đó về sau, ngôi thành nhỏ này trở thành nơi phát triển của nền văn hóa Ba Lan.

- Liên minh Dân chủ cánh tả (SLD);

- Đảng Nông dân Ba Lan (PSL);

- Liên minh Tự do (UW);

- Liên minh Dân tộc Thiên chúa giáo (ZCHN).

13. Tuổi được tham gia bầu cử:

Công dân Ba Lan đủ 18 tuổi tính đến ngày bỏ phiếu có quyền tham gia bầu cử.

14. Hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật Ba Lan được phát triển cách đây hơn nghìn năm, và hiện tại hệ thống pháp luật đất nước Ba Lan theo hệ thống pháp luật dân sự (Civil Law).

15. Bộ máy nhà nước

i) Cơ quan lập pháp

Quốc hội Ba Lan gồm có 2 viện: Hạ viện và Thượng viện có nhiệm kỳ 4 năm.

Hạ viện (Sejm) gồm có 460 thành viên, được bầu theo nguyên tắc bầu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, theo tỉ lệ và được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

Thượng viện có 100 thành viên, được bầu theo cách thức phổ thông, trực tiếp và được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

ii) Cơ quan hành pháp

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan là người đại diện tối cao của chính quyền Ba Lan, được bầu theo hình thức phổ thông đầu phiếu với nhiệm kỳ là 5 năm và chỉ có thể được bầu lại thêm một nhiệm kỳ. Tổng thống có trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ Hiến pháp, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia cũng như sự bất khả xâm phạm và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tổng thống chỉ định Nội các theo đề xuất của Thủ tướng, thường Thủ tướng là người đứng đầu liên minh đa số trong Hạ viện.

Thủ tướng (Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) là người đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng. Hội đồng Bộ trưởng có thẩm quyền điều hành các chính sách đối nội và đối ngoại của Cộng hòa Ba Lan, điều hành các cơ quan hành chính của Chính phủ.

iii) Cơ quan tư pháp

Việc thi hành công lý ở Cộng hòa Ba Lan do Tòa án Tối cao, các tòa án có thẩm quyền chung, tòa án hành chính và tòa án quân sự thực hiện. Các tòa án đặc biệt hoặc các thủ tục rút gọn chỉ có thể được thực hiện trong thời chiến. Các vụ việc giải quyết tại tòa án phải qua ít nhất 2 cấp xét xử.

Thẩm phán do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm không thời hạn theo đề nghị của Hội đồng Tư pháp Quốc gia. Hội đồng Tư pháp Quốc gia có trách nhiệm bảo đảm sự độc lập của tòa án và thẩm phán. Thành viên của Hội đồng Tư pháp Quốc gia có nhiệm kỳ 4 năm.

16. Quá trình xây dựng Hiến pháp

Bản Hiến pháp ngày 3 tháng 5 năm 1791 được coi là bản Hiến pháp đầu tiên của Ba Lan, do hạ viện của Khối thịnh vượng chung Ba Lan – Litva thông qua. Đây được xem là bản hiến pháp hiện đại đầu tiên của Châu Âu và là bản Hiến pháp thành văn thứ 2 trên thế giới sau Hiến pháp Hoa Kỳ. Bản hiến pháp được thiết kế nhằm khắc phục những khiếm khuyết chính trị có từ lâu đời của liên bang khối thịnh vượng chung Ba Lan – Litva, tạo ra sự bình đẳng chính trị giữa người dân thành thị và giới quý tộc (szlachta), đặt người nông dân dưới sự bảo vệ của chính phủ, do đó giảm thiểu được sự lạm dụng như dưới chế độ nông nô.

Tuy nhiên, việc thông qua một bản Hiến pháp dân chủ, tự do ở Ba Lan đã gặp phải sự phản đối của các nước láng giềng là Nga, Áo và Phổ và đất nước Ba Lan lại bị tan rã vào năm 1795.

Năm 1918, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Ba Lan giành lại độc lập. Ngày 17 tháng 3 năm 1921, Nghị viện Ba Lan ban hành bản Hiến pháp mới. Bản Hiến pháp này đưa ra những quy định bảo đảm các quyền tự do dân sự và xây dựng mô hình nhà nước đại nghị ở Ba Lan. Ở góc độ pháp lý, bản Hiến pháp này được đánh giá là toàn diện trong bối cảnh thế giới lúc bấy giờ. Tuy nhiên, việc thực thi Hiến pháp trên thực tế gặp nhiều khó khăn do các thế lực chính trị không giải quyết được các vấn đề về xã hội và dân tộc. Đến năm 1926, sau một cuộc đảo chính quân sự, bản Hiến pháp năm 1921 đã được sửa đổi với mục tiêu nâng cao vị thế của cơ quan hành pháp. Và đến năm 1935, một bản Hiến pháp mới đã được ban hành theo đó đã mở rộng quyền lực của tổng thống và xóa bỏ mô hình đại nghị ở đất nước này.

Sau thế chiến thứ hai, Ba Lan trở thành một nước cộng hòa nhân dân cùng với sự ra đời của bản Hiến pháp năm 1952. Đến năm 1989, cùng với quá trình chuyển đổi ở Đông Âu, nền cộng hòa thứ ba ở Ba Lan đã được thành lập. Bản hiến pháp mới của chế độ này đã được Quốc hội Ba Lan thông qua vào ngày 2 tháng 4 năm 1997. Sau đó, nhân dân Ba Lan đã phúc quyết bản Hiến pháp này sau một cuộc trưng cầu dân ý quốc gia vào ngày 25 tháng 5 năm 1997. Bản Hiến pháp có hiệu lực ngày 17 tháng 10 năm 1997. Bản Hiến pháp này đảm bảo một nhà nước đa đảng, quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận và tạo ra một nền kinh tế thị trường tự do.

Cùng quan tâm đến sự tồn vong và tương lai của Tổ quốc,

Đã giành lại được chủ quyền và định mệnh dân chủ kiên định từ năm 1989,

Chúng ta, Đất nước Ba Lan và tất cả những người dân của nền Cộng hòa,

Từ những người tin rằng Đức Chúa là nguồn gốc của lẽ phải, công lý và những điều tốt đẹp,

Cho đến những người không có cùng niềm tin này nhưng tôn trọng những giá trị phổ quát đó được cho là phát sinh từ những nguồn gốc khác,

Cùng bình đẳng về các quyền và nghĩa vụ hướng tới những lợi ích chung của đất nước Ba Lan,

Mang ơn cha ông chúng ta vì quá trình lao động, sự đấu tranh và hi sinh lớn lao của họ cho nền độc lập, vì nền văn hóa quốc gia di sản Cơ đốc giáo và những giá trị phổ quát của loài người,

Thừa hưởng những truyền thống tốt đẹp nhất của nền Cộng hòa thứ nhất và thứ hai,

Ghi nhớ công ơn vì đã lưu truyền cho các thế hệ tương lai tất cả những điều quý giá từ di sản hơn một ngàn năm lịch sử,

Kết hợp lại thành cộng đồng cùng với những đồng bào của chúng ta đang ở khắp thế giới,

Ý thức được sự cần thiết phải hợp tác với tất cả các quốc gia vì lợi ích chung của nhân loại,

Lưu tâm đến kinh nghiệm cay đắng khi quyền tự do cơ bản và quyền con người bị vi phạm trên đất nước chúng ta,

Mong muốn các quyền của công dân luôn được bảo đảm và công việc của các cơ quan nhà nước luôn được thực hiện một cách tận tụy và hiệu quả

Nhận thức được trách nhiệm của mình trước Đức Chúa hoặc trước lương tâm của bản thân,

Sau đây thiết lập bản Hiến pháp của Cộng hòa Ba Lan là đạo luật cơ bản của Nhà nước, trên cơ sở tôn trọng quyền tự do và công bằng, sự phối hợp giữa các nhánh quyền lực công, sự đối thoại xã hội cũng như trên cơ sở các nguyên tắc bổ trợ củng cố quyền lực của các công dân và cộng đồng.

Chúng ta kêu gọi tất cả những ai sẽ áp dụng bản Hiến pháp này cho những điều tốt đẹp của nền Cộng hòa Thứ ba để làm những việc thể hiện lòng tôn kính đối với giá trị vốn có của con người, quyền tự do của mình,

[3]. Bản dịch của Văn phòng Quốc hội từ bản tiếng Anh đăng tải tại trang web của Quốc hội Ba Lan. http://www.sejm.gov.pl/prawo/konst/angielski/kon1.htm

nghĩa vụ đoàn kết với những người khác, và tôn trọng những nguyên tắc này như nền tảng không thể lay chuyển của Cộng hòa Ba Lan.

Chương I:
NỀN CỘNG HÒA

Điều 1

Cộng hòa Ba Lan là điều tốt đẹp chung của toàn thể người dân Ba Lan.

Điều 2

Cộng hòa Ba Lan là một nhà nước dân chủ pháp quyền và thực hiện những nguyên tắc công bằng xã hội.

Điều 3

Cộng hòa Ba Lan là một quốc gia đơn nhất.

Điều 4

1. Quyền lực tối cao ở Cộng hòa Ba Lan thuộc về nhân dân.

2. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình một cách trực tiếp hoặc thông qua những người đại diện của mình.

Điều 5

Cộng hòa Ba Lan bảo vệ độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của mình, bảo đảm sự tự do và các quyền con người, quyền công dân, sự an toàn của người dân, bảo vệ di sản quốc gia và bảo vệ môi trường tự nhiên theo các nguyên tắc phát triển bền vững.

Điều 6

1. Cộng hòa Ba Lan quy định các điều kiện để mọi người bình đẳng trong việc tiếp cận các sản phẩm văn hóa là nguồn gốc của đặc điểm, sự tiếp nối và phát triển của quốc gia.

2. Cộng hòa Ba Lan hỗ trợ cho người Ba Lan đang sống ở nước ngoài duy trì các mối liên hệ với di sản văn hóa dân tộc.

Điều 7

Các cơ quan nhà nước thực hiện các chức năng trên cơ sở và trong giới hạn của luật.

Điều 8

1. Hiến pháp là đạo luật tối cao của Cộng hòa Ba Lan.

2. Các quy định của Hiến pháp sẽ được áp dụng một cách trực tiếp, trừ trường hợp Hiến pháp có quy định khác.

Điều 9

Cộng hòa Ba Lan tôn trọng pháp luật quốc tế có giá trị ràng buộc đối với mình.

Điều 10

1. Hệ thống chính quyền của Cộng hòa Ba Lan được tổ chức trên cơ sở phân chia và cân bằng giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

2. Quyền lập pháp thuộc về Hạ nghị viện và Thượng nghị viện, quyền hành pháp thuộc về Tổng thống Cộng hòa Ba Lan và Hội đồng Bộ trưởng, và quyền tư pháp thuộc về các tòa án.

Điều 11

1. Cộng hòa Ba Lan bảo đảm quyền tự do thành lập và hoạt động của các đảng chính trị. Các đảng chính trị được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện và trên cơ sở bình đẳng của người dân Ba Lan, có mục đích tác động đến việc đưa ra các chính sách của Nhà nước thông qua các biện pháp dân chủ.

2. Việc tài trợ cho các đảng chính trị sẽ được công khai để công chúng kiểm tra.

Điều 12

Cộng hòa Ba Lan bảo đảm quyền tự do thành lập và hoạt động của các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội-nghề nghiệp của nông dân, các đoàn thể trong xã hội, các phong trào của nhân dân, các hiệp hội và các quỹ tự nguyện khác.

Điều 13

Nghiêm cấm các đảng chính trị cũng như các tổ chức khác có chương trình hành động được xây dựng theo hình thức chuyên chế và phương thức hoạt động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít []{4}, cũng như những tổ chức có chương trình hoặc hành động ủng hộ thù hằn quốc gia hoặc dân tộc, sử dụng bạo lực để có được quyền lực hoặc gây ảnh hưởng đối với chính sách của Nhà nước, hoặc cung cấp bí mật về tổ chức hoặc thành viên của tổ chức.

Điều 14

Cộng hòa Ba Lan bảo đảm quyền tự do báo chí và các biện pháp truyền thông xã hội khác.

Điều 15

1. Hệ thống lãnh thổ của Cộng hòa Ba Lan được tổ chức theo nguyên tắc phân quyền.

---

[4]. Đã có lược bỏ (chú thích của người dịch - ND).

2. Các khu vực lãnh thổ cơ bản của Quốc gia sẽ được quy định trong luật với các mối quan hệ về xã hội, kinh tế và văn hóa bảo đảm cho các đơn vị lãnh thổ có đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ công cộng của mình.

Điều 16

1. Người dân ở các khu vực lãnh thổ cơ bản hình thành nên cộng đồng tự trị theo quy định của luật.

2. Chính quyền địa phương tham gia vào việc thực hiện quyền lực nhà nước. Những trách nhiệm nhà nước quan trọng mà chính quyền địa phương được giao theo quy định của luật sẽ được thực thi dưới danh nghĩa của chính quyền địa phương và hoàn toàn thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Điều 17

1. Bằng đạo luật, các chế độ tự quản sẽ được thành lập trong phạm vi một ngành nghề mà công chúng đặt niềm tin, và các chế độ tự quản này sẽ phải chú ý đến việc hành nghề một cách thích hợp phù hợp với lợi ích công và vì mục đích bảo vệ lợi ích công.

2. Các hình thức chế độ tự quản khác cũng có thể được thành lập bằng đạo luật. Các chế độ tự quản này không được vi phạm quyền tự do hành nghề trong một lĩnh vực cũng như không được giới hạn quyền tự do hoạt động kinh tế.

Điều 18

Hôn nhân, trở thành vợ chồng giữa một người nam và một người nữ, cũng như gia đình, thiên chức làm mẹ, bổn phận làm cha mẹ, sẽ được Cộng hòa Ba Lan bảo vệ và chăm sóc.

Điều 19

Cộng hòa Ba Lan sẽ có chăm sóc đặc biệt đối với những cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu vì độc lập dân tộc, đặc biệt là những thương binh trong chiến tranh.

Điều 20

Một nền kinh tế thị trường xã hội, dựa trên cơ sở quyền tự do hoạt động kinh tế, quyền sở hữu tư nhân, và thống nhất, đối thoại và hợp tác giữa các thành phần xã hội, là nền tảng của hệ thống kinh tế của Cộng hòa Ba Lan.

Điều 21

1. Cộng hòa Ba Lan bảo vệ quyền sở hữu và quyền thừa kế.

2. Việc sung công tài sản chỉ có thể được cho phép thực hiện vì các mục đích công cộng và phải bồi thường.

Điều 22

Những hạn chế về quyền tự do hoạt động kinh tế chỉ có thể được áp đặt bằng đạo luật và chỉ với những lý do công ích quan trọng.

Điều 23

Nền tảng của hệ thống nông nghiệp của Nhà nước là các nông trang gia đình. Nguyên tắc này không vi phạm các quy định tại các Điều 21 và 22.

Điều 24

Việc làm được Cộng hòa Ba Lan bảo đảm. Nhà nước thực hiện giám sát đối với các điều kiện làm việc.

Điều 25

1. Các nhà thờ và các tổ chức tôn giáo khác có quyền bình đẳng như nhau.

2. Các cơ quan nhà nước ở Cộng hòa Ba Lan phải khách quan về mặt tôn giáo, triết học hay nhân sinh quan trong việc kết án một người và phải bảo đảm quyền tự do bày tỏ quan điểm của những người đó trong cuộc sống cộng đồng.

3. Quan hệ giữa Nhà nước và các nhà thờ và các tổ chức tôn giáo khác được thực hiện dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự tự quản và độc lập lẫn nhau của mỗi bên trong phạm vi của mình, cũng như trên cơ sở nguyên tắc hợp tác vì lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể.

4. Quan hệ giữa Cộng hòa Ba Lan và Nhà thờ Công giáo La-mã sẽ được quyết định bằng hiệp ước quốc tế được ký kết với Tòa thánh Vatican, và bằng đạo luật.

5. Quan hệ giữa Cộng hòa Ba Lan và các nhà thờ và tổ chức tôn giáo khác sẽ được quyết định bằng các đạo luật được xây dựng trên cơ sở thỏa thuận được ký kết giữa những người đại diện phù hợp các tổ chức tôn giáo và Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 26

1. Các Lực lượng Vũ trang của Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm bảo vệ độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ Quốc gia, và có trách nhiệm bảo đảm an ninh và bất khả xâm phạm biên giới quốc gia.

2. Các Lực lượng Vũ trang trung lập trong các vấn đề về chính trị và là công cụ chịu sự quản lý dân sự và dân chủ.

Điều 27

Tiếng Ba Lan là ngôn ngữ chính thức ở Cộng hòa Ba Lan. Quy định này không vi phạm quyền của nhóm dân tộc thiểu số phát sinh do các điều ước quốc tế đã được phê chuẩn.

Điều 28

1. Hình tượng chim đại bàng trắng đội vương niệm trên nền đỏ là quốc huy của Cộng hòa Ba Lan.

2. Màu trắng và màu đỏ là màu sắc biểu trưng của Cộng hòa Ba Lan.

3. "Dąbrowski's Mazurka" là quốc ca của Cộng hòa Ba Lan.

4. Quốc huy, màu sắc biểu trưng và quốc ca của Cộng hòa Ba Lan được pháp luật bảo vệ.

5. Những chi tiết liên quan đến quốc huy, màu sắc biểu trưng và quốc ca sẽ do luật định.

Điều 29

Warsaw là thủ đô của Cộng hòa Ba Lan.

Chương II:
QUYỀN TỰ DO, CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CON NGƯỜI VÀ CÔNG DÂN

Những nguyên tắc chung

Điều 30

Những phẩm giá vốn có và không thể tách rời của con người là nguồn gốc của tự do và các quyền của con người và công dân. Điều này là bất khả xâm phạm. Việc tôn trọng và bảo vệ các quyền này là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

Điều 31

1. Tự do cá nhân được pháp luật bảo vệ.

2. Mọi người có trách nhiệm tôn trọng tự do và các quyền của người khác. Không ai bị ép buộc phải làm những việc mà pháp luật không yêu cầu.

3. Bất kỳ sự hạn chế nào đối với việc thực hiện tự do và các quyền hiến định chỉ có thể được quy định trong luật, và chỉ trong trường hợp cần thiết ở một nhà nước dân chủ vì mục đích bảo vệ an ninh hoặc trật tự công cộng, hoặc để bảo vệ môi trường tự nhiên, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc tự do và các quyền của những người khác. Những hạn chế này không được vi phạm bản chất của tự do và các quyền.

Điều 32

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi người đều có quyền được đối xử công bằng trước các cơ quan nhà nước.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, xã hội hoặc kinh tế vì bất kỳ lý do nào.

Điều 33

1. Nam giới và nữ giới có quyền ngang nhau trong cuộc sống gia đình, chính trị, xã hội và kinh tế ở Cộng hòa Ba Lan.

2. Nam giới và nữ giới có quyền ngang nhau về giáo dục, việc làm và thăng tiến, và có quyền được đền bù như nhau đối với công việc có giá trị như nhau, có quyền ngang nhau trong an sinh xã hội, nắm giữ chức vụ, nhận được sự tôn vinh và tặng thưởng nhà nước.

Điều 34

1. Quốc tịch Ba Lan được trao cho trẻ em được sinh ra bởi cha mẹ là công dân Ba Lan. Những cách thức trao quốc tịch Ba Lan khác sẽ do luật định.

2. Công dân Ba Lan không bị mất quốc tịch Ba Lan trừ trường hợp từ bỏ quốc tịch.

Điều 35

1. Cộng hòa Ba Lan bảo đảm người dân Ba Lan thuộc các dân tộc thiểu số có quyền tự do gìn giữ và phát triển ngôn ngữ của riêng mình, gìn giữ phong tục, truyền thống và phát triển văn hóa của riêng mình.

2. Các dân tộc thiểu số có quyền thành lập các cơ sở giáo dục và văn hóa, các cơ sở bảo vệ đặc thù tôn giáo, cũng như tham gia vào việc giải quyết những vấn đề có quan hệ với đặc thù văn hóa của các dân tộc.

Điều 36

Công dân Ba Lan có quyền được Nhà nước Ba Lan bảo hộ trong thời gian ở nước ngoài.

Điều 37

1. Bất kỳ người nào đang thuộc chủ quyền của Nhà nước Ba Lan, sẽ được hưởng tự do và các quyền được Hiến pháp Ba Lan bảo đảm.

2. Những ngoại lệ của nguyên tắc này đối với người nước ngoài sẽ do luật định.

Tự do cá nhân và các quyền

Điều 38

Cộng hòa Ba Lan bảo đảm tính mạng của mọi người được pháp luật bảo vệ.

Điều 39

Không ai phải làm đối tượng thí nghiệm khoa học, bao gồm cả thí nghiệm về y học, nếu người đó không tự nguyện đồng ý.

Điều 40

Không ai có thể bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt một cách thô bạo, dã man hoặc hèn hạ. Cấm sử dụng các biện pháp nhục hình.

Điều 41

1. Quyền bất khả xâm phạm và an toàn về riêng tư được bảo đảm đối với tất cả mọi người. Việc tước đoạt hoặc hạn chế tự do chỉ có thể được áp đặt theo những nguyên tắc và thủ tục do luật định.

2. Bất kỳ người nào bị tước quyền tự do, trừ trường hợp bị tòa án tuyên án, có quyền kháng cáo lên tòa án để tòa án ra quyết định ngay về tính hợp pháp của việc tước quyền tự do đó. Việc tước quyền tự do sẽ phải được thông tin ngay cho gia đình hoặc cho người được chỉ định bởi người bị tước quyền tự do.

3. Bất kỳ người nào bị giam giữ sẽ được thông báo, ngay lập tức và theo cách mà người đó có thể hiểu được, về lý do bị giam giữ. Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi bị giam giữ, người bị giam giữ sẽ được chuyển cho tòa án để xét xử về vụ việc. Người bị giam giữ sẽ được trả tự do trừ khi tòa án ra lệnh tạm giữ cùng với những quy định chỉ rõ những trách nhiệm phải thực hiện được áp dụng đối với người đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được chuyển cho tòa án để xét xử.

4. Người bị tước quyền tự do được đối xử một cách nhân đạo.

5. Người bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp có quyền được đền bù.

Điều 42

1. Chỉ người nào đã thực hiện một hành vi bị cấm theo quy định của luật có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi đó, và hành vi đó phải chịu hình phạt, thì sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự. Nguyên tắc này không làm hạn chế việc trừng phạt đối với hành vi đã cấu thành tội phạm theo quy định của luật pháp quốc tế tại thời điểm thực hiện.

2. Người phản đối thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với mình có quyền bào chữa trong các giai đoạn của quá trình tố tụng. Người đó có thể lựa chọn luật sư hoặc sử dụng luật sư do tòa án chỉ định theo những nguyên tắc do luật định.

3. Mọi người được suy đoán vô tội cho tới khi việc phạm tội của người đó được quyết định bởi một phán quyết cuối cùng của tòa án.

Điều 43

Không có luật nào quy định những hạn chế liên quan đến tội phạm chiến tranh và tội phạm chống lại loài người.

Điều 44

Luật quy định về những hạn chế trong việc xử lý tội phạm được thực hiện bởi, hoặc theo lệnh của, các quan chức nhà nước và những người

không bị truy tố vì lý do chính trị, sẽ được áp dụng trong suốt thời gian mà những lý do đó tồn tại.

Điều 45

1. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai đối với vụ việc của mình mà không có sự trì hoãn thái quá trước một tòa án có đủ thẩm quyền, vô tư và độc lập.

2. Những ngoại lệ đối với việc xét xử công khai có thể được áp dụng vì lý do đạo đức, an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc bảo vệ bí mật đời tư của một bên, hoặc quyền lợi cá nhân quan trọng khác. Bản án sẽ được tuyên bố công khai.

Điều 46

Tài sản chỉ có thể bị tước đoạt theo quy định của luật, và chỉ bằng một phán quyết cuối cùng của tòa án.

Điều 47

Mọi người có quyền được pháp luật bảo vệ đối với cuộc sống riêng tư và gia đình của mình, về danh dự và danh tiếng của mình và tự quyết định về cuộc sống cá nhân của mình.

Điều 48

1. Cha mẹ có quyền nuôi dạy con cái phù hợp với nhận thức của mình. Việc nuôi dạy của cha mẹ sẽ phải chú ý đến mức độ trưởng thành của trẻ cũng như quyền tự do về tín ngưỡng và đức tin cũng như nhận thức của trẻ.

2. Việc hạn chế hoặc tước các quyền làm cha mẹ chỉ có thể được thực hiện trong những trường hợp do luật định và chỉ trên cơ sở phán quyết cuối cùng của tòa án.

Điều 49

Quyền tự do thông tin và bảo đảm bí mật thông tin cá nhân được bảo đảm. Hạn chế đối với quyền tự do thông tin và bí mật thông tin chỉ có thể được áp dụng trong những trường hợp và theo cách thức do luật định.

Điều 50

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở được bảo đảm. Bất kỳ việc khám xét chỗ ở, nhà hoặc xe cộ chỉ có thể được thực hiện trong những trường hợp và theo cách thức do luật định.

Điều 51

1. Không ai bị buộc phải tiết lộ thông tin liên quan đến bản thân mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

2. Các cơ quan nhà nước không được thu thập, sưu tầm hoặc làm cho thông tin về công dân có thể bị truy cập, trừ trường hợp cần thiết trong một nhà nước dân chủ pháp quyền.

3. Mọi người đều có quyền tiếp cận những văn bản chính thức và các dữ liệu sưu tập liên quan đến bản thân mình. Những hạn chế đối với quyền này có thể do luật định.

4. Mọi người có quyền yêu cầu cải chính hoặc xóa bỏ những thông tin không đúng hoặc không đầy đủ, hoặc thông tin có được theo một cách trái pháp luật.

5. Những nguyên tắc và thủ tục thu thập và tiếp cận thông tin sẽ do luật định.

Điều 52

1. Mọi người được bảo đảm quyền tự do đi lại và lựa chọn chỗ ở, cư trú trong lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan.

2. Mọi người có thể tự do rời khỏi lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan.

3. Các quyền tự do quy định tại khoản 1 và 2 có thể bị hạn chế bởi các quy định của luật.

4. Công dân Ba Lan không thể bị trục xuất khỏi đất nước cũng như không bị cấm trở lại đất nước.

5. Bất kỳ người nào có nguồn gốc Ba Lan được xác định theo luật đều có thể định cư lâu dài tại Ba Lan.

Điều 53

1. Mọi người được bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo.

2. Quyền tự do tôn giáo bao gồm cả tự do theo hoặc chấp nhận một tôn giáo bằng việc trực tiếp lựa chọn cũng như bày tỏ ý chí đối với tôn giáo đó, một cách cá nhân hoặc tập thể, một cách công khai hoặc bí mật, bằng việc thờ cúng, cầu nguyện, tham gia vào các buổi lễ, tiến hành các nghi lễ hoặc giảng đạo. Quyền tự do tôn giáo cũng bao gồm cả việc sở hữu các thánh đường hoặc những nơi thờ cúng khác để thỏa mãn nhu cầu của những tín đồ cũng như quyền của các cá nhân, cho dù có thể ở bất kỳ đâu, được lợi từ các hoạt động tôn giáo.

3. Cha mẹ có quyền bảo đảm cho con mình một sự giáo dục và dạy dỗ về đạo đức và tôn giáo phù hợp với nhận thức của mình. Những quy định của khoản 1, Điều 48 sẽ được áp dụng khi phù hợp.

4. Tôn giáo của nhà thờ hoặc của các tổ chức tôn giáo khác được pháp luật công nhận có thể được giảng dạy trong nhà trường, nhưng quyền tự do về tôn giáo và tín ngưỡng khác của con người sẽ không bị vi phạm.

5. Quyền tự do biểu đạt công khai về tôn giáo chỉ có thể bị hạn chế bởi luật và trong trường hợp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe, đạo đức hoặc tự do và các quyền của người khác.

6. Không ai có thể bị ép buộc tham gia hoặc không tham gia các hoạt động tôn giáo.

7. Không ai có thể bị cơ quan nhà nước ép buộc bày tỏ triết lý sống, nhận thức hoặc niềm tin tôn giáo của mình.

Điều 54

1. Mọi người được bảo đảm quyền tự do biểu đạt ý kiến, thu thập hoặc phổ biến thông tin.

2. Việc kiểm duyệt mang tính phòng ngừa đối với các phương tiện thông tin xã hội và cấp phép hoạt động báo chí bị nghiêm cấm. Luật có thể quy định việc cấp phép cho việc vận hành trạm phát thanh hoặc truyền hình.

Điều 55

1. Cấm dẫn độ công dân Ba Lan.

2. Cấm dẫn độ người bị tình nghi thực hiện một tội phạm vì lý do chính trị nhưng không sử dụng vũ lực

3. Tòa án có trách nhiệm xét xử việc dẫn độ.

Điều 56

1. Người nước ngoài có quyền tị nạn ở Cộng hòa Ba Lan theo những nguyên tắc do luật định.

2. Người nước ngoài ở Cộng hòa Ba Lan tìm sự bảo hộ khỏi việc bị bức hại có thể được công nhận là người tị nạn theo các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Ba Lan là thành viên.

Tự do và các quyền trong lĩnh vực chính trị

Điều 57

Mọi người được bảo đảm quyền tự do hội họp và tham gia vào những hoạt động hội họp này một cách hòa bình. Những giới hạn đối với quyền tự do này có thể được luật quy định.

Điều 58

1. Mọi người được bảo đảm quyền tự do lập hội.

2. Những hội có mục đích hoặc hoạt động trái với Hiến pháp hoặc luật sẽ bị cấm. Tòa án xem xét việc cho phép một hội được đăng ký hay bị cấm hoạt động.

3. Luật sẽ quy định các loại hội phải được tòa án đăng ký, thủ tục đăng ký và các hình thức giám sát các hội này.

Điều 59

1. Quyền tự do thành lập các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội-nghề nghiệp của nông dân, các tổ chức của người sử dụng lao động được bảo đảm.

2. Các tổ chức công đoàn, người sử dụng lao động và các tổ chức của họ có quyền thương lượng để giải quyết những mâu thuẫn chung, ký kết thỏa thuận lao động tập thể và giải quyết các vấn đề khác.

3. Các tổ chức công đoàn có quyền tổ chức các cuộc đình công của công nhân hoặc các hình thức phản đối khác có sự hạn chế bởi luật. Để bảo vệ lợi ích chung, các đạo luật có thể hạn chế hoặc cấm việc tổ chức đình công đối với một số nhóm người lao động nhất định hoặc trong những lĩnh vực cụ thể.

4. Phạm vi của quyền tự do thành lập tổ chức công đoàn và các tổ chức của người sử dụng lao động chỉ có thể bị hạn chế bởi luật khi phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Ba Lan là thành viên.

Điều 60

Những công dân Ba Lan có đủ điều kiện được hưởng đầy đủ các quyền công cộng chung đều có quyền tiếp cận dịch vụ công trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng.

Điều 61

1. Công dân có quyền được biết thông tin về hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như của những người thực hiện công vụ. Quyền này bao gồm cả việc nhận được thông tin về hoạt động của các tổ chức kinh tế hoặc nghề nghiệp tự quản và những cá nhân hoặc đơn vị trực thuộc tổ chức liên quan đến lĩnh vực mà họ thực thi nhiệm vụ của cơ quan nhà nước và quản lý tài sản hoặc bất động sản công của Bộ Ngân khố Quốc gia.

2. Quyền được biết thông tin bảo đảm cho việc tiếp cận các văn bản và tham dự các phiên họp tập thể của các cơ quan nhà nước được thành lập qua bầu cử phổ thông để ghi âm và ghi hình.

3. Những hạn chế đối với các quyền quy định tại các khoản 1 và 2 chỉ có thể áp dụng khi được luật quy định nhằm bảo vệ tự do và các quyền của người khác và các đối tượng kinh tế, trật tự công cộng, an ninh hoặc các lợi ích kinh tế quan trọng của Nhà nước.

4. Thủ tục cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và 2 sẽ được quy định trong luật, và liên quan đến Hạ nghị viện và Thượng nghị viện sẽ được quy định trong quy chế hoạt động của các cơ quan này.

Điều 62

1. Công dân Ba Lan đủ 18 tuổi tính đến ngày bỏ phiếu có quyền tham gia cuộc trưng cầu ý dân và quyền bỏ phiếu bầu Tổng thống Cộng hòa Ba Lan cũng như những người đại diện tại Hạ nghị viện và Thượng nghị viện và các cơ quan của chính quyền địa phương.

2. Bằng một phán quyền cuối cùng của tòa án, những người bị mất năng lực hoặc bị tước quyền bầu cử sẽ không có quyền tham gia cuộc trưng cầu ý dân cũng như không có quyền bầu cử.

Điều 63

Mọi người có quyền khiếu nại, kiến nghị và khởi kiện vì lợi ích công cộng, lợi ích của bản thân hoặc vì lợi ích của người khác - với sự đồng ý của người đó - tới các cơ quan nhà nước, các tổ chức và đoàn thể xã hội về việc thực hiện các nhiệm vụ được quy định của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trong phạm vi lĩnh vực quản lý. Thủ tục xem xét khiếu nại, kiến nghị và khởi kiện do luật định.

Tự do và các quyền trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa

Điều 64

1. Mọi người có quyền sở hữu, các quyền tài sản khác và quyền thừa kế.

2. Mọi người đều được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu, các quyền tài sản khác và quyền thừa kế trên cơ sở bình đẳng.

3. Quyền sở hữu chỉ có thể bị hạn chế bằng các biện pháp luật định và chỉ ở mức độ không vi phạm đến quyền này về thực chất.

Điều 65

1. Mọi người được tự do lựa chọn và theo đuổi nghề nghiệp của mình và lựa chọn chỗ làm việc. Những ngoại lệ sẽ do luật định.

2. Nghĩa vụ làm việc chỉ có thể được áp đặt bằng luật.

3. Việc tuyển dụng trẻ em dưới 16 tuổi vào làm việc thường xuyên bị nghiêm cấm. Các hình thức và tính chất của việc lao động có thể chấp nhận được sẽ do luật định.

4. Mức lương tối thiểu hay cách thức xác định các mức lương này sẽ do luật định.

5. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện các chính sách nhằm tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả thông qua các chương trình thực thi để đối phó với tình trạng thất nghiệp, bao gồm cả việc tổ chức và hỗ trợ tư vấn và đào tạo việc làm, cũng như các công trình công cộng và can thiệp bằng biện pháp kinh tế.

Điều 66

1. Mọi người có quyền được hưởng điều kiện làm việc an toàn và hợp vệ sinh. Các phương pháp thực thi quyền này và các nghĩa vụ của người sử dụng lao động sẽ do luật định.

2. Người lao động có quyền được nghỉ làm việc vào những ngày luật quy định và những ngày nghỉ nguyên lương hàng năm; số giờ làm việc tối đa sẽ do luật định.

Điều 67

1. Công dân có quyền hưởng trợ cấp an sinh xã hội khi bị mất khả năng lao động vì lý do ốm đau, bệnh tật hay đến tuổi nghỉ hưu. Phạm vi và các hình thức phúc lợi xã hội sẽ do luật định.

2. Công dân không có việc làm một cách không cố ý và không tìm được cách thức hỗ trợ nào khác, thì được quyền hưởng trợ cấp an sinh xã hội trong phạm vi do luật định.

Điều 68

1. Mọi người có quyền được bảo vệ về sức khỏe.

2. Việc tiếp cận một cách bình đẳng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, do các nguồn tài chính công chi trả, sẽ được các cơ quan nhà nước bảo đảm đối với mọi công dân, không phân biệt địa vị của họ. Các điều kiện và phạm vi cung cấp các dịch vụ sẽ do luật định.

3. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm sự chăm sóc sức khỏe đặc biệt đối với trẻ em, phụ nữ mang thai, người tàn tật và người cao tuổi.

4. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phòng chống các bệnh truyền nhiễm và ngăn chặn những hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe và suy giảm môi trường.

5. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ việc phát triển thể chất, đặc biệt là đối với trẻ em và người vị thành niên.

Điều 69

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp trợ giúp đối với người tàn tật theo quy định của luật để bảo đảm việc sinh tồn và thích nghi với công việc và giao tiếp xã hội của họ.

Điều 70

1. Mọi người có quyền được giáo dục. Việc giáo dục đến 18 tuổi là bắt buộc. Cách thức hoàn thành nghĩa vụ học tập sẽ do luật định.

2. Giáo dục ở các trường công lập không phải trả học phí. Luật sẽ quy định cho phép thu học phí đối với một số dịch vụ do các cơ sở giáo dục đại học công lập cung cấp.

3. Cha mẹ có quyền lựa chọn các trường ngoài công lập cho con em mình. Công dân và các tổ chức có quyền thành lập các trường tiểu học và trường trung học, các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức phát triển giáo dục. Điều kiện để thành lập và hoạt động của các trường ngoài công lập, sự tham gia của các cơ quan nhà nước trong việc cấp kinh phí, cũng như những nguyên tắc giám sát giáo dục đối với các trường và tổ chức phát triển giáo dục này sẽ do luật định.

4. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm việc tiếp cận chung và bình đẳng về giáo dục cho mọi người dân. Để làm việc này, các cơ quan

thiết lập và hỗ trợ hệ thống tài trợ cá nhân và hỗ trợ có tổ chức đối với học sinh và sinh viên. Các điều kiện cung cấp các hỗ trợ này sẽ do luật định.

5. Việc tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học được bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc do luật định.

Điều 71

1. Nhà nước, trong việc hoạch định các chính sách kinh tế và xã hội, có trách nhiệm xem xét bảo vệ lợi ích của các gia đình. Những gia đình đang gặp phải khó khăn trong đời sống vật chất và xã hội - cụ thể là những người có nhiều con hoặc cha mẹ không con - sẽ có quyền nhận được trợ giúp đặc biệt từ các cơ quan nhà nước.

2. Trước và sau khi sinh, người mẹ có quyền được trợ giúp đặc biệt từ các cơ quan nhà nước theo luật định.

Điều 72

1. Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm bảo vệ các quyền của trẻ em. Mọi người có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, sự tàn ác, bóc lột và những hành vi khác gây hủy hoại đạo đức.

2. Trẻ em thiếu sự chăm sóc của cha mẹ có quyền được các cơ quan nhà nước chăm sóc và trợ giúp.

3. Các cơ quan nhà nước và những người có trách nhiệm bảo hộ cho trẻ em, khi xác lập quyền cho một đứa trẻ, phải xem xét dành quyền ưu tiên cho ý kiến của trẻ em đó tới chừng mực có thể.

4. Thẩm quyền và thủ tục bổ nhiệm Cao ủy viên phụ trách về Quyền Trẻ em sẽ do luật định.

Điều 73

Mọi người được bảo đảm quyền tự do sáng tạo nghệ thuật và nghiên cứu khoa học cũng như phổ biến thành quả đó, được quyền tự do truyền đạt và thưởng thức các sản phẩm văn hóa.

Điều 74

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực thi các chính sách bảo đảm sự an toàn sinh thái của các thế hệ hiện tại và tương lai.

2. Việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

3. Mọi người có quyền được thông tin về chất lượng của môi trường và việc bảo vệ môi trường.

4. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ các hoạt động của công dân để bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường.

Điều 75

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực thi các chính sách cho phép đáp ứng nhu cầu về nhà ở của công dân, đặc biệt là giải quyết vấn đề

vô gia cư, khuyến khích phát triển nhà ở thu nhập thấp và hỗ trợ các hoạt động để có được nhà ở của mỗi cá nhân.

2. Việc bảo vệ các quyền của người thuê nhà sẽ do luật định.

Điều 76

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo vệ người tiêu dùng, khách hàng hoặc người thuê trong việc chống lại những hành động đe dọa sức khỏe, bí mật và an toàn của họ, cũng như chống lại những hành động mua bán không trung thực. Phạm vi của việc bảo vệ này sẽ do luật định.

Các biện pháp bảo đảm tự do và các quyền

Điều 77

1. Mọi người có quyền được bồi thường đối với những thiệt hại xảy ra cho mình do bất kỳ hành động trái pháp luật nào của cơ quan nhà nước.

2. Các đạo luật không được cản trở việc một người dựa vào tòa án để khởi kiện đối với hành động được cho là vi phạm tự do hoặc các quyền.

Điều 78

Các bên có quyền kháng cáo đối với những phán quyết và quyết định được đưa ra ở giai đoạn sơ thẩm. Những ngoại lệ của nguyên tắc này và thủ tục kháng cáo sẽ do luật định.

Điều 79

1. Căn cứ các nguyên tắc luật định, người bị xâm phạm các quyền tự do và các quyền hiến định có quyền yêu cầu Tòa án Hiến pháp ra phán quyết về sự phù hợp với Hiến pháp của một đạo luật hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác mà dựa vào đó tòa án hoặc cơ quan quản lý nhà nước đã đưa ra quyết định cuối cùng về tự do và các quyền của người đó hoặc về nghĩa vụ của người đó được Hiến pháp quy định.

2. Các quy định tại khoản 1 không liên quan đến các quyền quy định tại Điều 56.

Điều 80

Căn cứ các nguyên tắc luật định, mọi người có quyền yêu cầu Cao ủy viên về Quyền Công dân trợ giúp trong việc bảo vệ tự do và các quyền của mình bị các cơ quan nhà nước xâm phạm.

Điều 81

Các quyền quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 65, Điều 66, Điều 69, Điều 71 và các điều từ Điều 74 đến Điều 76, có thể bị hạn chế bởi quy định của luật.

Các nghĩa vụ

Điều 82

Trung thành với Cộng hòa Ba Lan, cũng như quan tâm đến lợi ích chung là trách nhiệm của mọi công dân Ba Lan.

Điều 83

Mọi người có trách nhiệm tuân thủ pháp luật của Cộng hòa Ba Lan.

Điều 84

Mọi người sẽ phải thực hiện trách nhiệm của mình và các nghĩa vụ với cộng đồng, bao gồm cả việc nộp thuế, theo quy định của luật.

Điều 85

1. Mọi công dân Ba Lan có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Việc thực hiện nghĩa vụ quân sự sẽ do luật định.

3. Bất kỳ công dân nào có niềm tin tôn giáo hoặc nguyên tắc đạo đức không cho phép người đó thực hiện nghĩa vụ quân sự có thể bị buộc phải thực hiện các biện pháp thay thế phù hợp với các nguyên tắc luật định.

Điều 86

Mọi người có trách nhiệm quan tâm đến chất lượng môi trường và chịu trách nhiệm về việc làm suy giảm môi trường. Nguyên tắc của việc quy trách nhiệm này sẽ do luật định.

Chương III:
CÁC NGUỒN LUẬT

Điều 87

1. Các nguồn luật bắt buộc phổ biến của Cộng hòa Ba Lan là: Hiến pháp, các đạo luật, các điều ước quốc tế đã được phê chuẩn và các quy định dưới luật.

2. Việc ban hành văn bản pháp luật ở địa phương trong quá trình hoạt động của các cơ quan cũng sẽ là nguồn luật bắt buộc của Cộng hòa Ba Lan trong phạm vi lãnh thổ mà cơ quan đó ban hành pháp luật.

Điều 88

1. Điều kiện bắt buộc để có hiệu lực của các đạo luật, các quy định và văn bản pháp luật của địa phương là các văn bản này phải được công bố trước.

2. Các nguyên tắc và thủ tục công bố văn bản quy phạm pháp luật sẽ do luật định.

3. Các điều ước quốc tế đã được phê chuẩn mà không được chấp thuận trước bởi một đạo luật sẽ phải được công bố theo các thủ tục như đối với đạo luật. Các nguyên tắc công bố điều ước quốc tế sẽ do luật định.

Điều 89

1. Việc phê chuẩn hoặc rút khỏi một điều ước quốc tế của Cộng hòa Ba Lan sẽ phải được chấp thuận trước bởi đạo luật nếu điều ước quốc tế này liên quan đến:

1) Các hiệp ước về hòa bình, liên minh, chính trị hoặc quân sự;

2) Tự do, các quyền và nghĩa vụ của công dân được Hiến pháp quy định;

3) Tư cách thành viên của Cộng hòa Ba Lan tại một tổ chức quốc tế;

4) Các trách nhiệm về tài chính lớn được áp dụng đối với Quốc gia;

5) Các vấn đề được quy định trong luật hoặc các vấn đề mà Hiến pháp yêu cầu phải xây dựng luật.

2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng) có trách nhiệm thông báo cho Hạ nghị viện về ý định đệ trình để Tổng thống Ba Lan phê chuẩn bất kỳ điều ước quốc tế nào mà việc phê chuẩn đó không yêu cầu phải được chấp thuận bởi luật.

3. Các nguyên tắc và thủ tục ký kết và rút khỏi điều ước quốc tế do luật định.

Điều 90

1. Theo yêu cầu của các điều ước quốc tế, Cộng hòa Ba Lan có thể cử đại diện tại tổ chức quốc tế hoặc cơ quan quốc tế để thực hiện thẩm quyền của các cơ quan nhà nước liên quan đến các vấn đề cụ thể.

2. Đạo luật chấp thuận việc phê chuẩn một điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 phải được Hạ nghị viện thông qua với đa số 2/3 phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, và được Thượng nghị viện thông qua với đa số 2/3 phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Thượng nghị sĩ theo luật định.

3. Chấp thuận việc phê chuẩn điều ước quốc tế cũng có thể được thông qua bằng một cuộc trưng cầu ý dân toàn quốc theo quy định tại Điều 125.

4. Việc ra nghị quyết lựa chọn thủ tục chấp thuận việc phê chuẩn điều ước quốc tế phải được Hạ nghị viện đưa ra bằng một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

Điều 91

1. Sau khi được công bố trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (*Dziennik Ustaw*)[5], điều ước quốc tế đã được phê chuẩn sẽ trở thành một phần của luật nội địa và được áp dụng trực tiếp, trừ trường hợp việc áp dụng điều ước cần phải ban hành một đạo luật

[5]. Dziennik Ustaw (Journal of Laws of the Republic of Poland): Công báo của Cộng hòa Ba Lan là ấn phẩm duy nhất đăng tải các nguồn luật ở Ba Lan - ND.

2. Điều ước quốc tế đã được phê chuẩn trên cơ sở được luật chấp thuận trước sẽ được ưu tiên áp dụng hơn so với các đạo luật khi xảy ra trường hợp điều ước này không thể tương thích với quy định của các đạo luật đó.

3. Nếu điều ước quốc tế đã được Cộng hòa Ba Lan phê chuẩn quy định việc thành lập một tổ chức quốc tế, thì các luật được ban hành bởi cơ quan này cũng sẽ được áp dụng trực tiếp và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp xung đột pháp luật.

Điều 92

1. Quy định dưới luật sẽ được ban hành nhằm mục đích thi hành các đạo luật và phải dựa trên cơ sở một sự ủy quyền cụ thể được quy định trong các đạo luật ban hành bởi các cơ quan được quy định trong Hiến pháp. Việc ủy quyền sẽ quy định rõ cơ quan thích hợp để ban hành quy định dưới luật và phạm vi của các vấn đề được quy định cũng như những nguyên tắc chỉ đạo liên quan đến các quy định dưới luật này.

2. Cơ quan được phép ban hành quy định dưới luật không được ủy quyền cho cơ quan khác thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1.

Điều 93

1. Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng và chỉ thị của Thủ tướng và các bộ trưởng chỉ mang tính nội bộ và bắt buộc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới của cơ quan ban hành văn bản.

2. Chỉ thị chỉ được ban hành căn cứ vào luật. Chỉ thị sẽ không được sử dụng làm căn cứ cho việc đưa ra các quyết định đối với công dân, pháp nhân và các thủ thể khác.

3. Nghị quyết và chỉ thị sẽ được giám sát về sự phù hợp với pháp luật mang tính bắt buộc chung.

Điều 94

Trên cơ sở và trong giới hạn do luật định, các cơ quan của chính quyền địa phương và các cơ quan điều hành chính phủ ở khu vực có trách nhiệm ban hành văn bản pháp luật địa phương áp dụng đối với khu vực mình quản lý. Nguyên tắc và thủ tục cho việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương sẽ do luật định.

Chương IV:
HẠ NGHỊ VIỆN VÀ THƯỢNG NGHỊ VIỆN

Điều 95

1. Quyền lập pháp ở Cộng hòa Ba Lan do Hạ nghị viện và Thượng nghị viện thực hiện.

2. Hạ nghị viện có trách nhiệm giám sát các hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng trong phạm vi Hiến pháp và luật quy định.

Bầu cử và nhiệm kỳ

Điều 96

1. Hạ nghị viện gồm 460 Hạ nghị sĩ.

2. Các cuộc bầu cử Hạ nghị viện là phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, theo tỷ lệ và được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

Điều 97

1. Thượng nghị viện gồm 100 Thượng nghị sĩ.

2. Các cuộc bầu cử Thượng nghị viện là phổ thông, trực tiếp và được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

Điều 98

1. Hạ nghị viện và Thượng nghị viện được lựa chọn theo nhiệm kỳ 4 năm. Nhiệm kỳ của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện bắt đầu từ ngày Hạ nghị viện họp kỳ thứ nhất và kéo dài cho đến hết ngày trước ngày họp của Hạ nghị viện nhiệm kỳ tiếp theo.

2. Việc bầu cử Hạ nghị viện và Thượng nghị viện được thực hiện theo lệnh của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan được ban hành không chậm hơn 90 ngày trước khi hết nhiệm kỳ 4 năm kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện, và Tổng thống sẽ ra lệnh tổ chức cuộc bầu cử vào ngày nghỉ trong thời hạn 30 ngày trước khi hết 4 năm kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

3. Hạ nghị viện có thể rút ngắn nhiệm kỳ bằng một nghị quyết được thông qua với đa số ít nhất 2/3 phiếu của tổng số Hạ nghị sĩ theo luật định. Việc rút ngắn nhiệm kỳ Hạ nghị viện cũng đồng thời rút ngắn nhiệm kỳ Thượng nghị viện. Các quy định của khoản 5 sẽ được áp dụng khi phù hợp.

4. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hạ nghị viện và Chủ tịch Thượng nghị viện, trong những trường hợp được quy định trong Hiến pháp, có thể ra lệnh rút ngắn nhiệm kỳ Hạ nghị viện. Khi nhiệm kỳ Hạ nghị viện được rút ngắn thì nhiệm kỳ Thượng nghị viện cũng được rút ngắn.

5. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, khi ra lệnh rút ngắn nhiệm kỳ Hạ nghị viện, phải đồng thời ra lệnh bầu cử Hạ nghị viện và Thượng nghị viện và ra lệnh tổ chức bầu cử vào một ngày không chậm hơn 45 ngày kể từ ngày công bố chính thức lệnh của Tổng thống về việc rút ngắn nhiệm kỳ Hạ nghị viện. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm triệu tập kỳ họp thứ nhất của Hạ nghị viện mới được bầu không chậm hơn ngày thứ 15 sau ngày cuộc bầu cử được tổ chức.

6. Trong trường hợp rút ngắn nhiệm kỳ Hạ nghị viện, các quy định tại khoản 1 sẽ được áp dụng khi phù hợp.

Điều 99

1. Mọi công dân có quyền bầu cử lựa chọn những người đủ 21 tuổi trước ngày bầu cử để có thể bầu vào Hạ nghị viện.

2. Mọi công dân có quyền bầu cử lựa chọn những người đủ 30 tuổi trước ngày bầu cử để có thể bầu vào Thượng nghị viện.

Điều 100

1. Các ứng cử viên Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ có thể được các đảng chính trị hoặc cử tri đề cử.

2. Không ai được cùng một lúc tranh cử vào Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

3. Các nguyên tắc và thủ tục đề cử các ứng cử viên và việc tiến hành bầu cử, cũng như các yêu cầu về tính hợp lệ của cuộc bầu cử sẽ do luật định.

Điều 101

1. Tòa án Tối cao có trách nhiệm xem xét về tính hợp lệ của các cuộc bầu cử Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

2. Cử tri có quyền khởi kiện lên Tòa án Tối cao về tính hợp lệ của các cuộc bầu cử theo các nguyên tắc do luật định.

Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ

Điều 102

Không ai được đồng thời vừa làm Hạ nghị sĩ vừa làm Thượng nghị sĩ.

Điều 103

1. Hạ nghị sĩ không được đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao, Cao ủy viên về Quyền Công dân, Cao ủy viên phụ trách về Quyền Trẻ em hoặc cấp phó của những người này, thành viên Hội đồng Chính sách Tiền tệ, thành viên Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia, đại sứ, hoặc làm việc trong Văn phòng Hạ nghị viện, Văn phòng Thượng nghị viện, Văn phòng Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, hoặc làm việc trong cơ quan hành chính của chính phủ. Quy định cấm này không áp dụng đối với các thành viên Hội đồng Bộ trưởng và các viên chức cao cấp của nhà nước trong các cơ quan điều hành chính phủ.

2. Thẩm phán, công tố viên, công chức nhà nước, người làm việc trong các lực lượng quân đội, công an hoặc bảo vệ nhà nước không được làm Hạ nghị sĩ.

3. Các trường hợp khác cấm đảm nhiệm chức vụ Hạ nghị sĩ hoặc cấm thực hiện đồng thời các nhiệm vụ công khác có thể do luật định.

Điều 104

1. Các Hạ nghị sĩ đại diện cho cả nước. Các Hạ nghị sĩ không bị ràng buộc bởi bất kỳ chỉ thị nào của khu vực bầu cử.

2. Hạ nghị sĩ, trước khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, sẽ phải tuyên thệ trước Hạ nghị viện như sau:

“Tôi chính thức tuyên thệ thực hiện các nhiệm vụ của mình đối với Nhân dân một cách mẫn cán và tận tâm, để bảo vệ chủ quyền và các lợi ích của Nhà nước, làm mọi việc trong phạm vi quyền hạn của mình vì sự phồn vinh của Đất nước và hạnh phúc của nhân dân, và tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của Cộng hòa Ba Lan.”

Lời tuyên thệ cũng có thể được đưa ra cùng với câu "Tôi xin thề, trước Chúa."

3. Việc từ chối tuyên thệ sẽ được xem là từ bỏ nhiệm vụ.

Điều 105

1. Hạ nghị sĩ sẽ không phải chịu trách nhiệm về hành động của mình được thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ của Hạ nghị sĩ trong thời gian đương nhiệm cũng như sau khi kết thúc. Đối với những hoạt động này, Hạ nghị sĩ có thể chỉ phải chịu trách nhiệm trước Hạ nghị viện và, trong trường hợp Hạ nghị sĩ đã vi phạm quyền của bên thứ ba, Hạ nghị sĩ chỉ có thể bị khởi kiện ra trước tòa án khi được Hạ nghị viện chấp thuận.

2. Từ ngày công bố kết quả bầu cử cho tới ngày kết thúc nhiệm vụ của mình, Hạ nghị sĩ sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu không được Hạ nghị viện chấp thuận.

3. Các thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành đối với một người trước ngày người đó được bầu làm Hạ nghị sĩ, sẽ được tạm đình chỉ theo yêu cầu của Hạ nghị viện cho tới khi kết thúc nhiệm kỳ Hạ nghị sĩ. Trong trường hợp này, luật quy định hạn chế về các thủ tục tố tụng sẽ được áp dụng cho thời gian tương ứng.

4. Hạ nghị sĩ có thể đồng ý đưa ra xem xét trách nhiệm hình sự của mình. Trong trường hợp này, quy định tại các khoản 2 và 3 sẽ không áp dụng.

5. Hạ nghị sĩ sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ mà không có sự chấp thuận của Hạ nghị viện, trừ trường hợp người này đã bị bắt quả tang thực hiện tội phạm và việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Việc giam giữ này sẽ phải được thông báo cho Chủ tịch Hạ nghị viện, là người có thể ra lệnh phóng thích ngay đối với Hạ nghị sĩ.

6. Các nguyên tắc về giam giữ và thủ tục đưa ra xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hạ nghị sĩ sẽ do luật định.

Điều 106

Các điều kiện thích hợp để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của Hạ nghị sĩ cũng như bảo vệ các quyền của Hạ nghị sĩ khi thực hiện nhiệm vụ sẽ do luật định.

Điều 107

1. Hạ nghị sĩ không được phép, ở mức độ do luật định, thực hiện bất kỳ hoạt động thương mại nào liên quan đến lợi ích thu được từ tài sản của

Bộ Ngân khố Quốc gia hoặc chính quyền địa phương hoặc để có được tài sản đó.

2. Khi vi phạm quy định cấm tại khoản 1, bằng nghị quyết của Hạ nghị viện được thông qua theo đề nghị của Chủ tịch Hạ nghị viện, Hạ nghị sĩ sẽ được đưa ra xem xét trách nhiệm trước Tòa án Quốc gia, là cơ quan có trách nhiệm xem xét việc tước nhiệm vụ Hạ nghị sĩ.

Điều 108

Quy định tại các Điều 103-107 sẽ được áp dụng đối với Thượng nghị sĩ một cách phù hợp.

Tổ chức và chức năng, nhiệm vụ

Điều 109

1. Hạ nghị viện và Thượng nghị viện thảo luận tại các kỳ họp.

2. Kỳ họp thứ nhất của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện, do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan triệu tập, được tổ chức trong thời hạn 30 ngày sau ngày bầu cử, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 3 và 5 của Điều 98.

Điều 110

1. Hạ nghị viện bầu Chủ tịch Quốc hội và các Phó Chủ tịch Quốc hội trong số các Hạ nghị sĩ.

2. Chủ tịch Hạ nghị viện có trách nhiệm chủ trì các cuộc thảo luận tại Hạ nghị viện, bảo đảm các quyền hạn của Hạ nghị viện cũng như đại diện Hạ nghị viện trong các quan hệ đối ngoại.

3. Hạ nghị viện thành lập các Ủy ban thường trực và có thể thành lập các Ủy ban đặc biệt.

Điều 111

1. Hạ nghị viện có thể thành lập Ủy ban điều tra để xem xét về một vấn đề cụ thể.

2. Thủ tục làm việc của Ủy ban điều tra sẽ do luật định.

Điều 112

Công tác tổ chức nội bộ, việc tiến hành công việc của Hạ nghị viện và thủ tục thành lập, hoạt động của các cơ quan của Hạ nghị viện cũng như cách thức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước liên quan đến Hạ nghị viện theo quy định của Hiến pháp và luật sẽ được quy định trong quy chế hoạt động do Hạ nghị viện thông qua.

Điều 113

Các kỳ họp của Hạ nghị viện được tổ chức công khai. Vì lợi ích quốc gia, Hạ nghị viện có thể quyết định tổ chức thảo luận kín bằng một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

Điều 114

1. Trong những trường hợp cụ thể quy định trong Hiến pháp, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện họp chung, làm việc như là Quốc hội, do Chủ tịch Hạ nghị viện chủ trì hoặc Chủ tịch Thượng nghị viện chủ trì trong trường hợp Chủ tịch Hạ nghị viện vắng mặt.

2. Quốc hội sẽ thông qua quy chế hoạt động của mình.

Điều 115

1. Thủ tướng và các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời các chất vấn và câu hỏi của Hạ nghị sĩ trong thời hạn 21 ngày.

2. Thủ tướng và các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trả lời các câu hỏi phát sinh trong mỗi phiên họp của Hạ nghị viện.

Điều 116

1. Hạ nghị viện có quyền nhân danh Cộng hòa Ba Lan tuyên bố tình trạng chiến tranh và ký kết hiệp ước hòa bình.

2. Hạ nghị viện chỉ có thể thông qua nghị quyết về tình trạng chiến tranh trong trường hợp có xâm lược quân sự đối với lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan hoặc khi phát sinh nghĩa vụ phòng thủ chung đối với hành động xâm lược theo điều ước quốc tế. Nếu Hạ nghị viện không họp, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể tuyên bố tình trạng chiến tranh.

Điều 117

Các nguyên tắc triển khai các Lực lượng Vũ trang ngoài biên giới của Cộng hòa Ba Lan phải được quy định trong điều ước quốc tế đã được phê chuẩn hoặc trong luật. Các nguyên tắc cho phép quân đội nước ngoài có mặt trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan và các nguyên tắc chuyển quân trong phạm vi lãnh thổ Ba Lan phải được quy định trong các điều ước đã được phê chuẩn hoặc theo quy định của luật.

Điều 118

1. Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan và Hội đồng Bộ trưởng có quyền trình dự án luật.

2. Một nhóm ít nhất 100.000 công dân có quyền bầu cử Hạ nghị viện cũng có quyền trình dự án luật. Thủ tục về vấn đề này sẽ do luật định.

3. Người bảo trợ dự án, khi trình dự án luật ra Hạ nghị viện, có trách nhiệm giải trình rõ các hệ quả về tài chính của việc thực thi dự án luật.

Điều 119

1. Hạ nghị viện xem xét các dự án luật qua ba lần đọc.

2. Người bảo trợ dự án, Hạ nghị sĩ và Hội đồng Bộ trưởng có quyền đưa ra những sửa đổi đối với dự án luật trong quá trình dự án luật được Hạ nghị viện xem xét.

3. Chủ tịch Hạ nghị viện có thể từ chối việc đưa ra biểu quyết đối với bất kỳ đề xuất sửa đổi nào đối với dự án luật khi các đề xuất này chưa được xem xét tại một ủy ban.

4. Người bảo trợ dự án có thể rút dự án luật trong khi tiến hành các thủ tục lập pháp ở Hạ nghị viện cho tới khi kết thúc lần đọc thứ hai.

Điều 120

Hạ nghị viện thông qua các dự án luật với đa số phiếu thường, với sự có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, trừ trường hợp Hiến pháp quy định một đa số khác. Thủ tục tương tự sẽ được áp dụng trong việc Hạ nghị viện thông qua các nghị quyết, trừ trường hợp luật hoặc nghị quyết của Hạ nghị viện có quy định khác.

Điều 121

1. Dự án luật đã được Hạ nghị viện thông qua sẽ được Chủ tịch Hạ nghị viện trình sang Thượng nghị viện.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày trình dự án, Thượng nghị viện có thể thông qua dự án luật mà không có sửa đổi, hoặc thông qua dự án luật với những sửa đổi của mình hoặc quyết định phủ quyết toàn bộ. Nếu trong thời hạn 30 ngày sau ngày trình dự án luật, Thượng nghị viện không thông qua nghị quyết về dự án luật, thì dự án luật sẽ được xem là đã được thông qua theo lời lẽ đã được Hạ nghị viện trình.

3. Nghị quyết của Thượng nghị viện phủ quyết dự án luật hoặc những kiến nghị sửa đổi đối với dự án luật của Thượng nghị viện sẽ được xem là được chấp nhận, trừ trường hợp Hạ nghị viện từ chối bằng đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

Điều 122

1. Sau khi kết thúc thủ tục quy định tại Điều 121, Chủ tịch Hạ nghị viện trình dự án luật đã thông qua lên Tổng thống Cộng hòa Ba Lan để ký ban hành.

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ký ban hành dự án luật trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày được trình và ra lệnh công bố luật trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (*Dziennik Ustaw*).

3. Trước khi ký ban hành dự án luật, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể chuyển dự án luật tới Tòa án Hiến pháp để xem xét về sự phù hợp với Hiến pháp của dự án luật. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không được từ chối ký ban hành dự án luật đã được Tòa án Hiến pháp xác định là phù hợp với Hiến pháp.

4. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan từ chối ký ban hành dự án luật mà Tòa án Hiến pháp đã xác định là không phù hợp với Hiến pháp. Tuy nhiên,

nếu việc không phù hợp với Hiến pháp liên quan đến các điều khoản cụ thể của dự án luật và Tòa án Hiến pháp đã không xác định các quy định này không thể tách rời toàn bộ dự án luật, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, sau khi tham vấn ý kiến của Chủ tịch Hạ nghị viện, có thể ký ban hành dự án luật mà không có các điều khoản được cho là không phù hợp với Hiến pháp hoặc trả lại dự án luật để Hạ nghị viện loại bỏ những quy định không phù hợp.

5. Nếu Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không chuyển dự án luật tới Tòa án Hiến pháp theo quy định tại khoản 3, thì với những lý do của mình, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể chuyển trả dự án luật để Hạ nghị viện xem xét lại. Nếu dự án luật này lại được Hạ nghị viện thông qua với đa số 3/4 phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm ký ban hành dự án luật trong thời hạn 7 ngày và ra lệnh công bố trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (*Dziennik Ustaw*). Trong trường hợp dự án luật lại được Hạ nghị viện thông qua thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không có quyền chuyển dự án luật tới Tòa án Hiến pháp theo thủ tục quy định tại khoản 3.

6. Việc Tổng thống Cộng hòa Ba Lan chuyển dự án luật tới Tòa án Hiến pháp để xem xét về sự phù hợp của một đạo luật với Hiến pháp hoặc đề nghị xem xét lại dự án luật sẽ trì hoãn thời gian ký ban hành dự án luật quy định tại khoản 2.

Điều 123

1. Hội đồng Bộ trưởng có thể tự xác định một dự án luật cần được ưu tiên xem xét thông qua khẩn cấp, ngoại trừ các dự án luật thuế, các dự án luật quy định về bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, bầu cử Hạ nghị viện và các cơ quan của chính quyền địa phương, các dự án luật quy định về tổ chức và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước, và dự thảo các bộ luật.

2. Quy chế hoạt động của Hạ nghị viện và Quy chế hoạt động của Thượng nghị viện sẽ xác định rõ những sửa đổi trong thủ tục lập pháp khi một dự án luật được xác định được ưu tiên thông qua khẩn cấp.

3. Trong thủ tục lập pháp liên quan đến một dự án luật được xác định là ưu tiên thông qua khẩn cấp, thì thời gian xem xét dự án luật của Thượng nghị viện là 14 ngày và thời gian ký ban hành của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan là 7 ngày.

Điều 124

Quy định tại Điều 110, Điều 112, Điều 113 và Điều 120 sẽ được áp dụng một cách phù hợp với Thượng nghị viện.

Trưng cầu ý dân

Điều 125

1. Cuộc trưng cầu ý dân cấp quốc gia có thể được tổ chức về những vấn đề đặc biệt quan trọng đối với Quốc gia.

2. Việc quyết định tổ chức trưng cầu ý dân cấp quốc gia thuộc thẩm quyền của Hạ nghị viện, được đưa ra với một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, hoặc thuộc thẩm quyền của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan với sự chấp thuận của Thượng nghị viện được đưa ra với một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Thượng nghị sĩ theo luật định

3. Kết quả của cuộc trưng cầu ý dân cấp quốc gia có tính bắt buộc nếu có hơn 1/2 số người có quyền bầu cử tham gia cuộc trưng cầu ý dân.

4. Tính hợp lệ của cuộc trưng cầu ý dân cấp quốc gia và cuộc trưng cầu ý dân quy định tại khoản 6, Điều 235 do Tòa án Tối cao quyết định.

5. Các nguyên tắc và thủ tục tổ chức cuộc trưng cầu ý dân sẽ do luật định.

Chương V:
TỔNG THỐNG CỘNG HÒA BA LAN

Điều 126

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan là người đại diện tối cao của Cộng hòa Ba Lan và là người bảo đảm cho sự liên tục của cơ quan nhà nước.

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ Hiến pháp, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia cũng như sự bất khả xâm phạm và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

3. Tổng thống thực hiện nhiệm vụ của mình trong phạm vi và theo các nguyên tắc do Hiến pháp và luật quy định.

Điều 127

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan do nhân dân bầu trong cuộc bầu cử phổ thông, bình đẳng và trực tiếp, được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan được bầu với nhiệm kỳ 5 năm và chỉ có thể được bầu lại thêm một nhiệm kỳ.

3. Chỉ công dân Ba Lan, tính đến ngày bầu cử, đủ 35 tuổi và có đầy đủ quyền bầu cử Hạ nghị viện, mới có thể được bầu làm Tổng thống Cộng hòa Ba Lan. Mỗi ứng cử viên sẽ phải có được chữ ký ủng hộ của ít nhất 100.000 công dân có quyền bầu cử Hạ nghị viện.

4. Ứng cử viên nhận được hơn 1/2 số phiếu bầu hợp lệ sẽ trúng cử chức vụ Tổng thống Cộng hòa Ba Lan. Nếu không có ứng cử viên nào nhận được đa số phiếu yêu cầu, thì sẽ tổ chức lại việc bỏ phiếu vào ngày thứ 14 sau ngày bỏ phiếu lần thứ nhất.

5. Hai ứng cử viên nhận được số phiếu bầu cao nhất trong lần bỏ phiếu thứ nhất sẽ tham gia vào lần bỏ phiếu lại. Nếu một trong số hai ứng cử viên này đồng ý rút khỏi danh sách ứng cử viên, mất quyền bầu cử hoặc chết, thì người đó sẽ được thay thế trong lần bỏ phiếu lại bởi người nhận được số phiếu bầu cao kế tiếp trong lần bỏ phiếu thứ nhất. Trong trường hợp này, ngày bỏ phiếu lại sẽ được gia hạn thêm 14 ngày.

6. Ứng cử viên nhận được số phiếu bầu cao hơn trong lần bỏ phiếu lại sẽ được bầu làm Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

7. Các nguyên tắc và thủ tục đề cử ứng cử viên và tiến hành bầu cử, cũng như những yêu cầu về tính hợp lệ của cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ do luật định.

Điều 128

1. Nhiệm kỳ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bắt đầu từ ngày nhậm chức.

2. Chủ tịch Hạ nghị viện ra lệnh tổ chức cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không trước 100 ngày và không sau 75 ngày tính đến ngày hết nhiệm kỳ Tổng thống, và trong trường hợp khuyết vị trí Tổng thống Cộng hòa Ba Lan – không được muộn hơn ngày thứ 14 của thời điểm bị khuyết, trong đó lệnh cần quy định rõ cuộc bầu cử sẽ được tổ chức vào một ngày nghỉ và trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra lệnh tổ chức bầu cử.

Điều 129

1. Tòa án Tối cao xem xét về tính hợp lệ của cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

2. Cử tri có quyền khởi kiện lên Tòa án Tối cao về tính hợp lệ của cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan theo các nguyên tắc do luật định.

3. Trong trường hợp cuộc bầu cử Tổng thống Cộng hòa Ba Lan được xác định là không hợp lệ, thì một cuộc bầu cử mới sẽ được tổ chức theo các nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 128 liên quan đến vấn đề khuyết vị trí Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

Điều 130

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ nhậm chức thông qua việc tuyên thệ trước Quốc hội như sau:

"Với mong muốn của Nhân dân, nhậm chức Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, tôi chính thức tuyên thệ trung thành với các quy định của Hiến pháp; tôi cam kết rằng tôi sẽ kiên định bảo vệ các giá trị của Dân tộc, sự độc lập và an ninh của Quốc gia, cũng như những điều tốt đẹp của Tổ quốc và sự phồn vinh của người dân sẽ là nghĩa vụ cao quý của tôi."

Lời tuyên thệ cũng có thể được đưa ra cùng với câu "Tôi xin thề, trước Chúa."

Điều 131

1. Nếu Tổng thống Cộng hòa Ba Lan tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Tổng thống có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hạ nghị viện, là người sẽ tạm thời đảm nhiệm nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan. Nếu Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không có khả

năng thông báo cho Chủ tịch Hạ nghị viện về việc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, thì Tòa án Hiến pháp, theo đề nghị của Chủ tịch Hạ nghị viện, sẽ quyết định việc có hay không có trở ngại đến việc thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan. Nếu Tòa án Hiến pháp xác định có trở ngại, thì Tòa án sẽ yêu cầu Chủ tịch Hạ nghị viện tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

2. Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan cho tới khi bầu được Tổng thống Cộng hòa Ba Lan mới trong các trường hợp sau đây:

1) Tổng thống Cộng hòa Ba Lan chết;

2) Tổng thống từ chức;

3) Có tuyên bố của tòa án về tính không hợp lệ của cuộc bầu cử Tổng thống hoặc các lý do khác không thể nhậm chức sau cuộc bầu cử;

4) Có tuyên bố của Quốc hội về việc Tổng thống vĩnh viễn không có khả năng thực hiện nhiệm vụ vì tình trạng sức khỏe; tuyên bố này phải được ghi nhận bằng một nghị quyết được thông qua với đa số phiếu của ít nhất 2/3 số thành viên của Quốc hội theo luật định;

5) Có phán quyết của Tòa án Quốc gia bãi nhiệm Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

3. Nếu Chủ tịch Hạ nghị viện không thể thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, thì Chủ tịch Thượng nghị viện sẽ thực hiện những nhiệm vụ này.

4. Người được giao thực hiện nhiệm vụ của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ không rút ngắn nhiệm kỳ của Hạ nghị viện.

Điều 132

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan không đảm nhiệm các chức vụ khác cũng như không thực hiện bất kỳ nhiệm vụ công nào khác, trừ trường hợp những nhiệm vụ này có liên quan đến nhiệm vụ của mình.

Điều 133

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan là người đại diện cho Nhà nước về đối ngoại, có trách nhiệm:

1) Phê chuẩn và rút khỏi các điều ước quốc tế, và có trách nhiệm thông báo cho Hạ nghị viện và Thượng nghị viện về việc này;

2) Cử và triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa Ba Lan tại nước khác hoặc tại các tổ chức quốc tế;

3) Tiếp nhận Quốc thư và triệu hồi đại diện ngoại giao của nước khác và các tổ chức quốc tế được gửi tới Tổng thống;

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, trước khi phê chuẩn một điều ước quốc tế có thể chuyển điều ước đó đến Tòa án Hiến pháp để yêu cầu xem xét về sự phù hợp với Hiến pháp của điều ước đó.

3. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm hợp tác với Thủ tướng và các bộ trưởng hữu quan về các chính sách đối ngoại.

Điều 134

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan là Người Thống lĩnh tối cao đối với các Lực lượng Vũ trang của Ba Lan.

2. Trong thời bình, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan thực hiện quyền thống lĩnh các Lực lượng Vũ trang thông qua Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Trong một khoản thời gian nhất định, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ bổ nhiệm Tổng Tham mưu trưởng và người đứng đầu các lực lượng của các Lực lượng Vũ trang. Thời gian bổ nhiệm, thủ tục và các quy định về việc cách chức trước thời hạn đối với những chức vụ này sẽ do luật định.

4. Trong thời chiến, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ bổ nhiệm Tổng Tư lệnh các Lực lượng Vũ trang theo đề nghị của Thủ tướng. Tổng thống có thể cách chức Tổng Tư lệnh các Lực lượng Vũ trang theo thủ tục tương tự. Thẩm quyền của Tổng Tư lệnh các Lực lượng Vũ trang, cũng như nguyên tắc phục tùng đối với các cơ quan hiến định của Cộng hòa Ba Lan, sẽ do luật định.

5. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan phong cấp bậc hàm quân đội theo quy định của luật.

6. Thẩm quyền của Tổng thống Ba Lan về quyền thống lĩnh tối cao đối với các Lực lượng Vũ trang sẽ được quy định cụ thể trong luật.

Điều 135

Hội đồng An ninh Quốc gia là cơ quan tư vấn của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan về vấn đề an ninh nội bộ và đối ngoại của Đất nước.

Điều 136

Trong trường hợp có đe dọa trực tiếp từ bên ngoài đối với Đất nước, theo đề nghị của Thủ tướng, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ và triển khai các Lực lượng Vũ trang để phòng thủ Cộng hòa Ba Lan.

Điều 137

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan trao quốc tịch Ba Lan và đồng ý cho từ bỏ quốc tịch Ba Lan.

Điều 138

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan trao tặng huân chương và huy chương.

Điều 139

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có quyền đặc xá. Quyền đặc xá không áp dụng đối với những người bị Tòa án Quốc gia kết án.

Điều 140

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể đưa ra Thông điệp tới Hạ nghị viện, Thượng nghị viện hoặc Quốc hội. Thông điệp này sẽ không được thảo luận.

Điều 141

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể triệu tập Hội đồng Nội các để thảo luận về những vấn đề cụ thể. Hội đồng Nội các gồm có Hội đồng Bộ trưởng và việc thảo luận sẽ do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan chủ trì.

2. Hội đồng Nội các không có thẩm quyền của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 142

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ban hành các quy định dưới luật và mệnh lệnh hành chính theo các nguyên tắc quy định tại các Điều 92 và 93.

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ban hành các quyết định trong phạm vi nhiệm vụ thuộc thẩm quyền khác của mình.

Điều 143

Văn phòng Tổng thống là cơ quan giúp việc cho Tổng thống Cộng hòa Ba Lan. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan thiết lập quy chế hoạt động của Văn phòng Tổng thống và bổ nhiệm, cách chức Chánh Văn phòng Tổng thống.

Điều 144

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, khi thực hiện thẩm quyền do Hiến pháp hoặc luật quy định, ban hành các Quy định Công vụ [Offical Acts].

2. Để có hiệu lực, Quy định Công vụ của Tổng thống phải được Thủ tướng ký để thể hiện sự đồng ý đảm nhận trách nhiệm về các Quy định Công vụ này trước Hạ nghị viện.

3. Các quy định tại khoản 2 sẽ không liên quan đến:

1) Tuyên bố bầu cử Hạ nghị viện và Thượng nghị viện;

2) Triệu tập kỳ họp thứ nhất của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện mới được bầu;

3) Rút ngắn nhiệm kỳ của Hạ nghị viện trong những trường hợp do Hiến pháp quy định;

4) Trình dự án luật;

5) Công bố tổ chức cuộc trưng cầu ý dân cấp quốc gia;

6) Ký ban hành hoặc từ chối ký ban hành một dự án luật;

7) Ra lệnh công bố luật hoặc điều ước quốc tế trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (Dziennik Ustaw);

8) Gửi Thông điệp đến Hạ nghị viện, Thượng nghị viện hoặc Quốc hội;

9) Chuyển vụ việc tới Tòa án Hiến pháp;

10) Yêu cầu Văn phòng Kiểm toán Tối cao thực hiện việc kiểm toán;

11) Đề cử và bổ nhiệm Thủ tướng;

12) Chấp nhận việc xin từ chức của Hội đồng Bộ trưởng và buộc Hội đồng Bộ trưởng tạm thời tiếp tục nhiệm vụ của mình;

13) Yêu cầu Hạ nghị viện đưa một thành viên Hội đồng Bộ trưởng ra chịu trách nhiệm trước Tòa án Quốc gia;

14) Cách chức bộ trưởng đã bị Hạ nghị viện bỏ phiếu bất tín nhiệm;

15) Triệu tập Hội đồng Nội các;

16) Trao tặng huân chương và huy chương;

17) Bổ nhiệm thẩm phán;

18) Thực hiện quyền đặc xá;

19) Trao quốc tịch Ba Lan và đồng ý cho từ bỏ quốc tịch Ba Lan;

20) Bổ nhiệm Chánh án Thứ nhất Tòa án Tối cao;

21) Bổ nhiệm Chánh án và Phó Chánh án Tòa án Hiến pháp;

22) Bổ nhiệm Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao;

23) Bổ nhiệm các chánh án Tòa án Tối cao và các phó chánh án Tòa án Hành chính Tối cao;

24) Đề nghị Hạ nghị viện bổ nhiệm Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan;

25) Bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Chính sách Tiền tệ;

26) Bổ nhiệm và cách chức các thành viên Hội đồng An ninh Quốc gia;

27) Bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia;

28) Thiết lập quy chế hoạt động của Văn phòng Tổng thống và bổ nhiệm hoặc cách chức Chánh Văn phòng Tổng thống;

29) Ban hành lệnh theo các nguyên tắc quy định tại Điều 93;

30) Từ nhiệm chức vụ Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

Điều 145

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể phải chịu trách nhiệm trước Tòa án Quốc gia về việc vi phạm Hiến pháp hoặc luật, hoặc về việc thực hiện tội phạm.

2. Quyết định truy tố Tổng thống Cộng hòa Ba Lan phải được Quốc hội thông qua bằng nghị quyết với đa số phiếu của ít nhất 2/3 số thành viên Quốc hội theo luật định, trên cơ sở đề nghị của ít nhất 140 thành viên Quốc hội.

3. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bị tạm đình chỉ việc thực hiện toàn bộ nhiệm vụ của mình vào ngày quyết định truy tố Tổng thống được đưa ra

để xem xét trước Tòa án Quốc gia. Các quy định tại Điều 131 sẽ được áp dụng khi phù hợp.

Chương VI:
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 146

1. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các vấn đề đối nội và chính trách đối ngoại của Cộng hòa Ba Lan.

2. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các vấn đề của nhà nước chưa được giao cho các cơ quan Nhà nước khác hoặc chính quyền địa phương.

3. Hội đồng Bộ trưởng điều hành nền hành chính nhà nước.

4. Trong phạm vi và theo các nguyên tắc do Hiến pháp và luật quy định, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm cụ thể như sau:

1) Bảo đảm việc thực thi các đạo luật;

2) Ban hành các quy định dưới luật;

3) Phối hợp và giám sát công việc của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước;

4) Bảo vệ lợi ích của Ngân khố Quốc gia;

5) Dự thảo Ngân sách Nhà nước;

6) Giám sát việc thực hiện Ngân sách Nhà nước và thông qua nghị quyết về việc kết thúc tài khóa quốc gia và báo cáo về việc thực hiện Ngân sách;

7) Bảo đảm an ninh nội địa và trật tự công cộng;

8) Bảo đảm an ninh đối ngoại của Nhà nước;

9) Thực hiện kiểm soát chung trong quan hệ với các nước khác và các tổ chức quốc tế;

10) Ký kết các điều ước quốc tế yêu cầu có sự phê chuẩn cũng như chấp nhận và từ bỏ các điều ước quốc tế khác;

11) Thực hiện kiểm soát chung trong lĩnh vực quốc phòng và quy định số lượng công dân hàng năm phải thực hiện nghĩa vụ quân sự;

12) Quyết định về tổ chức và cách thức làm việc của mình.

Điều 147

1. Hội đồng Bộ trưởng gồm có Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng) và các bộ trưởng.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Phó Thủ tướng) cũng có thể được bổ nhiệm trong Hội đồng Bộ trưởng.

3. Thủ tướng và các Phó Thủ tướng cũng có thể thực hiện nhiệm vụ của bộ trưởng.

4. Chủ tịch các ủy ban do luật định cũng có thể được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 148

Thủ tướng có trách nhiệm:

1) Đại diện Hội đồng Bộ trưởng;

2) Điều hành công việc của Hội đồng Bộ trưởng;

3) Ban hành quy định dưới luật;

4) Bảo đảm việc thực hiện các chính sách được Hội đồng Bộ trưởng thông qua và quy định các cách thức thực hiện;

5) Phối hợp và kiểm soát công việc của các thành viên Hội đồng Bộ trưởng;

6) Trong phạm vi và theo cách thức do Hiến pháp và luật quy định, thực hiện quyền giám sát đối với chính quyền địa phương;

7) Là công chức cấp cao trong số những người làm việc của chính phủ.

Điều 149

1. Mỗi Bộ trưởng trực tiếp phụ trách một lĩnh vực hành chính nhà nước hoặc thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của Thủ tướng. Phạm vi hoạt động của bộ trưởng phụ trách lĩnh vực hành chính nhà nước sẽ do luật định.

2. Bộ trưởng trực tiếp phụ trách lĩnh vực hành chính nhà nước sẽ ban hành các quy định dưới luật. Hội đồng Bộ trưởng, theo đề nghị của Thủ tướng, có thể hủy bỏ quy định dưới luật hoặc chỉ thị của bộ trưởng.

3. Các quy định có thể áp dụng đối với bộ trưởng phụ trách lĩnh vực hành chính nhà nước được áp dụng một cách phù hợp đối với chủ tịch các ủy ban quy định tại khoản 4, Điều 147.

Điều 150

Thành viên Hội đồng Bộ trưởng không thực hiện bất kỳ hành động nào trái với công vụ của mình.

Điều 151

Thủ tướng, các Phó Thủ tướng và các bộ trưởng phải tuyên thệ trước Tổng thống Cộng hòa Ba Lan như sau:

"Nhậm chức Thủ tướng (Phó Thủ tướng, bộ trưởng) tôi chính thức tuyên thệ trung thành với các quy định của Hiến pháp và luật của Cộng hòa Ba Lan, và những điều tốt đẹp của Tổ quốc, sự phồn vinh của người dân sẽ là nghĩa vụ cao quý của tôi."

Lời tuyên thệ cũng có thể được đưa ra cùng với câu "Tôi xin thề, trước Chúa".

Điều 152

1. Tỉnh trưởng là người đại diện của Hội đồng Bộ trưởng ở một tỉnh.

2. Thủ tục bổ nhiệm hoặc cách chức, cũng như phạm vi hoạt động của tỉnh trưởng sẽ do luật định.

Điều 153

1. Đội ngũ công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước để bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ của Nhà nước một cách chuyên nghiệp, mẫn cán, không thiên vị và trung lập về chính trị.

2. Thủ tướng là công chức cấp cao của đội ngũ công chức.

Điều 154

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan đề cử Thủ tướng là người sẽ đưa ra kiến nghị về thành phần của Hội đồng Bộ trưởng. Trong thời hạn 14 ngày từ ngày bắt đầu kỳ họp thứ nhất của Hạ nghị viện hoặc chấp nhận sự từ chức của Hội đồng Bộ trưởng cũ, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ bổ nhiệm Thủ tướng cùng với các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng và chấp thuận lời tuyên thệ nhậm chức của các thành viên Hội đồng Bộ trưởng mới được bổ nhiệm.

2. Trong thời hạn 14 ngày sau ngày được bổ nhiệm bởi Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Thủ tướng có trách nhiệm trình kế hoạch hành động của Hội đồng Bộ trưởng lên Hạ nghị viện cùng với đề nghị bỏ phiếu tín nhiệm. Hạ nghị viện sẽ thông qua việc bỏ phiếu tín nhiệm với một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

3. Trong trường hợp Hội đồng Bộ trưởng không được bổ nhiệm theo khoản 1 hoặc thất bại trong việc bỏ phiếu tín nhiệm theo khoản 2, thì trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại các khoản 1 và 2, Hạ nghị viện sẽ chọn Thủ tướng và các thành viên Hội đồng Bộ trưởng theo đề xuất của Thủ tướng, bằng một đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ bổ nhiệm Hội đồng Bộ trưởng đã được Hạ nghị viện lựa chọn và chấp nhận lời tuyên thệ nhậm chức của các thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 155

1. Trong trường hợp Hội đồng Bộ trưởng không được bổ nhiệm theo quy định tại Điều 154, khoản 3, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, trong thời hạn 14 ngày, sẽ bổ nhiệm Thủ tướng và, theo đề nghị của Thủ tướng, bổ nhiệm các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng. Trong thời hạn 14 ngày sau ngày Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm Hội đồng bộ trưởng, Hạ nghị viện sẽ tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm với sự có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

2. Trong trường hợp việc bỏ phiếu tín nhiệm Hội đồng Bộ trưởng theo quy định tại khoản 1 không được chấp nhận, thì Tổng thống Cộng hòa phải rút ngắn nhiệm kỳ của Hạ nghị viện và ra lệnh tổ chức bầu cử.

Điều 156

1. Các thành viên Hội đồng Bộ trưởng sẽ bị đưa ra Tòa án Quốc gia để xem xét trách nhiệm về việc vi phạm Hiến pháp và các đạo luật, cũng như về việc thực hiện tội phạm liên quan đến nhiệm vụ của mình.

2. Theo đề nghị của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan hoặc của ít nhất 115 Hạ nghị sĩ, Hạ nghị viện sẽ thông qua nghị quyết về việc đưa thành viên Hội đồng Bộ trưởng ra chịu trách nhiệm trước Tòa án Quốc gia với một đa số 3/4 của số Hạ nghị sĩ do luật định.

Điều 157

1. Các thành viên Hội đồng Bộ trưởng sẽ chịu trách nhiệm tập thể trước Hạ nghị viện về các hành động của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Các thành viên Hội đồng Bộ trưởng sẽ chịu trách nhiệm cá nhân trước Hạ nghị viện về những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của mình hoặc được Thủ tướng phân cấp.

Điều 158

1. Hạ nghị viện thông qua việc bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Hội đồng Bộ trưởng với một đa số phiếu của số Hạ nghị sĩ theo luật định, theo đề nghị của ít nhất 46 Hạ nghị sĩ và ghi rõ tên của ứng cử viên chức vụ Thủ tướng. Nếu nghị quyết này được Hạ nghị viện thông qua, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan phải chấp nhận việc từ chức của Hội đồng Bộ trưởng và bổ nhiệm một Thủ tướng mới như Hạ nghị viện đã lựa chọn, và theo đề nghị của Thủ tướng, bổ nhiệm các thành viên khác của Hội đồng Bộ trưởng và chấp nhận lời tuyên thệ nhậm chức của những người này.

2. Đề nghị thông qua nghị quyết quy định tại khoản 1 có thể được đưa ra bỏ phiếu không sớm hơn 7 ngày sau ngày được đệ trình. Đề nghị tương tự tiếp theo có thể được đệ trình không sớm hơn 3 tháng kể từ ngày đề nghị trước đó được đệ trình. Đề nghị tiếp theo có thể được đệ trình trước khi kết thúc 3 tháng nếu đề nghị này được đệ trình bởi ít nhất 115 Hạ nghị sĩ.

Điều 159

1. Hạ nghị viện có thể thông qua việc bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với từng bộ trưởng. Đề nghị thông qua việc bỏ phiếu bất tín nhiệm này có thể được đệ trình bởi ít nhất 69 Hạ nghị sĩ. Các quy định tại khoản 2 Điều 158 được áp dụng một cách phù hợp.

2. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ bãi nhiệm bộ trưởng mà việc bỏ phiếu bất tín nhiệm đã được Hạ nghị viện thông qua với đa số phiếu của số Hạ nghị sĩ theo luật định.

Điều 160

Thủ tướng có thể đề nghị Hạ nghị viện bỏ phiếu tín nhiệm Hội đồng Bộ trưởng. Việc bỏ phiếu tín nhiệm Hội đồng Bộ trưởng phải được thông qua với đa số phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định.

Điều 161

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan quyết định thay đổi cơ cấu Hội đồng Bộ trưởng theo đề nghị của Thủ tướng.

Điều 162

1. Thủ tướng có trách nhiệm đệ trình việc từ chức của Hội đồng Bộ trưởng tại kỳ họp thứ nhất của Hạ nghị viện mới được bầu.

2. Thủ tướng cũng có trách nhiệm đệ trình việc từ chức của Hội đồng Bộ trưởng trong các trường hợp sau đây:

1) Khi việc bỏ phiếu tín nhiệm Hội đồng Bộ trường đã không được Hạ nghị viện thông qua.

2) Khi việc bỏ phiếu bất tín nhiệm Hội đồng Bộ trưởng đã được thông qua;

3) Khi Thủ tướng tự mình từ chức.

3. Khi chấp thuận việc từ chức của Hội đồng Bộ trưởng, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan sẽ buộc Hội đồng Bộ trưởng tiếp tục nhiệm vụ của mình cho đến khi Hội đồng Bộ trưởng mới được bầu ra.

4. Trong trường hợp quy định tại điểm 3 khoản 2, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có thể từ chối chấp thuận việc từ chức của Hội đồng Bộ trưởng.

Chương VII:
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 163

Chính quyền địa phương thực hiện các công vụ không được quy định trong Hiến pháp và các đạo luật về các cơ quan khác của Nhà nước.

Điều 164

1. Cấp xã [*gmina*] là đơn vị cơ sở của chính quyền địa phương.

2. Các đơn vị khác của chính quyền địa phương và/hoặc chính quyền vùng sẽ do luật định.

3. Cấp xã thực hiện tất cả các nhiệm vụ của chính quyền địa phương mà không được quy định cho các đơn vị khác của chính quyền địa phương.

Điều 165

1. Các đơn vị của chính quyền địa phương có tư cách pháp nhân. Các đơn vị này có quyền sở hữu và các quyền tài sản khác.

2. Tính tự quản của các đơn vị của chính quyền địa phương được tòa án bảo vệ.

Điều 166

1. Các nhiệm vụ công nhằm đáp ứng nhu cầu của một cộng đồng dân cư tự quản sẽ được các đơn vị của chính quyền địa phương thực hiện như là nhiệm vụ trực tiếp của mình.

2. Trong trường hợp cần thiết phải giải quyết các yêu cầu cơ bản của Nhà nước, một đạo luật có thể quy định yêu cầu các đơn vị của chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ công khác. Phương thức chuyển đổi và cách thức thực hiện nhiệm vụ được phân công sẽ do luật định.

3. Các tòa án hành chính có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền giữa các đơn vị của chính quyền địa phương và các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 167

1. Các đơn vị của chính quyền địa phương sẽ được bảo đảm khoản ngân sách phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Ngân sách của các đơn vị của chính quyền địa phương bao gồm nguồn thu của chính các đơn vị cũng như các khoản hỗ trợ và tài trợ nhất định từ Ngân sách Nhà nước.

3. Các nguồn ngân sách cho các đơn vị của chính quyền địa phương sẽ do luật định.

4. Những thay đổi về phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị của chính quyền địa phương sẽ được đưa ra cùng với những thay đổi thích hợp về việc phân chia ngân sách công của các đơn vị.

Điều 168

Trong phạm vi do luật định, các đơn vị của chính quyền địa phương có quyền đặt ra mức thuế và các khoản thu ở địa phương.

Điều 169

1. Các đơn vị của chính quyền địa phương thực hiện trách nhiệm của mình thông qua các cơ quan quyền lực và cơ quan điều hành.

2. Việc bầu cử các cơ quan quyền lực là phổ thông, trực tiếp, công bằng và được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín. Các nguyên tắc và thủ tục đề cử ứng cử viên và tiến hành bầu cử, cũng như các yêu cầu về tính hợp lệ của cuộc bầu cử, sẽ do luật định.

3. Các nguyên tắc và thủ tục bầu và miễn nhiệm các cơ quan điều hành của chính quyền địa phương sẽ do luật định.

4. Cơ cấu tổ chức các đơn vị của chính quyền địa phương sẽ do cơ quan quyền lực của đơn vị chính quyền đó quy định trong phạm vi luật định.

Điều 170

Người dân trong cộng đồng dân cư tự quản có thể quyết định những vấn đề liên quan đến cộng đồng, bằng việc trưng cầu ý dân, bao gồm cả việc miễn nhiệm một cơ quan của chính quyền địa phương đã được thành lập do bầu cử trực tiếp. Các nguyên tắc và thủ tục tiến hành trưng cầu ý dân ở địa phương sẽ do luật định.

Điều 171

1. Tính hợp pháp của các hoạt động của chính quyền địa phương sẽ được giám sát.

2. Các cơ quan thực hiện việc xem xét lại các hoạt động của các đơn vị của chính quyền địa phương gồm: Thủ tướng và các Tỉnh trưởng, và các văn phòng kiểm toán khu vực đối với các vấn đề về tài chính.

3. Theo đề nghị của Thủ tướng, Hạ nghị viện có thể giải tán cơ quan quyền lực của chính quyền địa phương nếu cơ quan này vi phạm một cách rõ ràng Hiến pháp hoặc luật.

Điều 172

1. Các đơn vị của chính quyền địa phương có quyền hợp tác.

2. Đơn vị của chính quyền địa phương có quyền tham gia các hiệp hội quốc tế của các cộng đồng dân cư địa phương và khu vực cũng như hợp tác với cộng đồng dân cư địa phương và khu vực của nước khác.

3. Các nguyên tắc chi phối việc thực hiện các quyền của các đơn vị của chính quyền địa phương quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ do luật định.

Chương VIII:
TÒA ÁN

Điều 173

Các tòa án và tòa chuyên trách có thẩm quyền riêng biệt và độc lập với các nhóm quyền lực khác.

Điều 174

Các tòa án và tòa chuyên trách tuyên án nhân danh Cộng hòa Ba Lan.

Tòa án

Điều 175

1. Việc thi hành công lý ở Cộng hòa Ba Lan do Tòa án Tối cao, các tòa án có thẩm quyền chung, tòa án hành chính và tòa án quân sự thực hiện.

2. Các tòa án đặc biệt hoặc các thủ tục rút gọn chỉ có thể được thực hiện trong thời chiến.

Điều 176

1. Các vụ việc giải quyết tại tòa án phải qua ít nhất 2 cấp xét xử.

2. Cơ cấu tổ chức và thẩm quyền cũng như thủ tục hoạt động của các tòa án sẽ do luật định.

Điều 177

Tòa án có thẩm quyền chung thi hành công lý đối với tất cả các loại vụ việc nhằm giảm tải công việc theo luật định cho các tòa án khác.

Điều 178

1. Thẩm phán, khi thực hiện nhiệm vụ, phải độc lập và chỉ tuân theo Hiến pháp và luật

2. Thẩm phán được cung cấp các điều kiện phù hợp để làm việc và được trả lương phù hợp chức vụ và phạm vi nhiệm vụ của mình.

3. Thẩm phán không được tham gia đảng phải chính trị, tổ chức công đoàn hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với nguyên tắc độc lập của tòa án và thẩm phán.

Điều 179

Thẩm phán do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm không thời hạn theo đề nghị của Hội đồng Tư pháp Quốc gia.

Điều 180

1. Thẩm phán không thể bị cách chức.

2. Việc tước bỏ chức vụ, đình chỉ chức vụ của thẩm phán, chuyển tới một tòa án khác hoặc một vị trí khác trái với mong muốn của người đó chỉ có thể được thực hiện bằng một phán quyết của tòa án và trong những trường hợp do luật định.

3. Thẩm phán có thể nghỉ hưu vì lý do bệnh tật hoặc ốm đau làm cản trở người đó thực hiện nhiệm vụ của mình. Thủ tục làm việc này, cũng như thủ tục kháng cáo các quyết định này sẽ do luật định

4. Luật sẽ quy định quy định giới hạn về độ tuổi mà thẩm phán sẽ phải nghỉ hưu khi vượt quá độ tuổi đó.

5. Trường hợp tổ chức lại hệ thống tòa án hoặc có thay đổi về ranh giới thẩm quyền theo địa hạt, thẩm phán có thể được phân công đến một tòa án khác hoặc nghỉ hưu với khoản trợ cấp bằng tiền thù lao toàn bộ của người đó.

Điều 181

Nếu không được tòa án do luật định cho phép từ trước, thẩm phán sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự cũng như không bị tước tự do. Thẩm phán sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm mà việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chánh án tòa án địa phương có thẩm quyền sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 182

Luật sẽ quy định phạm vi tham gia của công dân trong việc thi hành công lý.

Điều 183

1. Tòa án Tối cao thực hiện quyền giám sát đối với các bản án của các tòa án có thẩm quyền chung và tòa án quân sự.

2. Tòa án Tối cao cũng sẽ thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

3. Chức vụ Chánh án Thứ nhất của Tòa án Tối cao do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm với nhiệm kỳ 6 năm trong số các ứng cử viên do Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao giới thiệu.

Điều 184

Tòa án Hành chính Tối cao và các tòa án hành chính khác, trong phạm vi luật định, thực hiện kiểm soát đối với việc thực hiện quản lý hành chính công. Việc kiểm soát này cũng sẽ được thực hiện trên cơ sở phán quyết về tính phù hợp với luật của các quyết định do cơ quan của chính quyền địa phương và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan điều hành chính phủ ở khu vực.

Điều 185

Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm với nhiệm kỳ 6 năm trong số các ứng cử viên do Hội đồng Thẩm phán Tòa án Hành chính Tối cao giới thiệu.

Điều 186

1. Hội đồng Tư pháp Quốc gia có trách nhiệm bảo đảm sự độc lập của tòa án và thẩm phán.

2. Hội đồng Tư pháp Quốc gia có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét về sự phù hợp với Hiến pháp của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến sự độc lập của tòa án và thẩm phán.

Điều 187

1. Hội đồng Tư pháp Quốc gia gồm có:

1) Chánh án Thứ nhất của Tòa án Tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao và một người do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm;

2) 15 thẩm phán được lựa chọn trong số những thẩm phán của Tòa án Tối cao, các tòa án có thẩm quyền chung, tòa án hành chính và tòa án quân sự;

3) 4 thành viên được Hạ nghị viện lựa chọn trong số các Hạ nghị sĩ và 2 thành viên lựa chọn trong số các Thượng nghị sĩ.

2. Hội đồng Tư pháp Quốc gia lựa chọn chủ tịch và hai phó chủ tịch trong số các thành viên của Hội đồng.

3. Nhiệm kỳ của những người được lựa chọn làm thành viên Hội đồng Tư pháp Quốc gia là 4 năm.

4. Cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và các thủ tục làm việc của Hội đồng Tư pháp Quốc gia cũng như cách thức lựa chọn thành viên Hội đồng sẽ do luật định.

Tòa án Hiến pháp

Điều 188

Tòa án Hiến pháp có thẩm quyền xét xử đối với các vấn đề sau:

1) Sự phù hợp của luật và điều ước quốc tế với Hiến pháp;

2) Sự phù hợp của luật với điều ước quốc tế đã được phê chuẩn có yêu cầu luật chấp thuận trước;

3) Sự phù hợp của các quy định pháp luật do các cơ quan Nhà nước ở trung ương ban hành với Hiến pháp, các điều ước quốc tế đã được phê chuẩn và luật;

4) Sự phù hợp với Hiến pháp của mục tiêu hoặc hành động của các đảng chính trị;

5) Những khiếu nại liên quan đến vi phạm hiến pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 79.

Điều 189

Tòa án Hiến pháp có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước hiến định ở trung ương.

Điều 190

1. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp có tính bắt buộc chung và là quyết định cuối cùng.

2. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp về các vấn đề quy định tại Điều 188 sẽ phải được đăng tải ngay trên ấn phẩm chính thức mà các văn bản quy phạm pháp luật gốc đã được công bố. Nếu văn bản quy phạm pháp luật không được công bố thì phán quyết đó sẽ được đăng tải trên Công báo của Cộng hòa Ba Lan *(Monitor Polski)*[6].

3. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp có hiệu lực từ ngày được đăng tải trên Công báo, tuy nhiên, Tòa án Hiến pháp có thể ấn định một ngày khác kết thúc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật. Khoảng thời gian này không quá 18 tháng đối với luật hoặc 12 tháng đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác. Trường hợp phán quyết có những hệ quả về tài chính chưa có trong Ngân sách, thì Tòa án Hiến pháp sẽ ấn định ngày kết thúc

[6] Monitor Polski (Official Gazette of the Republic of Poland): Công báo của Cộng hòa Ba Lan là ấn phẩm đăng tải tất cả các văn bản quy phạm pháp luật không phải là nguồn luật, các quyết định của cơ quan nhà nước cần được công khai - ND.

hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, sau khi tham vấn ý kiến của Hội đồng Bộ trưởng.

4. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp về tính không phù hợp với Hiến pháp, điều ước quốc tế hoặc luật, của một văn bản quy phạm pháp luật mà trước đó đã được xem là cơ sở để ban hành phán quyết có hiệu lực của tòa án, quyết định hành chính cuối cùng hoặc quyết định giải quyết các vấn đề khác, sẽ là căn cứ để tiến hành xem xét lại vụ việc, hoặc hủy bỏ quyết định hoặc việc giải quyết theo cách thức và trên cơ sở các nguyên tắc được quy định trong các điều khoản được áp dụng đối với vụ việc nêu trên.

5. Phán quyết của Tòa án Hiến pháp được thông qua với đa số phiếu.

Điều 191

1. Những người sau đây có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét về các vấn đề được quy định tại Điều 188:

1) Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Chủ tịch Hạ nghị viện, Chủ tịch Thượng nghị viện, Thủ tướng, 50 Hạ nghị sĩ, 30 Thượng nghị sĩ, Chánh án Thứ nhất Tòa án Tối cao, Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao, Tổng Công tố, Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao và Cao ủy viên về Quyền Công dân;

2) Hội đồng Tư pháp Quốc gia, trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 186;

3) Các cơ quan quyền lực của chính quyền địa phương;

4) Các tổ chức công đoàn quốc gia cũng như các cơ quan có thẩm quyền cấp quốc gia của các tổ chức nghề nghiệp và tổ chức của người sử dụng lao động;

5) Nhà thờ và các tổ chức tôn giáo;

6) Các chủ thể trong phạm vi quy định tại Điều 79.

2. Các chủ thể quy định tại các điểm 3-5 của khoản 1 có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét nếu văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của các chủ thể này.

Điều 192

Những người sau đây có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét những vấn đề quy định tại Điều 189: Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Chủ tịch Hạ nghị viện, Chủ tịch Thượng nghị viện, Thủ tướng, Chánh án Thứ nhất Tòa án Tối cao, Chánh án Tòa án Hành chính Tối cao và Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao.

Điều 193

Bất kỳ tòa án nào cũng có thể gửi câu hỏi lên Tòa án Hiến pháp yêu cầu xem xét về sự phù hợp của văn bản quy phạm pháp luật với Hiến pháp, điều ước quốc tế đã được phê chuẩn hoặc luật, nếu việc trả lời câu hỏi này sẽ quyết định vấn đề đang được giải quyết tại tòa án đó.

Điều 194

1. Tòa án Hiến pháp gồm 15 thẩm phán được Hạ nghị viện lựa chọn riêng lẻ với nhiệm kỳ 9 năm trong số những người am hiểu sâu sắc về luật pháp. Không ai có thể được chọn nhiều hơn một nhiệm kỳ

2. Chánh án và Phó Chánh án Tòa án Hiến pháp do Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm trong số các ứng cử viên do Hội đồng Thẩm phán Tòa án Hiến pháp giới thiệu.

Điều 195

1. Thẩm phán Tòa án Hiến pháp, khi thực hiện nhiệm vụ, độc lập và chỉ tuân theo Hiến pháp.

2. Thẩm phán Tòa án Hiến pháp được cung cấp các điều kiện phù hợp để làm việc và được trả lương phù hợp chức vụ và phạm vi nhiệm vụ của mình.

3. Thẩm phán Tòa án Hiến pháp, trong thời gian đương nhiệm, không được tham gia đảng phải chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với nguyên tắc độc lập của tòa án và thẩm phán.

Điều 196

Thẩm phán Tòa án Hiến pháp không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận từ trước của Tòa án Hiến pháp. Thẩm phán sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm mà việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chánh án Tòa án Hiến pháp sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 197

Tổ chức của Tòa án Hiến pháp, cũng như cách thức tiến hành công việc trước tòa án, sẽ do luật định.

Tòa án Quốc gia

Điều 198

1. Khi vi phạm Hiến pháp hoặc luật trong quá trình thực hiện trong phạm vi hoặc theo thẩm quyền của mình, những người sau đây sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp trước Tòa án Quốc gia: Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Thủ tướng và các thành viên Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao, thành viên Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia, những người được Thủ tướng trao quyền quản lý một bộ, và Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang.

2. Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ cũng sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp trước Tòa án Quốc gia trong theo quy định tại Điều 107.

3. Các hình thức xử phạt mà Tòa án Quốc gia có thể áp dụng sẽ do luật định.

Điều 199

1. Tòa án Quốc gia có Chánh án, 02 Phó chánh án và 16 thành viên được Hạ nghị viện lựa chọn có nhiệm kỳ cùng với Hạ nghị viện trong số những người không phải là Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ. Các phó chánh án và ít nhất 1/2 số thành viên Tòa án Quốc gia phải có đủ trình độ theo yêu cầu để giữ chức vụ thẩm phán.

2. Chánh án Thứ nhất Tòa án Tối cao là chánh án Tòa án Quốc gia.

3. Các thành viên Tòa án Quốc gia, khi thực hiện nhiệm vụ thẩm phán Tòa án Quốc gia, độc lập và chỉ tuân theo Hiến pháp và luật.

Điều 200

Thành viên Tòa án Quốc gia không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận trước của Tòa án Quốc gia. Thành viên Tòa án Quốc gia sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm mà việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chánh án Tòa án Quốc gia sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 201

Tổ chức của Tòa án Quốc gia, cũng như cách thức tiến hành công việc tại tòa án, sẽ do luật định.

Chương IX:
CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN KIỂM SOÁT VÀ BẢO VỆ CÁC QUYỀN

Văn phòng Kiểm toán Tối cao

Điều 202

1. Văn phòng Kiểm toán Tối cao là cơ quan cao nhất về kiểm toán nhà nước.

2. Văn phòng Kiểm toán Tối cao trực thuộc Hạ nghị viện.

3. Văn phòng Kiểm toán Tối cao hoạt động theo các nguyên tắc nghề nghiệp.

Điều 203

1. Văn phòng Kiểm toán Tối cao thực hiện kiểm toán hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, các pháp

nhân và tổ chức, đơn vị nhà nước về tính hợp pháp, tính kinh tế, hiệu quả và sự mẫn cán.

2. Văn phòng Kiểm toán Tối cao thực hiện kiểm toán hoạt động của các cơ quan của chính quyền địa phương, các pháp nhân và tổ chức, đơn vị ở địa phương về tính hợp pháp, tính kinh tế và sự mẫn cán.

3. Văn phòng Kiểm toán Tối cao cũng thực hiện kiểm toán hoạt động của các tổ chức và chủ thể kinh tế khác về tính hợp pháp và tính kinh tế trong phạm vi các hoạt động có sử sụng tài sản hoặc các nguồn lực của Nhà nước hoặc địa phương hoặc thực hiện các nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước.

Điều 204

1. Văn phòng Kiểm toán Tối cao có trách nhiệm trình Hạ nghị viện:

1) Báo cáo phân tích việc thực hiện Ngân sách và các mục tiêu của chính sách tiền tệ;

2) Ý kiến liên quan đến việc bỏ phiếu chấp thuận quyết toán ngân sách đối với năm tài chính trước đó do Hội đồng Bộ trưởng trình;

3) Thông tin về kết quả kiểm toán, các kết luận kiểm toán và kiến nghị theo quy định của luật.

2. Văn phòng Kiểm toán Tối cao có trách nhiệm báo cáo công tác hàng năm trước Hạ nghị viện.

Điều 205

1. Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao do Hạ nghị viện bổ nhiệm, với sự đồng thuận của Thượng nghị viện, có nhiệm kỳ 6 năm, và chỉ có thể được gia hạn thêm một nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao không giữ bất kỳ vị trí nào khác, trừ chức vị giáo sư tại một học viện của cơ sở giáo dục đại học, và cũng không thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp nào khác.

3. Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình.

Điều 206

Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận từ trước của Hạ nghị viện. Chủ tịch Văn phòng Kiểm toán Tối cao sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm mà việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 207

Tổ chức và cách thức tiến hành công việc của Văn phòng Kiểm toán Tối cao sẽ do luật định.

Cao ủy viên về quyền công dân

Điều 208

1. Cao ủy viên về Quyền Công dân có trách nhiệm bảo đảm tự do và các quyền con người và quyền công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Phạm vi và cách thức tiến hành công việc của Cao ủy viên về Quyền Công dân sẽ do luật định.

Điều 209

1. Cao ủy viên về Quyền Công dân do Hạ nghị viện bổ nhiệm, với sự đồng thuận của Thượng nghị viện, với nhiệm kỳ 5 năm.

2. Cao ủy viên về Quyền Công dân không giữ bất kỳ vị trí nào khác, trừ chức vị giáo sư tại một học viện của cơ sở giáo dục đại học, và cũng không thực hiện bất kỳ hoạt động nghề nghiệp nào khác.

3. Cao ủy viên về Quyền Công dân không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình.

Điều 210

Cao ủy viên về Quyền Công dân độc lập trong các hoạt động của mình, độc lập với các cơ quan khác của Nhà nước và chỉ chịu trách nhiệm trước Hạ nghị viện theo các nguyên tắc do luật định.

Điều 211

Cao ủy viên về Quyền Công dân không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị tước tự do mà không được sự chấp thuận từ trước của Hạ nghị viện. Cao ủy viên về Quyền Công dân sẽ không bị tạm giam hoặc bắt giữ, trừ trường hợp người đó bị bắt quả tang thực hiện một tội phạm và việc giam giữ người đó là cần thiết để bảo đảm quá trình tố tụng phù hợp. Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ được thông báo ngay về việc giam giữ và có thể ra lệnh phóng thích ngay người bị bắt.

Điều 212

Cao ủy viên về Quyền Công dân có trách nhiệm thông tin cho Hạ nghị viện và Thượng nghị viện về các hoạt động của mình và báo cáo về mức độ tôn trọng tự do và các quyền con người và công dân.

Hội đồng phát thanh và truyền hình quốc gia

Điều 213

1. Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia có trách nhiệm bảo đảm tự do ngôn luận, quyền thông tin cũng như bảo đảm lợi ích công cộng đối với phát thanh và truyền hình.

2. Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia ban hành quy định dưới luật và ban hành nghị quyết đối với từng vụ việc cụ thể.

Điều 214

1. Các thành viên Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia do Hạ nghị viện, Thượng nghị viện và Tổng thống Cộng hòa Ba Lan bổ nhiệm.

2. Thành viên Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình.

Điều 215

Các nguyên tắc và cách thức tiến hành công việc của Hội đồng Phát thanh và Truyền hình Quốc gia, tổ chức và các nguyên tắc cụ thể của việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng, sẽ do luật định.

Chương X:
TÀI CHÍNH CÔNG

Điều 216

1. Các nguồn tài chính dành cho các mục đích công sẽ được thu và bố trí theo cách do luật định.

2. Việc có được, chuyển nhượng và cầm cố tài sản, cổ phiếu hoặc trái phiếu, phát hành chứng khoán của Bộ Ngân khố Quốc gia, Ngân hàng Nhà nước Ba Lan hoặc các pháp nhân khác của Nhà nước sẽ được thực hiện theo các nguyên tắc và thủ tục do luật định.

3. Các vấn đề về độc quyền sẽ được quy định trong luật.

4. Việc kí kết các hợp đồng vay mượn cũng như chấp nhận bảo đảm và bảo lãnh tài chính của Nhà nước sẽ được thực hiện theo các nguyên tắc và thủ tục do luật định.

5. Không được phép kí kết các hợp đồng vay mượn cũng như cung cấp bảo đảm và bảo lãnh tài chính làm phát sinh nợ công vượt quá 3/5 tổng sản phẩm quốc nội hàng năm. Phương pháp tính giá trị sản phẩm quốc nội hàng năm và nợ công sẽ do luật định.

Điều 217

Việc áp đặt các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính công khác, quy định cụ thể về đối tượng chịu thuế và mức thuế, cũng như các nguyên tắc

miễn giảm thuế, cùng với các nhóm người nộp thuế được miễn thuế, sẽ do luật định.

Điều 218

Tổ chức của Bộ Ngân khố Quốc gia và phương thức quản lý tài sản của Bộ Ngân khố Quốc gia sẽ do luật định.

Điều 219

1. Hạ nghị viện thông qua ngân sách Nhà nước cho từng năm ngân sách bằng Luật Ngân sách [*ustawa budżetowa* - luật về ngân sách].

2. Các nguyên tắc và thủ tục cho việc chuẩn bị dự án Luật Ngân sách, mức độ chi tiết và các yêu cầu đối với dự án Luật Ngân sách, cũng như các nguyên tắc và thủ tục thực hiện Ngân sách, sẽ do luật định.

3. Các trường hợp ngoại lệ, nguồn thu và nguồn chi của Quốc gia cho một giai đoạn dưới 1 năm có thể được xác định trong ngân sách tạm thời. Các quy định liên quan đến dự án Luật Ngân sách sẽ được áp dụng một cách tương tự đối với dự toán ngân sách tạm thời.

4. Nếu Ngân sách Nhà nước hoặc ngân sách tạm thời không có hiệu lực vào ngày bắt đầu năm ngân sách, thì Hội đồng Bộ trưởng sẽ phải điều hành tài chính của Nhà nước theo các quy định của dự án Luật Ngân sách.

Điều 220

1. Việc tăng chi hoặc giảm thu so với kế hoạch do Hội đồng Bộ trưởng thực hiện có thể không cần Hạ nghị viện thông qua về khoản thâm hụt ngân sách vượt quá mức quy định trong dự án Luật Ngân sách.

2. Luật Ngân sách không được quy định việc xử lý các khoản thâm hụt ngân sách bằng cách tạo ra các nghĩa vụ tín dụng đối với ngân hàng trung ương của Nhà nước.

Điều 221

Việc trình dự án luật liên quan đến Ngân sách, dự toán ngân sách tạm thời, những sửa đổi đối với Ngân sách, luật về vay nợ công, cũng như luật chấp nhận các bảo đảm tài chính của Nhà nước, thuộc thẩm quyền riêng của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 222

Hội đồng Bộ trưởng trình Hạ nghị viện dự án Luật Ngân sách cho năm tiếp theo không muộn hơn 3 tháng trước ngày bắt đầu năm ngân sách. Trong những trường hợp đặc biệt, dự án Luật Ngân sách có thể được trình muộn hơn.

Điều 223

Trong thời hạn 20 ngày sau khi nhận được dự án Luật Ngân sách, Thượng nghị viện có thể thông qua những sửa đổi đối với dự Luật này.

Điều 224

1. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan có trách nhiệm ký ban hành Luật Ngân sách hoặc Ngân sách tạm thời do Chủ tịch Hạ nghị viện trình trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, và ra lệnh công bố trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (*Dziennik Ustaw*). Các quy định của khoản 5 Điều 122 sẽ không được áp dụng đối với Luật Ngân sách và ngân sách tạm thời.

2. Trường hợp Tổng thống Cộng hòa Ba Lan chuyển đến Tòa án Hiến pháp để xem xét về sự phù hợp với Hiến pháp của Luật Ngân sách hoặc ngân sách tạm thời trước khi ký ban hành, thì Tòa án Hiến pháp có trách nhiệm xem xét vấn đề này trong thời gian không chậm hơn 2 tháng kể từ ngày đề nghị của Tổng thống được chuyển đến.

Điều 225

Sau 4 tháng kể từ ngày trình Hạ nghị viện dự án Luật Ngân sách, nếu dự án Luật không được thông qua hoặc không được trình lên Tổng thống Cộng hòa Ba Lan để ký ban hành, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, trong thời hạn 14 ngày, có thể ra lệnh rút ngắn nhiệm kỳ của Hạ nghị viện.

Điều 226

1. Trong thời hạn 5 tháng sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trình Hạ nghị viện báo cáo việc thực hiện Ngân sách cùng với thông tin về tình trạng nợ công.

2. Trong thời hạn 90 ngày sau khi nhận được báo cáo, Hạ nghị viện có trách nhiệm xem xét báo cáo đã được trình, và, sau khi tham vấn ý kiến của Văn phòng Kiểm toán Tối cao, sẽ thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn quyết toán ngân sách do Hội đồng Bộ trưởng trình.

Điều 227

1. Ngân hàng trung ương của đất nước là Ngân hàng Nhà nước Ba Lan. Chỉ có Ngân hành Nhà nước Ba Lan mới có quyền phát hành tiền cũng như quy định và thực thi chính sách tiền tệ. Ngân hàng Nhà nước Ba Lan chịu trách nhiệm về giá trị của đồng tiền Ba Lan.

2. Cơ cấu của Ngân hàng Nhà nước Ba Lan bao gồm: Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, Hội đồng Chính sách Tiền tệ và Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Ba Lan.

3. Hạ nghị viện bổ nhiệm Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan theo đề nghị của Tổng thống Cộng hòa Ba Lan với nhiệm kỳ 6 năm.

4. Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan không thuộc đảng chính trị, tổ chức công đoàn nào hoặc thực hiện các nhiệm vụ công không phù hợp với chức trách của mình.

5. Hội đồng Chính sách Tiền tệ gồm có Chủ tịch Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, là chủ tịch Hội đồng, và những người am hiểu sâu sắc về các vấn đề tài chính - được Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện bổ nhiệm, với số lượng ngang nhau, với nhiệm kỳ 6 năm.

6. Hội đồng Chính sách Tiền tệ có trách nhiệm hàng năm quy định các mục tiêu của chính sách tiền tệ và trình Hạ nghị viện cùng thời điểm trình dự án Luật Ngân sách của Hội đồng Bộ trưởng. Trong thời hạn 5 tháng sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Chính sách Tiền tệ có trách nhiệm trình Hạ nghị viện báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ.

7. Tổ chức và các nguyên tắc hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Ba Lan, cũng như các nguyên tắc cụ thể cho việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các cơ quan của Ngân hàng Nhà nước, sẽ do luật định.

Chương XI:
CÁC BIỆN PHÁP ĐẶC BIỆT

Điều 228

1. Trong những hoàn cảnh nguy hiểm cụ thể, nếu các biện pháp hiến định thông thường là không đủ, thì bất kỳ biện pháp đặc biệt nào phù hợp sau đây sẽ được đưa ra gồm: thiết quân luật, ban bố tình trạng khẩn cấp hoặc tuyên bố tình trạng thảm họa tự nhiên.

2. Các biện pháp đặc biệt chỉ được ban hành bằng quy định dưới luật, được ban hành theo quy định của luật, và phải được công khai.

3. Nguyên tắc hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như mức độ hạn chế tự do và các quyền con người và công dân trong thời gian thực hiện các biện pháp đặc biệt sẽ do luật định.

4. Luật có thể quy định các nguyên tắc, phạm vi và cách thức bồi thường tổn thất về tài sản xảy ra do việc hạn chế tự do và các quyền con người và công dân trong thời gian thực hiện các biện pháp đặc biệt.

5. Những hành động là hệ quả của việc thực hiện các biện pháp đặc biệt phải tương xứng với mức độ đe dọa và phải được khôi phục một cách nhanh nhất để Nhà nước có thể trở lại hoạt động bình thường.

6. Trong thời gian thực hiện các biện pháp đặc biệt, những văn bản sau đây sẽ không được thay đổi: Hiến pháp, các Luật về bầu cử Hạ nghị viện, Thượng nghị viện và các cơ quan của chính quyền địa phương, Luật bầu cử Tổng thống, cũng như các đạo luật về các biện pháp đặc biệt.

7. Trong thời gian thực hiện các biện pháp đặc biệt, và trong thời hạn 90 ngày sau ngày kết thúc việc thực hiện các biện pháp đặc biệt, nhiệm kỳ của Hạ nghị viện không thể bị rút ngắn, cũng như không thể tổ chức trưng cầu ý dân cấp quốc gia, không thể tổ chức bầu cử Hạ nghị viện, Thượng nghị viện, các cơ quan của chính quyền địa phương hay bầu cử Tổng thống, và nhiệm kỳ của các cơ quan này sẽ được kéo dài một cách phù hợp. Việc

bầu các cơ quan của chính quyền địa phương sẽ chỉ được thực hiện ở những nơi mà các biện pháp đặc biệt đã không được thực hiện.

Điều 229

Trong trường hợp có sự đe dọa từ bên ngoài đối với Quốc gia, có hành động xâm lược quân sự đối với lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan hoặc khi phát sinh nghĩa vụ phòng thủ chung đối với hành động xâm lược theo điều ước quốc tế, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, có thể ra lệnh thiết quân luật áp dụng trên toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ Quốc gia.

Điều 230

1. Trong trường hợp có sự đe dọa đến trật tự hiến định của Nhà nước, đến an ninh của công dân hoặc trật tự công cộng, Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng, có thể ban bố tình trạng khẩn cấp áp dụng trên toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ Quốc gia trong thời gian không quá 90 ngày.

2. Việc gia hạn áp dụng tình trạng khẩn cấp chỉ có thể được thực hiện một lần không quá 60 ngày và phải được Hạ nghị viện chấp thuận.

Điều 231

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan trình Hạ nghị viện quy định về thiết quân luật hoặc ban bố tình trạng khẩn cấp trong 48 giờ kể từ khi ký quy định này. Hạ nghị viện sẽ xem xét ngay quy định của Tổng thống. Bằng một đa số tuyệt đối có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, Hạ nghị viện có thể bãi bỏ quy định của Tổng thống.

Điều 232

Để phòng ngừa và loại bỏ những hậu quả của thảm họa tự nhiên hoặc những bộc lộ rủi ro của thảm họa tự nhiên, Hội đồng Bộ trưởng có thể tuyên bố tình trạng thảm họa tự nhiên áp dụng trên toàn bộ hoặc một phần lãnh thổ Quốc gia trong không quá 30 ngày. Việc gia hạn áp dụng tình trạng thảm họa tự nhiên có thể được thực hiện khi được Hạ nghị viện chấp thuận

Điều 233

1. Luật quy định về phạm vi hạn chế tự do và các quyền con người và công dân trong thời gian thiết quân luật và ban bố tình trạng khẩn cấp không được hạn chế tự do và các quyền quy định tại Điều 30 (giá trị con người), Điều 34 và Điều 36 (quyền công dân), Điều 38 (bảo vệ tính mạng), Điều 39, Điều 40 và Điều 41, khoản 4 (đối xử nhân đạo), Điều 42 (quy trách nhiệm hình sự), Điều 45 (tiếp cận với tòa án), Điều 47 (các quyền cá nhân), Điều 53 (tín ngưỡng và tôn giáo), Điều 63 (khiếu nại), cũng như Điều 48 và Điều 72 (gia đình và trẻ em).

2. Cấm hạn chế tự do và các quyền con người và công dân chỉ vì lý do dân tộc, giới tính, ngôn ngữ, đức tin hoặc thiếu đức tin, nguồn gốc xã hội, dòng họ hoặc tài sản.

3. Luật quy định phạm vi hạn chế tự do và các quyền con người và công dân trong thời gian tuyên bố tình trạng thảm họa tự nhiên có thể hạn chế tự do và các quyền quy định tại Điều 22 (tự do hoạt động kinh tế); các khoản 1, 3 và 5 của Điều 41 (tự do cá nhân); Điều 50 (quyền bất khả xâm phạm chỗ ở); khoản 1 Điều 52, (tự do đi lại và cư trú trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan); khoản 3 Điều 59 (quyền đình công); Điều 64 (quyền sở hữu); khoản 1 Điều 65 (quyền tự do làm việc); khoản 1 Điều 66 (quyền được hưởng điều kiện làm việc an toàn và hợp vệ sinh) và khoản 2 Điều 66 (quyền được nghỉ ngơi).

Điều 234

1. Trong thời gian thiết quân luật, nếu Hạ nghị viện không thể nhóm họp, thì Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, theo đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng và trong phạm vi và giới hạn quy định tại các khoản 3-5 của Điều 228, sẽ ban hành quy định có giá trị như luật. Các quy định này phải được Hạ nghị viện phê chuẩn tại kỳ họp kế tiếp.

2. Các quy định tại khoản 1 cũng có tính bắt buộc chung của luật.

Chương XII:
SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 235

1. Một dự luật sửa đổi Hiến pháp có thể được trình bởi các chủ thể sau: ít nhất 1/5 số Hạ nghị sĩ theo luật định, Thượng nghị viện, hoặc Tổng thống Cộng hòa Ba Lan.

2. Việc sửa đổi Hiến pháp sẽ phải được thực hiện bởi một đạo luật được Hạ nghị viện thông qua, và sau đó được Thượng nghị viện thông qua với cùng nội dung trong thời hạn 60 ngày.

3. Phiên xem xét thứ nhất đối với dự luật sửa đổi Hiến pháp có thể được tổ chức không trước 30 ngày sau khi dự luật được trình lên Hạ nghị viện.

4. Dự luật sửa đổi Hiến pháp sẽ phải được Hạ nghị viện thông qua với đa số ít nhất 2/3 phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định, và được Thượng nghị viện thông qua với đa số tuyệt đối phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Thượng nghị sĩ theo luật định

5. Việc Hạ nghị viện thông qua dự luật sửa đổi quy định tại các Chương I, II hoặc XII của Hiến pháp sẽ được thực hiện không trước 60 ngày sau phiên xem xét thứ nhất đối với dự luật.

6. Nếu dự luật sửa đổi Hiến pháp liên quan đến các quy định tại các Chương I, II hoặc XII, thì các chủ thể quy định tại khoản 1, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày dự luật được Thượng nghị viện thông qua, có thể đề

nghị tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân để chứng thực. Các chủ thể này sẽ gửi đề nghị đến Chủ tịch Hạ nghị viện, là người ra lệnh tổ chức cuộc trưng cầu ý dân trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Việc sửa đổi Hiến pháp sẽ được xem là được chấp thuận nếu đa số người dân bỏ phiếu ủng hộ việc sửa đổi này.

7. Sau khi kết thúc các thủ tục quy định tại các khoản 4 và 6, Chủ tịch Hạ nghị viện trình Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ký ban hành luật đã được thông qua. Tổng thống Cộng hòa Ba Lan ký ban hành luật trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trình và ra lệnh công bố luật trên Công báo Cộng hòa Ba Lan (*Dziennik Ustaw*).

Chương XIII:
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 236

1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trình Hạ nghị viện các dự luật cần thiết cho việc thi hành Hiến pháp.

2. Các đạo luật cụ thể hóa khoản 1 Điều 176 liên quan đến các thủ tục tại tòa án hành chính phải được thông qua trước khi kết thúc thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực. Các quy định liên quan đến thẩm quyền của Tòa án Hành chính Tối cao trong việc xem xét lại các pháp quyết theo thủ tục đặc biệt sẽ tiếp tục được thực hiện cho tới khi các luật này có hiệu lực.

Điều 237

1. Trong thời hạn 4 năm sau khi Hiến pháp có hiệu lực, các trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng sẽ được Ủy ban Xét xử Tội phạm ít nghiêm trọng của tòa án cấp huyện xem xét lại và quyết định, nhưng hình phạt bắt giam chỉ có thể được tòa án áp dụng.

2. Việc kháng cáo đối với quyết định của Ủy ban Xét xử Tội phạm ít nghiêm trọng sẽ được tòa án xem xét.

Điều 238

1. Nhiệm kỳ của các cơ quan nhà nước hiến định và các thành viên cơ quan đó, cho dù được bầu hay bổ nhiệm trước khi Hiến pháp có hiệu lực, sẽ chấm dứt khi kết thúc nhiệm kỳ theo các quy định có hiệu lực trước ngày Hiến pháp có hiệu lực.

2. Trường hợp các quy định vẫn đang được áp dụng trước ngày Hiến pháp có hiệu lực không quy định rõ nhiệm kỳ, và thời hạn bầu hoặc bổ nhiệm dài hơn thời hạn quy định trong Hiến pháp, thì nhiệm kỳ của các cơ quan nhà nước và các thành viên cơ quan đó sẽ kết thúc một năm sau ngày Hiến pháp có hiệu lực.

3. Nếu các quy định vẫn đang được áp dụng trước ngày Hiến pháp có hiệu lực không quy định rõ nhiệm kỳ, và thời hạn bầu hoặc bổ nhiệm ngắn

hơn thời hạn quy định trong Hiến pháp, thì thời gian làm việc của các cơ quan nhà nước và các thành viên cơ quan đó căn cứ vào các quy định hiện hành, bao gồm cả nhiệm kỳ được quy định trong Hiến pháp.

Điều 239

1. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, phán quyết của Tòa án Hiến pháp về sự không phù hợp với Hiến pháp của các đạo luật đã được thông qua trước khi Hiến pháp có hiệu lực sẽ không phải là quyết định chung thẩm và sẽ được Hạ nghị viện xem xét lại và có thể phủ quyết phán quyết của Tòa án Hiến pháp với đa số 2/3 phiếu có mặt của ít nhất 1/2 số Hạ nghị sĩ theo luật định. Các quy định này không liên quan đến các phán quyết được đưa ra để giải quyết vấn đề về luật pháp được trình lên Tòa án Hiến pháp.

2. Việc giải quyết các vụ việc của Tòa án Hiến pháp mà có thể đưa ra các giải thích pháp luật mang tính bắt buộc chung đối với các đạo luật đang được áp dụng trước khi Hiến pháp có hiệu lực sẽ bị đình chỉ.

3. Vào ngày Hiến pháp có hiệu lực, các nghị quyết của Tòa án Hiến pháp về giải thích các đạo luật sẽ không còn tính bắt buộc chung, nhưng những phán quyết cuối cùng của tòa án và các quyết định cuối cùng được các cơ quan nhà nước đưa ra khi xem xét các quy định được Tòa án Hiến pháp quyết định bằng cách giải thích mang tính bắt buộc chung đối với các đạo luật, sẽ vẫn còn hiệu lực.

Điều 240

Trong thời hạn một năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, Luật Ngân sách có thể cho phép xử lý các khoản thâm hụt ngân sách bằng cách ghi nợ ở ngân hàng trung ương của Nhà nước

Điều 241

1. Các điều ước quốc tế, trước đây đã được Cộng hòa Ba Lan phê chuẩn trên cơ sở các quy định của Hiến pháp có hiệu lực tại thời điểm phê chuẩn và được công bố trên Công báo Quốc gia Ba Lan (*Dziennik Ustaw*), thì các điều ước quốc tế này sẽ được xem là đã được phê chuẩn từ trước bởi một đạo luật, và chịu sự điều chỉnh bởi quy định tại Điều 91 của Hiến pháp nếu có mối quan hệ với các loại vấn đề được quy định tại khoản 1 Điều 89 của Hiến pháp có được từ các quy định của điều ước quốc tế.

2. Trong thời hạn 2 năm kể từ khi Hiến pháp có hiệu lực, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trình Hạ nghị viện danh sách các điều ước quốc tế có quy định không phù hợp với Hiến pháp.

3. Thượng nghị sĩ, được bầu trước ngày Hiến pháp có hiệu lực, không đủ 30 tuổi, sẽ tiếp tục vị trí của mình cho tới khi kết thúc nhiệm kỳ mà họ được bầu.

4. Việc cùng thực hiện nhiệm vụ Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ với một chức trách hoặc một công việc bị cấm theo Điều 103 sẽ làm chấm dứt

nhiệm vụ của Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ sau một tháng kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, trừ khi Hạ nghị sĩ hoặc Thượng nghị sĩ từ bỏ chức trách hoặc công việc kết thúc.

5. Những việc thuộc thủ tục lập pháp hoặc thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án Hiến pháp hoặc Tòa án Quốc gia và đã được khởi động trước ngày Hiến pháp có hiệu lực, sẽ thực hiện theo các quy định của hiến pháp có hiệu lực trước ngày bắt đầu thực hiện việc đó.

6. Trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm xác định những nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng và chỉ thị của bộ trưởng hoặc cơ quan hành chính nhà nước đã được thông qua hoặc ban hành trước ngày Hiến pháp có hiệu lực, theo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 87 và Điều 92 của Hiến pháp, cần phải được thay thế bằng các quy định dưới luật ban hành căn cứ vào các đạo luật được Hội đồng Bộ trưởng dự thảo và trình Hạ nghị viện vào thời điểm thích hợp. Đồng thời, Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm trình Hạ nghị viện dự luật quy định các văn bản quy phạm pháp luật được Chính phủ ban hành trước ngày Hiến pháp có hiệu lực sẽ trở thành các nghị quyết hoặc chỉ thị theo Điều 93 của Hiến pháp.

7. Các văn bản pháp luật của địa phương cũng như các quy định dưới luật do cấp xã ban hành sẽ trở thành pháp luật của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 87 của Hiến pháp.

Điều 242

Các văn bản sau đây bị bãi bỏ:

1. Luật Hiến pháp ngày 17 tháng 10 năm 1992, về Mối quan hệ Tương hỗ giữa các Chế định Lập pháp và Hành pháp của Cộng hòa Ba Lan và Chính quyền tự quản Địa phương (Công báo Cộng hòa Ba Lan năm 1992 Số 84, mục 426; năm 1995 Số. 38, mục 184, Số. 150, mục 729 và năm 1996 Số. 106, mục 488);

2. Luật Hiến pháp ngày 23 tháng 4 năm 1992 về Thủ tục Chuẩn bị và Ban hành Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan (Công báo Cộng hòa Ba Lan năm 1992 Số. 67, mục 336; và năm 1994 Số. 61, mục 251).

Điều 243

Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan có hiệu lực khi hết 3 tháng sau ngày được công bố./.

HIẾN PHÁP
CỘNG HÒA HÀN QUỐC

KHÁI QUÁT VỀ ĐẤT NƯỚC HÀN QUỐC[7]

***1. Tên nước**:*

Hàn Quốc hay còn gọi là Đại Hàn Dân Quốc

***2. Thủ đô**:*

Seoul

3. Quốc khánh:

Ngày 3 tháng 10 (là ngày thành lập nhà nước Hàn Quốc đầu tiên do Daegun lập nên vào năm 2333 trước Công nguyên)

4. Quốc kỳ:

Hình chữ nhật có nền trắng, ở giữa có hình âm dương (màu đỏ ở trên và màu xanh dương ở dưới), bốn góc có 4 quẻ Bát Quái.

5. Diện tích:

100.210 m^2 (ước tính năm 2011);

6. Dân số:

48.754.657 người trong đó chủ yếu là người Triều Tiên (99%).

7. Ngôn ngữ:

Tiếng Triều Tiên.

8. Tôn giáo:

Đạo phật 25,3%, Tin lành 20%, Công giáo 7%, Khổng giáo 0,6%, không tôn giáo và các tôn giáo khác 47,1%.

9. Chính thể:

Hàn Quốc hiện là một nước theo chế độ hỗn hợp.

10. Kiểu nhà nước:

Kiểu nhà nước đơn nhất.

11. Các đơn vị hành chính:

Hàn Quốc được phân chia thành 16 tỉnh, thành phố gồm: Seoul (Hán Thành), Busan (Phủ Sơn), Incheon (Nhân Xuyên), Daegu (Đại Khâu), Gwangju (Quang Châu), Daejeon (Đại Điền), Ulsan (Uất Sơn), Gyeonggi (Kinh Kỳ), Gangwon (Giang Nguyên), Nam Chungcheong (Trung thanh Nam), Bắc Chungcheong (Trung thanh Bắc), Bắc Jeolla (Toàn La Bắc), Nam Jeolla (Toàn La Nam), Bắc Gyeongsang (Khánh Thượng Bắc), Nam Gyeongsang (Khánh Thượng Nam), Jeju (Tế Châu).

12. Đảng chính trị:

Ở Hàn Quốc hiện tại có một số đảng chính trị lớn như:

- Đảng Đại Dân tộc (NFP) hay còn gọi là Đảng Saenuri;

[7]. Tổng hợp từ Wikipedia, CIA Fact Book và Gerhard Robbers, *Encyclopedia of World Constitutions,* (Infobase Publishing), 2006.

- Đảng Dân chủ Thống nhất (DUP);

- Đảng Tiến bộ Thống nhất (UPP);

- Đảng Tự do Tiến bộ (LFP) .

13. Độ tuổi được tham gia bầu cử:

Công dân Hàn Quốc từ đủ 19 tuổi, không phạm tội đến mức bị bắt giam thì có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội.

14. Hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật Hàn Quốc được phỏng theo hệ thống luật dân sự của Đức. Trong hệ thống dân luật, luật pháp Hàn Quốc thuộc nhóm hệ thống dân luật Đức cùng với Đức, Áo, Thụy Sĩ, Hi Lạp, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, và Đài Loan.

15. Bộ máy nhà nước

i) Cơ quan hành pháp

Cơ quan hành pháp ở Hàn Quốc do Tổng thống đứng đầu. Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu lên theo nhiệm kỳ 5 năm. Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, đứng đầu Nhà nước và là tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang. Tổng thống có quyền tuyên bố chiến tranh, đề xuất các dự án luật, tuyên bố tình trạng khẩn cấp hoặc thiết quân luật (với sự chấp thuận của Quốc hội). Tuy nhiên, Tổng thống không có quyền giải tán Quốc hội.

Giúp việc cho Tổng thống là bộ máy Chính phủ do Thủ tướng đứng đầu. Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Quốc hội. Thủ tướng có quyền đề xuất bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên của Chính phủ. Trong trường hợp Tổng thống không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Thủ tướng là người thực hiện vai trò của Tổng thống cho đến khi Tổng thống trở lại nhiệm vụ hoặc một Tổng thống mới được bầu.

ii) Cơ quan lập pháp

Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội bao gồm các nghị sĩ được bầu theo phương thức phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Số lượng nghị sĩ Quốc hội được luật quy định, nhưng tối thiểu phải là 200 đại biểu. Nhiệm kỳ của các nghị sĩ Quốc hội là bốn năm.

Quốc hội có thẩm quyền lập pháp, các quyền về ngân sách quốc gia, phê chuẩn các điều ước quốc tế, phê chuẩn nhân sự nhà nước cao cấp.

Các kỳ họp của Quốc hội có thể là thường lệ (mỗi năm một lần kéo dài không quá 100 ngày) hoặc bất thường (theo yêu cầu của Tổng thống hoặc của một nhóm đảng, kéo dài không quá 30 ngày). Các phiên họp được tổ chức công khai trừ trường hợp Chủ tịch Quốc hội hoặc đa số thành viên quyết định khác.

iii) Cơ quan tư pháp

Các cơ quan tư pháp ở Hàn Quốc gồm Tòa án Hiến pháp, Tòa án Tối cao, tòa phúc thẩm vùng, tòa địa phương và các tòa án đặc biệt.

Tòa án Hiến pháp có quyền ra các phán quyết về tính hợp hiến và các vụ việc liên quan đến luận tội các quan chức cao cấp. Tòa án Hiến pháp

gồm 9 thẩm phán trong đó 3 thành viên do Chánh án Tòa án Tối cao đề xuất, 3 thành viên do Quốc hội đề xuất và 3 thành viên do Tổng thống đề xuất. Các thẩm phán Tòa án Hiến pháp có nhiệm kỳ 6 năm và có thể được bầu lại nhưng không được quá 56 tuổi trừ trường hợp là Chánh án thì không được quá 70 tuổi.

Tòa án Tối cao là cấp chung thẩm đối với mọi kháng nghị của các vụ việc theo pháp luật Hàn Quốc. Tòa án Tối cao có 14 thẩm phán với nhiệm kỳ là 6 năm với điều kiện là phải từ đủ 40 tuổi trở lên và phải có ít nhất 15 năm kinh nghiệm trong nghề luật. Các thẩm phán có thể được tái cử trừ trường hợp là Chánh án Tòa án Tối cao.

16. Quá trình xây dựng Hiến pháp:

Hiến pháp đầu tiên của Hàn Quốc được ban hành vào ngày 17 tháng 7 năm 1948 sau khi giành được độc lập từ Đế quốc Nhật Bản. Bản Hiến pháp này cho đến nay đã được sửa đổi 9 lần, trong đó có 5 lần sửa đổi lớn, gần như là viết lại hoàn toàn, đó là các bản Hiến pháp năm 1960, 1962, 1980 và 1987. Như vậy, từ khi bản Hiến pháp đầu tiên được ban hành (1948) cho đến bản Hiến pháp gần đây nhất (1987), tính trung bình cứ gần 4 năm, Hiến pháp của Hàn Quốc lại được sửa đổi một lần. Việc sửa đổi hiến pháp ở Hàn Quốc mặc dù diễn ra nhiều lần nhưng chủ yếu là xoay quanh các vấn đề về lựa chọn mô hình chế độ đại nghị hay tổng thống, kéo dài hay rút ngắn nhiệm kỳ Tổng thống, bầu Tổng thống trực tiếp hay gián tiếp.

Hiến pháp 1948 được sửa đổi lần đầu tiên vào năm 1952 khi Tổng thống Syngman Rhee muốn kéo dài nhiệm kỳ của mình. Trong lần sửa đổi này, chế độ đơn viện đã được thay thế bằng chế độ lưỡng viện và việc Tổng thống do Quốc hội bầu ra như trước đây được thay thế bằng việc Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra.

Vào năm 1954, Tổng thống Rhee lại tiến hành sửa đổi Hiến pháp để cho phép mình được hưởng nhiệm kỳ Tổng thống vô giới hạn. Tuy nhiên, vào năm 1960, Tổng thống Rhee đã thất cử khi không nhận được sự ủng hộ của dân chúng trong kỳ bầu cử tổng thống.

Sau khi chính quyền của Tổng thống Rhee sụp đổ, nhu cầu sửa đổi Hiến pháp lại xuất hiện và do vậy nền *Cộng hòa thứ Hai* của Hàn Quốc đã ra đời với một bản Hiến pháp dân chủ vào năm 1960. Theo bản Hiến pháp này, chính thể cộng hòa tổng thống trước đó đã được thay thế bởi chính thể cộng hòa đại nghị. Cũng trong năm 1960, lần sửa đổi Hiến pháp thứ tư đã diễn ra, theo đó Hiến pháp đã quy định về việc trừng phạt các hành vi gian lận bầu cử, tham nhũng và phân bổ tài sản công sai quy định.

Tuy nhiên, do cuộc đảo chính vào năm 1961 của Park Chung Hee, nên bản Hiến pháp 1960 đã bị vô hiệu hóa và vào năm 1962 Hiến pháp của nền *Cộng hòa thứ Ba* đã được thông qua với các điều khoản gần như được viết lại hoàn toàn so với bản Hiến pháp trước đó. Bản Hiến pháp này có nhiều nội dung tương tự như Hiến pháp của Hoa Kỳ với mô hình cộng hòa

tổng thống. Đến năm 1969, Hiến pháp đã được sửa đổi lần thứ sáu theo đó số lần được nắm giữ nhiệm kỳ tổng thống đã được tăng lên 3 lần nhằm tạo cơ sở cho Park Chung Hee có thể tiếp tục giữ vị trí Tổng thống.

Vào năm 1972, Tổng thống Park mở rộng thêm quyền hành của mình bằng bản Hiến pháp của nền *Cộng hòa thứ Tư*, còn gọi là Hiến pháp Yusin. Bản Hiến pháp này quy định nhiệm kỳ tổng thống không giới hạn và quyền lực tập trung cao độ hơn nữa vào tay Tổng thống. Tổng thống có thể chỉ định một phần ba số ghế ở Quốc hội, có thể giải tán Quốc hội, có quyền ban hành các sắc lệnh khẩn cấp để có thể dễ dàng đàn áp các nhóm hoặc các cá nhân đối lập.

Sau khi Tổng thống Park Chung Hee bị chết do ám sát vào năm 1979, nền *Cộng hòa thứ Năm* được bắt đầu bởi bản Hiến pháp 1980 dưới thời Tổng thống Chung Doo Hwan. Đây cũng là lần thứ ba bản Hiến pháp được viết lại một cách hoàn toàn. Theo quy định của bản Hiến pháp này, vị thế của Tổng thống yếu hơn so với trước đây. Tổng thống được bầu một cách gián tiếp với nhiệm kỳ duy nhất bảy năm.

Do các cuộc biểu tình ủng hộ dân chủ lên cao vào năm 1987 (Phong trào Dân chủ tháng Sáu) tại Hàn Quốc, bản Hiến pháp mới của nền *Cộng hòa thứ Sáu* đã ra đời vào năm 1987. Đạo luật sửa đổi hiến pháp được Quốc hội thông qua vào ngày 12 tháng 10 năm 1987 và nhận được 93% phiếu ủng hộ trong cuộc trưng cầu ý dân vào ngày 28 tháng 10 năm 1987. Bản Hiến pháp 1987 đã có hiệu lực từ ngày 25 tháng 2 năm 1988 khi ông Roh Tae-woo nhậm chức Tổng thống. Theo bản Hiến pháp này, Tổng thống có nhiệm kỳ duy nhất năm năm và do nhân dân trực tiếp bầu ra. Quyền lực của Quốc hội được tăng lên so với trước đây. Quyền và tự do của con người được ghi nhận và bảo đảm đầy đủ hơn. Đặc biệt, Tòa án Hiến pháp đã được thành lập theo mô hình của Châu Âu là điểm đến của các công dân khi cần bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của mình.

LỜI MỞ ĐẦU

Chúng ta, nhân dân Hàn Quốc, tự hào về lịch sử huy hoàng và truyền thống xa xưa, giữ vững cơ sở của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Hàn Quốc ra đời từ Phong trào Độc lập ngày 1 tháng 3 năm 1919 và những lý tưởng dân chủ của Cuộc nổi dậy ngày 19 tháng 4 năm 1960 chống lại bất công, đặt ra nhiệm vụ cải cách dân chủ và thống nhất hòa bình đất nước chúng ta và quyết tâm củng cố đoàn kết quốc gia với công lý, nhân đạo và tình anh em, và

Để xóa bỏ tất cả các tệ nạn xã hội và bất công, và

Để có gắng tạo ra sự bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người và tạo ra sự phát triển tối đa khả năng cá nhân trong mọi lĩnh vực, bao gồm đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bằng cách tăng cường hơn nữa các quyền tự do cơ bản và trật tự dân chủ là điều kiện cho sáng tạo cá nhân và sự hài hòa của cộng đồng, và

Để giúp cho mỗi người dân thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm cùng với tự do và các quyền lợi, và

Để nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả công dân và đóng góp cho hòa bình vững bền của thế giới và sự thịnh vượng chung của nhân loại và do đó bảo đảm an ninh, tự do và hạnh phúc cho chính chúng ta và con cháu của chúng ta mãi mãi, theo đây sửa đổi Hiến pháp thông qua trưng cầu dân ý sau một nghị quyết của Quốc hội, được thông qua và ban hành vào ngày 12 tháng 7 năm 1948, và được sửa đổi tám lần sau đó.

29/10/1987

Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

(1) Hàn Quốc là một nước cộng hòa dân chủ.

(2) Chủ quyền Cộng hòa Hàn Quốc thuộc về nhân dân, và tất cả các quyền lực nhà nước phải được bắt nguồn từ nhân dân.

Điều 2

(1) Quốc tịch nước Cộng hòa Hàn Quốc sẽ do luật[8] định.

(2) Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ công dân ở nước ngoài theo luật định.

Điều 3

Lãnh thổ của Hàn Quốc gồm bán đảo Triều Tiên và các đảo lân cận.

Điều 4

Cộng hòa Hàn Quốc sẽ tìm cách thống nhất quốc gia, sẽ hình thành và thực hiện chính sách thống nhất hòa bình dựa trên nguyên tắc tự do và dân chủ.

Điều 5

(1) Cộng hòa Hàn Quốc nỗ lực để duy trì hòa bình quốc tế và phản đối mọi cuộc chiến tranh xâm lược.

(2) Các lực lượng vũ trang được giao sứ mệnh thiêng liêng là bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ đất nước, và tính trung lập chính trị của các lực lượng vũ trang phải được duy trì.

Điều 6

(1) Các điều ước được ký kết và ban hành theo đúng quy định của Hiến pháp và được các quy tắc chung của luật pháp quốc tế công nhận sẽ có hiệu lực như luật pháp quốc gia của Hàn Quốc.

(2) Địa vị của người nước ngoài được bảo đảm theo quy định của luật pháp quốc tế và các điều ước quốc tế.

Điều 7

(1) Tất cả công chức là công bộc của toàn thể nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

(2) Địa vị và tính trung lập chính trị của công chức phải được đảm bảo theo luật định.

[8]. Luật được hiểu là "đạo luật" do Quốc hội ban hành (Chú thích của người dịch).

Điều 8

(1) Việc thành lập các đảng chính trị là tự do, và hệ thống đa đảng phải được đảm bảo.

(2) Các chính đảng phải bảo đảm tính dân chủ trong mục tiêu, tổ chức và hoạt động, và phải có cách thức tổ chức cần thiết để người dân có thể tham gia vào quá trình hình thành nên ý chí chính trị.

(3) Các chính đảng được Nhà nước bảo hộ và có thể được Nhà nước cung cấp ngân sách hoạt động theo luật định.

(4) Nếu mục đích hoặc các hoạt động của một chính đảng trái với những trật tự dân chủ cơ bản, Chính phủ có thể kiện ra Tòa án Hiến pháp và đảng đó có thể bị giải thể theo quyết định của Tòa án Hiến pháp.

Điều 9

Nhà nước phải nỗ lực để duy trì và phát triển các di sản văn hóa và nâng cao văn hóa quốc gia.

Chương II:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

Điều 10

Mọi công dân đều được bảo đảm về giá trị và phẩm giá con người và có quyền mưu cầu hạnh phúc. Nhà nước có trách nhiệm khẳng định và đảm bảo các quyền con người cơ bản và bất khả xâm phạm của cá nhân.

Điều 11

(1) Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không có sự phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, hoặc văn hóa do giới tính, tôn giáo, hoặc địa vị xã hội.

(2) Chế độ đẳng cấp đặc quyền sẽ không được công nhận hay thiết lập dưới mọi hình thức.

(3) Việc trao các giải thưởng hoặc danh hiệu dưới mọi hình thức sẽ chỉ được ghi nhận đối với cá nhân người nhận và không có đặc quyền nào phát sinh từ đó.

Điều 12

(1) Mọi công dân đều được hưởng tự do cá nhân. Không ai bị bắt, giam giữ, khám xét, tịch thu tài sản hoặc bị thẩm vấn ngoại trừ những trường hợp theo luật định. Không ai bị trừng phạt, bị giám sát phòng ngừa, hoặc phải lao động cưỡng bức, ngoại trừ các trường hợp do luật định và thông qua các thủ tục hợp pháp.

(2) Không công dân nào bị tra tấn hoặc bị bắt buộc phải làm chứng chống lại mình trong vụ án hình sự.

(3) Trong trường hợp bắt, giam giữ, tịch thu tài sản hoặc khám xét thì cần phải có lệnh của thẩm phán thông qua các thủ tục luật định và trên

cơ sở phải có yêu cầu của một công tố viên trừ trường hợp một nghi phạm hình sự bị bắt quả tang, hoặc trường hợp có nguy cơ một người bị tình nghi phạm tội có thể bị phạt tù ba năm trở lên có thể trốn thoát hoặc hủy hoại chứng cứ, cơ quan điều tra có thể yêu cầu một lệnh bắt khẩn cấp.

(4) Bất kỳ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ đều có quyền có luật sư tư vấn ngay lập tức. Khi một bị cáo không có đủ khả năng để tìm được bào chữa, Nhà nước sẽ chỉ định luật sư cho bị cáo theo luật định.

(5) Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ mà không được thông báo về lý do và không được quyền có luật sư giúp đỡ. Gia đình v.v.. của người bị bắt hoặc bị giam giữ được xác định theo luật định phải được thông báo không chậm trễ về lý do, thời gian và địa điểm của việc bắt hay giam giữ.

(6) Bất kỳ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ đều có quyền yêu cầu Toà án xem xét tính hợp pháp của việc bắt hoặc giam giữ.

(7) Trong trường hợp có việc nhận tội mà được coi là trái với ý chí của bị cáo do bị tra tấn, bị sử dụng bạo lực, bị đe dọa, bắt giữ kéo dài vô lý, gian lận, hoặc hành động tương tự, hoặc trong trường hợp lời nhận tội đó là bằng chứng duy nhất chống lại bị đơn trong một phiên tòa chính thức, thì lời nhận tội đó sẽ không được thừa nhận là chứng cứ phạm tội, bị cáo cũng không bị trừng phạt vì lời thú nhận như vậy.

Điều 13

(1) Không công dân nào bị truy tố vì một hành vi không cấu thành tội phạm theo luật đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi, cũng không ai phải chịu xét xử hai lần.

(2) Không công dân nào phải chịu sự áp đặt hạn chế đối với các quyền chính trị, và cũng không ai bị tước quyền sở hữu bởi các quy định pháp luật hồi tố.

(3) Không công dân nào phải bị xử lý bất lợi đối với một hành động không phải do mình mà do một thân nhân của mình thực hiện.

Điều 14

Mọi công dân được hưởng các quyền tự do cư trú và tự do đi lại theo ý muốn.

Điều 15

Mọi công dân được hưởng quyền tự do nghề nghiệp.

Điều 16

Nơi cư trú của mọi công dân được đảm bảo không bị xâm phạm. Trong trường hợp cần khám xét hoặc thu giữ tại nơi cư trú, cần phải xuất trình lệnh của một thẩm phán được ban hành theo yêu cầu của công tố viên.

Điều 17

Đời tư của mọi công dân không thể bị xâm phạm.

Điều 18

Bí mật thư tín của mọi công dân không thể bị xâm phạm.

Điều 19

Mọi công dân được bảo đảm tự do xử sự theo đúng lương tâm.

Điều 20

(1) Mọi công dân được đảm bảo quyền tự do tôn giáo.

(2) Không một tôn giáo nào được thừa nhận là quốc giáo, nhà thờ và nhà nước được tách biệt.

Điều 21

(1) Mọi công dân được đảm bảo các quyền tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội.

(2) Không cho phép áp dụng chế độ cấp phép hoặc kiểm duyệt ngôn luận và báo chí cũng như chế độ xin phép cho hội họp và lập hội.

(3) Các tiêu chuẩn về dịch vụ tin tức và các phương tiện phát sóng, các vấn đề cần thiết để đảm bảo những chức năng của báo chí do luật định.

(4) Ngôn luận và báo chí không được xâm hại danh dự hoặc quyền của người khác cũng như không được làm xói mòn luân lý cộng đồng và đạo đức xã hội. Trong trường hợp ngôn luận hoặc báo chí xâm hại danh dự, quyền lợi của người khác, những người đó có thể khiếu kiện đòi bồi thường về các thiệt hại do hành vi đó gây ra.

Điều 22

(1) Mọi công dân đều có quyền tự do học tập và sáng tạo nghệ thuật.

(2) Các quyền của tác giả, nhà phát minh, nhà khoa học, kỹ sư và các nghệ sĩ được bảo vệ theo luật định.

Điều 23

(1) Quyền sở hữu của mọi công dân được bảo đảm. Nội dung và các giới hạn của quyền này do luật định.

(2) Việc thực hiện quyền sở hữu phải phù hợp với lợi ích công cộng.

(3) Việc sung công, trưng dụng hoặc hạn chế sở hữu tư nhân vì nhu cầu công cộng và việc bồi thường do các hành vi này được thực hiện theo luật định. Tuy nhiên, trong trường hợp này, phải có sự bồi thường thỏa đáng.

Điều 24

Mọi công dân đều có quyền bầu cử theo các điều kiện do luật định.

Điều 25

Mọi công dân đều có quyền giữ các chức vụ công theo các điều kiện do luật định.

Điều 26

(1) Mọi công dân đều có quyền kiến nghị bằng văn bản đến bất kỳ cơ quan nhà nước nào theo các điều kiện do luật định.

(2) Nhà nước có nghĩa vụ xem xét tất cả các kiến nghị đó.

Điều 27

(1) Mọi công dân có quyền được xét xử phù hợp với luật định bởi các thẩm phán đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Hiến pháp và luật.

(2) Công dân không phải là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc đang làm việc cho các lực lượng quân sự sẽ không bị xét xử bởi một tòa án quân sự trong lãnh thổ của Hàn Quốc, ngoại trừ trường hợp phạm tội hình sự theo luật định liên quan đến thông tin quân sự quan trọng, việc đặt lính gác, các điểm gác, hay cung cấp thực phẩm và đồ uống độc hại, tù nhân chiến tranh, các vật dụng và phương tiện quân sự và trong trường hợp công bố thiết quân luật bất thường.

(3) Mọi công dân có quyền được xét xử nhanh chóng. Trong trường hợp không có lý do chính đáng để trì hoãn, bị cáo có quyền được xét xử công khai không chậm trễ.

(4) Bị cáo được coi là vô tội cho đến khi một phán quyết là có tội được tuyên.

(5) Nạn nhân của một tội phạm có quyền trình bày trong quá trình diễn ra phiên tòa về vụ việc có liên quan theo các điều kiện do luật định.

Điều 28

Trong trường hợp một nghi can hoặc một bị cáo bị giam giữ nhưng không bị kết tội theo luật định hoặc là được tòa tuyên trắng án, người đó có quyền yêu cầu Nhà nước bồi thường một cách thỏa đáng theo các điều kiện do luật định.

Điều 29

(1) Trong trường hợp một người phải chịu thiệt hại do hành vi trái pháp luật bởi một công chức trong quá trình thực thi công vụ, người đó có quyền yêu cầu Nhà nước hoặc tổ chức công quyền bồi thường một cách thỏa đáng theo các điều kiện do luật định. Trong trường hợp này, công chức có liên quan không được miễn trừ khỏi trách nhiệm pháp lý.

(2) Trong trường hợp một người đang thực thi nghĩa vụ quân sự hoặc đang làm việc cho lực lượng quân sự, đang là cảnh sát hoặc các trường hợp khác theo luật định bị thiệt hại liên quan đến việc thực hiện công vụ như chiến đấu thì người đó không có quyền yêu cầu Nhà nước hay tổ chức công quyền bồi thường đối với hành vi trái pháp luật của công chức khi thi hành công vụ, mà chỉ được bồi thường theo luật định.

Điều 30

Công dân bị thương tích cơ thể hay tử vong do hành vi phạm tội của người khác có thể nhận được viện trợ từ Nhà nước theo các điều kiện do luật định.

Điều 31

(1) Mọi công dân có quyền bình đẳng trong việc được giáo dục tương ứng với khả năng của mình.

(2) Mọi công dân đang nuôi dưỡng con cái có trách nhiệm cung cấp cho con mình ít nhất là giáo dục tiểu học và các bậc học khác theo luật định.

(3) Giáo dục bắt buộc là miễn phí.

(4) Tính độc lập, chuyên nghiệp và trung lập về chính trị của giáo dục cũng như quyền tự chủ của các tổ chức giáo dục đại học được đảm bảo theo các điều kiện doluật định.

(5) Nhà nước khuyến khích giáo dục suốt đời.

(6) Các vấn đề cơ bản liên quan đến hệ thống giáo dục, bao gồm giáo dục trong trường học và giáo dục suốt đời, vấn đề quản trị, tài chính và địa vị của giáo viên do luật định.

Điều 32

(1) Mọi công dân đều có quyền làm việc. Nhà nước phải nỗ lực mở rộng cơ hội việc làm của người lao động và đảm bảo tiền lương tối ưu thông qua các phương tiện xã hội và kinh tế và thực thi một hệ thống tiền lương tối thiểu theo các điều kiện do luật định.

(2) Mọi công dân có nghĩa vụ lao động. Nhà nước phải ban hành luật quy định về phạm vi và các điều kiện của nghĩa vụ lao động phù hợp với các nguyên tắc dân chủ.

(3) Các tiêu chuẩn của điều kiện làm việc sẽ do luật định theo phương thức đảm bảo phẩm giá con người.

(4) Lao động nữ sẽ được hưởng sự bảo vệ đặc biệt, và họ không bị phân biệt đối xử về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.

(5) Lao động trẻ em được hưởng sự bảo vệ đặc biệt sẽ dành cho.

(6) Những người đã phụng sự cho quốc gia, các cựu chiến binh và cảnh sát bị thương, các thành viên gia đình của các quân nhân và cảnh sát đã hi sinh sẽ nhận được sự ưu tiên về cơ hội việc làm theo các điều kiện do luật định.

Điều 33

(1) Để nâng cao điều kiện làm việc, người lao động có quyền lập hội độc lập, thương lượng tập thể và hành động tập thể.

(2) Chỉ những công chức được luật cho phép mới có quyền lập hội, thương lượng tập thể và hành động tập thể.

(3) Quyền hành động tập thể của công nhân trong các ngành công nghiệp quốc phòng quan trọng có thể bị hạn chế hoặc bị cấm theo các điều kiện do luật định.

Điều 34

(1) Mọi công dân đều có quyền có cuộc sống xứng đáng của con người.

(2) Nhà nước có nhiệm vụ nỗ lực thúc đẩy an sinh và phúc lợi xã hội.

(3) Nhà nước phải nỗ lực thúc đẩy phúc lợi và quyền của phụ nữ.

(4) Nhà nước có nghĩa vụ thực hiện chính sách nâng cao phúc lợi của người cao tuổi và trẻ em.

(5) Công dân không có khả năng kiếm sống do khuyết tật về thể chất, bệnh tật, tuổi già, hoặc các lý do khác được Nhà nước bảo hộ theo các điều kiện do luật định.

(6) Nhà nước phải nỗ lực ngăn chặn thiên tai và bảo vệ công dân khỏi tác hại của thiên tại.

Điều 35

(1) Mọi công dân đều có quyền được hưởng một môi trường lành mạnh và thoải mái. Nhà nước và mọi công dân đều phải nỗ lực bảo vệ môi trường.

(2) Nội dung của các quyền về môi trường sẽ do luật định.

(3) Nhà nước phải nỗ lực để đảm bảo nhà ở đầy đủ cho mọi công dân thông qua các chính sách phát triển nhà ở và chính sách tương tự.

Điều 36

(1) Hôn nhân và cuộc sống gia đình được hình thành và duy trì trên cơ sở nhân phẩm cá nhân và sự bình đẳng về giới, và trong thẩm quyền của mình Nhà nước phải thực hiện mọi việc có thể để đạt được mục tiêu đó.

(2) Nhà nước phải nỗ lực bảo vệ các bà mẹ.

(3) Nhà nước bảo đảm sức khỏe cho mọi công dân.

Điều 37

(1) Các quyền và tự do của công dân không thể bị bỏ qua với lý do chúng không được liệt kê trong Hiến pháp.

(2) Các quyền và tự do của công dân chỉ có thể bị giới hạn theo luật khi cần thiết vì lý do bảo đảm an ninh quốc gia, duy trì pháp luật và trật tự hoặc vì lợi ích công cộng. Ngay cả khi áp đặt các hạn chế như vậy, không được vi phạm các yếu tố thiết yếu của các quyền và tự do.

Điều 38

Mọi công dân có nghĩa vụ nộp thuế theo các điều kiện do luật định.

Điều 39

(1) Mọi công dân có nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc theo các điều kiện do luật định.

(2) Không công dân nào bị đối xử bất lợi do thực hiện các nghĩa vụ quân sự của mình.

Chương III:
QUỐC HỘI

Điều 40

Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội.

Điều 41

(1) Quốc hội bao gồm các đại biểu do nhân dân bầu ra theo phương thức phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

(2) Số lượng đại biểu Quốc hội do luật định nhưng không được ít hơn 200 người.

(3) Các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, tỷ lệ đại diện và các vấn đề khác liên quan đến bầu cử Quốc hội sẽ do luật định.

Điều 42

Nhiệm kỳ đại biểu Quốc hội là bốn năm.

Điều 43

Các đại biểu Quốc hội không thể đồng thời giữ bất kỳ chức vụ nào khác theo luật định.

Điều 44

(1) Trong thời gian kỳ họp của Quốc hội, không đại biểu Quốc hội nào bị bắt hoặc giam giữ mà không có sự đồng ý của Quốc hội, ngoại trừ trường hợp phạm tội quả tang.

(2) Trong trường hợp một đại biểu Quốc hội bị bắt hoặc giam giữ trước khi khai mạc một kỳ họp Quốc hội, đại biểu đó phải được trả tự do trong thời gian của kỳ họp theo yêu cầu của Quốc hội, ngoại trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Điều 45

Không đại biểu Quốc hội nào phải chịu trách nhiệm bên ngoài Quốc hội về các ý kiến chính thức đã phát biểu hoặc về việc bỏ phiếu của mình tại Quốc hội.

Điều 46

(1) Đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ duy trì chuẩn mực cao về liêm chính.

(2) Đại biểu Quốc hội phải ưu tiên lợi ích quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ của mình phù hợp với lương tâm.

(3) Đại biểu Quốc hội không được thông qua việc lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình để đòi hỏi các lợi ích về tài sản hoặc chức vụ, hay giúp người khác làm điều tương tự qua các hợp đồng hoặc qua việc xử lý công việc của Nhà nước, các tổ chức công quyền hoặc các ngành công nghiệp.

Điều 47

(1) Phiên họp thường lệ của Quốc hội được triệu tập mỗi năm một lần theo các điều kiện do luật định, và các phiên bất thường của Quốc hội có thể được triệu tập theo yêu cầu của Tổng thống hoặc ít nhất một phần tư tổng số đại biểu.

(2) Thời gian của kỳ họp thường lệ không được vượt quá một trăm ngày và thời gian của kỳ họp bất thường không quá ba mươi ngày.

(3) Nếu Tổng thống yêu cầu triệu tập một kỳ họp bất thường, thời gian và lý do yêu cầu kỳ họp phải được nêu rõ.

Điều 48

Quốc hội bầu ra một Chủ tịch và hai Phó Chủ tịch.

Điều 49

Trừ trường hợp Hiến pháp hoặc luật quy định khác, sự có mặt của đa số trong tổng số đại biểu và sự đồng thuận của đa số đại biểu có mặt là điều kiện cần thiết để Quốc hội ra các quyết định. Trong trường hợp có số phiếu ngang nhau, vấn đề được coi là không được Quốc hội thông qua.

Điều 50

(1) Các kỳ họp của Quốc hội được công khai cho công chúng, trừ trường hợp đa số thành viên có mặt quyết định, hoặc khi Chủ tịch Quốc hội xét thấy cần thiết vì lợi ích an ninh quốc gia thì Quốc hội có thể họp kín.

(2) Việc công khai tiến trình của các phiên họp kín sẽ do luật định.

Điều 51

Dự án luật và các vấn đề khác trình Quốc hội thảo luận không thể bị loại bỏ do chúng không được thông qua trong kỳ họp mà chúng đã được trình, ngoại trừ trong trường hợp nhiệm kỳ của các đại biểu Quốc hội đã hết.

Điều 52

Quyền đệ trình các dự án luật thuộc về các đại biểu Quốc hội và cơ quan Hành pháp.

Điều 53

(1) Dự án luật đã được Quốc hội thông qua phải được gửi đến cơ quan Hành pháp, và Tổng thống phải công bố dự án luật đó trong thời hạn mười lăm ngày.

(2) Trong trường hợp phản đối dự luật, trong thời hạn nêu tại khoản (1),Tổng thống có thể chuyển dự luật trở lại Quốc hội với văn bản giải thích sự phản đối của mình và yêu cầu xem xét lại. Tổng thống cũng có thể thực hiện việc này trong thời gian Quốc hội không họp.

(3) Tổng thống không được yêu cầu Quốc hội xem xét lại từng phần của dự luật hoặc kèm theo các đề xuất sửa đổi.

(4) Trong trường hợp có yêu cầu, Quốc hội phải xem xét lại dự luật, nếu Quốc hội lại thông qua bản gốc dự luật với sự có mặt của hơn một nửa tổng số thành viên và với sự nhất trí của tối thiểu hai phần ba đại biểu có mặt, dự án luật đó sẽ trở thành luật.

(5) Nếu Tổng Thống không công bố dự luật, hoặc không có yêu cầu Quốc hội xem xét lại dự luật trong thời hạn nêu tại khoản (1), dự án luật đó sẽ trở thành luật.

(6) Đối với các dự án luật đã được chung quyết theo quy định tại khoản (4) và (5), Tổng thống phải công bố luật một cách không chậm trễ. Nếu Tổng Thống không công bố một đạo luật trong thời hạn năm ngày sau khi đã trở thành luật theo quy định tại khoản (5), hoặc sau khi nó đã được gửi trở lại cơ quan Hành pháp theo quy định tại khoản (4), Chủ tịch Quốc hội sẽ công bố đạo luật này.

(7) Trừ khi có quy định khác, một đạo luật có hiệu lực từ thời điểm hai mươi ngày sau ngày được công bố.

Điều 54

(1) Quốc hội thảo luận và quyết định về dự luật ngân sách quốc gia.

(2) Cơ quan Hành pháp soạn thảo dự luật ngân sách cho mỗi năm tài chính và đệ trình Quốc hội trong thời hạn chín mươi ngày trước ngày bắt đầu của năm tài chính mới. Quốc hội quyết định về dự luật ngân sách quốc gia trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu năm tài chính mới.

(3) Nếu dự luật ngân sách quốc gia không được thông qua trước khi bắt đầu năm tài chính, trên cơ sở ngân sách của năm tài chính trước đó, cơ quan Hành pháp có thể giải ngân cho các mục đích sau đây cho đến khi dự luật ngân sách được thông qua bởi Quốc hội:

1) Duy trì và vận hành hoạt động của các cơ quan và các cơ sở được thành lập theo Hiến pháp hoặc các đạo luật;

2) Thực hiện các khoản chi bắt buộc theo quy định của pháp luật; và

3) Tiếp tục các dự án trước đó đã được phê duyệt trong ngân sách.

Điều 55

(1) Trong trường hợp cần phải thực hiện một khoản chi trong thời gian dài hơn một năm tài chính, cơ quan Hành pháp cần có sự chấp thuận của Quốc hội với khoảng thời hạn chi được xác định cụ thể.

(2) Quốc hội phê duyệt tổng thể việc duy trì một quỹ dự trữ. Việc chi tiêu của quỹ dự trữ sẽ được phê chuẩn trong kỳ họp tiếp theo của Quốc hội.

Điều 56

Khi cần thiết phải sửa đổi ngân sách, Cơ quan Hành pháp có thể xây dựng một dự luật ngân sách bổ sung sửa đổi và đệ trình Quốc hội.

Điều 57

Khi không có sự đồng ý của Cơ quan Hành pháp, Quốc hội sẽ không được tăng số tiền của bất kỳ khoản chi nào cũng như không tạo ra bất kỳ mục chi mới nào trong ngân sách đã được Cơ quan Hành pháp đệ trình.

Điều 58

Khi Cơ quan Hành pháp lập kế hoạch phát hành trái phiếu quốc gia hoặc ký kết hợp đồng mà có thể phát sinh nghĩa vụ tài chính đối với quốc gia ngoài ngân sách, thì cần phải được Quốc hội phê chuẩn trước.

Điều 59

Các loại thuế và mức thuế sẽ do luật định.

Điều 60

(1) Quốc hội có quyền thông qua việc ký kết và phê chuẩn các điều ước quốc tế liên quan đến tương trợ và hỗ trợ an ninh; các điều ước quốc tế liên quan đến các tổ chức quốc tế quan trọng; các điều ước hữu nghị, thương mại và hàng hải; các điều ước quốc tế liên quan đến bất kỳ sự hạn chế nào về chủ quyền; các điều ước hòa bình; các điều ước quốc tế phát sinh nghĩa vụ tài chính quan trọng đối với Nhà nước hoặc nhân dân; và các điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề lập pháp.

2) Quốc hội cũng có quyền phê chuẩn việc tuyên bố chiến tranh, việc gửi lực lượng vũ trang ra nước ngoài và việc đóng quân của lực lượng đồng minh nước ngoài trên lãnh thổ Hàn Quốc.

Điều 61

(1) Quốc hội có thể kiểm tra công việc của nhà nước hoặc điều tra những vấn đề cụ thể trong hoạt động của nhà nước, có quyền yêu cầu việc đệ trình các tài liệu liên quan trực tiếp đến các vấn đề đó, có quyền yêu cầu sự có mặt của một nhân chứng để cung cấp chứng cứ hoặc báo cáo quan điểm.

(2) Các thủ tục và các vấn đề cần thiết khác liên quan đến việc kiểm tra và điều tra hành chính nhà nước sẽ do luật định.

Điều 62

(1) Thủ tướng Chính phủ, các thành viên của Hội đồng Nhà nước, hoặc các đại diện của Chính phủ có thể tham dự các cuộc họp của Quốc hội hoặc các ủy ban Quốc hội và báo cáo về công việc quản lý nhà nước, hoặc nêu các ý kiến và trả lời các câu hỏi.

(2) Khi có yêu cầu của Quốc hội hoặc các ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên của Hội đồng Nhà nước, các đại diện của Chính phủ phải tham dự bất kỳ cuộc họp nào của Quốc hội và trả lời các câu hỏi. Nếu Thủ tướng Chính phủ hoặc thành viên Hội đồng Nhà nước được yêu cầu tham dự, Thủ tướng Chính phủ hoặc thành viên Hội đồng Nhà nước có thể có các thành viên Hội đồng Nhà nước hoặc các đại diện của Chính phủ tham dự các cuộc họp của Quốc hội và trả lời câu hỏi.

Điều 63

(1) Quốc hội có thể thông qua một đề nghị bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ hoặc một thành viên Hội đồng Nhà nước.

(2) Để đưa ra một đề nghị bãi nhiệm như quy định tại khoản (1) cần phải có sự nhất trí của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội và đề nghị đó chỉ được thông qua với số phiếu nhất trí của đa số trong tổng số các đại biểu Quốc hội.

Điều 64

(1) Quốc hội có thể xây dựng các quy định về thủ tục làm việc và các nội quy của mình nhưng không được mâu thuẫn với luật.

(2) Quốc hội có thể xem xét các tư cách của các đại biểu và có thể có thể thực hiện các hình thức kỷ luật đối với các đại biểu.

(3) Việc bãi nhiệm một đại biểu Quốc hội cần phải có sự chấp thuận của tối thiểu hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trong một cuộc biểu quyết.

(4) Các quyết định được thực hiện theo quy định tại khoản (2) và (3) sẽ không thể được đưa ra xem xét tại tòa án.

Điều 65

(1) Trong trường hợp Tổng thống, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên của Hội đồng Nhà nước, Bộ trưởng, các thẩm phán Tòa án Hiến pháp, các thẩm phán, các thành viên của Ủy ban Bầu cử Trung ương, Chủ tịch và các thành viên của Ban Kiểm toán và Thanh tra, và các công chức khác theo luật định đã vi phạm Hiến pháp hay luật khác trong khi thực thi công vụ, Quốc hội có thể thông qua một đề xuất để đàn hạch.

(2) Đề xuất đàn hạch theo quy định tại khoản (1) có thể được đề nghị bởi tối thiểu một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội và cần có sự chấp thuận của đa số trong tổng số đại biểu Quốc hội để thông qua. Riêng đối với trường hợp đề xuất đàn hạch Tổng thống, cần được đề nghị bởi đa số

trong tổng số đại biểu Quốc hội và phải được chấp thuận bởi tối thiểu là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

(3) Khi một đề xuất đàn hạch được thông qua, người bị đề xuất đàn hạch sẽ bị đình chỉ thực hiện quyền hạn của mình cho đến khi việc đàn hạch được kết luận.

(4) Hệ quả của quyết định đàn hạch không được mở rộng ra ngoài việc bãi nhiệm khỏi công vụ nhưng không miễn trừ người bị đàn hạch khỏi trách nhiệm dân sự hoặc hình sự.

Chương IV:
CƠ QUAN HÀNH PHÁP

Mục 1:
Tổng thống

Điều 66

(1) Tổng thống là nguyên thủ quốc gia và đại diện nhà nước trong quan hệ đối ngoại.

(2) Tổng thống có các nghĩa vụ và trách nhiệm bảo đảm độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và duy trì Nhà nước và Hiến pháp.

(3) Tổng thống có trách nhiệm theo đuổi một cách chân thành việc thống nhất hòa bình đất nước.

(4) Quyền Hành pháp được trao cho nhánh Hành pháp do Tổng thống đứng đầu.

Điều 67

(1) Tổng thống do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

(2) Trong trường hợp có hơn hai người nhận được số phiếu lớn nhất như nhau trong cuộc bầu cử như nêu tại khoản (1), người nhận được số phiếu lớn hơn tại một phiên họp công khai của Quốc hội có sự tham dự bởi đa số của tổng số đại biểu Quốc hội sẽ trúng cử.

(3) Nếu chỉ có một ứng cử viên tổng thống, người này sẽ không được bầu làm Tổng thống trừ khi nhận được tối thiểu là một phần ba số phiếu của tất cả các cử tri có đủ điều kiện bầu cử.

(4) Các công dân đủ điều kiện được bầu vào Quốc hội và đã từ đủ bốn mươi tuổi vào ngày bầu cử tổng thống, có thể được bầu làm tổng thống.

(5) Các vấn đề liên quan đến bầu cử tổng thống do luật định.

Điều 68

(1) Tổng thống kế nhiệm phải được bầu xong trong vòng từ bảy mươi đến bốn mươi ngày trước ngày nhiệm kỳ Tổng thống đương nhiệm kết thúc.

(2) Trong trường hợp chức vụ Tổng thống bị bỏ trống hoặc Tổng thống đã được bầu đã chết, hoặc bị miễn nhiệm bởi một phán quyết của tòa án hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, một người kế nhiệm sẽ được bầu trong vòng sáu mươi ngày.

Điều 69

Vào thời điểm nhậm chức, Tổng thống sẽ có lời tuyên thệ như sau: "Tôi trịnh trọng tuyên thệ trước nhân dân rằng tôi sẽ trung thành thực thi nhiệm vụ của Tổng thống bằng việc tuân thủ Hiến pháp, bảo vệ đất nước, theo đuổi việc thống nhất tổ quốc một cách hòa bình, thúc đẩy tự do và thịnh vượng của nhân dân và nỗ lực phát triển văn hóa dân tộc."

Điều 70

Nhiệm kỳ Tổng thống là năm năm và Tổng thống không thể được bầu lại.

Điều 71

Nếu chức vụ Tổng thống bị bỏ trống hoặc Tổng thống không thể thực thi nhiệm vụ của mình vì bất kỳ lí do nào, Thủ tướng hoặc các thành viên của Hội đồng Nhà nước sẽ thực thi công việc của Tổng thống lần lượt theo thứ tự do luật định.

Điều 72

Tổng thống có thể đệ trình các chính sách quan trọng liên quan đến ngoại giao, quốc phòng, thống nhất đất nước và các vấn đề khác liên quan đến vận mệnh quốc gia để trưng cầu ý dân nếu thấy cần thiết.

Điều 73

Tổng thống ký kết và phê chuẩn các điều ước, bổ nhiệm và đón nhận các phái đoàn ngoại giao, tuyên chiến và ký các hiệp định hòa bình.

Điều 74

(1) Tổng thống là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang theo các điều kiện quy định bởi Hiến pháp và luật.

(2) Việc hình thành và cách thức tổ chức các lực lượng vũ trang do luật định.

Điều 75

Tổng thống có thể ban hành sắc lệnh tổng thống liên quan đến các vấn đề mà Tổng thống được ủy quyền theo luật định với phạm vi được xác định cụ thể và đối với các vấn đề cần thiết phải thực thi các luật.

Điều 76

(1) Trong thời gian đất nước có nội loạn, có hiểm họa ngoại xâm, thảm họa thiên nhiên hoặc khủng hoảng tài chính hoặc kinh tế, Tổng thống

có thể thực thi các biện pháp tài chính và kinh tế tối thiểu cần thiết hoặc ban hành các sắc lệnh có hiệu lực như luật khi cần phải có các biện pháp khẩn cấp để duy trì an ninh quốc gia an toàn và trật tự công cộng và không có thời gian đợi quyết định của Quốc hội.

(2) Trong trường hợp có các hoạt động thù địch ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và không thể triệu tập Quốc hội, Tổng thống có thể ban hành các sắc lệnh có hiệu lực như luật khi cần thiết để bảo đảm sự toàn vẹn của quốc gia.

(3) Trong trường hợp thực thi các hành động hoặc ban hành các sắc lệnh theo quy định tại khoản (1) và (2), Tổng thống sẽ nhanh chóng thông báo cho Quốc hội để Quốc hội thông qua.

(4) Nếu Quốc hội không thông qua, các hành động và sắc lệnh sẽ bị hủy bỏ. Trong các trường hợp đó, các luật bị sửa đổi hoặc bị bãi bỏ bởi sắc lệnh có liên quan sẽ tự động phục hồi hiệu lực áp dụng ban đầu vào thời điểm các sắc lệnh không được thông qua.

(5) Tổng thống phải nhanh chóng công bố các bước thực thi theo quy định tại các khoản (3) và (4).

Điều 77

(1) Khi cần thiết phải đối phó về mặt quân sự hoặc để duy trì trật tự và an toàn công cộng và nhằm huy động lực lượng quân sự vào thời điểm chiến tranh, xung đột vũ trang hoặc tình trạng khẩn cấp tương tự, Tổng thống có thể tuyên bố thiết quân luật theo các điều kiện do luật định.

(2) Thiết quân luật sẽ có hai dạng: thiết quân luật bất thường và thiết quân luật phòng vệ.

(3) Trong trường hợp thiết quân luật bất thường, các biện pháp đặc biệt có thể được thực hiện bao gồm những việc liên quan đến lệnh bắt giam, tự do ngôn luận, báo chí, hội họp và lập hội hoặc các quyền của Cơ quan Hành pháp và Cơ quan Tư pháp theo các điều kiện do luật định.

(4) Khi Tổng thống ban bố thiết quân luật, Tổng thống cần phải thông báo ngay lập tức cho Quốc hội.

(5) Khi Quốc hội yêu cầu bãi bỏ thiết quân luật với sự đồng ý của đa số phiếu của tổng số đại biểu Quốc hội, Tổng thống phải phục tùng.

Điều 78

Tổng thống bổ nhiệm và bãi miễn các công chức theo các điều kiện quy định bởi Hiến pháp và luật.

Điều 79

(1) Tổng thống có thể quyết định đặc xá, giảm án, phục hồi các quyền theo các điều kiện do luật định.

(2) Tổng thống cần sự đồng thuận của Quốc hội khi quyết định đặc xá.

(3) Các vấn đề liên quan đến đặc xá, giảm án, phục hồi các quyền do luật định.

Điều 80

Tổng thống trao các tước vị và danh hiệu theo các điều kiện do luật định.

Điều 81

Tổng thống có thể tham gia và trình bày trước Quốc hội hoặc nêu quan điểm của mình bằng văn bản.

Điều 82

Các quyết định của Tổng thống theo luật định được thực hiện dưới hình thức văn bản và các văn kiện đó phải được tiếp ký bởi Thủ tướng và các thành viên Hội đồng Nhà nước có liên quan. Điều này cũng áp dụng đối với các vấn đề quân sự.

Điều 83

Tổng thống không thế đồng thời giữ chức vụ Thủ tướng, thành viên Hội đồng Nhà nước, người đứng đầu một Bộ hoặc các vị trí công vụ hoặc tư nhân nào khác theo luật định.

Điều 84

Tổng thống không thể bị truy tố về hình sự trong thời gian tại vị trừ tội phản quốc hoặc hoạt động lật đổ.

Điều 85

Các vấn đề liên quan đến địa vị và ưu đãi đối với các cựu Tổng thống do luật định.

Mục 2:
Chính phủ

Tiểu mục 1:
Thủ tướng và các thành viên Hội đồng Nhà nước

Điều 86

(1) Thủ tướng được Tổng thống bổ nhiệm và Quốc hội phê chuẩn.

(2) Thủ tướng có trách nhiệm hỗ trợ Tổng thống và điều hành các Bộ theo chỉ đạo của Tổng thống.

(3) Không có người nào trong quân đội có thể được bổ nhiệm làm Thủ tướng trừ khi người đó đã từ nhiệm.

Điều 87

(1) Các thành viên của Hội đồng Nhà nước được Tổng thống bổ nhiệm theo đề xuất của Thủ tướng.

(2) Các thành viên của Hội đồng Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ Tổng thống trong việc thực hiện các công việc của nhà nước và có trách nhiệm thảo luận về các công việc của nhà nước khi tham gia tập thể Hội đồng Nhà nước.

(3) Thủ tướng có thể đề nghị Tổng thống miễn nhiệm thành viên Hội đồng Nhà nước.

(4) Không thành viên nào của quân đội có thể được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Nhà nước trừ khi người đó đã từ nhiệm.

Tiểu mục 2:
Hội đồng Nhà nước

Điều 88

(1) Hội đồng Nhà nước thảo luận các chính sách quan trọng thuộc thẩm quyền của cơ quan Hành pháp.

(2) Hội đồng Nhà nước bao gồm Tổng thống, Thủ tướng và các thành viên khác với số lượng tối thiểu là mười lăm và tối đa là ba mươi người.

(3) Tổng thống là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Thủ tướng là Phó Chủ tịch.

Điều 89

Hội đồng Nhà nước sẽ thảo luận các vấn đề sau đây:

1) Các kế hoạch cơ bản của quốc gia và các chính sách chung của Hành pháp;

2) Tuyên chiến, kí kết hiệp định hòa bình, và các vấn đề quan trọng khác liên quan đến chính sách đối ngoại.

3) Soạn thảo các sửa đổi Hiến pháp, các đề xuất trưng cầu ý dân, các điều ước, các dự luật và các sắc lệnh tổng thống;

4) Ngân sách, các khoản chi tiêu, các kế hoạch cơ bản sử dụng tài sản nhà nước, các hợp đồng phát sinh nghĩa vụ tài chính của Nhà nước và các vấn đề tài chính quan trọng khác;

5) Các sắc lệnh, các quyết định tài chính và kinh tế khẩn cấp của Tổng thống, các tuyên bố áp dụng và bãi bỏ thiết quân luật;

6) Các vấn đề quân sự quan trọng;

7) Yêu cầu triệu tập các phiên họp bất thường của Quốc hội;

8) Trao tặng danh hiệu;

9) Quyết định đặc xá, giảm án và phục hồi các quyền;

10) Xác định thẩm quyền giữa các Bộ;

11) Các kế hoạch cơ bản liên quan đến trao quyền và ủy quyền trong cơ quan Hành pháp;

12) Phân tích và đánh gia hoạt động quản lý Nhà nước;

13) Thành lập và điều phối các chính sách cơ bản của các Bộ;

14) Thực hiện thủ tục giải tán một chính đảng;

15) Xem xét các kiến nghị liên quan đến các chính sách hành chính được đệ trình hoặc chuyển đến Hành pháp;

16) Bổ nhiệm Tổng Chưởng lý, Tổng tham mưu trưởng Liên quân, Tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang, hiệu trưởng các trường đại học quốc gia, các đại sứ, các công chức và các nhà quản lý các doanh nghiệp nhà nước quan trọng theo luật định; và

17) Các vấn đề khác do Tổng thống, Thủ tướng hoặc một thành viên Hội đồng Nhà nước đệ trình.

Điều 90

(1) Hội đồng Cố vấn Chính trị gia Lão thành bao gồm các chính trị gia lão thành, có thể được thành lập để cố vấn cho Tổng thống về các vấn đề quan trọng của quốc gia.

(2) Tổng thống tiền nhiệm kế trước sẽ là Chủ tịch của Hội đồng Cố vấn Chính trị gia Lão thành; khi không có Tổng thống tiền nhiệm kế trước, Tổng thống sẽ bổ nhiệm Chủ tịch.

(3) Tổ chức, chức năng và các vấn đề cần thiết khác của Hội đồng Cố vấn Chính trị gia Lão thành do luật định.

Điều 91

(1) Hội đồng An ninh Quốc gia được thành lập để cố vấn cho Tổng thống về việc hình thành các chính sách đối nội, đối ngoại và quân sự liên quan đến an ninh quốc gia trước khi chuyển đến để Hội đồng Nhà nước thảo luận.

(2) Các cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia do Tổng thống chủ tọa.

(3) Tổ chức, chức năng và các vấn đề cần thiết khác của Hội đồng An ninh Quốc gia do luật định.

Điều 92

(1) Hội đồng Cố vấn về Thống nhất Dân chủ và Hòa bình có thể được thành lập để cố vấn cho Tổng thống về việc hình thành chính sách thống nhất hòa bình.

(2) Tổ chức, chức năng và các vấn đề cần thiết khác của Hội đồng Cố vấn về Thống nhất Dân chủ và Hòa bình được luật quy định.

Điều 93

(1) Hội đồng Cố vấn Kinh tế Quốc gia có thể được thành lập để cố vấn cho Tổng thống về việc hình thành các chính sách quan trọng cho việc phát triển kinh tế quốc gia.

(2) Tổ chức, chức năng và các vấn đề cần thiết khác của Hội đồng Cố vấn Kinh tế Quốc gia do luật quy định.

Tiểu mục 3:
Các Bộ

Điều 94

Bộ trưởng được Tổng thống bổ nhiệm trong số các thành viên của Hội đồng Nhà nước theo đề nghị của Thủ tướng.

Điều 95

Theo thẩm quyền được quy định bởi luật hoặc sắc lệnh của Tổng thống hoặc thuộc thẩm quyền đương nhiên của mình, Thủ tướng hoặc Bộ trưởng có thể ban hành pháp lệnh của Thủ tướng hoặc của Bộ về các vấn đề thuộc phạm thẩm quyền của mình.

Điều 96

Việc thành lập, tổ chức và chức năng của mỗi Bộ do luật định.

Tiểu mục 4:
Ban Kiểm toán và Thanh tra

Điều 97

Ban Kiểm toán và Thanh tra được thành lập trực thuộc Tổng thống để thanh tra và kiểm tra việc thực hiện các khoản thu và chi của Nhà nước, tài khoản quốc gia, và các tổ chức khác theo luật định và việc thực thi công việc của các cơ quan hành pháp và công chức.

Điều 98

(1) Ban Kiểm toán và Thanh tra gồm có tối thiểu là năm và tối đa là mười một thành viên bao gồm cả Chủ tịch.

(2) Chủ tịch Ban do Tổng thống bổ nhiệm với sự phê chuẩn của Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là bốn năm và chỉ có thể được tái bổ nhiệm một lần.

(3) Các thành viên của Ban được Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch. Nhiệm kỳ của các thành viên là bốn năm và chỉ có thể được tái bổ nhiệm một lần.

Điều 99

Ban Kiểm toán và Thanh tra sẽ thanh tra việc đóng các tài khoản thu chi hàng năm và báo cáo kết quả cho Tổng thống và Quốc hội trong năm tiếp sau.

Điều 100

Tổ chức và chức năng của Ban Kiểm toán và Thanh tra, tiêu chuẩn của các thành viên, phạm vi các công chức thuộc đối tượng bị thanh tra và những vấn đề cần thiết khác sẽ do luật định.

Chương V:
TOÀ ÁN

Điều 101

(1) Quyền lực tư pháp được trao cho tòa án bao gồm các thẩm phán.

(2) Các tòa án bao gồm Tòa án Tối cao là tòa án cao nhất của Nhà nước, và các tòa án các cấp.

(3) Tiêu chuẩn của các thẩm phán do luật định.

Điều 102

(1) Các bộ phận phụ trách chuyên môn có thể được thành lập trong Tòa án Tối cao.

(2) Tòa án Tối cao có các thẩm phán Tòa án Tối cao. Luật sẽ quy định các điều kiện để bổ nhiệm các thẩm phán khác vào Tòa án Tối cao.

(3) Cơ cấu tổ chức của Tòa án Tối cao và các tòa án cấp dưới do luật định.

Điều 103

Thẩm phán xét xử độc lập theo lương tâm và theo đúng quy định của Hiến pháp và luật.

Điều 104

(1) Chánh án Tòa án tối cao do Tổng thống bổ nhiệm với sự đồng ý của Quốc hội.

(2) Các Thẩm phán Tòa án tối cao do Tổng thống bổ nhiệm theo đề xuất của Chánh án và với sự đồng ý của Quốc hội.

(3) Các Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án Tối cao bổ nhiệm với sự đồng ý của Hội nghị Thẩm phán Tòa án Tối cao.

Điều 105

(1) Nhiệm kỳ của Chánh án là sáu năm và không thể được tái bổ nhiệm.

(2) Nhiệm kỳ của thẩm phán của Tòa án Tối cao là sáu năm và có thể được tái bổ nhiệm theo luật định.

(3) Nhiệm kỳ của các thẩm phán khác là mười năm và có thể được tái bổ nhiệm theo các điều kiện do luật định.

(4) Tuổi nghỉ hưu của các thẩm phán sẽ luật định.

Điều 106

(1) Không thẩm phán nào bị bãi miễn ngoại trừ trường hợp bị đàn hạch hoặc bị kết án phạt tù không kèm bắt buộc lao động hoặc bị kết án nặng hơn. Không thẩm phán nào bị ngưng chức vụ, bị giảm lương, hoặc phải chịu bất kỳ hình thức bất lợi nào trừ khi bị kỷ luật.

(2) Trong trường hợp một thẩm phán không thể tiếp tục thực thi công việc do hạn chế về thể chất hoặc tinh thần, người này có thể từ nhiệm theo các điều kiện do luật định.

Điều 107

(1) Khi tính hợp hiến của một đạo luật được xem xét tại tòa, tòa án sẽ đề nghị Tòa án Hiến pháp ra phán quyết và sẽ xét xử căn cứ vào phán quyết đó.

(2) Tòa án Tối cao có quyền đưa ra phán quyết cuối cùng về tính hợp hiến hoặc tính hợp pháp của các nghị định, quy định hoặc hành vi hành chính, khi tính hợp hiến hoặc hợp pháp của chúng được xem xét tại tòa.

(3) Thủ tục khiếu nại hành chính có thể được thực hiện trước khi tiến hành một phiên tòa tư pháp. Thủ tục khiếu nại hành chính do luật định và phải phù hợp với các nguyên tắc của trình tự tố tụng.

Điều 108

Trong khuôn khổ luật định, Tòa án Tối cao có thể xây dựng các quy định về trình tự tư pháp, kỷ luật nội bộ và các quy định về các vấn đề hành chính của tòa án.

Điều 109

Việc xét xử và các phán quyết của toà án phải được công khai. Trường hợp phiên tòa có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia hay tổn hại đến an toàn và trật tự công cộng, hoặc có thể tổn hại đến luân lý cộng đồng các phiên tòa có thể được xử kín theo quyết định của tòa án.

Điều 110

(1) Các tòa án quân sự có thể được thành lập như là các tòa đặc biệt để thực thi thẩm quyền tư pháp đối với các vụ án quân sự.

(2) Tòa án Tối cao có quyền phán quyết chung thẩm đối với các bản án của tòa án quân sự.

(3) Tổ chức và thẩm quyền của tòa án quân sự, các tiêu chuẩn của thẩm phán tòa án quân sự do luật quy định.

(4) Trừ các vụ án bị tuyên tử hình, các vụ án quân sự trong thời gian thiết quân luật bất thường không thể bị kháng cáo trong các vụ án do quân nhân, công chức quốc phòng phạm tội; các vụ án gián điệp quân sự; và các tội phạm khác được luật quy định liên quan đến việc canh gác, đặt vị trí gác, cung cấp thức ăn hoặc đồ uống độc hại, tù nhân chiến tranh.

Chương VI:
TÒA ÁN HIẾN PHÁP

Điều 111

(1) Tòa án Hiến pháp có thẩm quyền về các vụ việc sau:

1) Tính hợp hiến của luật theo đề nghị của các tòa án;

2) Đàn hạch;

3) Giải tán một chính đảng;

4) Tranh chấp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước, giữa các cơ quan nhà nước với chính quyền địa phương, và giữa các cơ quan nhà nước địa phương, và

5) Các vụ việc liên quan đến Hiến pháp do luật định.

(2) Tòa án Hiến pháp có chín thẩm phán do Tổng thống bổ nhiệm và phải đáp ứng đủ các điều kiện trở thành thẩm phán.

(3) Trong số các thẩm phán được quy định tại đoạn (2), ba người được bổ nhiệm trong số những người được Quốc hội lựa chọn, và ba người do Chánh án Tòa án Tối cáo đề cử.

(4) Tổng thống bổ nhiệm người đứng đầu Tòa án Hiến pháp từ một trong số các thẩm phán với sự chấp thuận của Quốc hội.

Điều 112

(1) Nhiệm kỳ thẩm phán của Tòa án Hiến pháp là sáu năm có thể được tái bổ nhiệm theo các điều kiện do luật định.

(2) Các thẩm phán Tòa án Hiến pháp không được tham gia vào bất kỳ chính đảng nào hay tham gia vào các hoạt động chính trị.

(3) Thẩm phán Tòa án Hiến pháp không thể bị bãi miễn trừ trường hợp bị đàn hạch hoặc bị kết án phạt tù không kèm bắt buộc lao động hoặc hình phạt nặng hơn.

Điều 113

(1) Để ra một phán quyết tại Tòa án Hiến pháp về tính bất hợp hiến của một đạo luật, quyết định đàn hạch, quyết định giải tán một chính đảng hoặc ra các quyết định chung quyết về các vụ việc liên quan đến Hiến pháp, phải có mặt đồng thời của ít nhất sáu thẩm phán.

(2) Trong khuôn khổ luật định, Tòa án Hiến pháp có thể xây dựng các quy định về thủ tự làm việc, kỷ luật nội bộ và các quy định về các vấn đề hành chính của tòa án.

(3) Tổ chức, chức năng và các vấn đề cần thiết khác của Tòa án Hiến pháp sẽ do luật định.

Chương VII:
ĐIỀU HÀNH BẦU CỬ

Điều 114

(1) Các Ủy ban Bầu cử được thành lập với mục đích điều hành công bằng các cuộc bầu cử và trưng cầu ý dân toàn quốc và xử lý các vấn đề hành chính liên quan đến các chính đảng.

(2) Ủy ban Bầu cử Quốc gia gồm có ba thành viên do Tổng thống bổ nhiệm, ba thành viên do Quốc hội lựa chọn và ba thành viên do Chánh án

Tòa án Tối cao lựa chọn. Chủ tịch của Ủy ban được bầu trong số các thành viên.

(3) Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban là sáu năm.

(4) Các thành viên Ủy ban không được tham gia các chính đảng hoặc tham gia vào các hoạt động chính trị.

(5) Không thành viên nào của Ủy ban có thể bị bãi miễn trừ khi bị đàn hạch hoặc bị kết án phạt tù không kèm lao động bắt buộc hoặc nặng hơn.

(6) Trong phạm vi các quy định của luật và các sắc lệnh, Ủy ban Bầu cử Quốc gia có thể ban hành nghị định và các quy định liên quan đến quản lý bầu cử, các cuộc trưng cầu ý dân và các vấn đề hành chính liên quan đến các chính đảng và cũng có thể thiết lập các quy định liên quan đến kỷ luật nội bộ phù hợp với các quy định của luật.

(7) Tổ chức, chức năng và các vấn đề quan trọng khác của Ủy ban Bầu cử các cấp sẽ do luật định.

Điều 115

(1) Ủy ban Bầu cử mỗi cấp có thể đưa ra các hướng dẫn cần thiết cho các cơ quan nhà nước liên quan đến các công việc hành chính về bầu cử và trưng cầu ý dân, chẳng hạn như việc chuẩn bị danh sách cử tri.

(2) Khi nhận được các hướng dẫn nói trên, các cơ quan nhà nước liên quan phải đảm bảo tuân thủ.

Điều 116

(1) Các chiến dịch tranh cử được thực hiện dưới sự điều hành của Ủy ban Bầu cử mỗi cấp trong phạm vi luật định. Sự bình đẳng về cơ hội cần phải được bảo đảm.

(2) Trừ khi luật quy định khác, các chính đảng và các ứng cử viên không phải chịu chi phí cho các cuộc bầu cử.

Chương VIII:
TỰ QUẢN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 117

(1) Trong phạm vi luật hoặc các văn bản dưới luật quy định, chính quyền địa phương sẽ giải quyết các vấn đề hành chính liên quan đến an sinh của dân cư địa phương, quản lý tài sản và có thể ban hành các quy định liên quan đến tự quản địa phương.

(2) Các loại chính quyền địa phương sẽ do luật định.

Điều 118

(1) Trong chính quyền địa phương sẽ có một hội đồng.

(2) Tổ chức và thẩm quyền của các hội đồng địa phương, việc bầu cử các thành viên, thủ tục bầu cử người đứng đầu chính quyền địa phương và

các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương sẽ do luật định.

Chương IX:
KINH TẾ

Điều 119

(1) Trật tự kinh tế của Cộng hòa Hàn Quốc được dựa trên sự tôn trọng tự do và sáng tạo của các doanh nghiệp và cá nhân trong các hoạt động kinh tế.

(2) Nhà nước có thể kiểm soát và điều phối các hoạt động kinh tế nhằm duy trì sự tăng trưởng cân bằng và ổn định của nền kinh tế quốc dân, nhằm phân phối thu nhập, ngăn chặn sự thống lĩnh thị trường và lạm quyền kinh tế và để dân chủ hóa nền kinh tế thông qua sự hòa hợp giữa các chủ thể kinh tế.

Điều 120

(1) Giấy phép khai thác, phát triển và tận dụng khoáng sản và các nguồn tài nguyên quan trọng trong lòng đất khác, tài nguyên dưới biển, thủy điện và năng lượng tự nhiên sẵn có cho mục đích kinh tế có thể được trao trong một thời hạn theo các điều kiện do luật định.

(2) Đất đai và các tài nguyên thiên nhiên được Nhà nước bảo vệ và Nhà nước phải xây dựng một kế hoạch cần thiết để đảm bảo sự phát triển và tận dụng tài nguyên.

Điều 121

(1) Nhà nước phải nỗ lực thực hiện nguyên tắc đất nông nghiệp thuộc về nông dân. Phát canh thu tô bị cấm.

(2) Việc cho thuê đất nông nghiệp, phó thác quản lý đất nông nghiệp để tăng sản lượng nông nghiệp và bảo đảm việc sử dụng hợp lý đất nông nghiệp hoặc do các hoàn cảnh không thể tránh khỏi sẽ được thực hiện theo các điều kiện do luật định.

Điều 122

Theo các điều kiện do luật định, Nhà nước có thể đặt ra các giới hạn hoặc nghĩa vụ cần thiết cho việc sử dụng, phát triển và bảo quản hiệu quả và cân bằng nguồn đất đai của quốc gia, vì đó là nền tảng của các hoạt động sản xuất và đời sống hàng ngày của mọi công dân.

Điều 123

(1) Nhà nước phải xây dựng và thực hiện một kế hoạch để phát triển và hỗ trợ toàn diện cộng đồng nông dân và ngư dân nhằm bảo vệ và thúc đẩy nông nghiệp và ngư nghiệp.

(2) Nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy kinh tế các khu vực để bảo đảm sự phát triển cân bằng ở mọi khu vực.

(3) Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

(4) Nhằm bảo vệ lợi ích của nông dân và ngư dân, Nhà nước thúc đẩy sự ổn định giá nông sản và hải sản bằng cách duy trì sự cân đối giữa cung và cầu và phát triển hệ thống tiếp thị và phân phối nông sản và hải sản.

(5) Nhà nước ủng hộ việc thành lập và bảo đảm các hoạt động và sự phát triển độc lập của các tổ chức do nông dân, ngư dân và thương nhân thành lập trên cơ sở tự nguyện để tham gia vào công nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 124

Nhà nước bảo đảm các hoạt động bảo vệ người tiêu dùng nhằm khuyến khích các hoạt động tiêu dùng ích lợi và thúc đẩy chất lượng sản phẩm theo các điều kiện do luật định.

Điều 125

Nhà nước hỗ trợ ngoại thương, có thể kiểm soát và điều phối ngoại thương.

Điều 126

Các doanh nghiệp tư nhân không thể bị quốc hữu hóa hoặc chuyển sử hữu bởi một chính quyền địa phương, cũng như việc quản lý chúng không bị kiểm soát hay điều hành bởi Nhà nước, trừ các trường hợp do luật định nhằm đáp ừng các nhu cấu khẩn cấp vì quốc phòng hoặc vì nền kinh tế quốc dân.

Điều 127

(1) Nhà nước nỗ lực thúc đẩy kinh tế quốc dân thông qua phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, nguồn nhân lực và khuyến khích sáng tạo.

(2) Nhà nước thiết lập một hệ thống tiêu chuẩn quốc gia.

(3) Tổng thống có thể thiết lập các cơ quan tư vấn cần thiết để thực hiện mục tiêu nhắc đến ở khoản (1).

Chương X:
SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 128

(1) Quyền đề nghị sửa đổi Hiến pháp thuộc về đa số của tổng số thành viên Quốc hội và Tổng thống.

(2) Các sửa đổi Hiến pháp để kéo dài nhiệm kỳ của Tổng thống hoặc để cho phép Tổng thống tái cử không được áp dụng đối với Tổng thống đương nhiệm vào thời điểm có các đề xuất sửa đổi đó.

Điều 129

Các đề xuất sửa đổi Hiến pháp phải được Tổng thống công bố ra công chúng tối thiểu trong hai mươi ngày.

Điều 130

(1) Quốc hội phải ra quyết định về các đề xuất sửa đổi Hiến pháp trong vòng sáu mươi ngày sau khi các đề xuất này được công bố, và đề xuất đó chỉ được thông qua khi có sự đồng thuận của tối thiểu hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

(2) Các đề xuất sửa đổi Hiến pháp được đưa ra trưng cầu ý dân không muộn hơn ba mươi ngày sau khi được Quốc hội thông qua, và đề xuất đó chỉ được thông qua khi nhận được sự ủng hộ của ít nhất một nửa số phiếu hợp lệ trên tổng số cử tri đủ điều kiện bỏ phiếu trong cuộc bầu cử Quốc hội.

(3) Khi các đề xuất sửa đổi Hiến pháp nhận được sự chấp thuận như quy định tại khoản (2), các sửa đổi Hiến pháp sẽ được chung quyết và Tổng thống công bố mà không được trì hoãn.

PHỤ LỤC

Điều 1

Hiến pháp này có hiệu lực vào ngày 25 tháng 2 năm 1988. Việc ban hành hoặc sửa đổi các đạo luật cần thiết để áp dụng hiến pháp này hoặc việc tổ chức các cuộc bầu cử Tổng thống và Quốc hội theo Hiến pháp này, các việc chuẩn bị khác để áp dụng Hiến pháp này có thể được triển khai trước khi Hiến pháp có hiệu lực.

Điều 2

(1) Cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên theo Hiến pháp này sẽ được tổ chức không muộn hơn bốn mươi ngày trước ngày Hiến pháp có hiệu lực.

(2) Nhiệm kỳ Tổng thống đầu tiên theo Hiến pháp này bắt đầu vào ngày Hiến pháp có hiệu lực.

Điều 3

(1) Cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên theo Hiến pháp này được tổ chức trong vòng sáu tháng từ khi công bố Hiến pháp. Nhiệm kỳ các đại biểu Quốc hội đầu tiên theo Hiến pháp này bắt đầu vào ngày đầu tiên triệu tập Quốc hội theo Hiến pháp.

(2) Nhiệm kỳ các đại biểu Quốc hội hiện hành vào thời điểm Hiến pháp này được công bố kết thúc vào ngày trước ngày triệu tập phiên họp thứ nhất của Quốc hội theo quy định tại khoản (1).

Điều 4

(1) Các công chức và viên chức trong các doanh nghiệp được bổ nhiệm bởi Chính phủ, đang tại vị vào thời điểm Hiến pháp này có hiệu lực,

được coi là đã được bổ nhiệm theo Hiến pháp này, trừ khi thủ tục bầu cử hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm công chức đó được thay đổi theo Hiến pháp này. Chánh án Tòa án Tối cao, Chủ tịch Ban Kiểm toán và Thanh tra tiếp tục tại vị đến khi người kế nhiệm họ được chọn ra theo Hiến pháp này và nhiệm kỳ của họ kết thúc vào ngày trước khi người kế nhiệm họ bắt đầu công việc.

(2) Các thẩm phán gắn với Tòa án Tối cao mà không phải là Chánh án hoặc các Thẩm phán Tòa án Tối cao đang tại vị vào thời điểm Hiến pháp này có hiệu lực, được coi là đã được bổ nhiệm theo Hiến pháp này, cho dù có quy định tại khoản (1).

(3) Các điều khoản của Hiến pháp này quy định nhiệm kỳ của công chức hoặc giới hạn số lượng nhiệm kỳ mà công chức có thể đảm nhiệm, có hiệu lực vào ngày bầu cử đầu tiên hoặc bổ nhiệm đầu tiên các công chức đó theo Hiến pháp này.

Điều 5

Các luật, nghị định, pháp lệnh và điều ước có hiệu lực vào thời điểm Hiến pháp này có hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực trừ khi chúng trái với Hiến pháp này.

Điều 6

Các cơ quan cũ tồn tại vào thời điểm Hiến pháp này có hiệu lực, mà đang thực hiện các chức năng thuộc thẩm quyền của cơ quan mới được thành lập theo quy định của Hiến pháp này, thì tiếp tục được tồn tại và thực thi các chức năng như vậy đến khi các cơ quan mới được thành lập theo Hiến pháp này.

HIẾN PHÁP
CỘNG HÒA ITALY

1. Tên nước:

Cộng hòa Italia.

2. Thủ đô:

Rome.

3. Quốc khánh:

Ngày 2 tháng 6 (là ngày kỷ niệm cuộc trưng cầu ý dân thành lập nên nền cộng hòa ở Italia vào năm 1946)

4. Quốc kỳ:

Hình chữ nhật, có ba thanh dọc thẳng đứng với các màu xanh lá cây, màu trắng và màu đỏ. Cách giải thích chung cho các màu này là: màu xanh lá cây tượng trưng cho đồng bằng và các ngọn đồi; màu trắng tượng trưng cho tuyết trên đỉnh núi Alps; màu đỏ tượng trưng cho màu máu đã đổ cho nền độc lập của Italia.

5. Diện tích:

301,340 km^2

6. Dân số:

60.626.442 người (cập nhật đến tháng 1 năm 2011). Trong đó, người Italia chiếm đa số. Các dân tộc khác chiếm một tỷ lệ nhỏ gồm Ma-rốc, Albani, Philippines, Ru-ma-ni, Trung Quốc, Nam Tư …

7. Ngôn ngữ:

Tiếng Italia. Ngoài ra, ở một số vùng khác có thể sử dụng các ngôn ngữ khác như Tiếng Đức (vùng Nam Tyrol), Tiếng Pháp (vùng Val d'Aosta), Tiếng Slovene (vùng Friuli-Venezia Giulia).

8. Tôn giáo:

Chủ yếu là Công giáo. Các tôn giáo khác gồm: Tin lành (0,7%); Cơ đốc giáo (0,17%); Do thái giáo (0,05%); Cơ đốc giáo li khai (0,04%); Hồi giáo và các tôn giáo khác (1,7%).

9. Chính thể:

Dân chủ đại nghị

10. Kiểu nhà nước:

Nhà nước đơn nhất với các vùng tự trị.

11. Các đơn vị hành chính:

Italia được chia thành 15 vùng và 5 vùng tự trị. Trong đó,

+ 15 vùng là: Abruzzo, Basilicata, Calabria, Campania, Emilia-Romagna, Lazio (Latium), Liguria, Lombardia, Marche, Molise, Piemonte

[9]. Tổng hợp từ Wikipedia, CIA Fact Book và Gerhard Robbers, *Encyclopedia of World Constitutions,* (Infobase Publishing), 2006.

(Piedmont), Puglia (Apulia), Toscana (Tuscany), Umbria, Veneto (Venetia).

+ 5 vùng tự trị là: Friuli-Venezia Giulia; Sardegna (Sardinia); Sicilia (Sicily); Trentino-Alto Adige (Trentino-South Tyrol); Valle d'Aosta (Aosta Valley).

12. Các đảng phái chính trị:

Hiện nay, Italia có một số đảng chính trị lớn như sau:

- Đảng nhân dân tự do;
- Đảng dân chủ;
- Đảng Liên minh miền bắc;
- Đảng Miền trung thống nhất;
- Đảng Tương lai và tự do;
- Đảng Giá trị Italia.

13. Độ tuổi tham gia bầu cử:

Người dân từ đủ 18 tuổi có thể tham gia bầu cử Hạ viện; từ đủ 25 tuổi có thể tham gia bầu cử Thượng viện.

14. Hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật Italia chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa.

15. Bộ máy nhà nước:

i) Cơ quan hành pháp:

Tổng thống Italia do một hội nghị đặc biệt bầu lên gồm thành viên của hai viện của nghị viện và ba đại diện của mỗi vùng (trừ vùng Aosta chỉ có một đại diện). Tổng thống là nguyên thủ quốc gia và đại diện cho sự đoàn kết dân tộc Italia. Tổng thống có vai trò kết nối ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tổng thống có quyền chỉ định Thủ tướng và đồng thời là chủ tịch của cơ quan tư pháp. Tổng thống cũng là Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang Italia.

Chính phủ Italia bao gồm Thủ tướng và các thành viên khác của Chính phủ. Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng và các bộ trưởng theo đề xuất của Thủ tướng. Chính phủ phải nhận được tín nhiệm của cả hai Viện.

ii) Cơ quan lập pháp:

Nghị viện Cộng hòa Italia bao gồm Viện Đại biểu và Thượng viện. Viện Đại biểu và Thượng viện cùng thực hiện chức năng lập pháp. Nghị viện chỉ họp chung trong những trường hợp do Hiến pháp quy định.

Viện Đại biểu được bầu thông qua bầu cử phổ thông và trực tiếp. Viện Đại biểu có 630 thành viên, trong số đó có 12 người được bầu từ các khu vực cử tri ở ngoài nước. Tất cả những người từ đủ 25 tuổi vào ngày bầu cử đều có đủ điều kiện trở thành đại biểu.

Thượng viện được bầu trên cơ sở đại diện cho các vùng. Số lượng thượng nghị sĩ được bầu là 315. Sáu người trong số đó được bầu từ khu vực

cử tri ngoài nước. Không có khu vực nào có ít hơn 7 thượng nghị sĩ trừ Vùng Molise có hai thượng nghị sĩ và vùng Valle D'Aosta có một thượng nghị sĩ.

i) Cơ quan tư pháp:

Theo truyền thống của các nước Châu Âu lục địa, quyền tư pháp ở Italia được thực hiện bởi các thẩm phán chuyên nghiệp được lựa chọn qua các kì thi cạnh tranh. Các thẩm phán có vị trí độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Hệ thống xét xử của Italia có sự pha trộn giữa hệ thống tố tụng tham vấn và hệ thống tố tụng tranh tụng.

Tòa án Hiến pháp Italia gồm có 15 thẩm phán trong đó có 5 người do Tổng thống bổ nhiệm, 5 người do Nghị viện lựa chọn và 5 người còn lại do các tòa án hành chính tối cao và tòa án tối cao lựa chọn. Tòa án Hiến pháp xem xét tính hợp hiến của các đạo luật và các văn bản có hiệu lực pháp luật do Nhà nước và các Vùng ban hành; phân xử các xung đột phát sinh từ việc phân bổ quyền lực nhà nước, giữa nhà nước với các vùng và giữa các vùng với nhau; xem xét những cáo buộc đối với Tổng thống và các bộ trưởng theo các quy định của Hiến pháp.

16. Quá trình xây dựng Hiến pháp

Bản Hiến pháp đầu tiên của Italia là bản Hiến chương của Vua Carlo Alberto được ban hành vào năm 1848. Bản Hiến pháp này xây dựng nên mô hình nhà nước tập trung quyền lực ở trung ương với quyền tự trị hạn chế của các tỉnh. Ở trung ương, bộ máy nhà nước được xây dựng theo mô hình chính thể quân chủ đại nghị chịu nhiều ảnh hưởng của mô hình nhà nước Vương quốc Anh. Nhà Vua là người đứng đầu cơ quan hành pháp thông qua bộ máy chính phủ gồm Thủ tướng và các bộ trưởng. Cơ quan lập pháp gồm hai viện trong đó Hạ viện do nhân dân bầu ra (nhưng với quyền bầu cử rất hạn chế) và Thượng viện có các thành viên do nhà vua chỉ định. Hiến pháp cũng đã ghi nhận nhiều quyền tự do dân sự cơ bản nhưng cũng dành nhiều khoảng không gian cho các đạo luật quy định về việc thực hiện các quyền này. Bên cạnh đó, Hiến pháp cũng không quy định cơ chế để kiểm soát việc ban hành các đạo luật này nên trong nhiều trường hợp các đạo luật đã làm thay đổi hoặc vô hiệu hóa các quy định của Hiến pháp. Tình trạng này là rất phổ biến trong thời kỳ chủ nghĩa phát xít nắm quyền ở Italia.

Sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ I kết thúc, đảng Phát xít của Benito Mussolini lên nắm quyền ở Italia từ năm 1922 và đã tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Theo đó, quyền lực được tập trung nhiều hơn vào tay Thủ tướng. Hạ viện với các thành viên do nhân dân bầu ra dần dần bị lấn át và cuối cùng bị xóa bỏ. Thay vào đó là một cơ quan dưới quyền của Thủ tướng. Các quyền tự do chính trị, tự do ngôn luận bị cấm đoán.

Sau Chiến tranh thế giới thứ II, một nhiệm vụ đặt ra cho chính quyền dân chủ mới là cần thiết phải có một bản Hiến pháp làm cơ sở pháp lý cho việc thiết lập một chế độ dân chủ phù hợp với ý nguyện của nhân dân Italia. Để soạn thảo Hiến pháp mới, nhân dân Italia đã bầu ra Quốc hội lập hiến

vào ngày 2 tháng 6 năm 1946. Hơn 23 triệu cử tri Italia đã tham gia cuộc bầu cử. Lần đầu tiên phụ nữ Italia được đi bỏ phiếu. Trong cuộc bầu cử, mỗi cử tri được phát 2 phiếu bầu: một phiếu để bầu đại biểu Quốc hội lập hiến, 1 phiếu để lựa chọn hình thức nhà nước Italia (quân chủ hay cộng hòa).

Sau khi được thành lập, Quốc hội lập hiến tiến hành soạn thảo Hiến pháp. Trong suốt quá trình soạn thảo Hiến pháp, Quốc hội lập hiến chịu ảnh hưởng của 3 trào lưu: Dân chủ thiên chúa giáo, chủ nghĩa tự do cấp tiến và khuynh hướng cánh tả. Ba trào lưu này đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ, chi phối đến nội dung của Hiến pháp năm 1947.

Trào lưu dân chủ thiên chúa giáo chi phối mạnh mẽ đến những quy định của Hiến pháp về quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, kinh tế-xã hội như quyền làm việc và những bảo đảm thực hiện quyền làm việc của công dân; quyền thành lập nghiệp đoàn; quyền sở hữu tư nhân; về hôn nhân và gia đình…

Trào lưu của chủ nghĩa tự do, cấp tiến chi phối đến các quy định của Hiến pháp về tự do dân chủ, bầu cử công bằng, quyền con người, chủ nghĩa tư bản, thị trường tự do, tự do thương mại, tách nhà thờ ra khỏi nhà nước, tự quản địa phương…

Khuynh hướng cánh tả chi phối đến những quy định của Hiến pháp về các nguyên tắc cơ bản, quyền công dân và tổ chức bộ máy nhà nước. Theo quan điểm của những người cánh tả, con người được phát triển toàn diện khi các cá nhân được thống nhất với nhau trong mối quan hệ hợp tác, tương trợ, tôn trọng lẫn nhau, đồng thời, khi sự khác biệt về địa vị cá nhân, quyền lực và sự thịnh vượng được xóa bỏ. Một xã hội thiếu bình đẳng thực sự sẽ làm méo mó sự phát triển không chỉ của cá nhân, mà còn làm xói mòn ý thức trách nhiệm, động lực phát triển của xã hội. Việc hạn chế sự phát triển của con người cùng với những xung đột, mâu thuẫn dẫn đến sự phân hóa giai tầng sâu sắc là nguyên nhân cơ bản làm suy giảm tính hiệu quả của nền kinh tế. Những hạn chế này sẽ được khắc phục trong xã hội mà quyền con người được nhà nước tôn trọng và bảo đảm, quyền lực nhà nước bị giới hạn và được kiểm soát.

Sau hơn 1 năm soạn thảo, qua nhiều cuộc họp với nhiều tranh luận khá gay cấn ngày 22 tháng 12 năm 1947, Quốc hội lập hiến, với 453 phiếu thuận, 62 phiếu chống, 31 phiếu trắng đã thông qua Hiến pháp Italia năm 1947. Ngay sau đó Tổng thống Italy Erico de Nicola đã ký lệnh công bố Hiến pháp và Hiến pháp chính thức có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 1948[10].

Từ thời điểm được ban hành cho đến nay, Hiến pháp Italia đã trải qua 14 lần sửa đổi. Những lần sửa đổi này liên quan đến về những vấn đề như: bỏ phiếu bằng đường bưu điện, sự đại diện của phụ nữ, nhiệm kì của Hạ viện và Thượng viện; sự miễn trừ và bảo đảm của nghị sĩ, Sự ân xá,

[10]. Xem thêm: Nguyễn Hoàng, 'Hiến pháp Italy: Sự ra đời của Hiến pháp 1947', *Đại biểu Nhân dân,* số 23/12/2011.

Giải tán Nghị viện, Đàn hạch, Quy định về các Vùng, tỉnh và vùng tự trị; Nhiệm kì của Tòa án Hiến pháp....

CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Điều 1

Italia là một nước cộng hòa dân chủ dựa trên lao động.

Chủ quyền thuộc về nhân dân và được thực hiện bởi nhân dân theo các hình thức và giới hạn do Hiến pháp quy định.

Điều 2

Nhà nước thừa nhận và bảo đảm những quyền không thể xâm phạm của con người được thể hiện với tư cách là một cá nhân hay nhóm xã hội và Nhà nước bảo đảm thực thi các nhiệm vụ không thể thay đổi được nhằm đảm bảo sự đoàn kết về chính trị, kinh tế và xã hội.

Điều 3

Mọi công dân có địa vị xã hội như nhau và bình đẳng trước pháp luật không phân biệt về giới tính, chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến và các điều kiện cá nhân và xã hội khác.

Nhà nước có trách nhiệm xóa bỏ những rào cản về kinh tế và xã hội có thể gây trở ngại đối với tự do và sự bình đẳng của các công dân có thể cản trở sự phát triển đầy đủ của cá nhân và cản trở sự tham gia một cách có hiệu quả của tất cả những người lao động vào các tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước.

Điều 4

Nhà nước thừa nhận quyền được làm việc của tất cả các công dân và thúc đẩy những điều kiện để quyền này được thực hiện.

Tùy theo khả năng và lựa chọn của mình, mỗi công dân có nghĩa vụ thực hiện các hoạt động hay thực hiện những chức năng nhằm góp phần vào sự tiến bộ về vật chất hoặc tinh thần của xã hội.

Điều 5

Nước Cộng hòa là một thực thể không thể bị chia cắt. Nhà nước thừa nhận và thúc đẩy tự quản địa phương và thực hiện các biện pháp phân quyền hành chính một cách đầy đủ nhất trong việc thực hiện các dịch vụ công và đảm bảo ban hành các nguyên tắc và biện pháp lập pháp để đáp ứng các yêu cầu về tự quản và phân quyền.

Điều 6

Nước Cộng hòa bảo vệ các ngôn ngữ thiểu số bằng những đạo luật cụ thể.

Điều 7

Nhà nước và Nhà thờ Công giáo là những thực thể độc lập và có chủ quyền riêng trong phạm vi của mình.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhà thờ được điều chỉnh bởi các hiệp ước của Điện Lateran[11]. Việc sửa đổi các hiệp ước này chỉ cần có sự chấp thuận của hai bên mà không yêu cầu phải sửa đổi Hiến pháp.

Điều 8

Tất cả các tôn giáo đều tự do bình đẳng trước pháp luật.

Các tôn giáo khác ngoài công giáo có quyền tự tổ chức theo quy định của riêng của mình nhưng không được trái với luật pháp Italia.

Mối quan hệ giữa các tổ chức này với Nhà nước do pháp luật điều chỉnh dựa trên thỏa thuận giữa đại diện của các bên.

Điều 9

Nước Cộng hòa thúc đẩy việc phát triển văn hóa và nghiên cứu khoa học và kỹ thuật.

Nhà nước bảo vệ các phong cảnh thiên nhiên và các di sản lịch sử và nghệ thuật của dân tộc.

Điều 10

Hệ thống luật pháp Italia tuân thủ những nguyên tắc được thừa nhận phổ biến của pháp luật quốc tế.

Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của người nước ngoài phải phù hợp với các quy tắc và điều ước quốc tế.

Người nước ngoài bị ngăn cấm thực hiện trên thực tế ở đất nước mình các quyền tự do dân chủ được Hiến pháp Italia bảo đảm thì được tị nạn tại Italia theo các điều kiện do luật định.

Người nước ngoài không bị dẫn độ vì lí do chính trị.

Điều 11

Italia không chấp nhận chiến tranh như là một công cụ xâm lược chống lại tự do của các dân tộc khác hay là công cụ để giải quyết các xung đột quốc tế. Trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng với các nhà nước khác, Italia đồng ý giới hạn chủ quyền của mình khi cần thiết để cho phép duy trì một trật tự thế giới hòa bình và công lý giữa các dân tộc. Italia khuyến khích và thúc đẩy các tổ chức quốc tế nỗ lực hướng tới các mục đích này.

Điều 12

Quốc kỳ của Cộng hòa Italia có ba màu: xanh lá cây, trắng và đỏ trong ba sọc đứng có kích thước bằng nhau.

---

[11]. Điện Lateran là Nhà thờ chính của Đạo công giáo ở Roma và cũng là nơi ở của Giáo Hoàng (Chú thích của người dịch).

PHẦN I:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN
Mục I:
QUYỀN DÂN SỰ

Điều 13

Tự do cá nhân là không thể bị xâm phạm.

Không ai có thể bị giam giữ, điều tra hoặc khám xét cũng như chịu bất kỳ sự hạn chế tự do cá nhân nào, trừ khi có lệnh của cơ quan tư pháp nêu rõ lý do và chỉ được áp dụng trong những trường hợp và bằng những cách thức do luật định.

Trong các trường hợp ngoại lệ và với các điều kiện cần thiết và khẩn cấp do luật định, cảnh sát có thể tiến hành các biện pháp tạm thời nhưng trong vòng 48 giờ phải thông báo để được cơ quan tư pháp đồng ý và trong vòng 48 giờ sau đó nếu cảnh sát không nhận được sự đồng ý của cơ quan tư pháp, các biện pháp tạm thời đó sẽ bị hủy bỏ và coi là vô hiệu.

Các hành vi bạo lực về thể chất hoặc tinh thần đối với một người đã bị hạn chế tự do cá nhân sẽ bị trừng phạt.

Thời gian giam giữ tối đa để phòng ngừa sẽ do luật định.

Điều 14

Nhà ở là bất khả xâm phạm.

Nơi cư trú của cá nhân là bất khả xâm phạm.

Việc điều tra, khám xét hoặc tịch thu nhà cửa là không được phép trừ những trường hợp và bằng những cách thức phù hợp với các biện pháp bảo vệ tự do cá nhân. Việc kiểm soát và điều tra vì lý do an toàn và sức khỏe cộng đồng hoặc vì các mục đích kinh tế hoặc tài chính sẽ được điều chỉnh bởi các đạo luật thích hợp.

Điều 15

Tự do và bí mật thư tín và của mọi hình thức thông tin khác là bất khả xâm phạm.

Các giới hạn đối với quyền tự do, bí mật thư tín và thông tin chỉ có thể được áp đặt bằng quyết định tư pháp trong đó nêu rõ lý do và phù hợp với những bảo đảm do luật định.

Điều 16

Mọi công dân có quyền cư trú và đi lại một cách tự do trên khắp đất nước, trừ những giới hạn chung do luật định vì lý do y tế hoặc an ninh. Không có hạn chế nào được áp đặt vì lý do chính trị.

Mọi công dân có quyền tự do rời khỏi và quay trở lại lãnh thổ nước Cộng hòa mà không phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý nào.

Điều 17

Công dân có quyền hội họp một cách hòa bình và không được trang bị vũ trang.

Các cuộc hội họp không cần báo trước, kể cả những cuộc họp tại những địa điểm công khai, mở cửa cho công chúng có thể tham gia.

Những cuộc hội họp tại nơi công cộng cần được báo trước cho cơ quan có thẩm quyền và những cơ quan này chỉ có thể ra lệnh cấm với lý do an ninh hoặc an toàn công cộng có thể chứng minh được.

Điều 18

Công dân có quyền tự do lập hội và không cần phải xin phép nếu như mục đích của hội không bị luật hình sự cấm.

Các hội bí mật hoặc hội theo đuổi các mục đích chính trị dù không trực tiếp, thông qua cách thức tổ chức có tính chất quân sự bị cấm đoán.

Điều 19

Mọi người đều có quyền tự do bày tỏ niềm tin tôn giáo dưới mọi hình thức thông qua hoạt động cá nhân hoặc tập thể và phổ biến những niềm tin này cũng như tổ chức các nghi lễ tôn giáo một cách riêng tư hoặc công khai, miễn là những nghi lễ này không vi phạm luân lý công cộng.

Điều 20

Không được đặt ra các giới hạn đặc biệt hoặc tạo ra gánh nặng về thuế đối với việc thành lập, xây dựng năng lực pháp lý hoặc hoạt động của bất cứ tổ chức nào dựa trên lý do bản chất tôn giáo hoặc các mục đích tôn giáo của các tổ chức này.

Điều 21

Mọi người có quyền bày tỏ suy nghĩ của mình qua hình thức nói, viết hoặc bất cứ hình thức giao tiếp nào khác.

Báo chí không phải xin phép hoặc bị kiểm duyệt.

Việc tịch biên báo chí chỉ có thể được thực hiện theo lệnh của cơ quan tư pháp trong đó có nêu rõ lý do và chỉ được áp dụng đối với những vi phạm do luật về báo chí quy định hoặc trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ xác định người phải chịu trách nhiệm về các vi phạm.

Trong trường hợp khẩn cấp và việc can thiệp kịp thời của cơ quan tư pháp là không thể thực hiện được, cảnh sát hình sự có thể tiến hành tịch biên một tờ báo định kỳ. Trong vòng không quá 24 giờ, cảnh sát phải thông báo ngay lập tức cho cơ quan tư pháp để được đồng ý về hành động của mình. Nếu không có sự đồng ý của cơ quan tư pháp trong vòng 24 giờ sau đó, biện pháp của cảnh sát bị bãi bỏ và bị coi là vô hiệu.

Luật có thể đặt ra những quy định chung về việc công khai các nguồn tài chính của các báo định kỳ.

Các ấn phẩm, cuộc trình diễn hay trưng bày vi phạm luân lý công cộng bị cấm đoán. Các biện pháp ngăn ngừa và cưỡng chế các vi phạm này do luật định.

Điều 22

Không ai có thể bị tước năng lực pháp lý, quốc tịch hay danh tính của mình vì các lý do chính trị.

Điều 23

Không được áp đặt nghĩa vụ cá nhân hay nghĩa vụ tài chính đối với bất cứ cá nhân nào trừ những trường hợp do luật định.

Điều 24

Bất cứ ai cũng có thể đưa các vụ việc ra trước tòa để bảo vệ quyền của mình theo luật dân sự và luật hành chính.

Bào chữa là quyền bất khả xâm phạm trong mọi giai đoạn và thời điểm của quá trình tố tụng. Người nghèo được hưởng những biện pháp phù hợp để khởi kiện hoặc được bào chữa theo quy định của pháp luật.

Luật xác định những điều kiện và hình thức bồi thường trong trường hợp xảy ra sai lầm trong hoạt động tư pháp.

Điều 25

Không được chuyển một vụ việc khỏi một tòa án đã tiếp nhận vụ việc đó theo quy định của luật.

Không được áp đặt các hình phạt trừ trường hợp có một đạo luật đang có hiệu lực vào thời điểm thực hiện hành vi vi phạm có quy định.

Không được áp đặt các hạn chế đối với tự do của một người trừ những trường hợp theo quy định của luật.

Điều 26

Việc dẫn độ công dân chỉ có thể được thực hiện nếu như việc đó được quy định rõ ràng trong một điều ước quốc tế.

Không được phép dẫn độ vì những vi phạm chính trị trong mọi trường hợp.

Điều 27

Trách nhiệm hình sự mang tính cá nhân.

Bị đơn được coi là vô tội cho đến khi một bản án chung thẩm được tuyên.

Hình phạt không được vô nhân đạo và phải hướng đến việc giáo dục người bị kết án. Hình phạt tử hình bị cấm[12].

[12] Được sửa đổi theo Đạo luật Sửa đổi Hiến pháp số 1 ngày 02/10/2007.

Điều 28

Công chức nhà nước hoặc nhân viên của các cơ quan công quyền phải chịu trách nhiệm trực tiếp theo luật hình sự, dân sự và hành chính về những hành vi vi phạm các quyền.

Trong trường hợp xảy ra vi phạm, trách nhiệm dân sự được áp dụng cho cả Nhà nước và cơ quan công quyền.

Mục II:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI

Điều 29

Nhà nước thừa nhận các quyền của gia đình như là một tổ chức tự nhiên của xã hội được xây dựng dựa trên hôn nhân.

Hôn nhân được thực hiện trên cơ sở bình đẳng về đạo đức và pháp luật của hai vợ chồng trong giới hạn luật định để bảo đảm sự hòa hợp trong gia đình.

Điều 30

Bố mẹ có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái ngay cả khi con cái không được sinh ra từ hôn nhân.

Trong trường hợp bố mẹ không có khả năng, luật sẽ quy định về việc thực hiện các nghĩa vụ này của họ.

Luật quy định các biện pháp bảo vệ về mặt pháp lý và xã hội của những đứa trẻ được sinh ra ngoài giá thú tương đương với quyền của các thành viên trong gia đình được pháp luật công nhận.

Luật quy định các nguyên tắc và hạn chế đối với việc xác định cha cho con.

Điều 31

Nước Cộng hòa hỗ trợ việc xây dựng gia đình và việc thực hiện các nghĩa vụ gia đình nhất là với những gia đình quy mô lớn, thông qua các biện pháp kinh tế và những lợi ích khác.

Nhà nước bảo vệ bà mẹ, trẻ em và thiếu niên thông qua các quy định cần thiết.

Điều 32

Việc được nhà nước bảo vệ sức khỏe là một quyền thiết yếu của cá nhân và là sự đảm bảo lợi ích của tập thể. Nhà nước đảm bảo chăm sóc y tế miễn phí cho người nghèo.

Không ai bị ép buộc phải chữa bệnh trừ những trường hợp do luật quy định. Trong bất cứ trường hợp nào, luật cũng không được xâm phạm các giới hạn của việc tôn trọng con người.

Điều 33

Nhà nước bảo đảm tự do nghệ thuật và khoa học, việc giảng dạy những môn này được thực hiện tự do.

Nhà nước quy định những nguyên tắc chung về giáo dục và thành lập các trường công lập ở tất cả các bậc học và ngành học.

Các tổ chức và cá nhân có quyền thành lập trường học và các cơ sở giáo dục mà không phải trả phí cho Nhà nước.

Khi quy định về các quyền và nghĩa vụ của các trường ngoài trường công lập, luật phải bảo đảm sự công bằng, bảo đảm các trường này được quyền tự do đầy đủ và cung cấp cho các học sinh của trường đó sự giáo dục và chất lượng cùng chuẩn mực như tại các trường công lập.

Các kỳ thi quốc gia được quy định để tuyển chọn và cho tốt nghiệp các học sinh từ các ngành học, bậc học và kiểm tra trình độ để hành nghề.

Các cơ sở giáo dục sau trung học, các trường đại học và học viện có quyền đưa ra quy định riêng của mình trong những giới hạn được pháp luật cho phép.

Điều 34

Các trường học được mở cho tất cả mọi người.

Giáo dục bậc tiểu học là bắt buộc và miễn phí với thời gian ít nhất là 8 năm.

Những học sinh có năng lực xứng đáng, kể cả những học sinh thiếu nguồn lực tài chính, có quyền học đến bậc học cao nhất.

Nhà nước bảo đảm hiệu quả quyền này thông qua học bổng, phụ cấp cho gia đình của các học sinh cũng như những lợi ích khác được trao thông qua các kỳ thi mang tính cạnh tranh.

Mục III:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KINH TẾ

Điều 35

Nhà nước bảo vệ tất cả các hình thức và thực tiễn lao động.

Nhà nước cung cấp đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho người lao động.

Nhà nước thúc đẩy và khuyến khích việc ký kết và tham gia các điều ước quốc tế và các tổ chức quốc tế có mục đích thành lập và điều chỉnh các quyền lao động.

Nhà nước thừa nhận quyền tự do di cư trong phạm vi các nghĩa vụ do luật quy định vì lợi ích chung, và bảo vệ người lao động Italia ở nước ngoài.

Điều 36

Người lao động có quyền được trả công phù hợp với chất lượng và khối lượng công việc của mình và phải bảo đảm rằng họ và gia đình có cuộc sống đàng hoàng và tự do.

Số giờ làm việc tối đa trong một ngày sẽ do luật định.

Người lao động có quyền nghỉ một ngày hàng tuần và có các kỳ nghỉ hàng năm được trả lương. Người lao động không thể từ bỏ quyền này.

Điều 37

Người lao động nữ có quyền bình đẳng và được trả lương ngang bằng với nam giới đối với những công việc tương đương. Các điều kiện lao động phải cho phép phụ nữ thực hiện được vai trò không thể thiếu của họ đối với gia đình, và bảo đảm việc bảo vệ cho bà mẹ và trẻ em một cách phù hợp.

Luật quy định về độ tuổi tối thiểu đối với lao động được trả lương.

Nhà nước bảo vệ lao động vị thành niên thông qua các quy định đặc biệt và bảo đảm cho họ quyền được trả công xứng đáng cho các công việc tương xứng.

Điều 38

Những công dân không có khả năng làm việc và không có khả năng kiếm sống được hưởng phúc lợi xã hội.

Người lao động được bảo đảm các biện pháp phù hợp để thỏa mãn nhu cầu của họ trong trường hợp xảy ra tai nạn, ốm đau, tàn tật, tuổi già và thất nghiệp không tự nguyện.

Người khuyết tật có quyền được giáo dục và đào tạo nghề.

Trách nhiệm thực hiện điều này thuộc về các cơ quan và cơ sở do Nhà nước thành lập hoặc hỗ trợ .

Hỗ trợ của khu vực tư nhân được hoàn toàn tự do thực hiện.

Điều 39

Nghiệp đoàn được tự do thành lập.

Không có nghĩa vụ nào khác được áp đặt đối với các nghiệp đoàn ngoại trừ việc đăng ký tại các cơ quan nhà nước ở địa phương hoặc trung ương theo các quy định của luật.

Điều kiện để tiến hành đăng ký là phải có bản điều lệ của nghiệp đoàn quy định về cơ cấu tổ chức nội bộ của nghiệp đoàn dựa trên nguyên tắc dân chủ.

Các nghiệp đoàn đã được đăng ký sẽ có tư cách pháp nhân. Thông qua sự đại diện thống nhất dựa trên tỉ lệ thành viên của mình, các nghiệp đoàn có thể ký kết các thỏa thuận lao động tập thể có tính ràng buộc đối với tất cả những người được nêu trong thỏa thuận.

Điều 40

Quyền biểu tình được thực hiện phù hợp với các quy định của luật.

Điều 41

Doanh nghiệp kinh tế tư nhân là tự do.

Doanh nghiệp không được phép đi ngược lại lợi ích chung hoặc hoạt động theo cách thức có thể gây hại đến sự an toàn, tự do và phẩm giá của con người.

Luật sẽ quy định các chương trình và biện pháp kiểm soát phù hợp để các hoạt động kinh tế công và tư được định hướng và điều phối vì các mục đích xã hội.

Điều 42

Tài sản có thể thuộc công hữu hoặc tư hữu. Tài sản kinh tế có thể thuộc về nhà nước, các cơ quan công quyền hoặc cá nhân. Tài sản tư nhân được pháp luật thừa nhận và bảo đảm. Luật quy định về cách thức tích lũy, sử dụng tài sản cũng như các giới hạn của nó để bảo đảm các chức năng xã hội của tải sản và đảm bảo sự tiếp cận đối với tất cả mọi người.

Tài sản cá nhân có thể bị sung công vì lợi ích chung và được bồi thường thỏa đáng trong các trường hợp do luật định.

Luật đưa ra các quy định và giới hạn đối với việc thừa kế theo pháp luật và theo di chúc và quyền của Nhà nước trong vấn đề thừa kế.

Điều 43

Vì lợi ích chung, luật có thể quy định một doanh nghiệp hoặc thực thể kinh tế tương tự sẽ thuộc về chính phủ, một cơ quan công quyền, một hiệp hội của người lao động hoặc người tiêu dùng thông qua một quyết định ưu tiên mua trước hoặc lệnh mua bắt buộc có bồi thường với điều kiện doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công thiết yếu, dịch vụ cung cấp năng lượng hoặc doanh nghiệp độc quyền vì mục đích công cộng.

Điều 44

Vì mục đích bảo đảm việc sử dụng đất hợp lý và các mối quan hệ xã hội công bằng, luật có thể quy định các nghĩa vụ và giới hạn đối với sở hữu tư nhân về đất đai. Luật đưa ra quy định về hạn điền tùy theo khu vực và vùng nông nghiệp, khuyến khích và yêu cầu việc khai khẩn đất hoang, việc chuyển đổi các điền trang lớn và việc tổ chức lại các trang trại và hỗ trợ đối với các diện tích đất nhỏ và vừa.

Luật quy định về các khu vực miền núi.

Điều 45

Nhà nước thừa nhận chức năng xã hội của việc hợp tác hỗ trợ lẫn nhau không vì mục đích đầu cơ. Luật thúc đẩy và khuyến khích việc hợp

tác thông qua các hình thức thích hợp và bảo đảm tính chất và mục đích của việc hợp tác thông qua các biện pháp kiểm tra phù hợp.

Luật bảo vệ và thúc đẩy các nghề thủ công.

Điều 46

Nhằm cải thiện về kinh tế và xã hội cho người lao động và để hài hòa với nhu cầu sản xuất, Nhà nước thừa nhận quyền của người lao động được cộng tác trong việc quản lý doanh nghiệp, theo cách thức và trong giới hạn luật định.

Điều 47

Nhà nước khuyến khích và bảo vệ việc tiết kiệm dưới mọi hình thức. Nhà nước quản lý, điều phối và giám sát hoạt động tín dụng.

Nhà nước thúc đẩy việc sở hữu nhà ở và trang trại và việc nắm giữ cổ phiếu trực tiếp hoặc gián tiếp trong các doanh nghiệp nhà nước lớn, thông qua hình thức tiết kiệm cá nhân.

Mục IV:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHÍNH TRỊ

Điều 48

Người trưởng thành bất kể là nam hay nữ đều có quyền bầu cử.

Việc bỏ phiếu là mang tính cá nhân, bình đẳng, tự do và kín. Thực hiện quyền bỏ phiếu là một nghĩa vụ của công dân.

Luật quy định yêu cầu và cách thức thực hiện quyền bỏ phiếu của công dân cư trú ở nước ngoài và bảo đảm quyền này được thực hiện hiệu quả. Trong các cuộc bầu cử vào hai Viện của Nghị viện, một khu vực cử tri của những người Italia sống ở nước ngoài sẽ được thành lập. Số đại biểu được bầu tại những khu vực cử tri như vậy được quy định trong Hiến pháp[13] và theo các tiêu chuẩn luật định.

Quyền bầu cử không thể bị hạn chế trừ trường hợp bị mất năng lực dân sự hoặc bị kết án hình sự chung thẩm hoặc không đủ tư cách đạo đức theo luật định.

Điều 49

Bất cứ công dân nào cũng có quyền tự do thành lập đảng để đóng góp vào việc xây dựng chính sách quốc gia thông qua các quy trình dân chủ.

Điều 50

Bất cứ công dân nào cũng có thể trình kiến nghị lên Nghị viện để yêu cầu các biện pháp lập pháp hoặc để bày tỏ các nhu cầu tập thể.

---

[13]. Gồm 12 đại biểu ở Viện Đại biểu theo quy định tại Điều 56 của Hiến pháp, và 6 đaib iểu Ở Hạ viện theo quy định tại Điều 57 của Hiến pháp. (Chú thích của người dịch).

Điều 51

Các công dân, không phân biệt giới tính, đều có điều kiện như nhau để tham gia các cơ quan công quyền hoặc các vị trí dân cử, theo các điều kiện do luật định. Để thực hiện mục đích này, Nhà nước sẽ thông qua các biện pháp cụ thể để thúc đẩy cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ.

Luật có thể quy định có thể trao cho những người Italia không cư trú trong nước các quyền tương tự như công dân để tham gia các cơ quan công quyền hoặc các vị trí dân cử.

Bất cứ người nào được bầu vào một vị trí công vụ cũng được dành thời gian để thực hiện nhiệm vụ đó và được giữ lại công việc trước đây của mình.

Điều 52

Việc bảo vệ đất nước là nghĩa vụ thiêng liêng của tất cả các công dân.

Nghĩa vụ quân sự là bắt buộc trong giới hạn và theo cách thức luật định. Việc thực hiện nghĩa vụ quân sự không được ảnh hưởng đến công việc của công dân cũng như việc thực hiện các quyền chính trị.

Việc tổ chức các lực lượng vũ trang được dựa trên tinh thần dân chủ của Nền Cộng hòa.

Điều 53

Mọi người có nghĩa vụ đóng góp vào các chi tiêu công phù hợp với khả năng của mình.

Hệ thống thuế là lũy tiến.

Điều 54

Tất cả các công dân có nghĩa vụ trung thành với Nền Cộng hòa và tôn trọng Hiến pháp và pháp luật.

Những người được tin tưởng giao nhiệm vụ thực hiện các nghĩa vụ công phải thực hiện những nghĩa vụ đó trên tinh thần kỷ luật và danh dự, và phải tuyên thệ trong các trường hợp do luật định.

PHẦN II:
TỔ CHỨC NỀN CỘNG HÒA

Mục I:
NGHỊ VIỆN

Tiểu mục I:
Các Viện

Điều 55

Nghị viện bao gồm Viện Đại biểu và Thượng viện.

Nghị viện chỉ họp chung trong những trường hợp do Hiến pháp quy định.

Điều 56

Viện Đại biểu được bầu thông qua bầu cử phổ thông và trực tiếp.

Viện Đại biểu gồm có 630 thành viên, trong số đó có 12 người được bầu từ khu vực cử tri ngoài nước. Tất cả các cử tri từ đủ 25 tuổi vào ngày bầu cử đều có đủ điều kiện trở thành đại biểu.

Việc phân chia số ghế giữa các đơn vị bầu cử, trừ số ghế dành cho khu vực cử tri ngoài nước, được thực hiện thông qua việc chia số dân của Nước Cộng hòa theo cuộc tổng điều tra dân số mới nhất cho 618 và sau đó phân bổ số ghế tỉ lệ với số dân ở mỗi đơn vị bầu cử, trên cơ sở làm tròn những đơn vị có số lẻ cao nhất.

Điều 57

Thượng viện được bầu trên cơ sở khu vực trừ số ghế dành cho khu vực cử tri ngoài nước.

Số thượng nghị sĩ được bầu là 315, sáu người trong số đó được bầu từ khu vực cử tri ngoài nước. Không có khu vực nào có ít hơn 7 thượng nghị sĩ trừ Vùng Molise có hai, Valle D'Aosta có một thượng nghị sĩ.

Tương tự quy định của Điều 56 nêu trên, việc phân chia số ghế giữa các khu vực, trừ số ghế dành cho khu vực cử tri ngoài nước, được thực hiện dựa trên tỉ lệ dân số khu vực theo cuộc tổng điều tra dân số gần nhất, trên cơ sở làm tròn cho những đơn vị có số lẻ cao nhất.

Điều 58

Các thượng nghị sĩ được bầu thông qua bầu cử phổ thông và trực tiếp bởi những cử tri có độ tuổi từ 25 trở lên.

Các cử tri từ đủ 40 tuổi có đủ điều kiện để được bầu vào Thượng viện.

Điều 59

Các cựu Tổng thống của Nước Cộng hòa là có quyền làm thượng nghị sĩ suốt đời, trừ khi họ từ bỏ quyền này.

Tổng thống có thể bổ nhiệm năm công dân là những người đã làm rạng danh dân tộc nhờ những thành tựu của họ trong các lĩnh vực xã hội, khoa học, nghệ thuật và văn học là thượng nghị sĩ suốt đời.

Điều 60

Nhiệm kỳ của Viện Đại biểu và Thượng viện là 5 năm.

Nhiệm kỳ của mỗi Viện không thể được kéo dài, trừ trường hợp do luật định và trong trường hợp chiến tranh.

Điều 61

Việc bầu cử Nghị viện mới phải được diễn ra trong vòng 70 ngày kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ Nghị viện khóa trước. Phiên họp đầu tiên được triệu tập không muộn hơn 20 ngày sau ngày bầu cử.

Thẩm quyền của Nghị viện khóa trước được kéo dài cho đến trước ngày Nghị viện khóa mới họp.

Điều 62

Nếu không có quy định khác, Nghị viện được triệu tập vào ngày làm việc đầu tiên của tháng Hai và tháng Mười.

Kỳ họp bất thường của mỗi Viện có thể được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch Viện, Tổng thống hoặc một phần ba tổng số đại biểu.

Khi kỳ họp bất thường của một Viện được triệu tập, Viện còn lại cũng được triệu tập.

Điều 63

Mỗi Viện bầu một Chủ tịch và một Hội đồng[14] từ các thành viên của mình. Khi hai Viện họp chung, Chủ tịch và Hội đồng của cuộc họp chung là Chủ tịch và Hội đồng của Viện Đại biểu.

Điều 64

Mỗi Viện thông qua Nội quy riêng của mình bằng đa số tuyệt đối.

Các cuộc họp là công khai. Tuy nhiên, mỗi Viện hoặc khi hai Viện họp chung có thể quyết định việc tổ chức họp kín.

Quyết định của mỗi Viện và của Nghị viện không có giá trị nếu như không có mặt đa số các đại biểu và nếu không được đa số những đại biểu có mặt thông qua trừ những trường hợp Hiến pháp yêu cầu về đa số đặc biệt.

Các thành viên Chính phủ, dù không phải là nghị sĩ, có nghĩa vụ khi được yêu cầu và có quyền tham dự các phiên họp của Quốc hội. Họ sẽ được phát biểu khi thấy cần thiết.

Điều 65

Luật quy định các trường hợp bãi nhiệm đại biểu hoặc thượng nghị sĩ.

Không ai có thể đồng thời là thành viên của cả hai Viện.

Điều 66

Mỗi Viện thẩm tra tư cách đại biểu của mình và điều tra nguyên nhân dẫn đến việc bãi nhiệm sau này nếu có.

Điều 67

Nghị sĩ đại diện cho quốc gia và thực hiện nhiệm vụ của mình không dựa trên ủy quyền chỉ lệnh.

---

[14]. Hội đồng bao gồm: 4 Phó Chủ tịch Viện, 3 người phụ trách về an ninh, ngân sách và quyết toán của Viện, 12 thư ký giúp Chủ tịch điều hành các phiên họp của Viện (chú thích của người dịch)

Điều 68

Nghị sĩ không phải chịu trách nhiệm về những ý kiến phát biểu hay việc bỏ phiếu của mình khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

Khi không được sự cho phép của Viện mà nghị sĩ là thành viên, không có nghị sĩ nào bị khám xét thân thể hay bị khám xét nhà ở, bị bắt giữ, bị tước tự do cá nhân, hay bị giam giữ, trừ trường hợp thực hiện một phán quyết chung thẩm của tòa án, hoặc khi nghị sĩ bị phát hiện phạm tội quả tang mà việc bắt giữ là cần thiết.

Việc giám sát liên lạc hay kiểm tra thư tín của một nghị sĩ cần phải có sự đồng ý của Viện mà nghị sĩ đó là thành viên.

Điều 69

Nghị sĩ nhận được tiền phụ cấp theo quy định của pháp luật.

Tiểu phần II:
Quy trình lập pháp

Điều 70

Chức năng lập pháp được cả hai Viện cùng thực hiện.

Điều 71

Quyền trình dự án luật thuộc về Chính phủ, nghị sĩ và các chủ thể khác được trao quyền theo đạo luật sửa đổi Hiến pháp.

Người dân có thể trình dự luật nếu có đủ chữ ký của ít nhất là 50 nghìn cử tri và dự thảo được thể hiện dưới dạng văn bản hoàn chỉnh.

Điều 72

Theo quy định của Nội quy của từng Viện, một dự luật khi được trình ra trước một Viện thì trước hết phải được chuyển đến một Ủy ban để thẩm tra và sau đó được toàn thể Viện xem xét lần lượt từng điều khoản trước khi tiến hành bỏ phiếu thông qua.

Nội quy của mỗi Viện phải có quy định về thủ tục rút gọn khi xem xét một dự luật được cho là khẩn.

Nội quy cũng có thể quy định thời điểm và cách thức một dự luật được xem xét và thông qua tại các ủy ban, bao gồm cả các ủy ban thường trực có thành phần tỷ lệ tương ứng với tỉ lệ của các nhóm đảng trong nghị viện. Trong trường hợp Chính phủ, hoặc 1/10 số đại biểu của Viện, hoặc 1/5 số thành viên Ủy ban yêu cầu rằng dự luật cần được thảo luận và bỏ phiếu thông qua bởi toàn bộ các thành viên của Viện, thì dự án đó có thể được chuyển trở lại để toàn Viện xem xét, hoặc dự luật phải được trình để Viện phê chuẩn với các tài liệu giải thích kết quả biểu quyết tại ủy ban. Nội quy cũng quy định cách thức công khai quá trình hoạt động của các ủy ban.

Các dự luật về các vấn đề hiến pháp và bầu cử, các dự luật về ủy quyền lập pháp, phê chuẩn các điều ước quốc tế và việc thông qua dự toán

ngân sách và quyết toán ngân sách phải được xem xét và thông qua bởi toàn Viện theo quy trình thông thường.

Điều 73

Luật do Tổng thống công bố trong vòng một tháng kể từ ngày được thông qua.

Nếu một Viện, bằng đa số phiếu tuyệt đối, tuyên bố một dự luật là khẩn, dự luật sẽ được công bố trong giới hạn thời gian được ấn định trong dự luật.

Luật sẽ được đăng tải ngay sau khi công bố và có hiệu lực vào ngày thứ 15 kể từ ngày đăng tải, trừ trường hợp đạo luật đó có quy định khác.

Điều 74

Tổng thống có thể nêu lý do và yêu cầu Nghị viện xem xét lại một đạo luật đã được dự kiến công bố.

Nếu dự luật đó lại được thông qua, nó sẽ được ban hành.

Điều 75

Một cuộc trưng cầu ý dân có thể được tổ chức để bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một đạo luật, hoặc một biện pháp có hiệu lực như một đạo luật, khi có yêu cầu của 500 nghìn cử tri hoặc 5 Hội đồng Vùng.

Trưng cầu ý dân nói trên không được áp dụng đối với các luật quy định về thuế, ngân sách, ân xá hoặc luật về phê chuẩn các điều ước quốc tế.

Bất cứ công dân nào đủ điều kiện bỏ phiếu trong cuộc bầu cử vào Viện Đại biểu cũng có quyền bỏ phiếu trong cuộc trưng cầu ý dân.

Kết quả của cuộc trưng cầu ý dân được chấp thuận nếu đa số những cử tri đủ điều kiện tiến hành bỏ phiếu và đã đạt được đa số phiếu hợp lệ.

Điều 76

Việc thực hiện chức năng lập pháp không thể được ủy quyền cho Chính phủ, trừ khi có các nguyên tắc và tiêu chuẩn được quy định rõ và chỉ được áp dụng trong những thời gian hạn chế với những mục đích cụ thể.

Điều 77

Chính phủ không thể ban hành nghị định có hiệu lực pháp luật khi không được Nghị viện cho phép.

Trong trường hợp quan trọng và khẩn cấp, Chính phủ có thể thông qua biện pháp tạm thời trong phạm vi trách nhiệm của mình nhưng sau đó phải trình để Nghị viện chuyển thành luật. Trong thời gian không họp, Nghị viện sẽ được triệu tập trong vòng 5 ngày kể từ ngày Chính phủ trình biện pháp tạm thời của mình.

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày được ban hành, nếu không được Nghị viện chyển thành luật, biện pháp tạm thời đó sẽ mất hiệu lực ngay từ

thời điểm bắt đầu được áp dụng. Nghị viện sẽ điều chỉnh các quan hệ pháp lý nảy sinh từ việc bác bỏ biện pháp tạm thời này.

Điều 78

Nghị viện có thẩm quyền tuyên bố tình trạng chiến tranh và trao các quyền lực cần thiết cho Chính phủ.

Điều 79

Việc ân xá hoặc tha bổng có thể được thực hiện bằng một đạo luật được thông qua bởi đa số 2/3 tại mỗi Viện đối với từng điều khoản và toàn bộ dự luật.

Đạo luật này sẽ quy định về thời hạn cho việc thực hiện ân xá hoặc tha bổng.

Việc ân xá hoặc tha bổng không thể được thực hiện đối với các trường hợp phạm tội sau ngày dự luật này được đệ trình.

Điều 80

Nghị viện được quyền thông qua luật để phê chuẩn các điều ước quốc tế về: các điều ước về chính trị, điều ước yêu cầu biện pháp giải quyết pháp lý hoặc bằng trọng tài, điều ước dẫn đến việc thay đổi đường biên giới, về chi tiêu, hoặc dẫn đến việc ban hành luật mới.

Điều 81

Nghị viện thông qua ngân sách và quyết toán ngân sách hàng năm do Chính phủ trình.

Thẩm quyền ngân sách tạm thời chỉ có thể được trao bằng luật và trong thời gian không quá 4 tháng.

Không được đưa ra các loại thuế và các khoản chi mới sau khi ngân sách được thông qua.

Bất cứ đạo luật nào khác tạo ra các khoản chi mới hoặc làm tăng thêm các khoản chi phải quy định chi tiết về nguồn ngân sách thực hiện.

Điều 82

Mỗi Viện có thể tiến hành điều tra về các vấn đề liên quan đến lợi ích công.

Phù hợp với mục đích này, mỗi Viện sẽ thành lập một Ủy ban Điều tra với thành phần các thành viên tương ứng với tỉ lệ các nhóm đảng trong Nghị viện. Ủy ban Điều tra có thể tiến hành kiểm tra, điều tra với thẩm quyền tương tự như cơ quan tư pháp.

Mục II:
TỔNG THỐNG NƯỚC CỘNG HÒA

Điều 83

Tổng thống được Nghị viện bầu trong cuộc họp chung.

Ba đại biểu do mỗi Hội đồng Vùng bầu ra cũng sẽ tham gia bầu Tổng thống nhằm bảo đảm sự đại diện cho các dân tộc thiểu số. Vùng Valle d'Aosta chỉ có một đại biểu.

Tổng thống được bầu thông qua hình thức bỏ phiếu kín với đa số cần thiết là 2/3 số đại biểu của hội nghị. Sau lần bỏ phiếu thứ ba, việc thông qua bằng đa số tuyệt đối là đủ.

Điều 84

Bất cứ công dân nào đủ 50 tuổi và có đầy đủ các quyền dân sự và chính trị đều có thể được bầu là Tổng thống Nước Cộng hòa.

Người giữ chức vụ Tổng thống không được kiêm nhiệm bất kì vị trí nào khác.

Tiền lương và các chế độ cho Tổng thống do luật định.

Điều 85

Tổng thống được bầu với nhiệm kỳ 7 năm.

Ba mươi ngày trước khi kết thúc nhiệm kỳ, Chủ tịch Viện Đại biểu sẽ triệu tập một phiên họp chung của Nghị viện và đại biểu của các Vùng để bầu Tổng thống mới.

Khi Nghị viện không họp hoặc nhiệm kỳ của Tổng thống kết thúc trong vòng 3 tháng trước khi Nghị viện giải tán, cuộc bầu cử sẽ được tổ chức trong vòng 15 ngày đầu tiên kể từ phiên họp đầu tiên của Nghị viện mới.

Trong thời gian chuyển giao, Tổng thống đương nhiệm vẫn thực hiện thẩm quyền của mình.

Điều 86

Trong mọi trường hợp khi Tổng thống không thể thực hiện được các chức năng của mình, Chủ tịch Thượng viện là người thực hiện các chức năng đó.

Khi Tổng thống không thường xuyên thực hiện được chức năng của mình hoặc từ trần hoặc từ chức, Chủ tịch Viện Đại biểu sẽ tổ chức một cuộc bầu cử Tổng thống mới trong vòng 15 ngày trừ trường hợp Nghị viện không họp hoặc khi nhiệm kỳ Tổng thống kết thúc trong thời gian 3 tháng trước khi Nghị viện giải tán thì khoảng thời gian này có thể được kéo dài hơn.

Điều 87

Tổng thống là nguyên thủ quốc gia và đại diện cho sự đoàn kết dân tộc.

Tổng thống có thể đưa ra các thông điệp tới Nghị viện.

Tổng thống có thể:

- Cho phép Chính phủ trình các sáng kiến lập pháp ra trước Nghị viện;
- Công bố luật, ban hành các sắc lệnh có hiệu lực pháp luật và ban hành các quy định;
- Tổ chức trưng cầu ý dân trong các trường hợp do Hiến pháp quy định;
- Bổ nhiệm các quan chức nhà nước trong các trường hợp luật định;
- Cử và tiếp các đại diện ngoại giao, phê chuẩn các điều ước quốc tế khi được Nghị viện ủy quyền.

Tổng thống là Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang và chủ trì Hội đồng Quốc phòng Tối cao được thành lập theo luật định, và có thẩm quyền tuyên bố tình trạng chiến tranh khi được Nghị viện đồng ý.

Tổng thống chủ trì Hội đồng Tư pháp Cấp cao.

Tổng thống ban lệnh ân xá hay giảm tội.

Tổng thống trao các danh hiệu danh dự của Nước Cộng hòa.

Điều 88

Sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch của các Viện, Tổng thống có thể giải tán một hoặc cả hai Viện.

Tổng thống không thể thực hiện quyền này trong 6 tháng cuối của nhiệm kỳ tổng thống, trừ khi 6 tháng cuối đó trùng một phần hoặc toàn bộ với 6 tháng cuối nhiệm kỳ của Nghị viện.

Điều 89

Lệnh của Tổng thống sẽ không có hiệu lực nếu không được Bộ trưởng đề xuất, là người chịu trách nhiệm về lệnh này, ký trước.

Lệnh có hiệu lực pháp luật hoặc các lệnh khác được ban hành theo luật phải được Thủ tướng tiếp ký.

Điều 90

Tổng thống không phải chịu trách nhiệm về những hành động trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tổng thống, trừ trường hợp phản bội Tổ quốc hoặc vi phạm Hiến pháp.

Trong những trường hợp đó, Tổng thống có thể bị Nghị viện đàn hạch tại phiên họp chung với sự có mặt của đa số tuyệt đối các đại biểu.

Điều 91

Trước khi nhận nhiệm vụ, Tổng thống phải tuyên thệ trung thành với Nền cộng hòa và bảo vệ Hiến pháp trước Nghị viện tại một phiên họp chung.

Mục III:
CHÍNH PHỦ
Tiểu mục I:
Hội đồng Bộ trưởng

Điều 92

Chính phủ Nước Cộng hòa bao gồm Thủ tướng và các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng.

Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng và bổ nhiệm các bộ trưởng theo đề xuất của Thủ tướng.

Điều 93

Trước khi nhận nhiệm vụ, Thủ tướng và các bộ trưởng phải tuyên thệ trước Tổng thống.

Điều 94

Chính phủ phải nhận được tín nhiệm của cả hai Viện.

Mỗi Viện có thể bày tỏ tín nhiệm hoặc bất tín nhiệm đối với Chính phủ bằng một kiến nghị nêu rõ lý do được thông qua bằng bỏ phiếu ghi danh.

Trong vòng 10 ngày kể từ khi thành lập, Chính phủ cần phải nhận được sự tín nhiệm của Nghị viện.

Việc một Viện hoặc cả hai Viện bác bỏ một đề xuất của Chính phủ không kéo theo nghĩa vụ Chính phủ phải từ chức.

Một kiến nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm phải có chữ ký của ít nhất 1/10 số đại biểu của Viện và không thể được thảo luận trước 3 ngày kể từ khi kiến nghị được trình.

Điều 95

Thủ tướng thực hiện và chịu trách nhiệm về chính sách chung của Chính phủ.

Thủ tướng bảo đảm sự nhất quán của các chính sách chính trị và hành chính, thông qua việc thúc đẩy và điều phối hoạt động của các bộ trưởng.

Các bộ trưởng chịu trách nhiệm tập thể đối với các hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng; các bộ trưởng chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động của bộ mình.

Luật sẽ quy định về tổ chức của Hội đồng Bộ trưởng và số lượng, thẩm quyền và tổ chức của các bộ.

Điều 96

Thủ tướng và các bộ trưởng, dù là khi đã rời khỏi vị trí công tác, vẫn chịu các trách nhiệm pháp lý thông thường về những vi phạm đã gây ra khi

thực hiện nhiệm vụ của mình khi Thượng viện hoặc Viện Đại biểu cho phép về điều đó và phù hợp với những tiêu chuẩn do Hiến pháp quy định.

Tiểu mục II:
Hành chính công

Điều 97

Các cơ quan hành chính công được tổ chức theo quy định của luật để đảm bảo hiệu quả và tính vô tư của hoạt động hành chính.

Các cơ quan này phải quy định rõ lĩnh vực thẩm quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm của các công chức.

Việc tuyển dụng vào làm trong cơ quan hành chính công phải được thực hiện qua các kỳ thi tuyển cạnh tranh, trừ các trường hợp khác do luật định.

Điều 98

Nhiệm vụ hàng đầu của công chức là phục vụ quốc gia.

Nếu những người này là nghị sĩ, họ có thể không được thăng tiến trong lĩnh vực của mình, trừ trường hợp xét theo thâm niên.

Luật có thể đưa ra giới hạn đối với quyền tham gia các đảng chính trị đối với quan tòa, người đang tham gia quân ngũ, các nhân viên thực thi pháp luật, và các đại diện ngoại giao và lãnh sự ở nước ngoài.

Tiểu mục III:
Các cơ quan bổ trợ

Điều 99

Hội đồng Kinh tế và Lao động quốc gia được thành lập theo một đạo luật có thành viên bao gồm các chuyên gia và đại diện của các loại hình kinh tế theo tỉ lệ số lượng và tầm quan trọng của mỗi loại hình kinh tế.

Hội đồng là cơ quan tư vấn cho Nghị viện và Chính phủ về các vấn đề và các chức năng do luật trao cho Hội đồng.

Hội đồng có thể đưa ra sáng kiến lập pháp và có thể đóng góp vào quá trình soạn thảo các dự luật về kinh tế và xã hội theo các nguyên tắc và trong các giới hạn luật định.

Điều 100

Hội đồng Nhà nước là cơ quan tư vấn pháp lý-hành chính và giám sát việc thực thi công lý.

Tòa Kiểm toán thực hiện việc kiểm soát mang tính phòng ngừa về tính hợp pháp của các biện pháp của Chính phủ và thực hiện kiểm toán liên quan đến Ngân sách nhà nước. Trong các trường hợp và bằng cách thức do luật định, Tòa tham gia thực hiện việc kiểm toán đối với hoạt động quản lý tài chính của các thực thể nhận được hỗ trợ ngân sách thường xuyên của Nhà nước. Tòa báo cáo trực tiếp lên Nghị viện về kết quả kiểm toán.

Luật bảo đảm tính độc lập của hai cơ quan này cùng với các thành viên của chúng trước Chính phủ.

Mục IV:
NGÀNH TƯ PHÁP

Tiểu mục I:
Tổ chức của ngành tư pháp

Điều 101

Công lý được thực thi nhân danh nhân dân.

Các thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 102

Các thủ tục tư pháp được thực hiện bởi các thẩm phán được trao quyền và được điều chỉnh bởi các quy định liên quan đến ngành tư pháp.

Không có các thẩm phán đặc biệt. Chỉ có thể thành lập những bộ phận chuyên môn có thẩm quyền xem xét các vấn đề cụ thể trong các cơ quan tư pháp thông thường, và những bộ phận này có thể có sự tham gia của những công dân có đủ năng lực, những người không phải là thành viên của ngành tư pháp.

Luật quy định về những vụ việc và những hình thức tham gia trực tiếp của người dân vào việc thực thi công lý.

Điều 103

Hội đồng Nhà nước và các cơ quan tư pháp khác có thẩm quyền bảo vệ các quyền hợp pháp trước các cơ quan hành chính công, và trong những vấn đề cụ thể do luật định cũng như các quyền cá nhân khác.

Tòa Kiểm toán có thẩm quyền đối với các vụ việc về tài chính công và những vấn đề khác theo luật định.

Các tòa quân sự trong thời chiến có các thẩm quyền theo luật định. Trong thời bình, các tòa này chỉ có thẩm quyền đối với các tội phạm quân sự do thành viên của các lực lượng vũ trang gây ra.

Điều 104

Quyền tư pháp là độc lập trong mối quan hệ với các nhánh quyền lực khác.

Hội đồng Tư pháp Cấp cao do Tổng thống Nước Cộng hòa chủ trì.

Chủ tịch thứ nhất và Tổng Công tố của Tòa phá án là những thành viên đương nhiên theo quyền của Hội đồng Tư pháp Cấp cao.

Hội đồng có hai phần ba số thành viên được bầu bởi tất cả các thẩm phán thuộc các tòa thông thường khác nhau và một phần ba số thành viên được Nghị viện bầu trong phiên họp chung từ các giáo sư về luật của các trường đại học và những luật sư có 15 năm hành nghề.

Hội đồng bầu một Phó Chủ tịch từ những thành viên do Nghị viện bầu ra.

Các thành viên được bầu của Hội đồng có nhiệm kỳ 4 năm và không thể được bầu lại ngay trong nhiệm kỳ kế tiếp.

Khi đương nhiệm, các thành viên không thể được tham gia các nghề nghiệp khác hay làm trong Nghị viện hay một Hội đồng Vùng.

Điều 105

Hội đồng Tư pháp Cấp cao có thẩm quyền xem xét các vấn đề liên quan đến lựa chọn, phân bổ công việc, luân chuyển, thăng cấp và kỷ luật các thẩm phán theo quy định của ngành tư pháp.

Điều 106

Các thẩm phán được bổ nhiệm thông qua các kỳ thi cạnh tranh.

Luật về các quy định đối với ngành tư pháp cho phép bổ nhiệm và bầu các thẩm phán danh dự trong các lĩnh vực có thể do một thẩm phán ra phán quyết.

Sau khi có đề xuất của Hội đồng Tư pháp Cấp cao, các giáo sư luật của các trường đại học và các luật sư có 15 năm hành nghề và đã được đăng ký trong danh sách chuyên gia đặc biệt của các tòa cấp cao hơn có thể được bổ nhiệm là ủy viên Tòa phá án vì những thành tích nổi bật của họ.

Điều 107

Các thẩm phán không bị bãi nhiệm. Họ không thể bị sa thải hay cho nghỉ việc hoặc bị điều động đến các tòa án khác hoặc chuyển sang làm nhiệm vụ khác, trừ khi có quyết định của Hội đồng Tư pháp Cấp cao được đưa ra với lý do và sự bảo đảm theo các quy định liên quan đến tổ chức của ngành tư pháp hoặc có sự đồng ý của chính các thẩm phán.

Bộ trưởng Tư pháp có quyền đề xuất các biện pháp kỷ luật.

Các thẩm phán chỉ được phân biệt qua các lĩnh vực chuyên môn.

Công tố viên được hưởng các bảo đảm theo các quy định liên quan đến tổ chức của ngành tư pháp.

Điều 108

Tổ chức của ngành tư pháp và các thẩm phán do luật định.

Luật bảo đảm sự độc lập của các thẩm phán tòa án đặc biệt, của các công tố viên thuộc các tòa này và những người khác tham gia vào quá trình thực thi công lý.

Điều 109

Các cơ quan tư pháp có quyền trực tiếp sử dụng lực lượng cảnh sát tư pháp.

Điều 110

Bộ trưởng Tư pháp có trách nhiệm đối với việc tổ chức và thực hiện các hoạt động phục vụ có liên quan đến việc thực thi công lý, mà không gây ảnh hưởng đến thẩm quyền của Hội đồng Tư pháp Cấp cao.

Tiểu mục II:
Các quy định về thẩm quyền xét xử

Điều 111

Công lý phải được thực hiện thông qua quá trình xét xử công bằng theo luật định.

Các phiên xét xử tại tòa được thực hiện thông qua các thủ tục tranh tụng và các bên liên quan có điều kiện bình đẳng trước một vị thẩm phán công tâm. Luật quy định về thời hạn xét xử hợp lý.

Đối với các phiên tòa hình sự, luật sẽ quy định bị cáo được thông báo ngay lập tức và bí mật về bản chất và lý do buộc tội và có thời gian và điều kiện hợp lý để chuẩn bị cho việc bào chữa. Bị cáo có quyền đối chất đối với những người đã làm chứng chống lại mình hoặc những người đã đối chất với mình trước thẩm phán; có quyền triệu tập những người cung cấp chứng cớ có lợi cho bị cáo trong những điều kiện tương tự như công tố viên; có quyền tìm kiếm các chứng cứ khác phục vụ cho việc bào chữa. Bị cáo có quyền được trợ giúp của phiên dịch nếu người này không thể nói và hiểu ngôn ngữ dùng trong quá trình xét xử của tòa.

Trong tố tụng hình sự, việc xác định chứng cứ được thực hiện dựa trên quá trình tranh tụng. Không thể định tội bị cáo dựa trên trên cơ sở lời khai của những người luôn chủ động và có chủ đích tránh việc kiểm tra chéo của bị cáo hoặc luật sư của bị cáo.

Luật quy định về việc xác định chứng cứ không được thực hiện qua quá trình tranh tụng trong các trường hợp có sự đồng ý của bị cáo hoặc vì những lý do bất khả kháng khách quan hoặc đối với những hành vi vi phạm pháp luật có thể chứng minh được.

Tất cả các quyết định tư pháp phải nói rõ lý do.

Việc kháng cáo đối với các trường hợp vi phạm pháp luật lên Tòa Phá án luôn được chấp thuận đối với các bản án và các biện pháp ảnh hưởng đến tự do cá nhân do các tòa án thông thường hoặc các tòa đặc biệt tuyên. Quy định này chỉ có thể bị bãi bỏ đối với các bản án do các tòa quân sự tuyên trong thời chiến.

Việc kháng cáo đối với các quyết định của Hội đồng Nhà nước và Tòa Kiểm toán lên Tòa Phá án chỉ được phép thực hiện đối với lý do về thẩm quyền xét xử.

Điều 112

Công tố viên có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tố tụng hình sự.

Điều 113

Khiếu kiện về các quyết định của cơ quan hành chính công để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật dân sự hoặc hành chính trước các cơ quan tư pháp thông thường hoặc tư pháp hành chính luôn được cho phép.

Quyền bảo đảm về mặt tư pháp này không bị loại trừ hoặc hạn chế đối với một loại hình khiếu nại hay loại hành vi cụ thể nào.

Luật sẽ xác định những cơ quan tư pháp được quyền hủy bỏ quyết định của cơ quan hành chính công trong những trường hợp và với những hậu quả cụ thể.

Mục V:
CÁC VÙNG, CÁC TỈNH, VÀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TỰ TRỊ

Điều 114

Nước Cộng hòa bao gồm các đô thị tự trị, các tỉnh, các thành phố chính, các vùng và Nhà nước. Các đô thị tự trị, các tỉnh, các thành phố chính và các vùng là những thực thể tự trị, có quyền ban hành văn bản pháp luật riêng, có thẩm quyền và chức năng riêng phù hợp với các nguyên tắc do Hiến pháp quy định.

Rô-ma là thủ đô của Nước Cộng hòa. Địa vị của thủ đô được điều chỉnh bằng luật của nhà nước.

Điều 115

(Đã bãi bỏ)

Điều 116

Friuli-Venezia Giulia, Sardinia, Sicily, Trentino-Alto Adige/Südtirol và Valle d'Aosta/Vallée d'Aoste có hình thức và điều kiện tự trị phù hợp với các quy chế đặc biệt được thông qua bởi luật hiến pháp.

Vùng Trentino-Alto Adige/Südtirol bao gồm các tỉnh tự trị là Trent và Bolzano.

Trên cơ sở đề nghị của các Vùng có liên quan, sau khi tham vấn với các cơ quan có thẩm quyền của địa phương, luật của nhà nước có thể trao thêm các hình thức và điều kiện tự trị đặc biệt cho các vùng khác trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc được nêu tại Điều 119. Các hình thức và điều kiện tự trị đặc biệt phải liên quan đến các lĩnh vực được cụ thể hóa tại đoạn hai và đoạn ba, điểm (l) (chỉ áp dụng đối với các yêu cầu về tổ chức của thẩm phán hòa giải của Tòa sơ thẩm) và các điểm (n) và (s) của Điều 117. Đạo luật quy định về nội dung này phải được cả hai Viện thông qua với đa số phiếu tuyệt đối trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và Vùng liên quan.

Điều 117

Quyền lập pháp thuộc về Nhà nước và các Vùng phù hợp với các quy định của Hiến pháp, những hạn chế của luật pháp Liên minh Châu Âu và các nghĩa vụ quốc tế.

Nhà nước có quyền lập pháp trong những lĩnh vực sau:

(a) Chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của Nhà nước; quan hệ giữa Nhà nước và Liên minh Châu Âu; quyền tị nạn và địa vị pháp lý của những công dân không phải người Liên minh châu Âu;

(b) Vấn đề nhập cư;

(c) Mối quan hệ giữa Nước Cộng hòa và các tổ chức tôn giáo;

(d) Quốc phòng và các lực lượng vũ trang; An ninh Quốc gia; hoạt động vũ trang, súng đạn và vật liệu nổ;

(e) Tiền tệ, việc bảo vệ các khoản tiết kiệm và các thị trường tài chính; bảo vệ cạnh tranh; hệ thống ngoại hối; thuế và hệ thống kế toán; sự bình đẳng của các nguồn tài chính;

(f) Các cơ quan Nhà nước và các luật bầu cử liên quan; trưng cầu dân ý trên cả nước; việc bầu cử vào Nghị viện châu Âu;

(g) Các tổ chức pháp lý và hành chính của Nhà nước và các cơ quan công của quốc gia;

(h) An ninh và trật tự công cộng trừ các nội dung về lực lượng cảnh sát hành chính địa phương;

(i) Quốc tịch, địa vị dân sự và các văn phòng đăng ký;

(l) Thẩm quyền xét xử và luật tố tụng; luật dân sự và luật hình sự; hệ thống tư pháp hành chính;

(m) Việc xác định mức lợi ích cơ bản liên quan đến các chế độ dân sự và xã hội cần được bảo đảm trên toàn lãnh thổ quốc gia;

(n) Các quy định chung về giáo dục;

(o) Anh sinh xã hội;

(p) Luật bầu cử; các cơ quan điều hành và các chức năng cơ bản của các đô thị tự trị, các tỉnh và các thành phố chính.

(q) Hải quan, việc bảo vệ các đường biên giới quốc gia và các biện pháp phòng bệnh xuyên biên giới;

(r) Các đơn vị cân, đo; giờ chuẩn; việc điều phối các cơ sở dữ liệu thống kê được vi tính hóa của Nhà nước, của hoạt động hành chính của các vùng và địa phương; các công việc tri thức;

(s) Bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và di sản văn hóa.

Các luật đồng thời[15] được áp dụng cho những vấn đề sau: quan hệ quốc tế và quan hệ với Liên minh châu Âu của các Vùng; ngoại thương; việc bảo vệ nghề nghiệp và an toàn; hoạt động giáo dục phụ thuộc vào tính

[15]. Nhà nước và địa phương cùng điều chỉnh (chú thích của người dịch)

tự chủ của các tổ chức giáo dục, ngoại trừ giáo dục và đào tạo nghề; nghề nghiệp; nghiên cứu khoa học và công nghệ và hỗ trợ sáng tạo cho các ngành sản xuất; bảo vệ sức khỏe; dinh dưỡng; thể thao; cứu trợ thiên tai; lập kế hoạch sử dụng đất; các cảng dân sự và các cảng hàng không; các mạng lưới giao thông lớn; hoạt động thông tin liên lạc; sản xuất, vận tải và cung ứng năng lượng quốc gia; an sinh xã hội miễn phí và bổ sung; việc hài hòa các tài khoản công và điều phối các hệ thống tài chính công và thuế vụ; tăng cường các giá trị văn hóa và môi trường; các ngân hàng tiết kiệm; ngân hàng nông thôn; các tổ chức tín dụng vùng; các tổ chức tín dụng nông nghiệp và đất đai của các vùng. Đối với các nội dung được cùng đồng thời điều chỉnh, quyền lập pháp thuộc về các Vùng, trừ việc xác định các nguyên tắc cơ bản thuộc quyền lập pháp của Nhà nước.

Các Vùng có quyền lập pháp đối với tất cả các vấn đề mà Nhà nước không điều chỉnh.

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, các Vùng và các tỉnh tự trị Trent và Bolzano được tham gia vào quá trình ra các quyết định liên quan đến việc xây dựng luật pháp của Liên minh châu Âu. Vùng và tỉnh cũng chịu trách nhiệm thực hiện các điều ước quốc tế và các biện pháp của Liên minh châu Âu phù hợp với các nguyên tắc do của Luật Nhà nước xác định. Luật của Nhà nước quy định việc Nhà nước thực hiện thay mặt các Vùng, và tỉnh Tự trị thực hiện trong trường hợp các Vùng và các tỉnh tự trị không thực hiện.

Quyền ban hành văn bản dưới luật thuộc thẩm quyền của Nhà nước đối với những vấn đề chỉ có Nhà nước có thẩm quyền ban hành luật trừ những nội dung Nhà nước đã ủy quyền cho các vùng. Các đô thị tự trị, các tỉnh và thành phố có quyền ban hành văn bản dưới luật liên quan đến việc tổ chức và thực hiện các chức năng được giao.

Các luật của Vùng phải xóa bỏ các trở ngại để đảm bảo sự bình đẳng đầy đủ giữa nam và nữ về đời sống xã hội, văn hóa và kinh tế và thúc đẩy sự tiếp cận bình đẳng giữa nam và nữ đối với việc được bầu vào các vị trí trong cơ quan nhà nước.

Các thỏa thuận giữa các Vùng để cải thiện hiệu quả thực hiện các chức năng của Vùng và dẫn tới việc thành lập các cơ quan chung phải được phê chuẩn bằng luật của Vùng.

Trong lĩnh vực trách nhiệm của mình, các Vùng có thể ký kết thỏa thuận với nước ngoài và các cơ quan địa phương của các nước đó trong các trường hợp và các hình thức do luật Nhà nước quy định.

Điều 118

Trừ trường hợp đã được trao cho các tỉnh, thành phố, các vùng hoặc Nhà nước, chức năng hành chính được trao cho các đô thị tự trị phù hợp với các nguyên tắc về phân quyền, không chồng chéo và theo tỉ lệ, nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất.

Các đô thị tự trị, các tỉnh và thành phố thực hiện các chức năng hành chính của mình và những chức năng hành chính khác theo các quy định của luật của Nhà nước hoặc của Vùng giao, tùy theo năng lực tương ứng của những đơn vị này.

Luật của Nhà nước sẽ quy định về hoạt động phối hợp giữa Nhà nước và các Vùng đối với các vấn đề thuộc điểm (b) và (h), đoạn 2 Điều 117, và quy định về các thỏa thuận và phối hợp trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hóa.

Nhà nước, các vùng, các thành phố, tỉnh và đô thị tự trị khuyến khích các sáng kiến tự trị của công dân với tư cách cá nhân hoặc thành viên các hiệp hội, liên quan đến các hoạt động vì lợi ích chung trên cơ sở nguyên tắc phân quyền.

Điều 119

Các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng có quyền tự trị về thu chi ngân sách.

Các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng có các nguồn tài chính độc lập. Các đơn vị này tự xác định mức thuế, thu thuế và thực hiện các khoản thu khác, phù hợp với Hiến pháp và nguyên tắc điều phối giữa các nguồn tài chính của Nhà nước và hệ thống thuế. Các đơn vị này cũng được chia sẻ nguồn thu thuế của nhà nước tương ứng với phần lãnh thổ của mình.

Luật của Nhà nước sẽ quy định về một quỹ cân bằng không hạn chế về phân bổ để hỗ trợ cho những lãnh thổ có khả năng thu thuế tính theo đầu người thấp.

Nguồn tiền từ quỹ trên giúp cho các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng có khả năng cung cấp tài chính đầy đủ cho việc thực hiện các nhiệm vụ công được giao.

Nhà nước phân bổ các nguồn bổ sung và thực hiện các biện pháp đặc biệt giúp các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng cụ thể để phát triển kinh tế và sự đoàn kết của xã hội, giảm sự mất cân bằng về kinh tế xã hội, tạo điều kiện cho việc thực hiện các quyền con người hoặc nhằm đạt được những mục tiêu ngoài những mục tiêu được theo đuổi khi thực hiện các chức năng thông thường của các đơn vị này.

Các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng có tài sản riêng được phân bổ phù hợp với các nguyên tắc chung được nêu trong các đạo luật của Nhà nước. Các đô thị tự trị, tỉnh, thành phố và vùng chỉ được quyền vay nợ để tạo nguồn cho các khoản đầu tư. Nhà nước không được bảo lãnh cho những khoản vay này.

Điều 120

Các vùng không được đặt các loại thuế nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh giữa các vùng hoặc đưa ra các biện pháp gây ảnh hưởng đến tự do và sự di chuyển của con người hoặc hàng hóa giữa các vùng. Các vùng không

được giới hạn các quyền công dân được làm việc tại bất cứ nơi nào trên lãnh thổ quốc gia.

Không phụ thuộc vào địa giới của cơ quan chính quyền địa phương, Chính phủ có thể hành động thay cho các cơ quan của các vùng, đô thị tự trị, các tỉnh và thành phố nếu những đơn vị này không tuân thủ các quy định quốc tế và các điều ước hoặc đạo luật của Liên minh châu Âu, hoặc trong trường hợp có nguy cơ đặc biệt đối với an toàn và an ninh công cộng, hoặc khi việc làm đó là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất về pháp lý hay kinh tế và đặc biệt là để bảo đảm định mức căn bản về các chế độ xã hội và dân sự. Luật sẽ quy định các thủ tục để đảm bảo việc thay quyền này được thực hiện phù hợp với nguyên tắc phân quyền và hợp tác chân thành.

Điều 121

Các cơ quan của Vùng bao gồm: Hội đồng Vùng, Cơ quan Hành pháp Vùng và Chủ tịch Vùng.

Hội đồng Vùng thực hiện các quyền lập pháp được trao cho Vùng và các chức năng khác được trao theo quy định của Hiến pháp và luật. Các Vùng có thể trình dự luật lên Nghị viện.

Cơ quan Hành pháp Vùng thực hiện chức năng hành pháp của Vùng.

Phù hợp với các chỉ đạo của Chính phủ, Chủ tịch Cơ quan Hành pháp đại diện cho vùng, chỉ đạo việc hoạch định chính sách của Cơ quan Hành pháp và chịu trách nhiệm về các chính sách này; ban hành các đạo luật và quy định của vùng, chỉ đạo việc thực hiện các chức năng hành chính được Nhà nước ủy quyền cho vùng.

Điều 122

Cách thức bầu cử, các trường hợp không đủ tư cách và khả năng ứng cử Chủ tịch và các thành viên khác của Cơ quan Hành pháp và các ủy viên Hội đồng Vùng sẽ do một đạo luật của Vùng quy định trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản do luật của Nước Cộng hòa quy định. Đạo luật này cũng quy định về nhiệm kỳ của các chức vụ dân cử.

Không ai có thể cùng lúc tham gia Hội đồng Vùng, Cơ quan Hành pháp Vùng hay các Viện của Nghị viện, Hội đồng Vùng khác hoặc Nghị viện châu Âu.

Hội đồng Vùng bầu Chủ tịch và một Ban điều hành trong số các thành viên của Hội đồng. Các ủy viên Hội đồng không phải chịu trách nhiệm các phát biểu và việc bỏ phiếu của mình khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

Chủ tịch Cơ quan Hành pháp Vùng được bầu thông qua việc bỏ phiếu phổ thông và trực tiếp, trừ trường hợp các đạo luật của Vùng có quy định khác. Chủ tịch được bầu sẽ bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Cơ quan Hành pháp Vùng.

Điều 123

Phù hợp với Hiến pháp, mỗi vùng phải ban hành một quy chế quy định hình thức chính phủ vùng và các nguyên tắc tổ chức cơ bản của vùng và việc thực hiện các công việc. Quy chế phải quy định về quyền đưa ra sáng kiến lập pháp và khuyến khích trưng cầu ý dân về các đạo luật và biện pháp hành chính của vùng cũng như việc đăng tải các luật và quy định của Vùng.

Quy chế vùng do Hội đồng vùng thông qua và sửa đổi bằng một đạo luật được thông qua bằng đa số tuyệt đối sau hai lần xem xét liên tiếp không cách nhau dưới hai tháng. Đạo luật này không cần được Cao ủy viên của Chính phủ thông qua. Chính phủ Nước Cộng hòa có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét tính hợp hiến của các quy chế Vùng trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố.

Quy chế sẽ được đưa ra trưng cầu ý dân nếu 1/5 số cử tri của Vùng hoặc 1/5 số Ủy viên Hội đồng Vùng yêu cầu trong vòng 3 tháng kể từ ngày quy chế được công bố. Nếu không được thông qua bởi đa số phiếu hợp lệ trong cuộc trưng cầu ý dân, quy chế này sẽ không được thông qua.

Tại mỗi vùng, các quy chế sẽ điều chỉnh hoạt động của Hội đồng các cơ quan chính quyền địa phương là cơ quan tư vấn về quan hệ giữa các vùng và các cơ quan chính quyền địa phương.

Điều 124

(Đã bãi bỏ)

Điều 125

Phù hợp với các quy định của luật Nhà nước, các tòa án hành chính sơ thẩm sẽ được thiết lập tại vùng. Các bộ phận này có thể được thành lập ở những địa điểm không phải là thủ phủ của vùng.

Điều 126

Hội đồng Vùng có thể bị giải tán và Chủ tịch Cơ quan Hành pháp có thể bị bãi nhiệm bằng một sắc lệnh có nêu rõ lý do của Tổng thống Nước Cộng hòa vì những hành vi vi phạm Hiến pháp hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Việc giải tán hoặc bãi nhiệm cũng có thể được quyết định vì lý do an ninh quốc gia. Sắc lệnh này được ban hành sau khi có sự tham khảo ý kiến của một ủy ban bao gồm một số đại biểu và thượng nghị sĩ về các vấn đề Vùng, được thành lập theo một đạo luật của Nước Cộng hòa.

Hội đồng Vùng có thể thông qua bản kiến nghị có nêu rõ lý do về việc bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Chủ tịch Cơ quan Hành pháp, được ký bởi ít nhất 1/5 số thành viên Hội đồng và được thông qua bằng cách bỏ phiếu ghi danh với đa số tuyệt đối. Kiến nghị này không thể được thảo luận trước ba ngày kể từ khi được đệ trình.

Việc thông qua kiến nghị bất tín nhiệm đối với Chủ tịch Cơ quan Hành pháp, và việc bãi nhiệm, mất năng lực vĩnh viễn, từ trần hoặc từ chức tự nguyện của Chủ tịch Cơ quan Hành pháp sẽ kéo theo việc từ chức của

Cơ quan Hành pháp và việc giải tán Hội đồng. Kết quả tương tự cũng xảy ra đối với việc từ chức đồng thời của đa số các thành viên Hội đồng.

Điều 127

Khi Chính phủ cho rằng một đạo luật vùng được ban hành vượt quá thẩm quyền của vùng, Chính phủ có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét tính hợp hiến của đạo luật đó trong vòng 60 ngày kể từ ngày được công bố.

Khi một vùng cho rằng một đạo luật của Nhà nước hay của một vùng hay một biện pháp có hiệu lực như luật vi phạm thẩm quyền của vùng, thì vùng đó có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp xem xét tính hợp hiến của văn bản đó trong vòng 60 ngày kể từ ngày những đạo luật hay biện pháp này được công bố.

Điều 128

(Đã bãi bỏ)

Điều 129

(Đã bãi bỏ)

Điều 130

(Đã bãi bỏ)

Điều 131

Những Vùng sau đây được thành lập:

- Piedmont;
- Valle d'Aosta;
- Lombardy;
- Trentino-Alto Adige;
- Veneto;
- Friuli-Venezia Giulia;
- Liguria;
- Emilia-Romagna;
- Tuscany;
- Umbria;
- The Marches;
- Latium;
- Abruzzi;
- Molise;
- Campania;
- Apulia;
- Basilicata;
- Calabria;

- Sicily;
- Sardinia.

Điều 132

Khi có đề xuất của một số Hội đồng đô thị đại diện cho không dưới 1/3 dân số liên quan và đề xuất đó đã được thông qua bởi đa số người dân ở những nơi có liên quan sau một cuộc trưng cầu ý dân, việc sáp nhập các Vùng hoặc thành lập một Vùng mới có ít nhất một triệu cư dân có thể được thực hiện bằng một đạo luật Hiến pháp sau khi tham khảo ý kiến các Hội đồng Vùng

Sau một cuộc trưng cầu ý dân với sự đồng ý của đa số người dân các tỉnh hoặc đô thị tự trị và tham khảo ý kiến của các hội đồng của các vùng, các tỉnh và đô thị tự trị có thể được phép tách ra khỏi một vùng và sáp nhập vào một Vùng khác theo một đạo luật của Nước Cộng hòa.

Điều 133

Những thay đổi về địa giới các tỉnh và việc thành lập các tỉnh mới trong phạm vi một vùng được điều chỉnh bằng các đạo luật của Nước Cộng hòa dựa trên đề xuất của các đô thị tự trị và sau khi tham vấn ý kiến của vùng.

Sau khi tham khảo ý kiến của người dân liên quan, vùng có thể thành lập các đô thị tự trị mới trong phạm vi lãnh thổ của mình và thay đổi tên các quận bằng các đạo luật của mình.

Mục VI:
CÁC HÌNH THỨC BẢO HIẾN

Tiểu mục I:
Tòa án Hiến pháp

Điều 134

Tòa án Hiến pháp ra phán quyết về:

- Các tranh luận về tính hợp hiến của luật và các văn bản có hiệu lực pháp luật do Nhà nước và các Vùng ban hành;
- Các xung đột phát sinh từ việc phân bổ quyền lực nhà nước, giữa nhà nước với các vùng và giữa các vùng với nhau;
- Những cáo buộc đối với Tổng thống và các bộ trưởng theo các quy định của Hiến pháp.

Điều 135

Tòa án Hiến pháp bao gồm 15 thẩm phán trong đó 1/3 số thẩm phán là do Tổng thống bổ nhiệm, 1/3 thẩm phán do Nghị viện bổ nhiệm trong phiên họp chung và 1/3 do các tòa án thường, tòa hành chính và Tòa Tối cao bổ nhiệm.

Các thẩm phán của Tòa án Hiến pháp được lựa chọn từ các thẩm phán, trong đó có cả những người đã nghỉ hưu, các thẩm phán của các tòa thông thường và tòa hành chính cấp cao, các giáo sư luật của các trường đại học và các luật sư với ít nhất 20 năm hành nghề.

Các thẩm phán của Tòa án Hiến pháp được bổ nhiệm với nhiệm kỳ 9 năm bắt đầu từ ngày họ tuyên thệ và không được bổ nhiệm lại.

Khi kết thúc nhiệm kỳ, các thẩm phán sẽ từ nhiệm và chấm dứt việc thực hiện các chức năng của mình.

Theo quy định của luật, Tòa sẽ bầu một Chánh án từ các thành viên của mình với nhiệm kỳ 3 năm và có thể được bầu lại cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ thẩm phán của Tòa án Hiến pháp.

Thẩm phán Tòa án Hiến pháp không thể là nghị sĩ, thành viên của Hội đồng Vùng, hay hành nghề luật và các nhiệm vụ khác do luật định

Trong thủ tục luận tội Tổng thống, ngoài các thẩm phán của Tòa, sẽ có 16 thành viên được chọn từ danh sách các công dân có đủ điều kiện để được bầu vào Thượng viện, do Nghị viện chuẩn bị 9 năm một lần thông qua bầu cử với thủ tục tương tự như việc bổ nhiệm các thẩm phán.

Điều 136

Khi Tòa tuyên một đạo luật hay một văn bản có hiệu lực như luật là không hợp hiến, đạo luật hay văn bản đó sẽ hết hiệu lực ngay sau khi quyết định của Tòa được công bố.

Quyết định của Tòa sẽ được công bố và chuyển đến Nghị viện và các Hội đồng Vùng liên quan để các cơ quan này tuân thủ các thủ tục hiến định khi thấy cần thiết.

Điều 137

Một đạo luật Hiến pháp sẽ quy định các điều kiện, hình thức và các giới hạn đối với việc đề xuất các phán quyết về tính hợp hiến và bảo đảm tính độc lập của các thẩm phán Tòa án Hiến pháp.

Các đạo luật thông thường khác sẽ quy định các điều kiện cần thiết cho việc thành lập và vận hành Tòa án Hiến pháp.

Không được phép kháng cáo đối với các quyết định của Tòa án Hiến pháp.

Tiểu mục II:
Sửa đổi Hiến pháp. Các đạo luật Hiến pháp

Điều 138

Các đạo luật sửa đổi Hiến pháp và các đạo luật Hiến pháp khác phải được thông qua bởi mỗi Viện sau hai phiên thảo luận liền nhau, cách nhau không dưới 3 tháng và trong phiên thảo luận lần thứ hai phải được đa số tuyệt đối các thành viên của mỗi Viện thông qua.

Trong vòng 3 tháng kể từ ngày công bố, các đạo luật này có thể được đưa ra trưng cầu ý dân khi có yêu cầu của 1/5 số đại biểu của một Viện hoặc 500 ngàn cử tri hoặc của 5 Hội đồng Vùng. Đạo luật được đưa ra trưng cầu ý dân sẽ không được ban hành nếu không được thông qua bởi đa số phiếu hợp lệ.

Trưng cầu ý dân sẽ không được tổ chức nếu đạo luật đó đã được thông qua trong lần bỏ phiếu thứ hai tại mỗi Viện bởi đa số 2/3 số đại biểu.

Điều 139

Chính thể Cộng hòa không thể là đối tượng của việc sửa đổi Hiến pháp.

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

I

Với việc thực hiện bản Hiến pháp này, Nguyên thủ Quốc gia lâm thời sẽ thực hiện các chức năng và mang danh hiệu Tổng thống Nước Cộng hòa.

II

Cho tới ngày bầu cử Tổng thống, nếu tất các các Hội đồng Vùng chưa được thành lập, thì chỉ các nghị sĩ của hai Viện tham gia vào cuộc bầu cử Tổng thống.

III

Thành phần đầu tiên của Thượng viện gồm có các đại biểu của Hội đồng Lập hiến có đủ điều kiện theo luật định để trở thành Thượng nghị sĩ và những người sau đây:

- Nguyên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Chủ tịch các cơ quan lập pháp;
- Nguyên là thành viên của Thượng viện đã giải tán; từng được bầu ít nhất là 3 lần, kể cả bầu vào Hội đồng Lập hiến;
- Những người bị bãi nhiệm tại phiên họp của Viện Đại biểu ngày 9/11/1926;
- Từng bị bỏ tù trên 5 năm theo bản án của tòa án Phát-xít đặc biệt vì tham gia bảo vệ Nhà nước;
- sẽ được bổ nhiệm là Thượng nghị sĩ.

Những người đã từng là thành viên của Thượng viện đã bị giải tán và những người từng là thành viên của Consulta Nazionale cũng sẽ được chỉ định làm thượng nghị sĩ theo Nghị định của Tổng thống.

Quyền được bổ nhiệm là thượng nghị sĩ có thể bị từ chối trước khi văn bản bổ nhiệm được kí. Việc chấp nhận tư cách là ứng cử viên trong các cuộc bầu cử chính trị cũng được hiểu là đã từ chối quyền được bổ nhiệm là thượng nghị sĩ.

IV

Đối với cuộc bầu cử Thượng viện đầu tiên, Molise được coi là một vùng, có đủ số thượng nghị sĩ trên cơ sở số dân của vùng này.

V

Quy định tại Điều 80 của Hiến pháp liên quan đến các điều ước quốc tế cần chi tiêu ngân sách hoặc sửa đổi luật sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị viện được triệu tập.

VI

Trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, các cơ quan có thẩm quyền tư pháp đặc biệt đang tồn tại sẽ được xem xét lại, trừ thẩm quyền xét xử của Hội đồng Nhà nước, Tòa Kiểm toán và các tòa quân sự.

Trong vòng một năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, sẽ có một đạo luật quy định việc tổ chức lại Tòa án Quân sự Tối cao theo quy định tại Điều 111.

VII

Cho đến khi các đạo luật mới về ngành tư pháp phù hợp với Hiến pháp này được ban hành, các quy định đang có hiệu lực sẽ tiếp tục có hiệu lực. Cho đến khi Tòa án Hiến pháp bắt đầu thực hiện chức năng của mình, quyết định về những tranh chấp được nêu tại Điều 134 sẽ được thực hiện theo hình thức và trong giới hạn các quy định đã tồn tại trước khi thực hiện Hiến pháp này.

VIII

Các cuộc bầu cử vào các Hội đồng Vùng và các cơ quan dân cử cấp tỉnh sẽ được tiến hành trong vòng một năm kể từ khi thực hiện Hiến pháp này.

Các đạo luật của Nước Cộng hòa sẽ điều chỉnh việc chuyển giao các chức năng của Nhà nước liên quan đến tất cả các cơ quan hành chính công cho các vùng. Cho đến khi việc tổ chức và phân bổ lại các chức năng hành chính giữa các cơ quan địa phương đã được thực hiện, thì các tỉnh và các đô thị tự trị vẫn giữ lại những chức năng mà họ đang thực hiện và các chức năng khác mà vùng có thể trao cho các cơ quan này.

Theo yêu cầu của những quy định mới, các đạo luật của Nước Cộng hòa sẽ điều chỉnh việc chuyển giao cho các vùng các cán bộ, công chức nhà nước, trong đó có những người từ các cơ quan hành chính trung ương,. Trừ các trường hợp cần thiết, các vùng sẽ lấy nguồn cán bộ của mình từ các công chức nhà nước ở các cơ quan địa phương, khi thành lập các cơ quan của mình.

IX

Trong vòng 3 năm kể từ khi bắt đầu thực hiện Hiến pháp, Nhà nước sẽ sửa đổi các đạo luật để phù hợp với nhu cầu tự trị của địa phương và quyền lập pháp dành cho các Vùng.

X

Phù hợp với quy định tại Điều 116, các quy định chung của Mục V thuộc Phần hai của Hiến pháp này sẽ tạm thời được áp dụng cho Vùng Friuli-Venezia Giulia, mà không gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ các ngôn ngữ thiểu số theo quy định tại Điều 6.

XI

Trước khi kết thúc 5 năm kể từ ngày bắt đầu thực hiện Hiến pháp, các Vùng khác có thể được thành lập theo các đạo luật Hiến pháp và do đó danh sách tại Điều 131 sẽ bị thay đổi, mà không cần phải tuân theo các điều kiện theo yêu cầu của đoạn 1 của Điều 132 nhưng không được làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ tham vấn những người liên quan.

XII

Nghiêm cấm tổ chức lại Đảng Phát-xít dưới bất cứ hình thức nào.

Trong khoảng thời gian 5 năm sau khi Hiến pháp có hiệu lực, luật tiếp tục quy định các hạn chế tạm thời đối với quyền bầu cử và tư cách bầu cử đối với những cựu lãnh đạo chịu trách nhiệm về chế độ phát-xít kể cả khi có các quy định tại Điều 48.

XIII

Các thành viên và con cháu của Hoàng gia Savoy sẽ không có tư cách cử tri và không được nắm giữ các vị trí trong các cơ quan công quyền hay cơ quan dân cử.

Những cựu vương của triều đại Savoy, các phu nhân và con, cháu trai của những người này bị cấm nhập cảnh và lưu trú trong lãnh thổ quốc gia.

Tài sản hiện còn trên lãnh thổ quốc gia của những cựu vương của triều đại Savoy, các phu nhân và con, cháu trai của những người này được chuyển giao cho Nhà nước. Việc chuyển nhượng và xác lập các quyền của hoàng gia đối với các tài sản trên diễn ra sau ngày 2/6/1946 là vô hiệu(*).

(*) Đạo luật Hiến pháp số 1 ngày 23/10/2002 quy định rằng các đoạn thứ nhất và thứ hai của điều thứ 13 trong mục Điều khoản chuyển tiếp và Điều khoản cuối cùng của Hiến pháp tạm ngừng được áp dụng, tính từ ngày Đạo luật Hiến pháp này bắt đầu có hiệu lực (10/11/2002).

XIV

Các danh hiệu quý tộc sẽ không được thừa nhận.

Các tên gọi địa điểm tồn tại trước ngày 28/10/1922 tiếp tục là một phần của tên gọi mới.

Hội Thánh Mauritius được duy trì như một tổ chức từ thiện và hoạt động theo cách thức do luật định.

Luật quy định việc giải tán Hội đồng Phụ chính.

XV

Với việc bản Hiến pháp này có hiệu lực, sắc lệnh lập pháp của Nguyên thủ quốc gia số 151 ngày 25/6/1944 về tổ chức lâm thời của Nhà nước sẽ trở thành luật.

XVI

Trong vòng một năm kể từ ngày Hiến pháp có hiệu lực, việc chỉnh lý và sắp xếp lại các đạo luật hiến pháp trước đây chưa bị bãi bỏ một cách rõ ràng hoặc ngầm định phải được bắt đầu.

XVII

Hội đồng Lập hiến sẽ được Chủ tịch Hội đồng triệu tập để quyết định về luật bầu cử Thượng viện, các quy chế Vùng đặc biệt và luật quản lý báo chí, trước ngày 31/1/1948.

Cho đến khi Nghị viện mới được bầu, Hội đồng Lập hiến có thể được triệu tập khi cần để quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng theo Điều 2, đoạn 1 và 2, và Điều 3, đoạn 1 và 2 của sắc lệnh lập pháp số 98, ngày 16/3/1946.

Tại thời điểm đó, các Ủy ban Thường trực sẽ duy trì chức năng của mình. Các Ủy ban lập pháp sẽ gửi lại Chính phủ những dự luật được trình lên các Ủy ban này với những nhận xét và đề xuất sửa đổi. Các đại biểu có thể đặt câu hỏi đối với Chính phủ và yêu cầu trả lời bằng văn bản.

Phù hợp với quy định của đoạn 2 Điều này, Hội đồng Lập hiến sẽ được Chủ tịch Hội đồng triệu tập sau khi có yêu cầu nêu rõ lý do của Chính phủ hoặc ít nhất là 200 đại biểu

XVIII

Hiến pháp này sẽ do Nguyên thủ Quốc gia lâm thời công bố trong vòng 5 ngày kể từ khi được Hội đồng Lập hiến phê chuẩn và sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/1948.

Văn bản Hiến pháp sẽ được lưu tại trụ sở làm việc của tất cả các Hội đồng Thành phố trên cả nước và được công bố trong suốt năm 1948 để tất cả mọi công dân được biết.

Hiến pháp, với con dấu của Nhà nước được đưa vào Hồ sơ lưu giữ chính thức các văn bản luật và sắc lệnh của Nước Cộng hòa.

Hiến pháp phải được tất cả các công dân và cơ quan Nhà nước tuân thủ nghiêm chỉnh như là đạo luật căn bản của Nền Cộng hòa.

Được làm tại Rô-ma ngày 27 tháng Mười hai năm 1947

ENRICO DE NICOLA

TIẾP KÝ
Chủ tịch Hội đồng Lập hiến
UMBERTO TERRACINI
Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
ALCIDE DE GASPERI
Người lưu giữ con dấu
GIUSEPPE GRASSI

HIẾN PHÁP
VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA

0.1. KHÁI QUÁT VỀ VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA[16]

1. Tên nước:

Vương quốc Tây Ban Nha.

2. Thủ đô:

Madrid

3. Quốc khánh:

Ngày 12 tháng 10 (là ngày Christopher Columbus tìm ra Châu Mỹ)

4. Quốc kỳ:

Quốc kỳ Tây Ban Nha có hình chữ nhật gồm ba dải ngang với các màu lần lượt là đỏ, vàng, đỏ; ở giữa có hình quốc huy Tây Ban Nha. Dải màu vàng rộng gấp đôi mỗi dải màu đỏ. Màu đỏ tượng trưng cho máu, cho lòng yêu nước. Màu vàng tượng trưng cho sự phồn vinh. Quốc huy ở chính giữa dải vàng xét theo chiều từ trên xuống, nhưng ở vị trí cách lề trái cờ một khoảng bằng một phần ba chiều dài cờ.

5. Diện tích:

505,370 km^2

6. Dân số:

46,754 ,784 (ước tính đến 7/2011). Trong đó, người Tây Ban Nha chiếm đa số với tỷ lệ 93,7%; người Mỹ La tinh 1,9%, các dân tộc khác 4,4% (như Ma-rốc, Anh, Rumani, Đức, Pháp, Italia, Bồ Đầu Nha).

7. Ngôn ngữ:

Tiếng Tây Ban Nha (ngoài ra còn có một số phương ngữ như tiếng Catalan, Basque, Galacian).

8. Tôn giáo:

Công giáo (80,3%); Cơ đốc giáo 1,9%; không tôn giáo 15,7%; không có thông tin 2,1%.

9. Chính thể:

Quân chủ lập hiến.

10. Kiểu nhà nước:

Kiểu nhà nước đơn nhất nhưng có nhiều điểm gần với nhà nước liên bang với thẩm quyền tự trị lớn của các vùng địa phương.

11. Các đơn vị hành chính:

Tây Ban Nha được chia làm 17 vùng tự trị (*comunidades autónomas*) và 2 thành phố tự trị (*ciudades autónomas*) là Ceuta và Melilla và có 5 lãnh thổ tự chủ ở gần Ma-rốc (*Plazas de soberanía*). Các vùng tự trị này được

[16]. Tổng hợp từ Wikipedia, CIA Fact Book và Gerhard Robbers, *Encyclopedia of World Constitutions,* (Infobase Publishing), 2006.

chia tiếp thành tổng cộng 50 tỉnh (*provincias*). Các tỉnh lại được chia tiếp thành các *hạt* (*comarcas*).

Các vùng tự trị của Tây Ban Nha bao gồm: Andalucia, Aragon, Asturias, Baleares (Quần đảo Balearic), Canarias (Quần đảo Canary), Cantabria, Castilla-La Mancha, Castilla y Leon, Cataluna, Comunidad Valenciana, Extremadura, Galicia, La Rioja, Madrid, Murcia, Navarra, Pais Vasco (hạt Basque).

12. Các đảng phải chính trị:

Tây Ban Nha gần như theo hệ thống chính trị lưỡng đảng với hai đảng chính, có vị trí quan trọng bậc nhất là Đảng Lao Động Xã Hội Tây Ban Nha (PSOE) và Đảng Quần Chúng (PP). Ngoài ra còn có một số những đảng phái chính trị nhỏ khác trên các vùng miền khác nhau như Đảng Catalonia hay Đảng Dân Tộc Basque...

13. Độ tuổi tham gia bầu cử:

Từ đủ 18 tuổi trở lên

14. Hệ thống pháp luật:

Tây Ban Nha theo hệ thống luật dân sự áp dụng cho từng vùng miền.

15. Bộ máy nhà nước:

i) Cơ quan lập pháp

Quyền lập pháp được trao cho Nghị viện, bao gồm Hạ nghị viện và Thượng nghị viện. Thực chất, cơ quan lập pháp của nước này gồm 3 bộ phận: Nhà Vua, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện trong đó vai trò của Nhà Vua là phê chuẩn các đạo luật sau khi Nghị viện đã thông qua.

Nhà Vua Tây Ban Nha là nguyên thủ quốc gia, biểu tượng của khối đoàn kết và sự trường tồn của quốc gia. Ngôi Vua được cha truyền con nối. Nhà Vua có quyền bổ nhiệm Thủ tướng, nhưng phải được Hạ viện chấp thuận với đa số phiếu tuyệt đối.

Nghị viện thực hiện các quyền lập pháp của Nhà nước và thông qua Ngân sách nhà nước, kiểm soát các hoạt động của Chính phủ và có các chức năng khác theo quy định của Hiến pháp.

Hạ nghị viện bao gồm tối thiểu là 300 và tối đa là 400 Hạ nghị sĩ, được bầu theo nguyên tắc phổ thông, tự do, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Hạ nghị viện có nhiệm kỳ là 4 năm. Các khu vực bầu cử thuộc cấp tỉnh, được thực hiện trên cơ sở tỷ lệ đại diện. Các thành phố Ceuta và Melilla sẽ có một Nghị sỹ đại diện cho mỗi thành phố. Tổng số Nghị sỹ được phân phối theo quy định của pháp luật, mỗi khu vực bầu cử được phân bổ một đại diện tối thiểu ban đầu và phần còn lại được phân phối theo tỷ lệ dân số.

Thượng nghị viện là Viện đại diện theo lãnh thổ. Thượng viện được bầu với nhiệm kỳ 4 năm. Ở mỗi tỉnh, bốn thượng nghị sĩ được bầu bởi cử tri bằng phương pháp bỏ phiếu phổ thông, tự do, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Ở các tỉnh đảo, sẽ có ba thượng nghị sĩ của mỗi đảo chính gồm Gran Canaria, Mallorca và Tenerife, và một thượng nghị sỹ cho mỗi các đảo

hoặc các nhóm đảo sau đây: IbizaFormentera, Menorca, Fuerteventura, Gomera, Hierro, Lanzarote và La Palma.

Các thành phố Ceuta và Melilla sẽ bầu ra hai thượng nghị sĩ của mỗi thành phố. Ngoài ra, các khu tự trị có trách nhiệm chỉ định một thượng nghị sĩ và một Thượng nghị sĩ nữa cho mỗi một triệu cư dân trong vùng lãnh thổ tương ứng của mình.

ii) Cơ quan hành pháp

Đứng đầu cơ quan hành pháp là Thủ tướng. Thủ tướng được Hạ nghị viện bầu chọn trên cơ sở đề nghị của Nhà Vua. Thủ tướng có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động của Chính phủ và phối hợp chức năng của các thành viên khác của Chính phủ, mà không ảnh hưởng đến thẩm quyền và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Các thành viên khác của Chính phủ sẽ do Nhà Vua bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Thủ tướng.

Chính phủ sẽ giải thể sau khi tiến hành tổng tuyển cử, hoặc trong trường hợp không nhận được sự tín nhiệm của Hạ viện theo quy định của Hiến pháp, hoặc trong trường hợp Thủ tướng từ chức hoặc qua đời.

iii) Cơ quan tư pháp

Ở Tây Ban Nha, Đại Hội đồng Tư pháp là cơ quan có vai trò điều hành các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực tư pháp. Đại Hội đồng Tư pháp bao gồm Chánh án Tòa án Tối cao và hai mươi thành viên do Nhà Vua chỉ định theo nhiệm kỳ năm năm, trong đó mười hai người là thẩm phán và quan tòa của tất cả các lĩnh vực tư pháp, bốn người theo đề cử của Hạ viện và bốn người theo đề cử của Thượng viện.

Tòa án Tối cao, có thẩm quyền tài phán trên toàn bộ lãnh thổ Tây Ban Nha, là cơ quan xét xử cao nhất trong bộ máy tư pháp, ngoại trừ đối với các quy định liên quan đến việc bảo vệ hiến pháp. Chánh án Tòa án tối cao được Nhà Vua bổ nhiệm theo đề xuất của Đại Hội đồng tư pháp theo cách thức luật định.

Thẩm phán, quan tòa cũng như các công tố viên, trong khi thực hiện các nhiệm vụ, không được đảm nhận các chức vụ công quyền nào khác và cũng không được tham gia các đảng phái chính trị, liên hiệp.

16. Quá trình lập hiến:

Sau nhiều thế kỷ bị cai trị bởi những vị vua có quyền lực tuyệt đối, vào thế kỷ 19, ở Tây Ban Nha đã có một số bản Hiến pháp được ra đời. Tuy nhiên, tất cả các bản Hiến pháp trong thời gian này đều tồn tại trong thời gian ngắn và không một bản nào nói lên tiếng nói của người dân. Chẳng hạn, vào năm 1808, Hiến pháp Bayonne ra đời nhưng chưa bao giờ có hiệu lực. Sau đó là các bản Hiến pháp năm 1812, 1837, 1845, 1856 1869 và 1873 lần lượt xuất hiện nhưng cũng không đưa lại những thay đổi lớn cho nền chính trị Tây Ban Nha..

Bản Hiến pháp năm 1931 được ban hành đã thiết lập nên nền cộng hòa đệ nhị của Tây Ban Nha. Tuy nhiên, sau đó cuộc nội chiến xuất hiện và

kéo theo những năm dài đen tối dưới chế độ độc tài Franco mà trong suốt thời gian đó không một bản Hiến pháp cũng như quy chế nào được coi là có hiệu lực.

Sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, một cuộc trưng cầu ý dân chính thức đã được tổ chức vào năm 1947, qua đó thiết lập nên chế độ quân chủ cho nhà nước Tây Ban Nha. Tuy nhiên, nhà độc tài Franco vẫn áp đặt quyền lực của mình với vai trò là một nhiếp chính vương và quyền đích thân chỉ định người kế nhiệm. Tới năm 1969, cuối cùng Franco cũng chỉ định Hoàng tử xứ Bourbon Juan Carlos là người đứng đầu Hoàng gia.

Sau cái chết của Franco, vào năm 1978, những người đại diện cho tất cả các đảng chính trị ở Tây Ban Nha đã cùng nhau lập nên một bản Hiến pháp mà hiệu lực của nó vẫn tồn tại đến ngày nay. Để xây dựng nên bản Hiến pháp này, một ủy ban gồm 7 người được lựa chọn từ những nghị sỹ Quốc hội đã được thành lập để xây dựng dự thảo. Những người này được gọi là "cha đẻ của Hiến pháp" Tây Ban Nha bao gồm:

- Gabriel Cisneros;
- José Pedro Pérez-Llorca;
- Miguel Herrero y Rodríguez de Miñón;
- Miquel Roca i Junyent es:Miquel Roca;
- Manuel Fraga Iribarne;
- Gregorio Peces-Barba;
- Jordi Solé Tura.

Dự thảo Hiến pháp đã được đưa ra cuộc trưng cầu ý dân vào ngày 6 tháng 12 năm 1978 và nhận được 87% số lượng phiếu bầu thông qua. Ngày 12 tháng 12 năm 1978, Vua Juan Carlos phê chuẩn Hiến pháp và bản Hiến pháp đã được công bố vào ngày 29 tháng 12 năm 1978. Hiến pháp mới có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 1979 và xác định Tây Ban Nha theo chế độ quân chủ nghị viện và không có tôn giáo chính. Hiến pháp cũng quy định vai trò hạn chế của lực lượng vũ trang và nhà thờ, bãi bỏ án tử hình và mở rộng quyền bầu cử, đồng thời khẳng định rằng tự do, công bằng, bình đẳng và đa nguyên chính trị là những giá trị cốt lõi nhất của nhà nước.

Hiến pháp năm 1978 cũng trao quyền cho các cộng đồng lịch sử để hình thành các vùng tự trị ở Tây Ban Nha. Hiến pháp thừa nhận sự tồn tại của nhiều dân tộc trong một quốc gia Tây Ban Nha thống nhất và không thể chia tách. Các vùng dân tộc đầu tiên được công nhận là "các dân tộc lịch sử" gồm xứ Basque, Catalonia và Galicia.

Việc thông qua Hiến pháp Tây Ban Nha vào năm 1978 đã đem lại cho đất nước và con người Tây Ban Nha niềm vui và sự tiến bộ sau hai thế kỷ dài khó khăn (19 và 20). Tại Tây Ban Nha, ngày 6 tháng 12 là ngày lễ quốc gia, ngày mà toàn bộ người dân Tây Ban Nha kỉ niệm Ngày Hiến pháp.

Chúng tôi, DON JUAN CARLOS Đệ Nhất, Vua của Tây Ban Nha, tuyên bố cho tất cả những ai nhận thức được điều này,

Rằng Nghị viện đã thông qua và nhân dân Tây Ban Nha đã chấp thuận bản Hiến pháp sau:

LỜI MỞ ĐẦU

Với mong muốn thiết lập công lý, tự do, và an ninh, và phấn đấu vì sự thịnh vượng của tất cả các thành viên, Dân tộc Tây Ban Nha, trong việc thực hiện chủ quyền của mình, tuyên bố ý nguyện:

- Đảm bảo cùng chung sống một cách dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp và các đạo luật, phù hợp với một nền kinh tế công bằng và trật tự xã hội.

- Thiết lập vững chắc một nhà nước pháp quyền đảm bảo các nguyên tắc thượng tôn của luật pháp theo nguyện chung của nhân dân.

- Bảo vệ tất cả công dân Tây Ban Nha và mọi người dân trên đất nước Tây Ban Nha trong việc thực thi các quyền con người, theo văn hóa và truyền thống, ngôn ngữ và thể chế của mình.

- Thúc đẩy sự tiến bộ của văn hóa và kinh tế để đảm bảo một cuộc sống có giá trị xứng đáng cho tất cả mọi người.

- Thiết lập một xã hội dân chủ tiên tiến, và

- Chung sức trong việc tăng cường mối quan hệ hòa bình và sự hợp tác hiệu quả giữa mọi dân tộc trên thế giới.

Bởi vậy, Nghị viện đã thông qua và nhân dân Tây Ban Nha đã đồng thuận như sau:

CÁC ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN

Điều 1

(1) Thành lập Vương quốc Tây Ban Nha là một quốc gia xã hội dân chủ, tôn trọng pháp quyền, và xem tự do, công lý, công bằng và đa nguyên chính trị chính là giá trị cao nhất của hệ thống pháp luật của mình.

(2) Chủ quyền quốc gia thuộc về nhân dân Tây Ban Nha, mọi quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nhân dân.

(3) Thể chế chính trị của Nhà nước Tây Ban Nha là Quân chủ Lập hiến.

Điều 2

Hiến pháp này dựa trên sự thống nhất bền vững của Vương quốc Tây Ban Nha, quê hương chung và không thể chia cắt của nhân dân Tây Ban Nha; Hiến pháp ghi nhận và bảo đảm quyền tự trị và sự thống nhất của các dân tộc và các vùng lãnh thổ hợp thành.

Điều 3

(1) Tiếng Catalan là ngôn ngữ Tây Ban Nha chính thức của Nhà nước. Mọi công dân có nghĩa vụ học và có quyền sử dụng nó.

(2) Các ngôn ngữ Tây Ban Nha khác cũng được coi là ngôn ngữ chính thức trong một vùng tự trị theo quy định trong luật của vùng đó.

(3) Sự phong phú của các ngôn ngữ khác nhau của Tây Ban Nha là một di sản văn hóa cần được đặc biệt coi trọng và bảo vệ.

Điều 4

(1) Quốc kì Tây Ban Nha bao gồm ba sọc ngang màu: đỏ, vàng, và đỏ, sọc vàng rộng gấp hai lần mỗi sọc màu đỏ.

(2) Luật pháp ghi nhận các loại cờ và cờ hiệu của các cộng đồng tự trị. Chúng phải được sử dụng cùng với quốc kì Tây Ban Nha tại các tòa nhà công cộng và tại các buổi lễ chính thức của các cộng đồng đó.

Điều5

Thủ đô của Nhà nước Tây Ban Nha là Madrid.

Điều 6

Các đảng phái chính trị là sự biểu hiện của đa nguyên chính trị, đóng góp cho việc hình thành và thể hiện ý chí của nhân dân và là công cụ cần thiết cho sự tham gia chính trị. Sự hình thành và quá trình hoạt động của các đảng là tự do với điều kiện tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Cơ cấu tổ chức nội bộ và hoạt động của các đảng phải đảm bảo dân chủ.

Điều 7

Các công đoàn và hiệp hội giới chủ đóng góp cho công cuộc bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế và các lợi ích xã hội mà họ đại diện. Sự hình hành và quá trình hoạt động của các tổ chức này là tự do với điều kiện tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Cơ cấu tổ chức nội bộ và hoạt động của công đoàn và hiệp hội giới chủ phải đảm bảo dân chủ.

Điều 8

(1) Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang, bao gồm Lục quân, Hải quân và Không quân, là bảo vệ chủ quyền và độc lập của đất nước Tây Ban Nha và bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ và trật tự hiến pháp.

(2) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về cơ cấu tổ chức cơ bản của quân đội phù hợp với các nguyên tắc của Hiến pháp hiện hành.

Điều 9

(1) Công dân và các cơ quan nhà nước chịu sự ràng buộc của Hiến pháp và các quy định pháp luật khác.

(2) Các cơ quan nhà nước có nghĩa vụ thúc đẩy các điều kiện bảo đảm tự do và công bằng của mỗi cá nhân và mỗi tổ chức mà họ là thành

viên một cách thực tế và hiệu quả, có nghĩa vụ loại bỏ các trở ngại ngăn cản hoặc cản trở các quyền mà họ được hưởng, và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân tham gia và đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

(3) Hiến pháp bảo đảm các nguyên tắc pháp lý, tính thứ bậc của các quy định pháp luật, sự công khai của các đạo luật, hiệu lực không hồi tố của các điều khoản chế tài mà không có lợi hoặc hạn chế các quyền cá nhân, đảm bảo nguyên tắc thượng tôn pháp luật được phổ biến, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, sự ngăn cấm các hoạt động chuyên quyền của các cơ quan nhà nước.

PHẦN I:
CÁC QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN

Điều 10

(1) Phẩm giá của mỗi người, các quyền cố hữu không thể xâm phạm, quyền tự do phát triển cá nhân, sự tôn trọng pháp luật và tôn trọng các quyền của người khác là nền tảng của trật tự chính trị và ổn định xã hội.

(2) Các điều khoản liên quan đến các quyền và tự do cơ bản được ghi nhận bởi Hiến pháp phải được hiểu một cách thống nhất với Tuyên bố chung về nhân quyền và các hiệp ước và thỏa ước quốc tế được Vương quốc Tây Ban Nha phê chuẩn.

Chương 1:
CÔNG DÂN TÂY BAN NHA VÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 11

(1) Việc có, giữ, hay mất quốc tịch Tây Ban Nha được thực hiện theo quy định của luật.

(2) Không một ai sinh ra tại Tây Ban Nha có thể bị tước quốc tịch của mình.

(3) Nhà nước có thể đàm phán các hiệp ước về hai quốc tịch với các quốc gia Mỹ-Latinh hoặc với những nước đã có hoặc đang có mối quan hệ đặc biệt với Vương quốc Tây Ban Nha. Ở những nước này, công dân Tây Ban Nha có thể được nhập quốc tịch mà không bị tước quốc tịch gốc, kể cả khi những nước đó không cho phép công dân của nước mình có quyền tương tự ngược lại.

Điều 12

Công dân Tây Ban Nha có đầy đủ năng lực pháp lý khi đủ 18 tuổi.

Điều13

(1) Người nước ngoài ở Tây Ban Nha được hưởng các quyền tự do công cộng được đảm bảo bằng các quy định của Phần này của Hiến pháp, theo các điều khoản đặt ra bởi các điều ước quốc tế và các đạo luật.

(2) Chỉ công dân Tây Ban Nha được hưởng các quyền được ghi nhận tại Điều 23, ngoại trừ các trường hợp có các quy định khác trong các hiệp ước hoặc luật liên quan tới quyền bầu cử và ứng cử ở các cuộc bầu cử địa phương, và điều này phải tuân theo nguyên tắc có đi có lại[17].

(3) Việc dẫn độ chỉ được phép khi tuân theo một hiệp ước hoặc theo luật, trên cơ sở có đi có lại. Việc dẫn độ sẽ không được áp dụng đối với các tội phạm chính trị; các hoạt động khủng bố không được xem là tội phạm chính trị.

[17]. Theo quy định tại lần sửa đổi Hiến pháp được thông qua vào ngày 27/08/1992, đoạn "và ứng cử" được bổ sung vào điều khoản gốc.

(4) Luật sẽ quy định việc có thể cho phép công dân từ các nước khác hoặc người không quốc tịch có quyền tị nạn ở Tây Ban Nha.

Chương 2:
CÁC QUYỀN VÀ TỰ DO

Điều 14

Công dân Tây Ban Nha bình đẳng trước pháp luật và không bị phân biệt đối xử dưới bất cứ hình thức nào về nguồn gốc ra đời, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, chính kiến hoặc bất cứ điều kiện hay hoàn cảnh cá nhân cũng như xã hội nào khác.

Mục 1:
Các quyền cơ bản và các quyền tự do công cộng

Điều 15

Mọi người đều có quyền sống và quyền được bảo vệ toàn vẹn về thể chất và tinh thần, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không phải chịu sự tra tấn, các hình phạt hay các hình thức đối xử vô nhân đạo hoặc hạ cấp. Hình phạt tử hình bị bãi bỏ theo Hiến pháp này, ngoại trừ trường hợp áp dụng bởi luật về các tội phạm quân sự trong chiến tranh.

Điều 16

(1) Quyền tự do tư tưởng, tôn giáo và thờ cúng của các cá nhân và các cộng đồng được bảo đảm mà không bị một hạn chế nào khác về hình thức thể hiện trừ khi cần thiết phải duy trì trật tự công cộng theo quy định của luật.

(2) Không người nào bị bắt buộc phải bày tỏ tư tưởng, tôn giáo hoặc đức tin của mình.

(3) Không tôn giáo nào có tính chất quốc gia. Các cơ quan nhà nước xem xét các đức tin tôn giáo của xã hội Tây Ban Nha và sau đó duy trì mối quan hệ hợp tác phù hợp với nhà thờ Thiên chúa giáo và các tổ chức tôn giáo khác.

Điều 17

(1) Mỗi người đều có quyền tự do và quyền được đảm bảo an ninh. Không ai có thể bị tước quyền tự do của mình ngoại trừ các trường hợp theo quy định tại điều này và trong các trường hợp và trong các cách thức luật định.

(2) Biện pháp bắt giữ phòng ngừa không được kéo dài hơn thời gian cần thiết để tiến hành các cuộc điều tra nhằm mục đích xác định các chứng cứ; trong bất cứ trường hợp nào người bị bắt cũng phải được thả tự do hoặc được giao cho các cơ quan tư pháp trong vòng tối đa là 72 giờ.

(3) Người bị bắt phải được thông báo ngay lập tức theo cách thức dễ hiểu đối với họ về quyền của mình và về lí do bắt giữ, và không bị ép buộc phải lên tiếng. Người bị bắt giữ được bảo đảm có sự hỗ trợ của luật sư

trong suốt quy trình tiến hành thủ tục điều tra và tư pháp theo các điều kiện do luật định.

(4) Thủ tục đình quyền giam giữ phải tuân theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm việc chuyển giao ngay lập tức theo thẩm quyền tư pháp người bị giam giữ bất hợp pháp. Đồng thời, thời gian tối đa của hình phạt tù tạm thời sẽ do luật định.

Điều 18

(1) Quyền danh dự, quyền riêng tư cá nhân và gia đình và quyền đối với hình ảnh bản thân được bảo đảm.

(2) Nhà ở là bất khả xâm phạm. Việc xâm nhập hay lục soát không được phép tiến hành mà không có sự đồng ý của chủ nhà hoặc một lệnh khám xét hợp pháp, trừ trường hợp bắt quả tang.

(3) Quyền bí mật thông tin được đảm bảo, cụ thể là đối với thư báo, liên lạc điện tín và điện thoại, trừ trường hợp có lệnh của tòa án.

(4) Luật pháp hạn chế việc tiếp cận dữ liệu để đảm bảo danh dự và bảo mật cá nhân và gia đình của công dân và việc thực thi đầy đủ quyền của họ.

Điều 19

Công dân Tây Ban Nha có quyền tự do lựa chọn nơi cư trú, và tự do đi lại trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Công dân có quyền tự do nhập hoặc xuất cảnh Tây Ban Nha tuân theo những điều kiện luật định. Quyền này không bị hạn chế bởi các lý do chính trị hoặc tư tưởng.

Điều 20

(1) Những quyền sau đây được ghi nhận và bảo vệ:

a) Quyền tự do bày tỏ và phổ biến các suy nghĩ, tư tưởng và y kiến qua ngôn từ, theo dạng viết hoặc theo bất kì phương pháp mô phỏng nào khác.

b) Quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật và khoa học và kỹ thuật.

c) Quyền được tự do học thuật;

d) Quyền được tự do thông tin hoặc nhận thông tin trung thực bằng bất cứ phương tiện tuyên truyền nào. Luật sẽ quy định về việc tuân theo các điều khoản tôn trọng lương tâm và bảo đảm bí mật nghề nghiệp khi thực hiện các quyền tự do này.

(2) Việc thực hiện các quyền này không bị hạn chế bởi bất cứ hình thức kiểm duyệt trước nào.

(3) Luật sẽ quy định việc tổ chức và kiểm soát của nghị viện đối với các phương tiện truyền thông đại chúng thuộc sự quản lý của Nhà nước hoặc của bất kỳ cơ quan nhà nước nào và đảm bảo quyền tiếp cận các phương tiện đó của các tổ chức chính trị và xã hội quan trọng trên cơ sở tôn

trọng sự đa dạng xã hội và đa dạng ngôn ngữ của Vương quốc Tây Ban Nha.

(4) Các quyền tự do này bị giới hạn bởi các quyền được ghi nhận ở Chương này cùng các điều khoản luật hướng dẫn thi hành, và nhất là các quyền bảo toàn danh dự, quyền riêng tư, quyền đối với hình ảnh cá nhân và việc bảo vệ thanh thiếu niên và trẻ nhỏ.

(5) Việc tịch biên các ấn phẩm, các bản ghi âm và các hình thức thông tin khác chỉ được thực hiện theo lệnh của tòa án.

Điều 21

(1) Công dân được trao quyền hội họp hòa bình không vũ trang. Việc thực hiện quyền này không đòi hỏi phải có sự cho phép trước.

(2) Trong trường hợp hội họp tại các địa điểm công cộng hoặc tiến hành biểu tình, cần phải thông báo trước cho các cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan này chỉ được phép cấm hội họp hoặc biểu tình khi có bằng chứng vững chắc về việc sẽ diễn ra việc vi phạm trật tự xã hội, gây nguy hiểm cho người hoặc tài sản.

Điều 22

(1) Quyền lập hội được công nhận.

(2) Những hiệp hội theo đuổi các mục đích hoặc sử dụng các phương tiện được luật quy định là phạm pháp thì bị coi là bất hợp pháp.

(3) Các hiệp hội được thành lập theo quy định tại điều này phải được đăng ký nhằm mục đích duy nhất là để công chúng được biết.

(4) Các hiệp hội chỉ có thể bị giải thể hoặc bị ngừng hoạt động theo lệnh của tòa án trong đó có nói rõ lí do.

(5) Các hội kín và bán quân sự bị nghiêm cấm.

Điều 23

(1) Công dân có quyền tham gia vào quá trình quyết định các vấn đề chung một cách trực tiếp hoặc thông qua các đại biểu được bầu cử tự do trong các cuộc bầu cử theo nhiệm kì được thực hiện bởi phương pháp phổ thông đầu phiếu.

(2) Công dân có quyền nắm giữ các vị trí hoặc các chức vụ công một cách bình đẳng theo các yêu cầu do luật định.

Điều 24

(1) Mọi người có quyền nhận được sự bảo vệ hữu hiệu từ các thẩm phán và các tòa án trong việc thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bào chữa là không thể thiếu trong mọi trường hợp.

(2) Tất cả mọi người đều có quyền được xét xử thông thường theo các quy định do luật định trước; được quyền bào chữa và có sự hỗ trợ của luật sư; quyền được thông báo về những cáo buộc đối với mình; quyền

được xét xử công khai, không chậm trễ với mọi sự bảo đảm; được quyền sử dụng chứng cứ phù hợp để bào chữa; quyền không phải nói ra những tuyên bố tự buộc tội; quyền không phải tự nhận mình có tội; và có quyền được xem là vô tội.

Luật quy định cụ thể các trường hợp, vì lý do mối quan hệ gia đình hoặc bí mật nghề nghiệp, không bắt buộc phải khai báo về các hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Điều 25

(1) Không ai có thể bị kết án hoặc xử phạt khi những hành vi hoặc sai sót của mình không cấu thành tội phạm hình sự, các tội nhẹ hoặc vi phạm hành chính theo các quy định pháp luật có hiệu lực vào thời điểm đó.

(2) Hình phạt tù và các biện pháp an ninh được áp dụng nhằm mục đích cải tạo và phục hồi nhân phẩm nhưng không được bao hàm việc lao động cưỡng bức. Trong thời gian chấp hành hình phạt, người bị kết án tù được hưởng các quyền cơ bản có trong Chương này ngoại trừ những người bị hạn chế rõ ràng bởi nội dung của bản án hoặc theo mục đích của hình phạt và luật cải tạo. Trong bất kỳ trường hợp nào, họ có quyền được trả lương và được quyền hưởng những lợi ích an sinh xã hội thích hợp, cũng như được quyền tiếp cận với cơ hội văn hóa và phát triển tổng thể của cá nhân mình.

(3) Các cơ quan hành chính dân sự không được áp đặt các hình phạt có hàm chứa sự ngăn cản tự do một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Điều 26

Hình thức toà án danh dự bị nghiêm cấm trong khuôn khổ của cơ quan hành chính dân sự và các tổ chức nghề nghiệp.

Điều 27

(1) Mọi người đều có quyền được giáo dục. Tự do giảng dạy được công nhận.

(2) Giáo dục phải nhằm phát triển đầy đủ nhân cách con người với sự tôn trọng đúng mực các nguyên tắc cùng chung sống dân chủ và vì các quyền và tự do cơ bản .

(3) Cơ quan nhà nước bảo vệ quyền của cha mẹ để đảm bảo rằng con cái của họ được định hướng tôn giáo và đạo đức phù hợp với niềm tin của họ.

(4) Giáo dục tiểu học là bắt buộc và miễn phí.

(5) Cơ quan nhà nước đảm bảo quyền được giáo dục của tất cả mọi người thông qua các chương trình giáo dục phổ thông với sự tham gia hiệu quả của tất cả các thành phần xã hội có liên quan và thông qua việc thành lập các trung tâm giáo dục.

(6) Quyền của cá nhân và các pháp nhân trong việc thành lập các trung tâm giáo dục được công nhận với điều kiện phải tôn trọng các nguyên tắc hiến định.

(7) Các giáo viên, phụ huynh và các học sinh trong những trường hợp thích hợp, được tham gia vào việc kiểm soát và quản lý tất cả các trung tâm được cơ quan hành chính nhà nước hỗ trợ bằng công quỹ theo các quy định của luật.

(8) Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kiểm tra và tiêu chuẩn hóa hệ thống giáo dục để đảm bảo phù hợp với các quy định của luật.

(9) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ các trung tâm giáo dục để đáp ứng các yêu cầu do luật định.

(10) Quyền tự chủ của các trường Đại học được công nhận theo quy định của luật.

Điều 28

(1) Tất cả mọi người đều có quyền tự do tham gia công đoàn. Luật có thể hạn chế hoặc loại trừ việc thực thi quyền này trong các Lực lượng vũ trang, các thiết chế hoặc các cơ quan khác thuộc diện phải áp dụng kỷ luật của quân đội; luật có thể đặt ra các điều kiện đặc biệt đối với việc thực thi quyền này của các công chức. Quyền tự do công đoàn bao gồm quyền thành lập các tổ chức công đoàn và gia nhập các tổ chức công đoàn theo sự tự lựa chọn của mỗi người, cũng như quyền của tổ chức công đoàn để thành lập các liên minh, thành lập các tổ chức công đoàn quốc tế, hoặc để trở thành thành viên của liên minh đó. Không ai bị bắt buộc phải tham gia công đoàn.

(2) Quyền đình công của người lao động để bảo vệ lợi ích của mình được công nhận. Luật điều chỉnh việc thực hiện quyền này phải quy định các biện pháp bảo vệ cần thiết để đảm bảo việc duy trì các dịch vụ công cộng thiết yếu.

Điều 29

(1) Tất cả người dân Tây Ban Nha có quyền kiến nghị cá nhân và kiến nghị tập thể, bằng văn bản, theo phương thức phù hợp với quy định của luật.

(2) Các thành viên của lực lượng vũ trang hoặc các thiết chế, các cơ quan thuộc diện phải áp dụng kỷ luật của quân đội chỉ được phép thực thi quyền này một cách đơn lẻ và theo các quy định pháp luật liên quan đến họ.

Mục 2:
Quyền và nghĩa vụ của công dân

Điều 30

(1) Công dân có quyền và nghĩa vụ bảo vệ Vương quốc Tây Ban Nha.

(2) Luật sẽ quy định về nghĩa vụ quân sự của công dân Tây Ban Nha và quy định việc từ chối nhập ngũ cũng như các căn cứ khác cho việc miễn trừ nghĩa vụ quân sự bắt buộc cùng với những sự đảm bảo phù hợp; trong điều kiện thích hợp, luật cũng có thể quy định việc thực hiện nghĩa vụ phục vụ cộng đồng thay thế cho nghĩa vụ quân sự.

(3) Nghĩa vụ của công dân có thể được thiết lập để phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu vì lợi ích chung.

(4) Các nghĩa vụ của công dân trong trường hợp xảy ra các rủi ro nghiêm trọng, thảm họa thiên tai hoặc tai họa chung do luật định.

Điều 31

(1) Mọi người đều phải đóng góp để duy trì chi tiêu công theo khả năng kinh tế của mình thông qua một hệ thống thuế công bằng dựa trên nguyên tắc thuế bình đẳng và lũy tiến và không được áp dụng trưng thu dưới bất kỳ hình thức nào.

(2) Việc chi tiêu công phải đảm bảo phân bổ công bằng các nguồn lực công; việc lập kế hoạch và thực hiện chi tiêu công phải được thực hiện theo tiêu chuẩn hiệu quả và tiết kiệm.

(3) Việc đóng góp công sức hay tài sản cho mục đích công cộng chỉ có thể được áp đặt theo quy định của luật.

Điều 32

(1) Nam, nữ có quyền kết hôn với sự bình đẳng đầy đủ về mặt pháp luật.

(2) Luật sẽ quy định các hình thức kết hôn, độ tuổi và năng lực để kết hôn, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng, căn cứ để li thân, li hôn cũng như các hậu quả pháp lý của chúng.

Điều 33

(1) Quyền sở hữu tư nhân và thừa kế được công nhận.

(2) Nội dung của các quyền này bị giới hạn bởi chức năng xã hội của chúng theo các quy định của luật.

(3) Không ai bị tước đoạt tài sản và các quyền của mình, ngoại trừ trường hợp có các lý do hợp lý vì lợi ích xã hội hoặc phục vụ cho cộng đồng trên cơ sở có sự đền bù thỏa đáng và theo các quy định của luật.

Điều 34

(1) Quyền thiết lập các quỹ với mục tiêu vì lợi ích chung được ghi nhận theo quy định của luật.

(2) Các quy định của Khoản 2 và 4 của Điều 22 cũng được áp dụng tương tự đối với thành lập các quỹ.

Điều 35

(1) Tất cả công dân Tây Ban Nha có quyền làm việc và nghĩa vụ làm việc, có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp hoặc ngành nghề, có quyền thăng tiến thông qua công việc, và quyền được trả thù lao thỏa đáng đủ để đáp ứng nhu cầu của mình và những người trong gia đình. Trong mọi trường hợp, họ không thể bị phân biệt đối xử dựa trên giới tính của họ.

(2) Luật sẽ điều chỉnh về Quy chế của Người lao động.

Điều 36

Luật sẽ quy định các đặc điểm riêng về địa vị pháp lý của các Hiệp hội Nghề nghiệp và việc áp dụng các cấp độ nghề nghiệp. Các Hiệp hội Nghề nghiệp phải đảm bảo có cơ cấu nội bộ và hoạt động một cách dân chủ.

Điều 37

(1) Luật phải bảo đảm quyền được thỏa ước lao động tập thể giữa người lao động và đại diện người sử dụng lao động, cũng như phải quy định các biện pháp bảo đảm việc thực hiện các thỏa ước.

(2) Quyền của người lao động và người sử dụng lao động trong việc sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp lao động tập thể được công nhận. Luật quy định việc thực hiện quyền này phải bao gồm những biện pháp cần thiết để đảm bảo hoạt động của các dịch vụ công cộng thiết yếu mà không ảnh hưởng đến những hạn chế mà nó có thể áp đặt.

Điều 38

Quyền tự do kinh doanh được công nhận trong khuôn khổ của nền kinh tế thị trường. Cơ quan nhà nước bảo đảm và hỗ trợ sự vận hành của nền kinh tế thị trường và gìn giữ năng suất phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế nói chung và theo nhu cầu của việc quy hoạch kinh tế trong trường hợp cần thiết.

Chương 3:
CÁC NGUYÊN TẮC CHI PHỐI CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Điều 39

(1) Cơ quan nhà nước bảo đảm sự bảo hộ đối với gia đình trên các mặt xã hội, kinh tế và pháp lý.

(2) Cơ quan nhà nước bảo đảm sự bảo hộ đầy đủ đối với trẻ em theo đó tất cả trẻ em đều bình đẳng trước pháp luật, bất kể huyết thống của chúng; bảo hộ đầy đủ đối với các bà mẹ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ. Luật sẽ quy định về khả năng xác định quan hệ cha con.

(3) Cha mẹ phải chăm sóc con cái của mình trên mọi phương diện cho tới tuổi trưởng thành và trong những trường hợp khác theo luật định mà không có sự phân biệt là con ngoài giá thú hay trong giá thú.

(4) Trẻ em được hưởng sự bảo vệ theo quy định trong các hiệp định quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em.

Điều 40

(1) Các cơ quan nhà nước phải thúc đẩy các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và xã hội và cho sự phân phối công bằng hơn về thu nhập giữa các khu vực và các cá nhân trong một khuôn khổ chính sách kinh tế ổn định. Các cơ quan nhà nước phải chú trọng thực hiện chính sách nhằm tạo công ăn việc làm đầy đủ.

(2) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy chính sách bảo đảm đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn, nghiệp vụ; đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động; đảm bảo đầy đủ nhu cầu nghỉ ngơi bằng việc hạn chế thời gian làm việc, các ngày nghỉ định kỳ được trả lương và phát triển các trung tâm xúc tiến phù hợp.

Điều 41

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm duy trì một hệ thống an sinh xã hội công cộng cho tất cả các công dân nhằm đảm bảo sự trợ giúp xã hội đầy đủ và các lợi ích thích hợp trong các tình huống khó khăn, đặc biệt là trong trường hợp thất nghiệp. Việc nhận sự hỗ trợ bổ sung hay các lợi ích phụ thuộc vào sự lựa chọn của người dân.

Điều 42

Nhà nước phải đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ các quyền kinh tế và xã hội của người lao động Tây Ban Nha ở nước ngoài, và có trách nhiệm xây dựng chính sách hướng tới sự trở về của họ.

Điều 43

(1) Quyền bảo vệ sức khỏe được công nhận.

(2) Các cơ quan nhà nước có phận sự tổ chức và theo dõi sức khỏe cộng đồng bằng các biện pháp phòng ngừa và bằng những lợi ích và dịch vụ cần thiết. Luật sẽ quy định về các quyền và nghĩa vụ của tất cả các chủ thể có liên quan trong lĩnh vực này.

(3) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy giáo dục sức khỏe, giáo dục thể chất và thể thao. Các cơ quan nhà nước phải có biện pháp khuyến khích việc sử dụng thời gian giải trí phù hợp.

Điều 44

(1) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy và theo dõi quyền tiếp cận văn hóa mà tất cả công dân đều được hưởng.

(2) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy tiến bộ khoa học và nghiên cứu khoa học và kỹ thuật vì lợi ích chung của cộng đồng.

Điều 45

(1) Mọi người đều có quyền được hưởng một môi trường thích hợp cho sự phát triển cá nhân, cũng như có nghĩa vụ bảo vệ nó.

(2) Các cơ quan nhà nước phải giám sát việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng cuộc sống, bảo tồn và phục hồi môi trường trên cơ sở có sự đoàn kết cộng đồng cần thiết.

(3) Những người vi phạm quy định tại Khoản (2) nói trên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định của luật và có nghĩa vụ bồi thường những thiệt hại đã gây ra.

Điều 46

Các cơ quan nhà nước phải đảm bảo việc bảo tồn và thúc đẩy việc làm phong phú các di sản lịch sử, văn hóa và nghệ thuật của người dân Tây Ban Nha và các tài sản kèm theo bất kể tình trạng pháp lý của các di sản này và chúng thuộc quyền sở hữu của ai. Luật hình sự sẽ trừng phạt bất kỳ hành vi phạm tội nào đối với các di sản này.

Điều 47

Mọi công dân Tây Ban Nha có quyền được hưởng nhà ở đầy đủ và tiện nghi. Các cơ quan nhà nước phải thúc đẩy các điều kiện cần thiết và thiết lập các tiêu chuẩn thích hợp để thực hiện quyền này một cách có hiệu quả, điều chỉnh việc sử dụng đất phù hợp với lợi ích chung để chống đầu cơ.

Cộng đồng được chia sẻ lợi ích phát sinh từ chính sách quy hoạch đô thị của các cơ quan nhà nước.

Điều 48

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thúc đẩy các điều kiện thuận lợi cho việc tham gia tự do và hiệu quả của thanh niên trong quá trình phát triển chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa.

Điều 49

Cơ quan nhà nước phải thực hiện chính sách chăm sóc dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và khả năng hòa nhập của người khuyết tật, tàn tật về thể chất, giác quan và tâm thần bằng cách cung cấp một chế độ chăm sóc đặc biệt theo yêu cầu, và cung cấp sự bảo vệ đặc biệt đối với những người này trong việc thụ hưởng các quyền được trao theo quy định tại Phần này đối với mọi công dân.

Điều 50

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm một mức thu nhập phù hợp cho các công dân ở độ tuổi già thông qua chế độ lương hưu đầy đủ và theo định kỳ. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm nâng cao phúc lợi

thông qua một hệ thống dịch vụ xã hội để giải quyết các vấn đề cụ thể của người già về y tế, văn hóa, nhà ở và giải trí nhưng không làm ảnh hưởng đến các nghĩa vụ của gia đình.

Điều 51

(1) Các cơ quan nhà nước phải bảo đảm việc bảo vệ người tiêu dùng và người sử dụng và có trách nhiệm bảo đảm an toàn, sức khỏe và những lợi ích kinh tế hợp pháp của họ bằng các biện pháp hiệu quả.

(2) Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm đẩy mạnh thông tin và giáo dục cho người tiêu dùng và người sử dụng, khuyến khích việc thành lập các tổ chức của người tiêu dùng và người sử dụng, tiếp thu y kiến của các tổ chức đó về những vấn đề ảnh hưởng đến các thành viên theo các quy định của luật.

(3) Trong khuôn khổ quy định của các khoản trên đây, luật sẽ quy định thương mại nội địa và hệ thống cấp phép các sản phẩm thương mại.

Điều 52

Luật sẽ quy định về các tổ chức nghề nghiệp có mục đích bảo vệ lợi ích kinh tế của chính mình. Cơ cấu nội bộ và hoạt động của các tổ chức này phải đảm bảo dân chủ.

Chương 4:
BẢO ĐẢM CÁC QUYỀN CƠ BẢN VÀ TỰ DO

Điều 53

(1) Các quyền cơ bản và tự do được ghi nhận tại Chương 2 của Phần này có giá trị bắt buộc đối với mọi cơ quan nhà nước. Việc thực hiện các quyền và tự do này chỉ có thể bị điều chỉnh bởi các đạo luật mà trong mọi trường hợp phải tôn trọng nội dung thiết yếu của các quyền và tự do và phải tuân theo các nguyên tắc bảo đảm theo quy định tại điểm a, khoản (1), Điều 161 của Hiến pháp này.

(2) Bất kỳ công dân nào cũng có thể khởi kiện để bảo vệ các quyền và tự do được ghi nhận tại Điều 14 và Mục 1 của Chương 2 bằng thủ tục ưu tiên và rút gọn trước tòa án thông thường và bằng cách nộp đơn khiếu nại cá nhân tới Tòa án Hiến pháp khi thích hợp. Thủ tục nộp đơn lên Tòa án Hiến pháp có thể được áp dụng đối với việc từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự như đã được ghi nhận tại Điều 30.

(3) Hoạt động lập pháp, thực hiện quyền tư pháp và các hoạt động khác của các cơ quan nhà nước phải tuân theo tinh thần của việc ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ các nguyên tắc được ghi nhận tại Chương 3. Việc ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ các quyền chỉ có thể được viện dẫn trước các tòa án thông thường cùng với các quy định pháp luật để thi hành chúng.

Điều 54

Một đạo luật cơ bản[18] sẽ quy định về việc thiết lập chức vụ Người bảo vệ nhân dân với tư cách là cao ủy viên của Nghị viện, được Nghị viện bổ nhiệm để bảo vệ các quyền ghi nhận trong phần này. Thực hiện mục đích này, cao ủy viên có thể giám sát hoạt động của bộ máy hành chính và báo cáo với Nghị viện.

Chương 5:
TẠM ĐÌNH CHỈ CÁC QUYỀN VÀ TỰ DO

Điều 55

(1) Các quyền được quy định tại các Điều 17; các khoản 2 và 3 của Điều 18; Điều 19; điểm a) và d) khoản 1, khoản 5 của Điều 20; Điều 21; khoản 2 Điều 28 và khoản 2 Điều 37, có thể bị đình chỉ khi có tình trạng khẩn cấp hoặc thiết quân luật được tuyên bố theo các điều khoản quy định trong Hiến pháp. Khoản 3 của Điều 17 được loại trừ khỏi các quy định nói trên trong trường hợp tuyên bố tình trạng khẩn cấp.

(2) Một đạo luật cơ bản sẽ xác định phương thức và các hoàn cảnh qua đó các quyền được quy định tại khoản 2, Điều 17, khoản 2 và 3 Điều 18 bị đình chỉ đối với những cá nhân cụ thể có liên quan tới các cuộc điều tra về hoạt động của các băng nhóm vũ trang hoặc nhóm khủng bố. Trong các trường hợp này cần thiết phải có sự tham gia của Tòa án và sự giám sát phù hợp của Quốc hội đối với từng vụ việc cụ thể.

Việc lạm dụng hoặc thực thi không có cơ sở các quyền hạn được quy định trong đạo luật cơ bản nói trên sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự như hành vi vi phạm các quyền và tự do được các đạo luật ghi nhận.

[18]. Đạo luật cơ bản ở Tây Ban Nha được xác định có vị trí pháp lý trung gian nằm giữa Hiến pháp và các đạo luật thông thường (Chú thích của người dịch).

PHẦN II:
HOÀNG GIA

Điều 56

(1) Vua là người đứng đầu Nhà nước, là biểu tượng của sự thống nhất và vĩnh cửu của đất nước. Vua phân xử và điều hòa chức năng chung của các tổ chức, được coi là đại diện cao nhất của Nhà nước Tây Ban Nha trong các quan hệ quốc tế, đặc biệt là với các quốc gia thuộc cộng đồng lịch sử của Tây Ban Nha, và thực hiện các chức năng được Hiến pháp và pháp luật minh định cho mình.

(2) Tước hiệu của Nhà vua là Vua của Vương quốc Tây Ban Nha. Nhà vua cũng có thể sử dụng các tước hiệu khác thích hợp với Hoàng Gia.

(3) Nhà vua là bất khả xâm phạm về thân thể và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào. Các sắc lệnh của Vua phải luôn được tiếp ký theo phương thức được quy định tại Điều 64. Nếu không có sự tiếp ký như vậy, các sắc lệnh này sẽ không có giá trị, trừ những trường hợp được quy định tại Khoản 2, Điều 65.

Điều 57

(1) Hoàng gia Tây Ban Nha sẽ được thế tập bởi những người kế vị Đức Vua Juan Carlos de Borbón Đệ nhất - là người thừa kế hợp pháp của triều đại trong lịch sử. Việc kế vị ngai vàng phải được thực hiện theo thứ tự chung theo nguyên tắc thế tập và đại diện, các dòng đầu tiên luôn luôn được ưu tiên hơn các dòng tiếp theo, trong cùng một dòng, thế hệ cận huyết hơn được ưu tiên hơn, trong cùng một thế hệ, nam được ưu tiên hơn với nữ, và trong cùng một giới thì người cao tuổi ưu tiên hơn so với trẻ tuổi.

(2) Thái tử, từ khi sinh ra hoặc từ thời điểm được tuyên bố là thái tử, sẽ giữ tước hiệu Hoàng tử xứ Asturias và các tước hiệu khác theo truyền thống được nắm giữ bởi người kế vị ngai vàng của Hoàng Gia Tây Ban Nha.

(3) Nếu tất cả các dòng được chỉ định theo quy định của pháp luật đều không còn người kế vị, Nghị viện sẽ đề nghị người kế thừa Hoàng gia theo cách thức phù hợp nhất với lợi ích của Vương quốc Tây Ban Nha.

(4) Những người có quyền thừa kế ngai vàng mà kết hôn trái với những trường hợp bị cấm đoán rõ ràng của Nhà vua và Nghị viện, sẽ bị tước quyền kế vị, con cháu của họ cũng sẽ như vậy.

(5) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về việc thoái vị, về sự từ bỏ và về bất cứ vấn đề nào phát sinh trên thực tế hoặc trong pháp luật có thể liên quan tới quyền kế vị ngai vàng.

Điều 58

Hoàng hậu hoặc phu quân của Nữ hoàng không được thực hiện bất kỳ chức năng nào được quy định trong Hiến pháp trừ những trường hợp phù hợp với các quy định về chế độ nhiếp chính.

Điều 59

(1) Trong trường hợp Nhà vua chưa đạt độ tuổi quy định, cha hoặc mẹ của Nhà vua hoặc trong trường hợp không có hai người này thì sẽ là người họ hàng lớn tuổi nhất về độ tuổi pháp lý và gần gũi nhất trong việc kế vị ngai vàng theo thứ tự được thiết lập trong Hiến pháp, sẽ ngay lập tức được chỉ định chức vụ Nhiếp chính trong suốt thời gian Nhà vua còn đang ở độ tuổi vị thành niên.

(2) Nếu Nhà vua trở nên không thích hợp cho việc thực hiện quyền lực của mình và việc không đủ năng lực này được Nghị viện công nhận, thì Thái tử, nếu đủ độ tuổi quy định, sẽ ngay lập tức được chỉ định chức vụ Nhiếp chính. Nếu không đủ độ tuổi quy định, các thủ tục nêu trong khoản trên được áp dụng cho đến khi Thái tử đủ độ tuổi quy định.

(3) Nếu không có người đủ điều kiện để trao quyền nhiếp chính, Nghị viện chịu trách nhiệm lựa chọn người nhiếp chính và chế độ nhiếp chính sẽ được thực hiện bởi một, ba hoặc năm người.

(4) Người được trao quyền nhiếp chính phải là công dân Tây Ban Nha và phải đủ tuổi theo luật định.

(5) Chức vụ Nhiếp chính sẽ được thực hiện theo sự uỷ nhiệm của Hiến pháp, và luôn luôn thay mặt cho Nhà vua.

Điều 60

(1) Người giám hộ của Nhà vua trong giai đoạn vị thành niên là người được chỉ định trong di chúc của Nhà vua tiền nhiệm với điều kiện là người đó phải đủ tuổi theo quy định và là người có quốc tịch Tây Ban Nha theo nơi sinh. Nếu người giám hộ chưa được chỉ định, cha hoặc mẹ của Nhà vua sẽ trở thành người giám hộ, miễn là họ vẫn còn góa bụa. Trong trường hợp vắng cả cha lẫn mẹ, Nghị viện sẽ chỉ định người giám hộ, nhưng một người không thể đồng thời giữ chức vụ Nhiếp chính và người giám hộ, trừ trường hợp là đó là cha, mẹ, hoặc là tiền bối trực hệ của Nhà vua.

(2) Người thực hiện giám hộ cho Nhà vua cũng không thích hợp với việc đảm nhiệm bất kỳ chức vụ hay đại diện chính trị nào khác.

Điều 61

(1) Khi được công bố kế nhiệm trước Nghị viện, Nhà vua phải tuyên thệ trung thành với việc thực hiện sứ mệnh của mình, tuân thủ và đảm bảo Hiến pháp và các đạo luật được tuân thủ, đồng thời phải tôn trọng các quyền của công dân và các cộng đồng tự trị.

(2) Thái tử, khi đến tuổi trưởng thành, và các quan Nhiếp chính, khi nhậm chức, cũng phải tuyên thệ tương tự như trên cũng như phải tuyên thệ trung thành với Nhà vua.

Điều 62

Bổn phận của Nhà vua bao gồm:

a) Phê chuẩn và công bố các đạo luật.

b) Triệu tập, giải tán Nghị viện và kêu gọi bầu cử theo các điều khoản quy định trong Hiến pháp.

c) Kêu gọi trưng cầu ý dân theo các trường hợp được quy định trong Hiến pháp.

d) Đề xuất ứng cử viên Thủ tướng Chính phủ; chỉ định hoặc bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ trong các trường hợp có thể theo quy định trong Hiến pháp.

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên của Chính phủ theo đề xuất của Thủ tướng.

f) Ban hành các sắc lệnh đã được Hội đồng Bộ trưởng thông qua, trao các chức vụ dân sự và quân sự, các danh hiệu danh dự và các giải thưởng phù hợp với quy định của luật.

g) Được thông báo về các công việc của Nhà nước và phù hợp với mục đích này, chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng theo yêu cầu của Thủ tướng vào bất cứ khi nào mà Nhà vua thấy phù hợp.

h) Thực hiện quyền chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang.

i) Thực hiện các quyền về chính sách khoan hồng theo quy định của luật nhưng không được quyền ân xá chung.

j) Thực hiện việc Bảo trợ Cấp cao của Viện Hàn lâm Hoàng gia.

Điều 63

(1) Nhà vua thực hiện quyền cử các đại sứ và các đại diện ngoại giao khác. Đại diện của nước ngoài tại Tây Ban Nha phải được Nhà vua tiếp nhận.

(2) Nhà vua có bổn phận bày tỏ sự tán thành của Nhà nước đối với các cam kết quốc tế thông qua các điều ước quốc tế, phù hợp với Hiến pháp và các đạo luật.

(3) Nhà vua có bổn phận tuyên bố chiến tranh và hòa bình theo sự uỷ quyền của Nghị viện,.

Điều 64

(1) Các sắc lệnh của Nhà vua phải được Thủ tướng tiếp ký và trong những trường hợp thích hợp phải được các Bộ trưởng có thẩm quyền tiếp ký. Việc đề cử, bổ nhiệm Thủ tướng và bãi nhiệm theo quy định tại Điều 99 phải được Chủ tịch Hạ viện tiếp ký.

(2) Những người tiếp ký sắc lệnh của Nhà vua phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 65

(1) Nhà vua được nhận một khoản kinh phí từ ngân sách nhà nước cho cuộc sống gia đình và hoàng tộc của mình và được tự do sử dụng khoản kinh phí này.

(2) Nhà vua được quyền tự do bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên dân sự và quân sự cho Hoàng tộc của mình.

PHẦN III:
NGHỊ VIỆN
Chương 1:
CÁC VIỆN CỦA NGHỊ VIỆN

Điều 66

(1) Nghị viện đại diện cho người dân Tây Ban Nha và bao gồm Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

(2) Nghị viện thực hiện các quyền lập pháp của Nhà nước, thông qua Ngân sách nhà nước, giám sát hoạt động của Chính phủ và thực hiện các chức năng khác theo quy định của Hiến pháp.

(3) Nghị viện là bất khả xâm phạm.

Điều 67

(1) Không ai có thể là đồng thời là thành viên của cả hai viện, hoặc đồng thời là thành viên của Hội đồng của một khu tự trị và của Hạ nghị viện.

(2) Các nghị sỹ của Nghị viện không bị ràng buộc bởi bất kỳ hình thức ủy quyền theo lệnh nào.

(3) Các phiên họp của các thành viên Nghị viện được tổ chức không chính thức theo cách thức luật định, thì không bắt buộc đối với các Viện, và các nghị sỹ không được thực hiện chức năng của mình cũng như không được hưởng các đặc quyền.

Điều 68

(1) Hạ viện bao gồm tối thiểu là 300 và tối đa là 400 nghị sỹ,được bầu theo nguyên tắc phổ thông, tự do, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín theo các điều khoản do luật định.

(2) Các khu vực bầu cử được tổ chức theo cấp tỉnh. Các thành phố Ceuta và Melilla sẽ có một Nghị sỹ đại diện cho mỗi thành phố. Tổng số Nghị sỹ được phân bổ theo quy định của luật, mỗi khu vực bầu cử trước hết được phân bổ một số lượng đại biểu tối thiểu và phần còn lại được phân bổ theo tỷ lệ dân số.

(3) Cuộc bầu cử ở mỗi khu vực bầu cử được thực hiện trên cơ sở đại diện tỷ lệ.

(4) Hạ viện được bầu với nhiệm kỳ bốn năm. Nhiệm kì của các Hạ nghị sỹ sẽ kết thúc sau bốn năm kể từ ngày bầu cử hoặc vào ngày mà Hạ viện bị giải tán.

5) Tất cả công dân Tây Ban Nha có đầy đủ năng lực thực hiện các quyền chính trị đều có quyền bỏ phiếu và có thể được bầu. Luật phải công nhận và Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Tây Ban Nha đang ở bên ngoài lãnh thổ Tây Ban Nha thực hiện quyền bỏ phiếu của mình.

(6) Cuộc bầu cử nhiệm kỳ tiếp theo phải được diễn ra trong vòng từ ba mươi tới sáu mươi ngày sau khi nhiệm kì trước kết thúc. Hạ viện được bầu tại cuộc bầu cử đó phải được triệu tập trong vòng 25 ngày sau khi tổ chức bầu cử.

Điều 69

(1) Thượng viện là viện đại diện theo lãnh thổ.

(2) Ở mỗi tỉnh, các cử tri ở tỉnh đó sẽ bầu ra bốn thượng nghị sĩ bằng phương pháp bỏ phiếu phổ thông, tự do, bình đẳng, trực tiếp và kín, theo các quy định của một đạo luật cơ bản.

(3) Ở các tỉnh hải đảo, mỗi hòn đảo hoặc quần đảo có Hội đồng Cabildo[19] hoặc Hội đồng đảo là một khu vực bầu cử để bầu các Thượng nghị sĩ; các đảo chính là Gran Canaria, Mallorca và Tenerife mỗi đảo được bầu ba thượng nghị sĩ; các đảo hoặc các quần đảo IbizaFormentera, Menorca, Fuerteventura, Gomera, Hierro, Lanzarote và La Palma mỗi nơi được bầu một Thượng nghị sĩ.

(4) Các thành phố Ceuta và Melilla mỗi thành phố được bầu hai thượng nghị sĩ.

(5) Các cộng đồng tự trị ngoài việc được chỉ định một thượng nghị sĩ còn được có thêm một Thượng nghị sĩ nữa cho mỗi một triệu cư dân trong vùng lãnh thổ tương ứng của mình. Việc chỉ định Thượng nghị sĩ thuộc thẩm quyền của Hội đồng lập pháp, hoặc trong trường hợp không có hội đồng, sẽ thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý cao nhất của khu tự trị theo quy định của Quy chế riêng của mình nhưng trong bất cứ trường hợp nào cơ quan quản lý này cũng phải đảm bảo tính đại diện đầy đủ theo tỷ lệ thích hợp.

(6) Thượng viện được bầu với nhiệm kỳ bốn năm. Nhiệm kỳ của các Thượng nghị sĩ kết thúc sau bốn năm kể từ ngày bầu cử hoặc vào ngày mà Thượng viện bị giải tán.

(Lệnh thường trực Thượng viện, điều 1, 18, 46 và điều khoản bổ sung đầu tiên)

Điều 70

(1) Đạo Luật Bầu cử sẽ quy định về những trường hợp không đủ điều kiện và không phù hợp để giữ vị trí là Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ, bao gồm ít nhất là các trường hợp sau đây:

a) Là thành viên của Tòa án Hiến pháp.

b) Là nhân viên cao cấp của Cơ quan hành chính Nhà nước theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các thành viên của Chính phủ.

c) Giữ chức vụ là Người bảo vệ nhân dân.

d) Đang là quan tòa, thẩm phán và Công tố viên.

---

[19]. Hội đồng Cabildo là hình thức hội đồng hành chính đô thị có lịch sử từ thời thực dân ở Tây Ban Nha (Chú thích của người dịch).

e) Đang là các quân nhân chuyên nghiệp, các thành viên của lực lượng An ninh, lực lượng Cảnh sát và Quân Đoàn.

f) Thành viên của các Hội đồng Bầu cử.

(2) Giá trị của giấy chứng nhận cho bầu cử và hồ sơ của các thành viên mỗi Viện phải chịu sự kiểm soát tư pháp theo các điều khoản được đặt ra trong Đạo luật Bầu cử.

Điều 71

(1) Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ được quyền tự do phát biểu ý kiến trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

(2) Đang trong thời gian nhiệm kỳ, các Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ không bị bắt giam trừ trường hợp bị bắt quả tang. Họ có thể không bị truy tố hoặc bị xét xử mà không được phép trước của Viện mà mình là thành viên.

(3) Việc thực hiện thủ tục tố tụng hình sự chống lại các Hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ thuộc thẩm quyền của Tòa hình sự, Tòa án tối cao.

(4) Các Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ được nhận tiền lương theo quyết định của Viện tương ứng.

Điều 72

(1) Các Viện xây dựng Nội quy của mình, tự thông qua ngân sách hoạt động, và quy định về Quy chế Nhân sự của Nghị viện theo thỏa ước chung. Nội quy và các lần sửa đổi phải được bỏ phiếu thông qua toàn văn theo tỷ lệ đa số tuyệt đối.

(2) Các Viện bầu ra Chủ tịch tương ứng của mình và các thành viên khác của các Ủy ban. Phiên họp chung giữa hai viện do Chủ tịch của Hạ nghị viện chủ tọa và được tiến hành theo Nội quy Nghị viện do đa số tuyệt đố thành viên của mỗi Viện cùng nhất trí thông qua.

(3) Chủ tịch của mỗi Viện thay mặt cho Viện thi hành quyền quản lý hành chính và các biện pháp kỷ luật trong phạm vi của Viện mình.

Điều 73

(1) Hàng năm các Viện họp hai phiên họp thường lệ: phiên đầu tiên từ Tháng Chín tới Tháng Mười Hai, và phiên thứ hai từ Táng Hai đến Tháng Sáu.

(2) Các Viện có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chính phủ, của Ban Thường trực hoặc của đa số tuyệt đối các thành viên của một trong hai Viện. Các phiên họp bất thường phải được triệu tập với một chương trình nghị sự cụ thể và kết thúc khi vấn đề đã được xử lý.

Điều 74

(1) Hai Viện sẽ tiến hành các phiên họp chung để thực hiện các quyền không thuộc chức năng lập pháp theo các quy định của Nghị viện tại Phần II.

(2) Các quyết định của Nghị viện theo quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 94, khoản 2 Điều 145 và khoản 2 Điều 158 phải đa số thành viên ở mỗi Viện thông qua. Trong trường hợp đầu tiên, thủ tục sẽ được bắt đầu ở Hạ nghị viện, và trong hai trường hợp còn lại sẽ được bắt đầu bởi Thượng nghị viện. Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu không đạt được thỏa thuận giữa Thượng viện và Hạ viện, một Ủy ban hỗn hợp có thành viên gồm một số lượng tương đương các Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ sẽ được thành lập để tìm ra giải pháp chung. Uỷ ban sẽ đệ trình một dự thảo để cả hai Viện biểu quyết. Nếu dự thảo này không được chấp thuận theo cách thức đã được thiết lập, quyết định của đa số tuyệt đối thành viên Hạ nghị viện là quyết định cuối cùng.

Điều 75

(1) Các Viện triệu tập các phiên họp toàn thể và phiên họp của các Uỷ ban.

(2) Các Viện có thể ủy quyền cho Ủy ban thường trực về lập pháp thông qua các dự thảo luật của Chính phủ hoặc không phải của Chính phủ. Tuy nhiên, vào bất kỳ thời gian nào, phiên họp toàn thể có thể yêu cầu đưa ra tranh luận và biểu quyết tại chính phiên họp toàn thể bất kỳ dự luật nào do Chính phủ hoặc không phải Chính phủ trình mà đã được ủy quyền cho các ủy ban.

(3) Các dự luật về cải cách hiến pháp, các vấn đề quốc tế, các đạo luật cơ bản và đạo luật tổ chức, dự thảo Ngân sách ngoại lệ không được áp dụng hình thức ủy quyền theo quy định tại khoản trên.

Điều 76

(1) Hạ viện, Thượng viện và trong trường hợp cần thiết là cả hai Viện cùng phối hợp, có thể thành lập ủy ban điều tra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến lợi ích công cộng. Kết luận của ủy ban điều tra không có hiệu lực bắt buộc tại tòa án, cũng như không ảnh hưởng đến các quyết định tư pháp, nhưng kết quả điều tra có thể được chuyển đến Viện công tố để tiến hành các hoạt động thích hợp khi cần thiết.

(2) Việc có mặt tại các Viện khi được triệu tập là bắt buộc. Luật sẽ quy định hình phạt đối với hành vi không tuân thủ nghĩa vụ này.

Điều 77

(1) Kiến nghị của cá nhân và tập thể có thể được gửi đến các Viện nhưng phải dưới dạng văn bản; việc kiến nghị trực tiếp từ các cuộc biểu tình không được chấp nhận.

(2) Các Viện có thể chuyển các kiến nghị đó cho Chính phủ. Khi các Viện có yêu cầu, Chính phủ có trách nhiệm đưa ra bản giải trình liên quan đến nội dung của các kiến nghị.

Điều 78

(1) Mỗi Viện có một Ban thường trực bao gồm tối thiểu là 21 thành viên đại diện cho các nhóm đảng theo tỷ lệ số lượng.

(2) Ban thường trực của mỗi viện do Chủ tịch của Viện đó chủ trì. Ban thường trực có các chức năng được quy định tại Điều 73, thực hiện quyền của Viện tương ứng theo quy định tại Điều 86 và Điều 116 và trong trường hợp Viện bị giải tán hoặc khi kết thúc nhiệm kỳ, và thực hiện các quyền hạn của Viện trong thời gian giữa các kỳ họp.

(3) Khi kết thúc nhiệm kỳ hoặc trong trường hợp Viện bị giải tán, Ban thường trực có trách nhiệm tiếp tục thực thi các chức năng của mình cho đến khi thành lập Nghị viện mới.

(4) Khi một Viện có liên quan họp, Ban thường trực có trách nhiệm báo cáo về các vấn đề đã xử lý và các quyết định của mình.

Điều 79

(1) Các quyết định của Viện chỉ được thông qua tại các phiên họp chính thức theo luật định với sự có mặt của đa số các thành viên.

(2) Để được thông qua, các quyết định phải được sự chấp thuận của đa số các thành viên có mặt, trừ các trường hợp yêu cầu phải có sự chấp thuận của các đa số đặc biệt theo quy định của Hiến pháp hoặc các đạo luật cơ bản và những quy định được đặt ra theo Nội quy của mỗi Viện đối với các cuộc bầu cử nhân sự.

(3) Việc biểu quyết của Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ mang tính cá nhân và không được ủy quyền.

Điều 80

Phiên họp toàn thể của các Viện phải công khai, trừ khi có quyết định khác bởi mỗi Viện được đa số tuyệt đối thành viên thông qua hoặc trong các trường hợp được quy định trong Nội quy của mỗi Viện.

Chương 2:
SOẠN THẢO DỰ LUẬT

Điều 81

(1) Các đạo luật cơ bản là những đạo luật liên quan đến việc thực thi các quyền và tự do cơ bản, những đạo luật thông qua các Quy chế tự trị và hệ thống bầu cử phổ thông và những đạo luật khác theo quy định của Hiến pháp.

(2) Việc thông qua, sửa đổi, hoặc bãi bỏ các đạo luật cơ bản đòi hỏi phải được đa số tuyệt đối các Hạ nghị sỹ thông qua trong một cuộc bỏ phiếu cuối cùng về tổng thể dự luật.

Điều 82

(1) Nghị viện có thể ủy quyền cho Chính phủ ban hành các quy định có hiệu lực như một đạo luật của Nghị viện về các vấn đề cụ thể nhưng không bao gồm các nội dung được quy định ở điều trên.

(2) Việc ủy quyền lập pháp phải được quy định trong một đạo luật về các nguyên tắc cơ bản khi có mục đích là để soạn thảo mới văn bản theo từng điều khoản hoặc bằng một đạo luật thường khi có mục đích là để hợp nhất một số văn bản pháp luật thành một văn bản.

(3) Việc ủy quyền lập pháp phải được trao cho Chính phủ với việc chỉ rõ các vấn đề cụ thể cần quy định và giới hạn thời gian cố định cho việc thực thi. Việc ủy quyền kết thúc khi Chính phủ đã sử dụng quyền đó thông qua việc công bố các văn bản tương ứng. Không chấp nhận các trường hợp ủy quyền ngầm định hoặc ủy quyền trong một thời hạn không xác định. Cũng không được tái ủy quyền cho các cơ quan nào khác ngoài Chính phủ tự mình ủy quyền.

(4) Đạo luật về các nguyên tắc cơ bản xác định cụ thể mục đích và phạm vi của việc ủy quyền lập pháp, cũng như các nguyên tắc và tiêu chuẩn phải tuân theo trong khi thực thi việc ủy quyền này.

(5) Việc ủy quyền để hợp nhất các văn bản pháp lý phải xác định phạm vi lập pháp ấn định trong việc ủy quyền, quy định cụ thể việc ủy quyền được giới hạn là chỉ soạn thảo một văn bản duy nhất hoặc liệu có bao gồm việc quy định, làm rõ và hài hòa các đạo luật được hợp nhất.

(6) Các đạo luật về ủy quyền quy định các cơ chế kiểm soát bổ sung trong từng trường hợp nhưng không làm ảnh hưởng đến thẩm quyền của Toà án.

Điều 83

Các đạo luật về các nguyên tắc cơ bản không được quy định về các trường hợp sau:

a) Ủy quyền sửa đổi chính đạo luật đó.

b) Trao quyền ban hành các quy định mang tính hồi tố.

Điều 84

Trong trường hợp có một dự luật không do Chính phủ đệ trình hoặc một đề xuất sửa đổi trái với văn bản được ủy quyền lập pháp đang có hiệu lực, thì Chính phủ có thể đề xuất phản đối tiến trình này. Lúc đó, một dự luật không do Chính phủ đệ trình có thể kiến nghị bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần của văn bản luật được ủy quyền lập pháp.

Điều 85

Các quy định của Chính phủ bao gồm các quy định ủy quyền lập pháp phải có tiêu đề là "Nghị định Lập pháp".

Điều 86

(1) Trong trường yêu cầu đột xuất và cấp bách, Chính phủ có thể ban hành các điều khoản lập pháp tạm thời mang hình thức pháp lệnh nhưng không được ảnh hưởng đến hệ thống quy định pháp luật về các thiết chế nhà nước cơ bản, các quyền và tự do, nghĩa vụ của công dân được quy định tại Phần 1, hệ thống của các cộng đồng tự trị, hoặc pháp luật về bầu cử phổ thông.

(2) Pháp lệnh ngay tức thì phải được trình Hạ nghị viện để thảo luận và biểu quyết tại phiên họp toàn thể được triệu tập cho mục đích xem xét đạo luật này trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày pháp lệnh được ban hành nếu trong thời gian ngoài kỳ họp chính thức. Hạ viện phải đưa ra một quyết định cụ thể về việc phê chuẩn hoặc bãi bỏ pháp lệnh trong thời hạn nói trên. Để thực hiện công việc này, Nội quy của Hạ viện phải quy định một thủ tục rút gọn đặc biệt.

(3) Trong thời gian được đề cập tại khoản trên, Nghị viện có thể xem xét các pháp lệnh trên như các dự luật do Chính phủ đệ trình theo thủ tục khẩn cấp.

Điều 87

(1) Quyền đệ trình dự án luật thuộc về Chính phủ, Hạ viện và Thượng viện phù hợp với quy định của Hiến pháp và Nội quy của các Viện.

(2) Hội đồng các cộng đồng tự trị có thể yêu cầu Chính phủ thông qua một dự thảo hoặc có thể chuyển một dự luật không do Chính phủ đệ trình tới Ban điều hành Hạ viện và đề cử tối đa là ba thành viên Hội đồng để bảo vệ dự luật.

(3) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về cách thức và yêu cầu đối với các sáng kiến phổ thông đệ trình các dự luật không từ phía Chính phủ. Trong bất kỳ trường hợp nào, các sáng kiến này đều phải có ít nhất 500.000 chữ ký đã được chứng thực. Các sáng kiến lập pháp này không được đề cập đến các vấn đề thuộc các đạo luật cơ bản, thuế, ngoại giao hoặc các đặc quyền ân xá.

Điều 88

Dự thảo luật của Chính phủ phải được Hội đồng Bộ trưởng thông qua và sau đó được Chính phủ trình lên Hạ viện kèm theo bản giải trình chỉ rõ sự cần thiết và các số liệu để đi đến quyết định.

Điều 89

(1) Việc xem xét dự thảo không do Chính phủ trình sẽ do Nội quy của các Viện quy định theo hướng việc ưu tiên xem xét các dựa án luật Chính phú nhưng không cản trở việc thực hiện quyền đề xuất dự án luật theo quy định tại Điều 87.

(2) Dự thảo luật không do Chính phủ đệ trình theo quy định tại Điều 87 được Thượng viện xem xét sẽ được chuyển đến cho Hạ viện xem xét.

Điều 90

(1) Khi một dự thảo luật thông thường hoặc một đạo luật cơ bản đã được Hạ nghị viện thông qua, Chủ tịch Hạ nghị viện có trách nhiệm thông báo tới Chủ tịch Thượng nghị viện để Chủ tịch Thượng nghị viện có trách nhiệm trình Thượng nghị viện xem xét.

(2) Trong thời hạn hai tháng sau khi nhận được văn bản, Thượng viện có thể, bằng một thông báo nêu rõ lý do, thông qua việc phủ quyết dự luật hoặc thông qua dự luật với các sửa đổi, bổ sung. Việc phủ quyết dự luật phải được đa số tuyệt đối thành viên của Thượng viện thông qua. Dự luật sẽ không được trình lên cho Nhà Vua để phê chuẩn trong trường hợp dự luật bị Thượng viện phủ quyết trừ khi Hạ viện đã phê chuẩn dự thảo ban đầu của mình với một đa số phiếu tuyệt đối; hoặc trong trường hợp hai tháng đã kết thúc và Hạ viện đã thông qua dự án luật ban đầu của mình với một đa số phiếu thông thường; hoặc Hạ viện đã đạt được quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận các đề nghị sửa đổi của Thượng viện bằng một đa số phiếu thông thường.

(3) Thời hạn hai tháng mà Thượng viện có quyền phủ quyết hoặc sửa đổi một dự luật sẽ giảm xuống còn hai mươi ngày đối với các dự thảo luật được Chính phủ hoặc Hạ nghị viện tuyên bố là khẩn cấp.

Điều 91

Trong thời gian mười lăm ngày, Nhà Vua sẽ đưa ra quyết định phê chuẩn dự án luật của Nghị viên và phải lập tức ban hành cũng như ra lệnh công bố dự luật.

Điều 92

(1) Các quyết định chính trị đặc biệt quan trọng có thể được đưa ra trưng cầu ý dân để tham khảo ý kiến nhân dân.

(2) Việc trưng cầu ý dân do Nhà vua tuyên bố theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ sau khi đã nhận được sự ủy quyền trước đó của Hạ nghị viện.

(3) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về nội dung và cách thức tiến hành các hình thức tổ chức trưng cầu ý dân khác nhau theo quy định trong Hiến pháp này.

Chương 3:
CÁC HIỆP ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 93

Việc trao quyền kí kết các điều ước quốc tế có thể được thực hiện thông qua các quy định của một đạo luật cơ bản qua đó quyền hạn xuất phát từ Hiến pháp sẽ được chuyển giao cho một tổ chức hoặc một thiết chế

quốc tế. Trong từng trường hợp cụ thể, Nghị viện hoặc Chính phủ có trách nhiệm đảm bảo việc tuân thủ các điều ước và các nghị quyết của các tổ chức hoặc thiết chế quốc tế đã nhận được sự chuyển giao quyền lực đó.

Điều 94

(1) Phải có sự chấp thuận trước của Nghị viện thì Nhà nước mới được chấp thuận tham gia vào các cam kết thông qua các điều ước hoặc thoả thuận quốc tế trong các trường hợp sau đây:

a) Những điều ước quốc tế có tính chất chính trị.

b) Các điều ước hoặc thoả thuận có tính chất quân sự.

c) Các điều ước hoặc thỏa thuận ảnh hưởng đến sự toàn vẹn lãnh thổ của Nhà nước hoặc quyền và nghĩa vụ cơ bản được quy định tại Phần 1.

d) Các điều ước hoặc thỏa thuận hàm chứa nghĩa vụ tài chính cho Ngân khố quốc gia.

e) Các điều ước hoặc thoả thuận liên quan đến sửa đổi hoặc bãi bỏ một số đạo luật hoặc yêu cầu phải thông qua các biện pháp lập pháp để thực hiện chúng.

(2) Việc kí kết bất kỳ điều ước hoặc thoả thuận quốc tế khác đều phải được thông báo ngay lập tức tới Hạ nghị viện và Thượng nghị viện.

Điều 95

(1) Việc ký kết điều ước quốc tế có các quy định trái với Hiến pháp chỉ được thực hiện sau khi hiến pháp được sửa đổi thích hợp.

(2) Chính phủ hoặc một trong hai Viện có thể yêu cầu Tòa án Hiến pháp ra tuyên bố về sự tồn tại của các điểm trái với Hiến pháp đó.

Điều 96

(1) Điều ước quốc tế đã được kí kết, một khi được chính thức công bố tại Tây Ban Nha, sẽ là một phần của hệ thống pháp luật trong nước. Các điều khoản của chúng chỉ có thể bị bãi bỏ, sửa đổi hoặc đình chỉ thực hiện theo cách thức quy định bởi chính các điều ước đó hoặc theo các nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế.

(2) Việc bãi bỏ các điều ước và các thỏa thuận quốc tế sẽ được thực hiện theo thủ tục được quy định tại Điều 94 về việc tham gia vào các điều ước và các thỏa thuận quốc tế.

PHẦN IV:
CHÍNH PHỦ VÀ BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Điều 97

Chính phủ thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại, quản lý dân sự và quân sự và bảo vệ Nhà nước. Chính phủ thực hiện quyền hành pháp và các quyền lực theo các quy định pháp luật phù hợp với Hiến pháp và các đạo luật.

Điều 98

(1) Chính phủ bao gồm Thủ tướng, các Phó thủ tướng khi thích hợp, các Bộ trưởng và các thành viên khác theo quy định của luật.

(2) Thủ tướng có trách nhiệm chỉ đạo hoạt động của Chính phủ và phối hợp chức năng của các thành viên khác trong Chính phủ mà không ảnh hưởng đến thẩm quyền và trách nhiệm trực tiếp của những người này trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình.

(3) Các thành viên của Chính phủ không được thực hiện chức năng đại diện nào khác ngoài những chức năng xuất phát từ vị trí là thành viên nghị viện của mình, cũng như không được thực hiện bất kỳ chức năng công cộng khác không xuất phát từ nhiệm vụ của họ, cũng như không được tham gia vào bất kỳ hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại nào khác.

(4) Luật sẽ quy định về địa vị và những trường hợp mất tư cách thành viên của các thành viên Chính phủ.

Điều 99

(1) Sau mỗi kỳ bầu cử Hạ nghị viện và trong các trường hợp khác quy định theo Hiến pháp, Nhà vua sẽ đề cử một ứng cử viên cho vị trí Thủ tướng Chính phủ sau khi tham khảo ý kiến của các đại diện được chỉ định bởi các nhóm chính trị có ghế tại Nghị viện và ý kiến của Chủ tịch Hạ viện.

(2) Ứng cử viên được đề cử theo quy định của khoản trên sẽ trình Hạ viện chương trình chính trị của Chính phủ do mình chuẩn bị và sẽ được Hạ viện xem xét tín nhiệm.

(3) Nếu Hạ nghị viện chấp thuận ứng cử viên đã nêu bằng cách bỏ phiếu tín nhiệm với một đa số phiếu tuyệt đối, thì Nhà vua sẽ bổ nhiệm người đó làm Thủ tướng. Nếu không đạt tỉ lệ tín nhiệm đa số tuyệt đối, một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm mới sẽ được tổ chức sau cuộc bỏ phiếu lần đầu 48 giờ và ứng cử viên sẽ được xem là nhận được sự tín nhiệm của Hạ viện nếu nhận được sự ủng hộ của một đa số phiếu thông thường của thành viên Hạ viện.

(4) Nếu sau cuộc bỏ phiếu này, ứng cử viên vẫn không nhận được sự tín nhiệm cần thiết của Hạ viện, một đề cử tiếp theo sẽ được thực hiện theo cách thức được quy định trong các khoản trên đây.

(5) Nếu trong vòng hai tháng kể từ cuộc bỏ phiếu tín nhiệm đầu tiên mà không có ứng cử viên nhận được sự chấp thuận của Hạ viện, Nhà vua

sẽ ra lệnh giải tán cả hai Viện và kêu gọi cuộc bầu cử mới với sự tiếp ký của Chủ tịch Hạ nghị viện.

Điều 100

Nhà Vua bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên khác của Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng.

Điều 101

(1) Chính phủ sẽ giải tán sau khi tổ chức tổng tuyển cử, hoặc khi bị Hạ viện bỏ phiếu bất tín nhiệm theo quy định tại Hiến pháp, hoặc trong trường hợp Thủ tướng từ chức hoặc qua đời.

(2) Chính phủ sắp mãn nhiệm sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Chính phủ mới nhậm chức.

Điều 102

(1) Trong trường hợp phạm tội, Thủ tướng và các thành viên khác của Chính phủ phải chịu trách nhiệm hình sự trước Tòa Hình sự của Tòa án tối cao.

(2) Nếu là tội phản quốc hay bất kỳ hành vi phạm tội chống lại an ninh quốc gia nào khác vi phạm trong thời gian thực thi nhiệm vụ, thì những người này chỉ bị truy tố khi có kiến nghị của một phần tư số Hạ nghị sĩ và kiến nghị đó phải được một đa số tuyệt đối các thành viên của Hạ viện thông qua.

(3) Các đặc quyền được hưởng ân xá của Hoàng gia không áp dụng cho bất kỳ trường hợp nào theo quy định tại điều này.

Điều 103

(1) Cơ quan hành chính công có trách nhiệm phục vụ lợi ích chung theo tinh thần khách quan và phải hành động theo nguyên tắc hiệu quả, phân cấp, phân quyền, phân bổ và phối hợp, và phải hoàn toàn tuân thủ pháp luật.

(2) Các cơ quan hành chính Nhà nước được thiết lập, chỉ đạo và phối hợp theo các quy định của luật.

(3) Địa vị pháp lý của công chức, việc tuyển dụng vào khu vực dịch vụ công trên cơ sở các nguyên tắc xem xét năng lực và tính xứng đáng, các đặc thù đối với việc thực hiện quyền tham gia công đoàn, các trường hợp không đủ năng lực công tác và các bảo đảm về tính công bằng trong việc thực thi nhiệm vụ sẽ do luật định.

Điều 104

(1) Các Lực lượng an ninh và cảnh sát dưới quyền của Chính phủ có nhiệm vụ bảo vệ sự tự do thực hiện các quyền và tự do của công dân, đảm bảo sự an toàn cho các công dân.

(2) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định cụ thể nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của hoạt động và quy chế của các Lực lượng an ninh và cảnh sát.

Điều 105

Luật sẽ quy định:

a) Việc lắng nghe ý kiến của công dân trong quá trình xây dựng các quy định hành chính ảnh hưởng đến họ một cách trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức và các hiệp hội được pháp luật công nhận.

b) Việc công dân được phép tiếp cận các dữ liệu và các hồ sơ hành chính, ngoại trừ trường hợp chúng có thể liên quan đến an ninh quốc phòng của đất nước, việc điều tra tội phạm và sự riêng tư của các cá nhân.

c) Các thủ tục tiến hành các hoạt động hành chính với các biện pháp bảo đảm phù hợp để lắng nghe các bên có lợi ích liên quan khi thích hợp.

Điều 106

(1) Toà án giám sát quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tính hợp pháp của các hành vi hành chính cũng như sự phù hợp của các hành vi hành chính đối với các mục tiêu mà nó hướng tới.

(2) Theo quy định của luật, các cá nhân được bồi thường cho bất kỳ tổn hại nào liên quan đến tài sản và các quyền của mình do hoạt động của cơ quan công quyền đưa lại, ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng.

Điều 107

Hội đồng Nhà nước là cơ quan tư vấn tối cao của Chính phủ. Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về thành viên và các điều khoản tham chiếu của Hội đồng.

PHẦN V:
MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ VIỆN

Điều 108

Chính phủ liên đới chịu trách nhiệm trước Hạ viện cho việc thực hiện hoạt động chính trị của mình.

Điều 109

Các Viện và các Ủy ban, thông qua Chủ tịch tương ứng của mình, có thể yêu cầu bất kỳ loại thông tin và sự trợ giúp nào mà họ có thể cần từ Chính phủ và các Bộ và từ bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Nhà nước và các cộng đồng tự trị.

Điều 110

(1) Các Viện và các Ủy ban của mình có thể triệu tập các thành viên của Chính phủ.

(2) Các thành viên của Chính phủ có quyền tham dự các phiên họp của hai Viện và các Ủy ban, được tham gia phát biểu tại các phiên họp đó và có thể yêu cầu các công chức của các Bộ báo cáo trước các phiên họp đó.

Điều 111

(1) Chính phủ và các thành viên của mình phải trả lời các câu hỏi chất vấn tại các Viện. Nội quy của các Viện sẽ quy định về khoảng thời gian tối thiểu hàng tuần dành cho hình thức này.

(2) Việc chất vấn có thể làm phát sinh một bản kiến nghị mà trong đó các Viện nói lên quan điểm của mình.

Điều 112

Thủ tướng Chính phủ, sau khi thảo luận với Hội đồng Bộ trưởng, có thể yêu cầu Hạ viện bỏ phiếu tín nhiệm để ủng hộ chương trình hoặc một tuyên bố chính sách chung của mình. Chính phủ được xem là nhận được sự tín nhiệm nếu được đa số phiếu thông thường của các Hạ nghị sĩ ủng hộ.

Điều 113

(1) Hạ viện có thể đặt ra trách nhiệm chính trị của Chính phủ bằng việc thông qua một bản kiến nghị khiển trách theo một đa số tuyệt đối các Hạ nghị sĩ.

(2) Bản kiến nghị khiển trách phải được ít nhất một phần mười tổng số các Hạ nghị sĩ đề xuất và đề xuất này phải chỉ rõ ứng cử viên cho chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

(3) Việc biểu quyết về kiến nghị khiển trách chỉ có thể được diễn ra sau thời hạn năm ngày kể từ khi nó được đệ trình. Trong hai ngày đầu tiên của thời hạn này, bản kiến nghị thay thế có thể được đệ trình.

(4) Nếu bản kiến nghị khiển trách không được Hạ viện thông qua, những người đã đứng tên ký bản kiến nghị đó không được trình một bản khác cho đến khi kỳ họp hiện thời kết thúc.

Điều 114

(1) Nếu Hạ nghị viện bất tín nhiệm Chính phủ, Chính phủ phải nộp đơn từ chức tới Nhà Vua, và sau đó thủ tục đề cử Thủ tướng Chính phủ mới sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 99.

(2) Nếu Hạ viện thông qua một bản kiến nghị khiển trách, Chính phủ sẽ phải gửi đơn từ chức của mình tới nhà Vua. Ứng cử viên được đề xuất trong bản kiến nghị được coi là đã nhận được sự tín nhiệm của Hạ viện với mục đích được nêu tại Điều 99. Nhà vua sẽ bổ nhiệm người đó làm Thủ tướng Chính phủ.

Điều 115

(1) Thủ tướng Chính phủ, sau khi thảo luận với Hội đồng Bộ trưởng và với trách nhiệm cá nhân của mình, có thể đề xuất giải tán Hạ viện, Thượng viện hoặc Nghị viện. Đề nghị này sẽ được Nhà vua công bố. Sắc lệnh tuyên bố giải tán này cũng đồng thời phải ấn định một thời điểm cho cuộc bầu cử mới.

(2) Việc đề xuất giải tán không được chấp thuận khi một bản kiến nghị khiển trách đang chờ được giải quyết.

(3) Trong thời hạn một năm kể từ khi có một đề xuất giải tán, không được phép có các đề xuất giải tán khác, trừ trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 99.

Điều 116

(1) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về tình trạng khẩn cấp, báo động và thiết quân luật cùng các quyền hạn và hạn chế đi kèm theo chúng.

(2) Tình trạng báo động do Chính phủ công bố bằng một sắc lệnh do Hội đồng Bộ trưởng thông qua và được áp dụng trong thời gian tối đa là mười lăm ngày. Hạ viện sẽ được thông báo và phải nhóm họp ngay lập tức, và nếu không có sự cho phép của Hạ viện thì thời hạn nói trên không thể được gia hạn. Sắc lệnh công bố trình trạng báo động phải quy định cụ thể vùng lãnh thổ mà việc tuyên bố được áp dụng.

(3) Tình trạng khẩn cấp do Chính phủ công bố bằng một sắc lệnh do Hội đồng Bộ trưởng thông qua và phải có sự chấp thuận trước của Hạ nghị viện. Việc chấp thuận và công bố tình trạng khẩn cấp phải nêu cụ thể những tác động của nó, không gian mà nó được áp dụng và thời gian áp dụng không được vượt quá ba mươi ngày. Thời gian áp dụng có thể được phép gia hạn tiếp trong vòng ba mươi ngày theo đúng yêu cầu về thủ tục như trên.

(4) Tình trạng thiết quân luật do Hạ nghị viện công bố dựa trên đề xuất của Chính phủ và phải được đa số phiếu tuyệt đối các Hạ nghị sỹ

thông qua. Hạ viện sẽ quyết định mở rộng phạm vi, thời hạn áp dụng và các điều khoản áp dụng.

(5) Hạ viện không thể bị giải tán khi có một tình trạng được đề cập đến tại Điều này đang được áp dụng, và nếu các Viện đang trong thời gian giữa các kỳ họp thì các Viện phải được tự động triệu tập. Chức năng của các Viện cũng như của các cơ quan nhà nước hiến định khác, không thể bị gián đoạn khi bất kỳ một tình trạng nào kể trên đang được áp dụng.

Trong trường hợp Hạ viện đã bị giải thể hoặc nhiệm kì của nó đã kết thúc, nếu có một tình huống phát sinh dẫn đến việc phải áp dụng một trong các tình trạng kể trên, thì quyền hạn của Hạ viện sẽ do Ban thường trực của Hạ viện thực hiện.

(6) Tuyên bố tình trạng khẩn cấp, báo động và thiết quân luật không ảnh hưởng đến các nguyên tắc về tính chịu trách nhiệm của Chính phủ hoặc các cơ quan của Chính phủ như đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật.

PHẦN VI:
QUYỀN TƯ PHÁP

Điều 117

(1) Công lý bắt nguồn từ nhân dân và được thực thi nhân danh Nhà vua bởi các thẩm phán và các quan tòa thuộc nhánh quyền lực tư pháp với vị trí độc lập, có nhiệm kỳ cố định, chịu trách nhiệm trực tiếp đối với hành vi của mình, và chỉ tuân theo pháp luật.

(2) Các thẩm phán và quan tòa chỉ có thể bị miễn nhiệm, đình chỉ, chuyển công tác hoặc nghỉ hưu trên cơ sở và tuân theo các biện pháp bảo vệ luật định.

(3) Việc thực thi thẩm quyền tư pháp trong bất kỳ loại hình hoạt động nào, cả trong việc phán quyết và thực thi bản án, được trao độc quyền cho các tòa án theo luật định, phù hợp với các quy tắc về thẩm quyền và thủ tục có thể được thiết lập trong đó .

(4) Thẩm phán và các tòa án không được thực hiện bất cứ quyền hạn nào khác ngoài những quyền được chỉ ra trong các khoản trên và những quyền luật định dành cho thẩm phán và các tòa án một cách rõ ràng như là một sự bảo đảm để thực hiện các quyền hạn.

(5) Nguyên tắc thống nhất quyền tài phán là nền tảng của việc tổ chức và hoạt động của các tòa án. Luật phải quy định việc thực hiện thẩm quyền tài phán quân sự một cách chặt chẽ trong phạm vi quân đội và trong trường hợp có tình trạng thiết quân luật, theo các nguyên tắc của Hiến pháp.

(6) Các tòa án ngoại lệ đều bị cấm.

Điều 118

Việc thi hành theo các bản án và phán quyết cuối cùng của các thẩm phán và tòa án, và việc phải hỗ trợ thẩm phán và tòa án theo yêu cầu trong quá trình xét xử và thi hành bản án là bắt buộc.

Điều 119

Việc thực hiện các thủ tục tư pháp là miễn phí theo các trường hợp luật định và trong trường hợp đối với những người không có đủ khả năng để khởi kiện tại tòa án.

Điều 120

(1) Trình tự tố tụng tư pháp phải được công khai, trừ các trường hợp ngoại lệ đã được quy định trong các đạo luật về tố tụng.

(2) Thủ tục tố tục chủ yếu được thực hiện qua phát ngôn trực tiếp, đặc biệt là trong các vụ án hình sự.

(3) Bản án luôn luôn phải có căn cứ và phải được tuyên trong một buổi xét xử công khai.

Điều 121

Thiệt hại gây ra bởi các sai sót tư pháp cũng như phát sinh từ sự bất thường trong việc thực thi công lý sẽ được Nhà nước bồi thường phù hợp với các quy định của luật.

Điều 122

(1) Đạo luật cơ bản về Thẩm quyền tư pháp phải quy định về việc thành lập, hoạt động và quản lý nội bộ của tòa án cũng như về địa vị pháp lý của các thẩm phán và quan tòa chuyên nghiệp, là những người có vị trí như một cơ quan độc lập, và các nhân viên phục vụ trong việc thực thi công lý.

(2) Đại Hội đồng Tư pháp là cơ quan điều hành quyền lực tư pháp. Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về địa vị của Đại hội đồng và các trường hợp mất tư cách thành viên áp dụng cho các thành viên, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến việc bổ nhiệm, đề bạt, thanh tra và hệ thống xử lý kỷ luật.

(3) Đại Hội đồng Tư pháp bao gồm Chánh án Tòa án Tối cao, đồng thời là người người chủ trì Đại hội đồng, và hai mươi thành viên do Nhà vua chỉ định theo nhiệm kỳ năm năm. Trong đó, mười hai người là thẩm phán và quan tòa của tất cả các lĩnh vực theo quy định của đạo luật cơ bản, bốn người do Hạ viện và bốn người do Thượng viện đề cử theo hình thức bầu chọn trong số các luật sư và luật gia có kiến thức với hơn 15 năm thâm niên nghề nghiệp. Việc bầu chọn ở cả Hạ viện và Thượng viện để đề cử đều đòi hỏi phải được ba phần năm tổng số thành viên của mỗi Viện chấp thuận.

Điều 123

(1) Tòa án Tối cao, có thẩm quyền đối với toàn bộ lãnh thổ Tây Ban Nha, là cơ quan xét xử cao nhất trong tất cả các lĩnh vực tư pháp, trừ các quy định liên quan đến việc đảm bảo hiến pháp.

(2) Chánh án Tòa án tối cao do Nhà vua bổ nhiệm theo đề xuất của Đại Hội đồng tư pháp theo cách thức luật định.

Điều 124

(1) Trong phạm vi không ảnh hưởng đến nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao cho các cơ quan Nhà nước khác, Cơ quan Công tố, tự mình hoặc theo yêu cầu của các bên có lợi ích liên quan, có nhiệm vụ thúc đẩy các hoạt động tư pháp để bảo vệ nhà nước pháp quyền, quyền công dân và các lợi ích công cộng được luật pháp bảo vệ, cũng như bảo vệ sự độc lập của các tòa án và đảm bảo các lợi ích của xã hội trước tòa,

(2) Cơ quan Công tố thực hiện nhiệm vụ của mình qua các cơ quan trực thuộc phù hợp với nguyên tắc thống nhất hoạt động và tuân thủ thứ bậc, luôn luôn chịu sự chi phối của các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền và của sự công bằng.

(3) Quy chế tổ chức của Cơ quan Công tố do luật định.

(4) Công tố viên Nhà nước do Nhà vua bổ nhiệm theo đề nghị của Chính phủ sau khi đã tham khảo ý kiến với Đại Hội đồng tư pháp.

Điều 125

Công dân có thể thực hiện các hoạt động chung và tham dự vào việc thực thi công lý thông qua bồi thẩm đoàn theo cách thức luật định trong những phiên tòa hình sự, cũng như trong các phiên tòa theo phong tục, tập quán.

Điều 126

Cảnh sát tư pháp có trách nhiệm báo cáo với các thẩm phán, tòa án và Cơ quan công tố khi thực hiện nhiệm vụ điều tra tội phạm và phát hiện, bắt giữ người phạm tội theo các điều khoản luật định.

Điều 127

(1) Thẩm phán, các quan tòa và các công tố viên, trong khi đương nhiệm, không được đảm nhận các chức vụ công quyền nào khác cũng như không được tham gia các đảng phái chính trị, các tổ chức công đoàn. Một đạo luật sẽ quy định về hệ thống và phương thức hoạt động của các hiệp hội nghề nghiệp cho các thẩm phán, quan tòa và công tố viên.

(2) Một đạo luật sẽ quy định về các trường hợp mất tư cách thành viên của các thành viên của cơ quan tư pháp. Các quy định này phải phải đảm bảo vị trí độc lập hoàn toàn của họ.

PHẦN VII:
KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

Điều 128

(1) Sự thịnh vượng chung của đất nước cho dù dưới các hình thức khác nhau, thuộc các quyền sở hữu khác nhau, đều được xem là lợi ích chung.

(2) Các sáng kiến công cộng trong hoạt động kinh tế được công nhận. Các nguồn lực hoặc dịch vụ thiết yếu có thể được dành riêng cho khu vực công thực hiện, đặc biệt là các trường hợp độc quyền theo quy định của pháp luật. Tương tự như vậy, sự can thiệp của nhà nước vào các công ty có thể được áp dụng để đáp ứng các đòi hỏi của lợi ích cộng đồng.

Điều 129

(1) Pháp luật phải thiết lập các hình thức tham gia của người dân vào hệ thống an sinh xã hội và trong các hoạt động của các cơ quan công quyền có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống hoặc phúc lợi chung.

(2) Các cơ quan công quyền phải thúc đẩy một cách hiệu quả các hình thức khác nhau của việc tham gia kinh doanh và khuyến khích xã hội hợp tác bằng các quy định pháp luật phù hợp. Các cơ quan công quyền cũng phải thiết lập các phương tiện để tạo điều kiện tiếp cận quyền sở hữu tư liệu sản xuất của người lao động.

Điều 130

(1) Các cơ quan công quyền có trách nhiệm thúc đẩy việc hiện đại hóa và phát triển của tất cả các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt cá và thủ công mỹ nghệ, để đảm bảo tiêu chuẩn sống của tất cả các người Tây Ban Nha ở cùng mức như nhau.

(2) Đối với cùng một mục đích, các khu vực miền núi phải được đối xử đặc biệt.

Điều 131

(1) Nhà nước được quyền ban hành một đạo luật về kế hoạch hoạt động kinh tế chung nhằm đáp ứng nhu cầu tập thể, cân bằng và hài hoà sự phát triển giữa các khu vực và các ngành, kích thích tăng trưởng thu nhập và sự thịnh vượng và sự phân phối công bằng.

(2) Chính phủ soạn thảo các dự án kế hoạch phù hợp với dự báo do các cộng đồng tự trị cung cấp và với sự cố vấn và hợp tác của các công đoàn và các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức tài chính và các tổ chức của người sử dụng lao động. Một Hội đồng sẽ được thiết lập để phục vụ cho mục đích này với các thành viên và nhiệm vụ do luật định.

Điều 132

(1) Luật phải quy định về việc quản lý tài sản công cộng và địa phương theo hướng các tài sản đó là bất khả xâm phạm, không được chuyển nhượng, không được thế chấp và không bị tịch biên.

(2) Trong bất kỳ trường hợp nào, tài sản công theo quy định của luật, bao gồm vùng biển, vùng lãnh hải và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

(3) Luật sẽ quy định về tài sản cố định của nhà nước và các di sản quốc gia cũng như việc bảo vệ, quản lý và bảo tồn các tài sản này.

Điều 133

(1) Quyền đặt ra các thứ thuế bằng pháp luật chỉ thuộc về Nhà nước.

(2) Các cộng đồng tự trị và Hội đồng địa phương có thể đặt ra các thứ thuế và tiền thuế phù hợp với quy định của Hiến pháp và luật.

(3) Bất kỳ lợi ích tài chính nào ảnh hưởng đến các loại thuế của Nhà nước chỉ được đặt ra theo quy định của luật.

(4) Cơ quan hành chính nhà nước chỉ được chịu trách nhiệm tài chính theo hợp đồng và tiến hành chi tiêu theo các quy định của luật.

Điều 134

(1) Chính phủ dự thảo Ngân sách nhà nước trình Nghị viện thẩm tra, sửa đổi và thông qua.

(2) Ngân sách nhà nước được dự thảo hàng năm bao gồm toàn bộ nguồn thu và nguồn chi của khu vực công của Nhà nước và số lợi nhuận tài chính ảnh hưởng đến thuế Nhà nước.

(3) Trước khi ngân sách của năm trước hết hạn ít nhất là ba tháng, Chính phủ phải trình dự thảo Ngân sách nhà nước tới Hạ viện.

(4) Nếu dự thảo Ngân sách không được thông qua trước ngày đầu tiên của năm tài chính tương ứng, ngân sách của năm tài chính trước đó sẽ được tự động gia hạn cho đến khi ngân sách mới được chấp thuận.

(5) Sau khi dự thảo Ngân sách đã được thông qua, Chính phủ có thể trình dự thảo luật làm phát sinh chi tiêu hoặc giảm nguồn thu trong năm tài chính tương ứng.

(6) Các dự luật hoặc các sửa đổi không do chính phủ trình làm phát sinh chi tiêu hoặc giảm nguồn thu ngân sách đều phải có sự chấp thuận trước của Chính phủ trước khi được thông qua.

(7) Luật Ngân sách không được đặt ra các loại thuế mới. Luật này có thể sửa đổi các sắc thuế trong trường hợp đạo luật về nội dung sắc thuế đó cho phép.

Điều 135

(1) Chính phủ chỉ được phát hành trái phiếu nợ công hoặc kí kết các hợp đồng vay mượn khi được luật cho phép.

(2) Các khoản vay để trả lãi và vốn của các khoản nợ quốc gia luôn luôn được coi là nằm trong chi tiêu ngân sách và không thể bị sửa đổi hoặc thay đổi khi chúng được sử dụng phù hợp với các điều khoản vay mượn.

Điều 136

(1) Tòa kiểm toán là cơ quan tối cao chịu trách nhiệm kiểm toán tài khoản quốc gia và việc quản lý tài chính của Nhà nước cũng như của khu vực công.

Tòa kiểm toán chịu trách nhiệm trực tiếp trước Nghị viện và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xác minh các tài khoản quốc gia chung của mình qua các đoàn kiểm toán.

(2) Các tài khoản quốc gia và tài khoản của các cơ quan thuộc khu vực công phải được nộp cho Tòa kiểm toán để tiến hành kiểm toán.

Trong phạm vi không ảnh hưởng đến thẩm quyền riêng của mình Tòa kiểm toán có trách nhiệm gửi báo cáo hàng năm tới Nghị viện để thông báo về ý kiến của mình đối với các hành vi vi phạm nếu có hoặc các trách nhiệm pháp lý nào có thể được phát sinh.

(3) Thành viên của Tòa kiểm toán có vị trí độc lập và có nhiệm kỳ cố định cũng như phải chấp hành các quy định về các trường hợp không đủ tư cách thành viên như đối với thẩm phán.

(4) Một đạo luật cơ bản sẽ quy định về tổ chức, tư cách thành viên và các nhiệm vụ của Tòa Kiểm toán.

PHẦN VIII:
TỔ CHỨC LÃNH THỔ NHÀ NƯỚC

Chương 1:
CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 137

Nhà nước được tổ chức theo lãnh thổ thành các thành phố, tỉnh và các cộng đồng tự trị. Tất cả các cơ quan này được hưởng chế độ tự trị đối với việc quản lý các lợi ích tương ứng của mình.

Điều 138

(1) Nhà nước bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc đoàn kết được tuyên bố tại Điều 2 của Hiến pháp bằng cách nỗ lực thiết lập sự cân bằng về kinh tế một cách công bằng và đầy đủ giữa các khu vực khác nhau trên lãnh thổ Tây Ban Nha trong đó đặc biệt xem xét đến các khu vực hải đảo.

(2) Sự khác biệt giữa Quy chế của các cộng đồng tự trị khác nhau không hàm chứa đặc quyền kinh tế hoặc xã hội.

Điều 139

(1) Tất cả công dân Tây Ban Nha có các quyền và nghĩa vụ như nhau trong bất kỳ phần lãnh thổ nào của đất nước.

(2) Không chính quyền nào được áp dụng các biện pháp trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở quyền tự do đi lại và định cư của người dân và tự do giao thương hàng hoá trên toàn lãnh thổ Tây Ban Nha.

Chương 2:
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 140

Hiến pháp đảm bảo quyền tự trị của các thành phố. Các thành phố này được hưởng đầy đủ tư cách pháp nhân. Chính quyền và quyền hành chính của các thành phố được trao cho Hội đồng thành phố, bao gồm thị trưởng và các thành viên hội đồng. Các thành viên Hội đồng được cư dân của thành phố bầu ra thông qua bầu cử phổ thông, công bằng, tự do và kín theo cách thức luật định. Các thị trưởng có thể do các thành viên hội đồng bầu ra hoặc do cư dân thành phố trực tiếp bầu ra. Luật sẽ đặt ra các quy định để đảm bảo tính mở trong hoạt động của các Hội đồng.

Điều 141

(1) Tỉnh là một thực thể địa phương có tư cách pháp nhân riêng bao gồm một số các thành phố tự trị và các khu vực lãnh thổ được chỉ định để thực hiện các hoạt động của Nhà nước. Bất kỳ thay đổi địa giới tỉnh nào đều phải được sự chấp thuận bởi Nghị viện theo một đạo luật cơ bản.

(2) Chính quyền và quyền hành chính tự trị của các tỉnh được giao cho Hội đồng cấp tỉnh hoặc các hình thức Hội đồng khác có tính chất đại diện thực hiện.

(3) Có thể có các nhóm thành phố tự trị không hình thành nên một tỉnh.

(4) Trong các quần đảo, mỗi đảo cũng có chính quyền theo hình thức Cabildo hoặc Hội đồng đảo.

Điều 142

Ngân sách địa phương phải có đủ ngân khố để thực hiện các nhiệm vụ được giao cho các Hội đồng tương ứng theo quy định của luật. Ngân sách địa phương được đóng góp chủ yếu bởi thuế của địa phương mình và phần chia từ thuế Nhà nước cũng như từ các cộng đồng tự trị.

Chương 3:
CÁC CỘNG ĐỒNG TỰ TRỊ

Điều 143

(1) Trong việc thực hiện quyền tự trị được quy định tại Phần 2 của Hiến pháp, các tỉnh giáp nhau có chung đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế, vùng lãnh thổ hải đảo và các tỉnh có chung khu vực lịch sử có thể cùng nhau lập nên cộng đồng tự trị và chính phủ tự trị phù hợp với quy định trong phần này và các Quy chế tương ứng.

(2) Quyền khởi xướng quy trình thành lập chính phủ tự trị thuộc về tất cả các Hội đồng cấp tỉnh có liên quan hoặc các cơ quan liên đảo tương ứng cùng với 2/3 số các thành phố có dân số chiếm đa số số cử tri của mỗi tỉnh hoặc hải đảo. Những yêu cầu này phải được đáp ứng trong vòng sáu tháng kể từ khi một trong các hội đồng địa phương nhất trí thông qua thỏa thuận về việc thành lập cộng đồng tự trị này.

(3) Nếu việc khởi xướng thất bại, chỉ được khởi xướng lại thủ tục này sau thời hạn năm năm.

Điều 144

Vì lợi ích quốc gia, thông qua một đạo luật cơ bản, Nghị viện có thể:

a) Chấp thuận cho phép thành lập một cộng đồng tự trị với lãnh thổ không vượt quá lãnh thổ của một tỉnh và không có các đặc điểm được nêu tại khoản 1, Điều 143.

b) Tùy từng trường hợp cụ thể, cho phép ban hành hoặc chấp thuận quy chế tự trị của các vùng lãnh thổ không thuộc tổ chức của các đơn vị cấp tỉnh.

c) Thực hiện quyền khởi xướng được đề cập tại khoản 2, Điều 143 thay cho các Hội đồng địa phương.

Điều 145

(1) Trong mọi trường hợp, việc thành lập liên minh các cộng đồng tự trị là không được phép.

(2) Quy chế tự trị có thể quy định các trường hợp, các yêu cầu và các điều kiện theo đó các cộng đồng tự trị có thể thoả thuận với nhau về việc quản lý và thực hiện các dịch vụ thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, cũng như về các tính chất và tác động của những thông báo được chuyển tới Nghị viện. Trong tất cả các trường hợp khác, thỏa thuận hợp tác giữa các cộng đồng tự trị yêu cầu phải có sự chấp thuận của Nghị viện.

Điều 146

Dự thảo Quy chế tự trị do một hội đồng bao gồm các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh hoặc cơ quan liên đảo của các tỉnh liên quan và các Hạ nghị sĩ, Thượng nghị sĩ được bầu ở các tỉnh đó soạn thảo. Dự thảo sau đó sẽ được gửi đến Nghị viện như một dự thảo luật.

Điều 147

(1) Trong phạm vi các điều khoản của Hiến pháp hiện tại, Quy chế tự trị là quy tắc thể chế cơ bản của mỗi cộng đồng tự trị và Nhà nước công nhận và bảo vệ chúng như là một phần của hệ thống pháp luật.

(2) Quy chế tự trị phải bao gồm các nội dung sau:

a) Tên của cộng đồng phù hợp nhất với bản sắc lịch sử.

b) Ranh giới lãnh thổ.

c) Tên, tổ chức và vị trí của các tổ chức tự trị thuộc cộng đồng.

d) Các quyền hạn được trao trong khuôn khổ đặt ra bởi Hiến pháp và các quy tắc cơ bản cho việc chuyển giao các nhiệm vụ tương ứng.

(3) Việc sửa đổi Quy chế tự trị phải được tiến hành theo các thủ tục do Quy chế quy định và phải được Nghị viện thông qua như một đạo luật cơ bản.

Điều 148

(1) Các cộng đồng tự trị có các thẩm quyền sau đây:

i) Tổ chức các thiết chế trong chính quyền tự trị;

ii) Thay đổi địa giới thành phố trong phạm vi lãnh thổ của cộng đồng tự trị và các chức năng quản lý hành chính nhà nước thuộc Hội đồng địa phương mà việc chuyển giao các chức năng này được cho phép bởi pháp luật về chính quyền địa phương;

iii) Quy định về lãnh thổ, đô thị hóa và nhà ở;

iv) Công việc công vì lợi ích của cộng đồng tự trị trong phạm vi lãnh thổ của cộng đồng;

v) Đường sắt và đường bộ nằm hoàn toàn trong lãnh thổ của cộng đồng tự trị và việc vận tải bằng các phương tiện nói trên hoặc bằng cáp trong các điều kiện tương tự;

vi) Bến ẩn náu tàu thuyền, bến tàu giải trí, sân bay và nói chung là những địa điểm không tham gia vào các hoạt động thương mại.

vii) Nông nghiệp và chăn nuôi gia súc phù hợp với quy hoạch kinh tế chung;

viii) Đất trồng rừng và lâm nghiệp;

ix) Bảo vệ môi trường;

x) Quy hoạch, xây dựng và khai thác các dự án thủy điện, kênh mương, thuỷ lợi và tưới tiêu vì lợi ích của cộng đồng tự trị; các nguồn nước khoáng và nước nóng;

xi) Đánh bắt thủy sản nội địa, săn bắt và đánh cá trên sông;

xii) Các hội chợ địa phương;

xiii) Khuyến khích phát triển kinh tế của cộng đồng tự trị theo các mục tiêu do chính sách kinh tế quốc gia đề ra;

xiv) Thủ công mỹ nghệ;

xv) Bảo tàng, thư viện và các nhạc viện vì lợi ích của cộng đồng tự trị;

xvi) Quản lý các công trình kỉ niệm của khu tự trị;

xvii) Thúc đẩy văn hóa, nghiên cứu và giảng dạy của các ngôn ngữ của cộng đồng tự trị;

xviii) Xúc tiến và quy hoạch du lịch trong khu vực lãnh thổ của mình;

xix) Thúc đẩy các hoạt động thể thao và sử dụng hợp lý các hình thức vui chơi giải trí;

xx) Trợ giúp xã hội;

xxi) Y tế và vệ sinh;

xxii) Giám sát và bảo vệ các tòa nhà và kho quân sự. Thực hiện việc điều hòa và các chức năng khác liên quan đến lực lượng cảnh sát địa phương theo các điều khoản của một đạo luật cơ bản.

(2) Sau năm năm, các cộng đồng tự trị có thể sửa đổi, bổ sung Quy chế tự trị để từng bước mở rộng quyền hạn của mình trong khuôn khổ quy định tại Điều 149.

Điều 149

(1) Nhà nước có thẩm quyền riêng đối với các vấn đề sau đây:

i) Quy định điều kiện cơ bản đảm bảo sự bình đẳng của tất cả công dân Tây Ban Nha trong việc thực hiện các quyền và hoàn thành các nghĩa vụ hiến định của họ;

ii) Quốc tịch, nhập cư, di dân, địa vị của người nước ngoài và quyền tị nạn;

iii) Quan hệ quốc tế;

iv) Quốc phòng và các lực lượng vũ trang;

v) Thực hiện quyền tư pháp;

vi) Thương mại, pháp luật hình sự và cải tạo, pháp luật tố tụng. Các quy định này không được ảnh hưởng đến các đặc thù cần thiết phát sinh từ những quy định cụ thể của luật nội dung do các cộng đồng tự trị ban hành ;

vii) Đặt ra pháp luật về lao động mà không ảnh hưởng đến việc chấp hành của các cơ quan trực thuộc các cộng đồng tự trị ;

viii) Đặt ra pháp luật dân sự, trong phạm vi không ảnh hưởng đến việc bảo tồn, chỉnh lý và phát triển các bộ luật tục hoặc các quy định dân sự đặc biệt nếu có của cộng đồng tự trị ; đồng thời không ảnh hưởng đến các quy tắc liên quan đến việc áp dụng và hiệu quả của các quy định của pháp luật, mối quan hệ pháp lý dân sự phát sinh từ hình thức hôn nhân, các thủ tục đăng ký, nền tảng của trách nhiệm hợp đồng, các quy tắc giải quyết xung đột pháp luật, và cách thức xác định nguồn pháp luật phù hợp, các quy định của luật truyền thống hoặc các bộ luật tục, các quy định đặc biệt;

ix) Đặt ra pháp luật về quyền tác giả và sở hữu công nghiệp;

x) Hải quan và quy định thuế quan, thương mại quốc tế;

xi) Hệ thống tiền tệ: ngoại tệ, tỷ giá và chuyển đổi, cơ sở cho việc quy định về tín dụng, ngân hàng và bảo hiểm;

xii) Đặt ra pháp luật về khối lượng, đo lường và xác định thời gian chuẩn;

xiii) Đặt ra các nguyên tắc cơ bản và điều phối các kế hoạch kinh tế chung;

xiv) Các vấn đề tài chính chung và nợ công;

xv) Khuyến khích và điều phối chung nghiên cứu khoa học và kỹ thuật;

xvi) Biện pháp y tế ngoại khoa; các điều kiện cơ bản và việc điều phối chung các vấn đề y tế; pháp luật về quản lý dược phẩm;

xvii) Đặt ra các quy định cơ bản và hệ thống tài chính về An Sinh Xã Hội trong phạm vi không ảnh hưởng đến việc thực hiện các dịch vụ công của các cộng đồng tự trị;

xviii) Đặc ra các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật về hành chính nhà nước và địa vị pháp lý của công chức để đảm bảo trong mọi trường hợp tất cả mọi công dân đều nhận được đối xử bình đẳng; thủ tục hành chính chung trong phạm vi không ảnh hưởng đến các đặc thù về tổ chức của các cộng động tự trị; pháp luật về trưng thu; pháp luật cơ bản về hợp đồng và ân giảm hành chính và hệ thống ràng buộc trách nhiệm của tất cả các cơ quan hành chính công;

xix) Đánh bắt hải sản trong phạm vi không làm phương hại đến các quyền hạn có thể được giao cho các cộng đồng tự trị theo các quy định trong lĩnh vực này;

xx) Thương mại hàng hải và đăng ký tàu; đèn biển và các tín hiệu trên biển; cảng vì lợi ích chung; sân bay vì lợi ích chung; kiểm soát không gian; hàng thông và vận chuyển hàng không; dịch vụ khí tượng và đăng ký máy bay;

xxi) Đường sắt và vận tải đường bộ qua lãnh thổ của nhiều hơn một cộng đồng tự trị; hệ thống thông tin liên lạc chung; giao thông cơ giới; Dịch vụ bưu chính và viễn thông; cáp trên không và dưới nước và thông tin liên lạc điện đài;

xxii) Đặt ra các quy định và thực hiện sự nhượng quyền các nguồn tài nguyên nước và thực hiện các dự án đối với các dòng nước chảy qua nhiều hơn một cộng đồng tự trị; cho phép xây dựng các nhà máy thủy điện khi hoạt động của chúng tác động đến các cộng đồng tự trị khác hoặc các đường vận chuyển năng lượng được mở rộng đến các cộng đồng tự trị khác;

xxiii) Đặt ra các quy định cơ bản về bảo vệ môi trường trong phạm vi không ảnh hưởng đến quyền hạn của các cộng đồng tự trị trong việc ban hành các biện pháp bảo vệ bổ sung; đặt ra pháp luật cơ bản về đất rừng, rừng và những con đường mòn chăn nuôi gia súc;

xxiv) Công việc công vì lợi ích chung hoặc những công việc mà việc thực hiện chúng ảnh hưởng đến hơn một cộng đồng tự trị;

xxv) Đặt ra quy định cơ bản về việc khai thác mỏ và năng lượng;

xxvi) Sản xuất, bán, sở hữu và sử dụng vũ khí, chất nổ;

xxvii) Đặt ra các nguyên tắc cơ bản liên quan đến tổ chức các đài phát thanh, báo chí và truyền hình và tất cả các phương tiện truyền thông đại chúng, thông tin liên lạc nói chung trong phạm vi không ảnh hưởng đến quyền hạn của các cộng đồng tự trị trong việc phát triển và thi hành những quy định này;

xxviii) Bảo vệ di sản văn hóa và nghệ thuật Tây Ban Nha và các di tích quốc gia khỏi việc xuất khẩu và hủy hoại; bảo tàng, thư viện, và lưu trữ thuộc về nhà nước trong phạm vi không ảnh hưởng đến việc quản lý chúng bởi các cộng đồng tự trị;

xxix) An toàn công cộng trong phạm vi không ảnh hưởng đến việc các cộng đồng tự trị có thể thành lập lực lượng cảnh sát của mình theo cách thức được quy định trong Quy chế tự trị và trong khuôn khổ được đặt ra bởi một đạo luật cơ bản;

xxx) Đặt ra quy định về các điều kiện về tiêu chuẩn, để phát hành, để được cấp các bằng cấp hàn lâm hoặc trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các quy tắc cơ bản để thực hiện Điều 27 của Hiến pháp nhằm đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan công quyền trong vấn đề này;

xxxi) Số liệu thống kê cho các mục đích của Nhà nước;

xxxii) Tổ chức tham vấn công chúng thông qua trưng cầu ý dân.

(2) Nhà nước sẽ xem xét việc thúc đẩy văn hóa như là một nhiệm vụ và chức năng cần thiết và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp văn hóa giữa các cộng đồng tự trị trên cơ sở thỏa thuận với các cộng đồng này và trong phạm vi không ảnh hưởng đến thẩm quyền các cộng đồng tự trị có thể có.

(3) Những thẩm quyền không được Hiến pháp này quy định một cách rõ ràng thuộc về Nhà nước thì có thể thuộc về cộng đồng tự trị theo quy định của Quy chế tự trị. Những thẩm quyền không được quy định trong Quy chế tự trị sẽ thuộc về Nhà nước. Pháp luật của Nhà nước sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự xung đột giữa luật Nhà nước với quy định của cộng đồng tự trị về những vấn đề không thuộc thẩm quyền riêng của cộng đồng tự trị. Trong bất kỳ trường hợp nào, pháp luật của Nhà nước có giá trị bổ sung cho quy định của cộng đồng tự trị.

Điều 150

(1) Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Nhà nước, Nghị viện có thể trao cho tất cả hoặc hoặc bất kỳ một cộng đồng tự trị nào quyền để thông qua quy định của cộng đồng trong khuôn khổ của các nguyên tắc, cơ sở và hướng dẫn được đặt ra bởi một đạo luật của Nhà nước. Các đạo luật được ban hành phải quy định các phương pháp để Nghị viện giám sát các quy định của các cộng đồng tự trị trong phạm vi không ảnh hưởng đến thẩm quyền của Toà án.

(2) Thông qua một đạo luật cơ bản, Nhà nước có thể chuyển quyền hoặc uỷ thác cho các cộng đồng tự trị một số quyền hạn của mình mà bản chất của chúng là có thể được chuyển giao hoặc uỷ quyền. Trong từng trường hợp cụ thể, đạo luật này phải quy định việc chuyển giao các công cụ tài chính phù hợp cũng như xác định các hình thức kiểm soát của Nhà nước.

(3) Nhà nước có thể ban hành các đạo luật đặt ra các nguyên tắc cần thiết cho việc hài hòa hóa pháp luật của các cộng đồng tự trị ngay cả đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền đã được trao cho cộng đồng tự trị nếu đó là điều cần thiết cho lợi ích chung. Nghị viện có trách nhiệm đánh giá mức độ cần thiết này theo biểu quyết đa số tuyệt đối của các nghị sỹ mỗi Viện.

Điều 151

(1) Khi việc khởi xướng quá trình tự trị được thoả thuận trong thời hạn quy định tại Khoản 2, Điều 143, không cần thiết phải chờ khoảng thời gian năm năm như đã được quy định tại Khoản 2 Điều 148. Quy định này áp dụng cho việc khởi xướng không chỉ bởi Hội đồng cấp tỉnh tương ứng hoặc các cơ quan liên-đảo mà còn bởi 3/4 số thành phố tự trị của mỗi tỉnh có liên quan đại diện cho ít nhất là một phần hai các cử tri của mỗi thành phố, và việc khởi xướng đó được phê chuẩn trong một cuộc trưng cầu ý dân

bởi đa số tuyệt đối các cử tri ở mỗi tỉnh, theo các điều khoản được đặt ra bởi một đạo luật cơ bản.

(2) Trong trường hợp quy định ở khoản trên, việc xây dựng Quy chế tự trị được thực hiện theo thủ tục như sau:

i) Chính phủ triệu tập tất cả các Hạ nghị sĩ và Thượng nghị sĩ được bầu tại các khu vực bầu cử thuộc lãnh thổ dự kiến hợp thành cộng đồng tự trị để thành lập một Hội đồng cho mục đích duy nhất là xây dựng Quy chế tự trị. Dự thảo Quy chế tự trị phải được đa số tuyệt đối các thành viên của Hội đồng thông qua;

ii) Sau khi đã được Hội đồng các nghị sĩ nói trên thông qua, dự thảo Quy chế tự trị sẽ được gửi đến Ủy ban Hiến pháp của Hạ viện để thẩm tra trong thời gian hai tháng với sự hợp tác, giúp đỡ của đại diện Hội đồng các nghị sĩ nói trên nhằm đưa ra dự thảo cuối cùng trên cơ sở thỏa thuận chung giữa hai bên;

iii) Nếu đạt được thỏa thuận như trên, dự thảo Quy chế sẽ được nhân dân tại các tỉnh trong phạm vi lãnh thổ dự kiến hợp thành cộng đồng tự trị phúc quyết thông qua một cuộc trưng cầu ý dân;

iv) Nếu dự thảo Quy chế được phúc quyết thông qua ở mỗi tỉnh bởi đa số phiếu hợp lệ, nó sẽ được trình lên Nghị viện. Mỗi Viện sẽ bỏ phiếu phê chuẩn dự thảo quy chế tại phiên họp toàn thể. Sau khi Quy chế tự trị được thông qua, Nhà vua sẽ tiến hành phê chuẩnvà ban hành nó như là một đạo luật

v) Nếu không đạt được thỏa thuận như quy định tại điểm ii) của Khoản này, quy trình xây dựng dự thảo Quy chế Tự trị ở Nghị viện sẽ được thực hiện giống như quy trình áp dụng đối với các dự thảo luật. Dự thảo Quy chế tự trị sau khi được Nghị viện thông qua sẽ được cử tri tại tỉnh dự kiến hợp thành cộng đồng tự trị phúc quyết thông qua tại một cuộc trưng cầu ý dân. Trong trường hợp nhận được sự chấp thuận của đa số phiếu hợp lệ ở mỗi tỉnh, Dự thảo Quy chế sẽ được ban hành theo quy định tại đoạn trên.

(3) Việc một hoặc một số các tỉnh không thông qua dự thảo Quy chế tự trị theo quy định tại các điểm iv) và v) của Khoản trên sẽ không ngăn cản việc các tỉnh còn lại trở thành một cộng đồng tự trị theo quy định bởi một đạo luật cơ bản được ban hành theo quy định tại Khoản1 của Điều này.

Điều 152

(1) Trong trường hợp Quy chế Tự trị đã được thông qua theo quy định ở Điều trên, các thiết chế cơ bản của chính quyền tự trị sẽ bao gồm một Hội đồng lập pháp được bầu theo phương pháp phổ thông đầu phiếu trên cơ sở một hệ thống đại diện tỷ lệ đảm bảo sự đại diện của tất cả các khu vực khác nhau của lãnh thổ; một Ủy ban chấp hành có chức năng điều hành và quản lý hành chính do Chủ tịch đứng đầu. Chủ tịch Ủy ban Chấp hành do các thành viên của Hội đồng Lập pháp bầu ra và được Nhà vua bổ nhiệm. Chủ tịch lãnh đạo Ủy ban chấp hành, đại diện tối cao cho Cộng

đồng và là đại diện thường xuyên của Nhà nước tại Cộng đồng. Chủ tịch và các thành viên của Ủy ban chấp hành chịu trách nhiệm chính trị trước Hội đồng lập pháp.

Trong phạm vi không ảnh hưởng đến thẩm quyền của Tòa án Tối cao, Toà án cấp cao là cơ quan đứng đầu quyền lực tư pháp trên lãnh thổ của cộng đồng tự trị. Quy chế Tự trị có thể quy định các trường hợp và phương thức theo đó cộng đồng có thể tham gia thiết lập các khu vực tư pháp trong phạm vi lãnh thổ của mình miễn là chúng phải phù hợp với quy định của đạo luật cơ bản về thẩm quyền tư pháp và các nguyên tắc thống nhất và độc lập của thẩm quyền tư pháp.

Trong phạm vi không ảnh hưởng đến các quy định tại Điều 123, các kháng cáo tiếp theo, nếu có, sẽ được thực hiện tại cơ quan tư pháp trong cùng lãnh thổ của cộng đồng tự trị với tòa án đã có thẩm quyền giải quyết ban đầu.

(2) Sau khi Quy chế Tự trị đã nhận được sự phê chuẩn của Hoàng gia và được ban hành, thì Quy chế chỉ có thể được sửa đổi, bổ sung theo các thủ tục được quy định trong Quy chế đó và phải được phúc quyết bởi các cử tri đã đăng ký trong cộng đồng tự trị qua một cuộc trưng cầu ý dân.

(3) Bằng cách phân nhóm các thành phố giáp ranh với nhau, Quy chế Tự trị có thể thiết lập các khu vực cử tri riêng của mình với đầy đủ tư cách pháp lý.

Điều 153

Các cơ quan của cộng đồng tự trị chịu sự kiểm soát của các cơ quan sau đây:

a) Tòa án Hiến pháp đối với các vấn đề liên quan đến tính hợp hiến của các quy định có hiệu lực của pháp luật do Cộng đồng tự trị ban hành.

b) Chính phủ, sau khi được Hội đồng Nhà nước cho ý kiến, đối với những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức năng được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 150.

c) Các cơ quan tư pháp đối với các vụ kiện tụng hành chính đối với các cơ quan hành chính tự trị và các quy định của nó.

d) Tòa kiểm toán đối với những vấn đề tài chính và ngân sách.

Điều 154

Chính phủ cử một người đại diện chịu trách nhiệm về hành chính nhà nước trên lãnh thổ của mỗi cộng đồng tự trị và có trách nhiệm điều phối hành chính nhà nước với các cơ quan của Cộng đồng tự trị khi cần thiết.

Điều 155

(1) Nếu một cộng đồng tự trị không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Hiến pháp hoặc các đạo luật hoặc các văn bản khác gây phương hại nghiêm trọng đến lợi ích chung của Tây Ban Nha, thì Chính phủ, sau khi đã khuyến nghị tới Chủ tịch của Cộng đồng tự trị nhưng không

nhận được sự giải thích thỏa đáng, có thể dùng tất cả các biện pháp cần thiết để buộc Cộng đồng phải hoàn thành nghĩa vụ đó, hoặc để bảo vệ lợi ích chung đã được đề cập ở trên. Các biện pháp do Chính phủ đưa ra phải được Thượng nghị viện phê chuẩn trước bởi một đa số tuyệt đối.

(2) Nhằm thực hiện các biện pháp quy định ở đoạn trên, Chính phủ có thể ban hành văn bản hướng dẫn cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền của các Cộng đồng tự trị.

Điều 156

(1) Các cộng đồng tự trị được quyền tự chủ tài chính cho sự phát triển và thực thi các quyền hạn của mình trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc phối hợp với Kho bạc Nhà nước và sự đoàn kết giữa tất cả công dân Tây Ban Nha.

(2) Cộng đồng tự trị có thể hoạt động như các cơ quan đại diện hoặc ủy thác của Nhà nước để thực hiện việc thu, quản lý, và đánh giá các nguồn thuế phù hợp với pháp luật và Quy chế Tự trị.

Điều 157

(1) Các nguồn lực của cộng đồng tự trị bao gồm:

a) Một phần hoặc toàn bộ thuế được Nhà nước trao cho; các khoản phụ thu về thuế nhà nước và các phần chia khác trong nguồn thu của Nhà nước;

b) Thuế riêng của cộng đồng tự trị, thuế tỉ lệ và thuế đặc biệt;

c) Các khoản chuyển từ một quỹ bồi thường liên lãnh thổ và các khoản phân bổ khác được tính vào ngân sách nhà nước;

d) Các nguồn thu phát sinh từ tài sản của cộng đồng và các khoản thu nhập tư pháp;

e) Lãi từ hoạt động cho vay.

(2) Trong mọi trường hợp, các cộng đồng tự trị không được đưa ra các biện pháp tăng thuế đối với tài sản nằm ngoài lãnh thổ của mình hoặc có thể cản trở việc tự do lưu thông của hàng hoá, dịch vụ.

(3) Trong việc thực hiện các quyền hạn tài chính được nêu tại khoản 1, một đạo luật cơ bản có thể được ban hành để quy định về quy tắc để giải quyết những xung đột có thể phát sinh, và các hình thức hợp tác tài chính có thể có giữa các cộng đồng tự trị và Nhà nước.

Điều 158

(1) Ngân sách nhà nước có thể phân bổ một khoản kinh phí cho các cộng đồng tự trị theo tỷ lệ tương ứng với các dịch vụ và các hoạt động Nhà nước mà các cộng đồng tự trị được giao thực hiện nhằm đảm bảo một mức độ tối thiểu của các dịch vụ công cơ bản trên toàn lãnh thổ Tây Ban Nha.

(2) Với mục đích khắc phục sự mất cân bằng kinh tế giữa các vùng và thực hiện nguyên tắc đoàn kết, một quỹ bồi thường phải được thiết lập

nhằm bù đắp cho chi phí đầu tư và các nguồn lực được Nghị viện phân cho các cộng đồng tự trị và các tỉnh theo từng trường hợp cho phép.

PHẦN IX:
TÒA ÁN HIẾN PHÁP

Điều 159

(1) Tòa án Hiến pháp bao gồm mười hai thành viên do Nhà vua bổ nhiệm. Trong số đó, bốn thành viên được đề cử bởi Hạ Nghị viện với tỷ lệ đa số của ba phần năm tổng số các Hạ nghị sỹ, bốn thành viên được đề cử bởi Thượng Nghị viện với tỷ lệ đa số tương tự, hai thành viên được đề cử bởi Chính phủ, và hai thành viên còn lại bởi Đại Hội đồng Tư pháp.

(2) Thành viên của Tòa án Hiến pháp được bổ nhiệm trong số các quan tòa và công tố viên, giáo sư đại học, công chức và luật sư với uy tín được công nhận rộng rãi và phải có ít nhất là mười lăm năm hoạt động trong nghề.

(3) Nhiệm kỳ của các thành viên của Tòa án Hiến pháp là chín năm và cứ ba năm lại thay đổi một phần ba số thành viên.

(4) Các thành viên của Tòa án Hiến pháp không được đồng thời đảm nhiệm bất kỳ chức vụ nào trong các định chế đại diện, cơ quan chính trị hoặc hành chính, vị trí lãnh đạo trong một đảng chính trị hoặc công đoàn cũng như bất kỳ công việc nào trong các cục, sở, ban, ngành của các cơ quan kể trên, không được thực hiện các công việc của thẩm phán hoặc công tố viên và bất cứ hoạt động nghề nghiệp hoặc công việc nào khác tương tự.

Những quy định về việc mất tư cách thành viên được áp dụng cho các thành viên trong các cơ quan tư pháp cũng đồng thời được áp dụng cho các thành viên của Tòa án Hiến pháp.

(5) Thành viên của Tòa án Hiến pháp có vị trí độc lập và không bị bãi nhiệm trong suốt thời gian nhiệm kỳ của mình.

Điều 160

Chánh án Tòa án Hiến pháp được Nhà vua bổ nhiệm trong số các thành viên theo đề nghị của Tòa án Hiến pháp theo một nhiệm kỳ là ba năm.

Điều 161

(1) Tòa án Hiến pháp có thẩm quyền trên toàn bộ lãnh thổ Tây Ban Nha và có quyền thụ lý:

a) Kiến nghị đối với các đạo luật và các quy định có hiệu lực như luật trái với quy định của Hiến pháp. Tuyên bố về tính vi hiến của một quy tắc pháp luật có hiệu lực như luật đã được Tòa án áp dụng sẽ có ảnh hưởng đến các tiền lệ pháp do Tòa án đặt ra nhưng không làm mất giá trị pháp luật của các phán quyết do Tòa án đã ban hành.

b) Các khiếu nại cá nhân với mục đích yêu cầu sự bảo vệ chống lại sự vi phạm các quyền và tự do được quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Hiến pháp theo các trường hợp và cách thức luật định.

c) Xung đột về thẩm quyền giữa Nhà nước và các Cộng đồng tự trị hoặc giữa các Cộng đồng tự trị với nhau.

d) Các vấn đề khác được trao cho Tòa án Hiến pháp bởi Hiến pháp và các đạo luật cơ bản.

(2) Chính phủ có quyền khiếu nại tới Tòa án Hiến pháp đối với các quy định và quyết định của các cơ quan thuộc các cộng đồng tự trị. Điều này có thể dẫn đến sự đình chỉ các quy định và quyết định nhưng Tòa án phải hoặc phê chuẩn hoặc bãi bỏ sự đình chỉ này trong một thời hạn không quá năm tháng tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Điều 162

(1) Các chủ thể sau có quyền:

a) Thủ tướng, Người bảo vệ nhân dân, năm mươi Hạ nghị sỹ, năm mươi Thượng nghị sỹ, cơ quan chấp hành của một Cộng đồng tự trị và Hội đồng lập pháp của Cộng đồng tự trị, trong một số trường hợp có thể, có quyền kiến nghị về sự vi hiến:

b) Những cá nhân hoặc pháp nhân có lợi ích hợp pháp, Người bảo vệ nhân dân và Cơ quan Công tố có quyền khiếu nại cá nhân:.

(2) Trong các trường hợp khác, đạo luật cơ bản sẽ quy định những cá nhân và tổ chức khác có quyền khiếu nại tới Tòa án.

Điều 163

Khi thụ lý một vụ án, nếu một cơ quan tư pháp cho rằng một quy định có hiệu lực như luật đang được áp dụng để đưa ra phán quyết có thể trái với Hiến pháp, thì cơ quan đó có thể đưa vụ việc ra trước Tòa án Hiến pháp theo các hoàn cảnh, cách thức và chủ thể như luật định, nhưng trong mọi trường hợp được đình chỉ.

Điều 164

(1) Phán quyết của Tòa án Hiến pháp phải được công bố tại Công báo cùng với những ý kiến thiểu số nếu có. Các phán quyết này có hiệu lực chung thẩm kể từ ngày chúng được xuất bản và không thể bị khiếu nại. Những phán quyết tuyên bố về sự vi hiến của một đạo luật hoặc một bản quy chế có hiệu lực như đạo luật và những phán quyết không chỉ liên quan đến quyền của một cá nhân có hiệu lực ràng buộc đầy đủ đối với mọi chủ thể.

(2) Trừ khi các quy tắc xét xử quy định khác, các phần của đạo luật không trái với Hiến pháp được giữ nguyên hiệu lực.

Điều 165

Một đạo luật cơ bản sẽ được ban hành để quy định về chức năng của Tòa án Hiến pháp, địa vị của các thành viên của Tòa án, quy tắc tố tụng và các điều kiện điều chỉnh hành vi trước Tòa.

PHẦN X:
SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

Điều 166

Quyền đề nghị sửa đổi Hiến pháp được thực hiện theo các quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 87.

Điều 167

(1) Dự thảo sửa đổi Hiến pháp cần phải được ít nhất ba phần năm thành viên của mỗi Viện thông qua. Nếu hai Viện còn có ý kiến khác nhau về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, một Ủy ban hỗn hợp với số lượng đại biểu ngang nhau của mỗi Viện sẽ được thành lập nhằm xây dựng một dự thảo thống nhất để trình Thượng viện và Hạ viện thông qua.

(2) Nếu không đạt được sự chấp thuận theo quá trình đã nêu ra ở khoản trên, nhưng dự thảo đã được Thượng Nghị viện thông qua với một đa số tuyệt đối, thì Hạ Nghị viện có thể thông qua dự thảo với tỷ lệ số phiếu là hai phần ba số phiếu tán thành.

(3) Trong vòng 15 ngày sau khi dự thảo sửa đổi đã được Nghị viện thông qua, nếu có yêu cầu của một phần mười số thành viên của một Viện bất kì, Dự thảo sửa đổi phải được đưa ra phúc quyết toàn dân thông qua trưng cầu ý dân.

Điều 168

(1) Nếu Hiến pháp được đề nghị sửa đổi toàn bộ hoặc sửa đổi một phần nhưng ảnh hưởng đến phần các điều khoản cơ bản, đến Mục 1 Chương 2 của Phần I, hoặc Phần II, thì những nội dung cơ bản của việc sửa đổi cần được hai phần ba số thành viên của mỗi Viện bỏ phiếu thông qua và ngay sau đó Nghị viện sẽ bị giải tán.

(2) Các Viện được bầu lại ngay sau đó phải phê chuẩn quyết định sửa đổi Hiến pháp và tiến hành xem xét dự thảo Hiến pháp mới. Dự thảo Hiến pháp mới phải được thông qua bởi hai phần ba số thành viên của mỗi Viện.

(3) Sau khi được Nghị viện thông qua, dự thảo Hiến pháp sửa đổi sẽ được đưa ra trưng cầu ý dân.

Điều 169

Việc sửa đổi Hiến pháp không được phép thực hiện trong thời gian chiến tranh hay trong bất kì tình trạng nào khác được nhắc đến tại Điều 116.

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều khoản thứ nhất

Hiến pháp bảo vệ và tôn trọng những quyền mang tính lịch sử về lãnh thổ và những quy định truyền thống.

Những quyền mang tính lịch sử sẽ được cập nhật khi có điều kiện thích hợp trong khuôn khổ của Hiến pháp và Quy chế Tự trị.

Điều khoản thứ hai

Quy định tại Điều 12 của Hiến pháp về tuổi trưởng thành sẽ không ảnh hưởng đến các trường hợp áp dụng những quy định truyền thống trong lĩnh vực luật tư.

Điều khoản thứ ba

Mọi thay đổi trong hệ thống thuế và tài chính ở quần đảo Canary cần được báo trước bởi Cộng đồng tự trị hoặc trong trường hợp có thể là một cơ quan tự trị lâm thời.

Điều khoản thứ tư

Trong các Cộng đồng tự trị có nhiều hơn một Tòa án Phúc thẩm có quyền tài phán, các Quy chế tự trị có thể đảm bảo sự tồn tại và chia sẻ quyền lực pháp lý giữa các Tòa án, với điều kiện điều đó được thực hiện theo đúng các điều khoản của Đạo luật Cơ bản về thẩm quyền tư pháp của Tòa án và tuân theo sự thống nhất và độc lập của Đạo luật nói trên..

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều khoản thứ nhất

Trong các vùng lãnh thổ tạm thời theo chế độ tự quản, bằng một nghị quyết được thông qua bởi một đa số tuyệt đối, Hội đồng tự quản của các địa phương này có quyền đề xướng quy trình tự trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 143 tương tự như Hội đồng các tỉnh hoặc các cơ quan liên đảo tương ứng.

Điều khoản thứ hai

Các vùng lãnh thổ mà trong quá khứ đã phê chuẩn dự thảo Quy chế Tự trị bằng cách trưng cầu dân ý và tại thời điểm ban hành Hiến pháp này, tạm thời có theo chế độ tự trị, có thể ngay lập tức áp dụng chế độ tự trị bằng cách thức như đã được quy định tại Khoản 2 Điều 148, nếu toàn bộ các cơ quan lãnh đạo chung trong thời kỳ tiền tự quản đồng thuận và Chính phủ được thông báo một cách thích đáng. Dự thảo Quy chế Tự trị phải được soạn thảo phù hợp với các điều khoản tại Khoản 2, Điều 151 cũng như theo yêu cầu của Đại hội tiền tự quản.

Điều khoản thứ ba

Một khi Hiến pháp đã có hiệu lực, quyền khởi xướng quá trình tự quản được trao cho chính quyền địa phương hoặc các thành viên của chúng, như được quy định tại Khoản 2 Điều 143, sẽ bị tạm hoãn trong mọi hoàn cảnh cho đến khi cuộc bầu cử địa phương lần đầu tiên được diễn ra.

Điều khoản thứ tư

(1) Trường hợp Navarra sáp nhập vào Đại hội đồng xứ Basque hoặc vào thể chế Basque tự trị (có thể thay thế Đại hội đồng xứ Basque), sẽ không áp dụng trình tự được quy định tại Điều 143 của Hiến pháp này. Thay vào đó, đề xướng sáp nhập sẽ thuộc thẩm quyền của cơ quan mang tính lịch sử thích hợp (órgano foral) với các quyết định phải được đa số các thành viên của cơ quan này biểu quyết thông qua. Đề xướng này chỉ có giá trị khi có sự phê chuẩn bởi một cuộc trưng cầu dân ý và sự chấp thuận bởi đa số các phiếu bầu hợp lệ.

(2) Nếu đề xướng này không được thông qua, việc đề xướng chỉ có thể được lặp lại trong nhiệm kỳ sau của các cơ quan mang tích lịch sử phù hợp có thẩm quyền (Foral) và trong mọi trường hợp phải được thực hiện sau khoảng thời gian tối thiểu quy định tại Điều 143.

Điều khoản thứ năm

Các thành phố Ceuta và Melilla có thể tự thành lập Cộng đồng tự trị nếu quyết định đó được Hội đồng thành phố thông qua với một đa số tuyệt đối các thành viên và nếu Nghị viện cho phép bằng một đạo luật cơ bản theo các quy định tại Điều 144.

Điều khoản thứ sáu

Nếu có đồng thời một số dự thảo Quy chế Tự trị được gửi đến Ủy ban Hiến pháp của Hạ nghị viện, Ủy ban Hiến pháp sẽ xem xét theo thứ tự mà chúng được tiếp nhận. Khoảng thời gian hai tháng được quy định tại Điều 151 được tính từ thời điểm mà Ủy ban kết thúc việc xem xét dự thảo hoặc các dự thảo đã được xem xét trước đó.

Điều khoản thứ bảy

Các cơ quan tự trị lâm thời có thể bị giải tán trong các trường hợp sau:

a) Khi các cơ quan trong Quy chế Tự trị được thành lập mà Quy chế Tự trị này được thông qua một cách phù hợp với Hiến pháp.

b) Trong trường hợp việc đề xướng thành lập cơ chế tự trị không thành công do không tuân theo các quy định của Điều 143.

c) Nếu cơ quan liên quan không thực hiện quyền được ghi nhận tại Điều khoản chuyển tiếp thứ nhất trong thời gian là ba năm.

Điều khoản thứ tám

(1) Một khi Hiến pháp này có hiệu lực, các Viện đã thông qua Hiến pháp này sẽ có các chức năng và quyền hạn tương ứng cho Hạ viện và Thượng viện đã được ghi trong Hiến pháp với điều kiện là nhiệm kỳ của các viện không được kéo dài quá ngày 15 tháng 6 năm 1981.

(2) Việc ban hành Hiến pháp được xem là đã tạo ra những cơ sở hiến pháp cho việc áp dụng quy định tại Điều 99. Một khoảng thời gian là ba

mươi ngày, tính từ ngày ban hành Hiến pháp, sẽ được thiết lập để thi hành các quy định trong Điều khoản kể trên.

Trong khoảng thời gian này, Thủ tướng đương nhiệm của Chính phủ có các chức năng và quyền hạn được Hiến pháp trao cho, có thể quyết định sử dụng quyền hạn như đã quy định tại Điều 115 hoặc từ chức để mở đường cho việc áp dụng quy định tại Điều 99. Trong trường hợp Thủ tướng từ chức, các vấn đề liên quan đến Thủ tướng sẽ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 101.

(3) Trong trường hợp Nghị viện bị giải tán, theo quy định tại Điều 115, và nếu các điều khoản tại Điều 68 và 69 chưa được ban hành, quy tắc đã có hiệu lực trước đó sẽ được áp dụng cho những cuộc bầu cử tiếp theo, trừ trường hợp có sự không đạt tiêu chuẩn hoặc không tương hợp, khi đó điểm b khoản 1 Điều 70 của Hiến pháp này sẽ được áp dụng trực tiếp cũng như những điều khoản liên quan đến tuổi bầu cử và các quy định tại khoản 3 Điều 69.

Điều khoản thứ chín

Sau ba năm kể từ khi bầu các thành viên của Tòa án Hiến pháp lần đầu tiên, một nhóm gồm bốn thành viên có cùng lý lịch bầu cử sẽ lựa chọn bằng cách bốc thăm. Những người này sẽ nghỉ hưu và được thay thế. Trong phạm vi của mục đích này, việc có cùng lý lịch bầu cử được hiểu là hai thành viên được chỉ định theo sự đề nghị của Chính phủ và hai thành viên theo sự đề nghị của Đại hội đồng về thẩm quyền tư pháp. Sau ba năm tiếp theo, trình tự tương tự được thực hiện với hai nhóm không bị ảnh hưởng bởi việc bốc thăm kể trên. Sau đó, các quy định tại Khoản 3 Điều 159 được áp dụng.

BÃI BỎ

(1) Hiến pháp này bãi bỏ Đạo luật 1/1997, ngày 4 tháng 1 về Tái cơ cấu Chính trị, cũng như các luật sau bởi chúng không bị bãi bỏ bởi đạo luật nói trên: Đạo luật về các Nguyên tắc cơ bản của Hoạt động Quốc gia ngày 17 tháng 5 năm 1958; Điều lệ Nhân dân Tây Ban Nha (Fuero de los Espanoles) ngày 17 tháng 7 năm 1945; Điều lệ Lao động ngày 9 tháng 3 năm 1938; Đạo luật về sự thành lập Nghị viện ngày 17 tháng 7 năm 1942; Đạo luật về sự chuyển giao lãnh đạo nhà nước ngày 26 tháng 7 năm 1947 (tất cả các Đạo luật kể trên như đã được sửa đổi bởi Đạo luật cơ bản về Nhà nước ngày 10 tháng 01 năm 1967). Đạo luật cơ bản về Nhà nước nói trên cũng như Đạo luật cơ bản về trưng cầu dân ý ngày 22 tháng 10 năm 1945 cũng được bãi bỏ.

(2) Trong phạm vi Đạo luật ngày 25 tháng 10 năm 1839 vẫn còn có một số giá trị pháp lý, nó phải được bãi bỏ một cách rõ ràng trong chừng mực mà nó vẫn được áp dụng tại các tỉnh Alava, Guipuzcoa, và Vizcaya.

Tương tự như vậy, Đạo luật ngày 21 tháng 7 năm 1986 cũng phải được bãi bỏ một cách rành mạch.

(3) Bất kỳ điều khoản nào trái với các điều khoản trong Hiến pháp này đều bị bãi bỏ.

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hiến pháp này có hiệu lực vào ngày được công bố tại Công báo (Boletin Official del Estado). Nó cũng sẽ được xuất bản bằng các ngôn ngữ khác của Tây Ban Nha.

DO ĐÓ

Chúng tôi yêu cầu tất cả chủ thể Tây Ban Nha, dù là cá nhân hay tổ chức phải tôn trọng và trung thành với Hiến pháp này, cũng như bảo đảm rằng nó được tuân theo như là một luật cơ bản của Nhà nước.

Nghị viện (palacio de las cortes), ngày 27 tháng 12 năm 1978

JUAN CARLOS

CHỦ TỊCH NGHỊ VIỆN	CHỦ TỊCH HẠ NGHỊ VIỆN	CHỦ TỊCH THƯỢNG NGHỊ VIỆN